

S O N T Ò N G

BÔNG SEN VÀNG



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN

Bông Sen Vàng

Sơn Tùng

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Mục lục](#)

[1.](#)

[2.](#)

[3.](#)

[4.](#)

[5.](#)

[6.](#)

[7.](#)

[8.](#)

TỪNG GIỌT NƯỚC NHỎ THẤM VÀO LÒNG ĐẤT CHẢY VỀ MỘT HƯỚNG MỚI THÀNH SUỐI THÀNH SÔNG. BIẾT BAO NHIÊU GIỌT NƯỚC NHỎ HỢP LẠI MỚI THÀNH BIÊN CẢ. MỘT PHO TƯỢNG HAY MỘT LÂU ĐÀI CŨNG PHẢI CÓ CÁI NỀN ĐẤT VỮNG CHẮC MỚI ĐÚNG VỮNG ĐƯỢC.

NHƯNG NGƯỜI TA DỄ NHÌN THẤY PHO TƯỢNG VÀ LÂU ĐÀI MÀ KHÔNG CHÚ Ý ĐẾN CÁI NỀN. NHƯ THẾ LÀ CHỈ THẤY CÁI NGỌN MÀ QUÊN MẤT CÁI GỐC.

HỒ CHÍ MINH

(Tuyển tập, Tập II, trang 480)

1.

Đã qua giờ Mão sang Thìn. Mặt trời len lỏi mới ra khỏi những vầng mây vẫy rông. Từ góc trời đông, một tia nắng vàng xuyên qua tán cây chè vối đậu vào thau nước để trên sân ngồi lên ánh sắc lung linh chiếu vào tốp học trò nhỏ của thầy Nguyễn Sinh Sắc đang giờ viết tập.

Côn tô nét chữ cuối cùng, đặt bút xuống, ngồi thẳng người, ngực hơi nâng lên phía trước, đầu nghiêng nghiêng ngắm những hàng chữ viết tập mà cha cho mẫu trước lúc vào Quốc Tử Giám dự bình văn. Côn gật gật đầu, tự tin bài viết tập của mình sẽ được nhiều dấu khuyến của cha. Và hình ảnh cha ẩn hiện trong đầu, vắng vắng bên tai tiếng cha dặn học trò lúc đi:

- Dù thầy vắng mặt, các trò vẫn luôn luôn như thầy hiện diện thì mới là người học trò: Đức ngôn thịnh lễ ngôn trung (đức nhiều lễ kính).

Một con mèo cái có dáng và bộ lông báo, bốn chân đi bít tất trắng từ trên bàn thờ nhảy xuống phản, đi rón rén đến bên Côn, cất tiếng gọi: me..o m..eo... Côn xoay người đón bế con mèo, vuốt ve nó. Con mèo nũng nịu dúi dúi cái đầu lông mượt như nhung vào lòng Côn và hai mắt lim dim như vùi được ru để ngủ. Một bạn ngồi gần Côn đang chăm chú viết, dừng bút nhìn triu mến con mèo ngoan ngoãn trong vòng tay ôm ấp của Côn. Nhìn âu yếm nhất, triu mến nhất là hai cặp mắt trong sáng Công Tôn Nữ Huệ Minh và Lê Thị Hạnh ngồi bàn riêng ở gần cửa đi vào buồng Hoàng Thị Loan, thường gọi là bà cử Sắc hay thím cử Sắc.

Nguyễn Sinh Khiêm, mặt thoáng một nét nghiêm, nhắc Côn:

- Côn! em viết xong rồi còn phải giữ yên tĩnh để các bạn khác viết chữ. Em quên lời cha dạy lúc sáng à?

Côn dí ngón tay trở vào con mèo

- Tại con mèo cưng nì, anh ạ.

- Em không nhận lỗi, mà còn đổ cho mèo?

- Em vẫn ngồi yên xem lại bài thì bé mèo đến quấy rầy em đó.

- Em phát cho nó mấy cái đuôi nó đi, lúc khác hãy...

Diệp Văn Kỳ vỗ vỗ vào đầu con mèo, nói nhỏ:

- Phát nhe nhẹ ri, dọa nó thôi. Nó ngoan lắm!

Tôn Thất Tuấn, trạc tuổi với Khiêm, ngồi gần Kỳ, sai tay sang phát mạnh vào lưng con mèo. Bị đánh bất ngờ, con mèo nhảy vọt ra khỏi lòng Côn, chạy vào buồng, đứng trên khung cửa dật nhìn ra lớp học, kêu me...o me...o... Côn nhìn theo con mèo, hai mắt chớp chớp về xót xa. Kỳ chau mày định đâm trả Tuấn một cái lỗi đánh mèo vô cớ. Nhưng Côn đã kéo tay Kỳ lại, giọng Côn hơi dỗi:

- Cậu Tuấn đánh mèo đang ngủ trong tay tôi thì có khác chi người "đánh chó không ngó chúa", đó nha.

Tuấn cười hề hề như chẳng có can có gì đến mình cả. Bốn anh học trò lớp chuẩn bị thi Hương, ngồi bên cửa sổ phía hồi nhà đều quay lại, một anh nói:

- Cậu Tuấn xin lỗi cậu Côn đi.

- Tôi... tôi xin lỗi cậu Côn nghe. Côn cười tươi, nói:

- Cậu Tuấn đánh mèo thì xin lỗi mèo mới phải chứ.

Cả lớp học cười vui vẻ. Kỳ chạy vào buồng định bắt con mèo ra cho Tuấn xin lỗi, nhưng con mèo đã nhảy tót lên xà nhà.

Hồ Quang, người học trò nghèo, vẫn cặm cụi viết.

Cả lớp đã viết xong bài tập. Mỗi người đặt nghiên mực của mình vào bàn đọc thành hàng ngay ngắn, cho bút vào ống, đây nắp chặt để mang theo về với sách học. Đám học trò nhỏ chạy ra ríu rít trên sân. Bốn người học trò lớn xếp bốn bài tập thành chồng trên án thư của thầy. Bước ra khỏi cửa, bốn người giương bốn ô lên, chân đất, quần trắng, áo dài lương, khăn nhiễu, tóc búi đùm, dáng đi đường bệ nho sinh, cử tử.

Huệ Minh và Hạnh bị cảm, cố gắng đi học nhưng không dám về dưới nắng trưa, hai cô ngồi đợi gia nhân đưa xe đến đón. Hai cô giờ đồ thêu ra và ngồi thêu tại bàn học.

Thấy trời nắng to, Khiêm bê củi trong bếp ra sân phơi. Huệ Minh, Hạnh chạy vào bê giúp, nhưng Khiêm ngăn lại:

- Đừng... xin mẹ và cô đừng... cảm ơn. Mẹ và cô đang còn ốm mà. Ngay lúc đó Hồ Quang, Kỳ, Côn - từ ngoài vườn đang đuổi bắt chuồn chuồn - đã chạy vào bê củi ra sân... với Khiêm. Côn trách anh:

- Chẳng gọi em, anh bê củi một mình!

- Có nhiều nhận chi, một mình anh làm cũng được.

- Mỗi người mần một chút vừa vui, vừa lẹ việc chứ!- Cậu Quang trải mớ củi ra giữa sân, nói.

- Cậu Khiêm còn khách khí với tụi tui nghe!- Kỳ nói vui khi xong việc.

Khiêm thanh minh:

- Đâu có rứa. Cậu Kỳ nghĩ "oan" cho tôi rồi. Tuấn đi ra ngõ đứng nói chuyện với một nho sinh, học lớp ôn thi Hương.

Không kể gì nắng gắt, Côn và Kỳ lại lúi húi theo bắt hai con chuồn chuồn bên dọc hàng dâm bụt.

Côn nhón chân, cúi sát bên bụi cây đi lò dò, tay sải ra đằng trước chìa hai ngón tay bắt được con chuồn chuồn sứ.

Kỳ không cúi được thấp, bước nặng chân, con chuồn chuồn thấy động bay lên lại sà xuống đậu. Côn nhắc khẽ Kỳ:

- Cúi thấp nữa... thấp xuống nữa... nhón bàn chân lên, đi bằng ngón chân thôi...

Đi được vài bước, không chịu được mỗi, Kỳ thẳng người lên. Con chuồn chuồn vội bay vụt lên sang bên kia vườn. Hai cặp mắt ngây thơ nhìn theo con chuồn chuồn lấp lánh ánh biếc dưới nắng trưa mênh mang.

Kỳ thở dài:

- Tiếc quá. Con chuồn chuồn voi đẹp chưa từng thấy.

- Tại cậu, bắt chuồn chuồn mà đi ào ào như đuổi chuột, bắt sao được?

- Cậu Côn dẻo người. Cúi xuống lâu mấy cũng được, đi nhẹ như mèo. Có lẽ cậu cầm tinh con mèo.

Côn cười, hai ngón tay cầm đuôi con chuồn chuồn bàn tay kia chìa ra cho nó đậu lên. Con chuồn chuồn vẫy vẫy cánh, sắc biếc ánh lên lấp lánh.

- Đẹp tuyệt - Kỳ tấm tắc khen.

- Mắt nó giống như mắt con phụng khảm xà cừ ở cánh tử nhà cậu Tuấn hề.

- Đúng rồi - Kỳ tán thưởng nhận xét của Côn - hai cái cánh nó rất giống đai mũ của các quan trong triều thường đội, các cậu nhẽ.

- Vì rứa mới gọi là mũ cánh chuồn... hề... hề...

Kỳ cười khoái trá. Côn gật gật đầu cùng cười vui. Kỳ còn nhận xét thêm:

- Cái đuôi nó giống cái xiên nhuộm phẩm để vua xiên mứt, kẹo...

Côn vẻ ngạc nhiên:

- Vua mà cũng ăn kẹo, ăn mứt như trẻ con chúng mình à?

Kỳ hơi sững lại, nhắc khẽ Côn:

- Nói "vua ăn" sẽ bị quở đó, cậu Côn ạ.

- Không được gọi "ăn" thì gọi là "vua chén" à?

- Ấy... ấy đừng nói rứa – Kỳ hơi cuống - Các quan thị vệ và bọn lính hộ thành nghe được thì nguy to...

- Không gọi "ăn", không gọi "chén" thì gọi bằng tiếng chi?

- Phải nói là "vua ngự thiện".

- Ngồi ăn mà lại... gọi là ngự... thiện? Tối nghĩa lắm - Côn day giọng.

- Vua khác người thường mà cậu - Kỳ bào chữa.

Hai cậu học trò mãi mê ngắm ánh sắc con chuồn chuồn và bàn cãi về việc gọi "vua ăn", "vua ngồi" không đề ý kỹ, giờ Côn mới nhận ra cánh con chuồn chuồn bị rách.

- Thả ra coi nó còn bay được nữa không? - Kỳ nói.

Côn xòe rộng bàn tay, con chuồn chuồn đậu trong bàn tay Côn vẫy vẫy cánh, đuôi nhúc nhúc nhích. Nó nhắc mình bay lên là là rồi đậu xuống một cành cây thấp phía xa, Côn, Kỳ chạy theo con chuồn chuồn. Côn đưa tay ra... nhưng con chuồn chuồn đã bay lên một cành cây cao hơn. Côn phải né nghiêng tránh bóng mình khỏi vương vào mắt con chuồn chuồn rồi nín thở vươn tay ra tóm lấy đuôi, chú chuồn chuồn rướn bay lên không nổi nữa đành phải uốn cong bám chặt lấy tay Côn, cánh vẫy vẫy... Côn cười vui với bạn:

- Nó bay còn khỏe lắm. Để lát nữa tôi đưa cho bé Xئن. Tội nghiệp, bị bại liệt, bé chỉ xئن quanh trong nhà!

- Ủ. Phải rồi - Kỳ hồ hởi nói - được con chuồn chuồn ni, bé Xئن sẽ vui gấp mấy lần...

Côn nhìn xuống sân xem bóng nắng:

- Sắp hết giờ Ty. Chúng mình đến bé Xئن trở về vẫn còn kịp giờ gia nhân đến đón cậu.

- Được thôi. Đi nào!

- Khoan, anh Kỳ vô xin mẹ Huệ Minh, hay cô Hạnh sợi chỉ màu cột đuôi nó thì bé Xئن mới giữ được nó chứ.

- Ừ. Cậu Côn sáng ý đó - Kỳ nói.

Giữa lúc hai cái đầu chụm lại, cột đuôi con chuồn chuồn sứ thì Tuấn từ ngoài ngõ vào, xòe tay chop lấy. Vì quá mạnh tay, con chuồn chuồn bị đứt đuôi, rách nhàu hai cánh.

Côn thông hai tay xuống nhìn Tuấn:

- Anh... Tuấn... - Côn không gọi tiếng cậu một cách bình thường nữa.

Kỳ tím mặt lại.

Thấy không ai nói một lời nào khác, Tuấn biết lỗi, đứng ngây người nhìn các bạn, lúng túng:

- Con chuồn chuồn chứ mô phải báu vật chi mà các cậu tiếc hung dữ rứa?

- Từ giờ bọn tôi nỏ chơi với cậu Tuấn nữa. Côn nói dần từng lời. Kỳ thì gay gắt hơn:

- Tôi sẽ thừa thầy và thừa với hai bác ở nhà. Anh Tuấn đừng trách tôi đó.

Tiếng nhạc ngựa ngoài xa nghe rõ dần. Huệ Minh và Hạnh ở trong lớp chạy ra:

Để gỡ bí cho bạn, Quang gọi:

- Các bác ời, đánh xe vô đây. Tuấn ngăn lại:

- Ấy chết! phải giữ lễ chứ anh Quang. Học trò không được đưa xe, đưa cáng vô tận ngõ thầy học của mình. Nói xong Tuấn lảng đi. Huệ Minh, Hạnh, Kỳ, riu rít chào đi ra xe. Nhưng không thấy Tuấn đâu cả. Kỳ chạy vào nhà chỉ có Khiêm và Quang trong đó. Kỳ lại chạy trở ra xe. Hai cô đã lên xe song mã đỗ ở trước lối đi ra đường Đông Ba. Kỳ còn chạy kiểm một vài nơi quanh mà vẫn không thấy Tuấn. Kỳ đành lên xe về một mình. Hai chiếc xe từ từ lăn bánh theo nhịp đi của ngựa. Những con mắt trẻ thơ trên hai cỗ xe ngựa ngoái lại nhìn Côn lưu luyến!

Côn đi trở vào tay vẫn còn cầm con chuồn chuồn sứ cụt đuôi. Nhìn nó một lúc nữa rồi Côn để nó đậu lên một cành cây râm mát, khuất vào phía trong vườn. Thấy Tuấn từ ngoài đường cái chạy vào, mướt mồ hôi, Côn đon đả hỏi:

- Cậu Kỳ đi tìm khắp, chẳng thấy cậu đâu. Cả hai xe về mất rồi.

Tuấn hơi ngượng ngập:

- Gặp xe tiện thì đi, không thì tôi đi bộ vui chân hơn, cậu ạ. Tuấn đứng sát bên Côn, giọng thăm thì:

- Cậu đừng giận tôi nghe. Tôi biết sai rồi. Cậu cũng đừng thừa với thầy...

Côn tươi cười:

- Giận dỗi nhau tí chút, xong thôi. Ai lại thừa thầy việc vặt ấy.

Tuấn làm lành thật tình. Tuấn cầm cái gói bọc giấy vẽ ngường ngường, nài nỉ:

- Cậu cầm dùm... của nhà làm, ngon lắm.

- Cái gói chi? Tôi chẳng cầm đâu.

- Kẹo đó mà. O tôi ở đảng Anh Danh chuyên làm bánh kẹo cho trong Nội.

- Không, cảm ơn cậu. Tôi không dám nhận đâu.

- Cậu Côn vẫn chưa thứ cho tôi à?

- Ấy! cậu còn nghĩ tôi hẹp bụng vậy à?

- Răng nỏ nhận kẹo? Đây. Tôi có hai gói. O tôi cho tôi một gói, một gói gửi biếu cậu và cậu Khiêm mà.

- Tôi hiểu lòng thảo của cậu lắm. Nhưng từ trước tới giờ mẹ tôi không cho anh em tôi nhận bất cứ món quà nào dầu nhiều dầu ít của ai khi chưa được cha mẹ cho phép.

- Đây chỉ là gói kẹo, mô phải quà cáp chi, cậu? Côn nể bạn, nói:

- Cậu mở ra coi đã.

Tuấn mở gói, những chiếc kẹo nhuộm ngũ sắc rất đẹp mắt.

Côn nhón tay cầm hai chiếc:

- Để cậu khỏi áy náy trong lòng, tôi xin hai cái, tôi một cái, phần anh Khiêm một cái - Côn pha trò thêm - Rứa là ... là vui vẻ cả nghe!

Tuấn nài Côn cầm thêm kẹo nữa. Côn xua tay, lắc đầu chạy vào nhà.

Khiêm từ trong bếp bước ra, tay cầm cái chổi quét, trách yêu em:

- Côn giỏi ghê hề. Mẹ đi chợ, mẹ dặn anh, dặn em ở nhà làm chi, em nhớ không?

- Mẹ dặn học xong anh chẻ củi, nấu cơm, em quét nhà, quét sân rồi đi khiêng nước giếng thơi về đổ đây vại.

- Những việc ấy chưa làm xong em đã bỏ đi chơi?

- Em chưa làm, giờ em làm, mà anh!

Côn chạy đến với anh trai, đưa cho anh chiếc kẹo.

- Kẹo ai cho?

- Cậu Tuấn đó, anh ạ. Cậu ấy biếu cả gói em không dám nhận, em chỉ nhận đủ phần anh một cái, em một cái, để cậu ấy vui lòng.

- Em biết xử sự rồi đó.

- Em đã biết "xử thế", nói theo lời cha thường dặn, chứ anh! Hai anh em cười vui vẻ. Bỗng nghe tiếng chẻ củi đằng sau nhà bếp, Côn chưa kịp hỏi anh thì Khiêm nói:

- Quang đang chẻ hộ anh em mình.

- Anh và em chia nhau một cái, còn cái kẹo này đưa phần Quang, anh ạ.

Côn cầm chiếc kẹo chạy ra sau nhà đưa cho Hồ Quang, người học trò mà cha mẹ không có đất cắm dùi, sống lênh đênh trong chiếc thuyền te trên các dòng sông.

Mặt trời chênh chếch hàng cây bên mái hiên tây. Gió hiu hiu thổi. Hương sen thoang thoảng mơ hồ!

Côn ra cửa Đông Ba đón mẹ chợ về. Côn ngạc nhiên gần như ngơ ngác nhìn những mâm cỗ đặt cúng dọc hai bên đường; ở các ngã tư, ngã ba đường cỗ cúng lại càng nhiều. Rất nhiều mâm bông, nôi cháo hoa, đĩa muối, đĩa gạo, có cả vàng giấy, vàng vó la liệt... Ai đi qua mâm cỗ cũng ghé nón, cúi đầu tưởng vọng. Thỉnh thoảng có cán, xe ngựa, xe song loan của các ông hoàng, bà chúa, các quan Nam, quan Tây đều phải xuống đi chân qua nơi đang nghi ngút khói hương.

Dưới các bóng cây hai bên đường, những tốp người quần áo rách mướp, gầy gò, lem luốc đứng lố nhố, tay cầm rá rách, nôi đất, mắt chau hấu nhìn vào cỗ cúng chờ đợi hương tàn để được cướp cỗ!... Côn chưa gặp được một người quen nào để hỏi về cái tích gì mà có lệ cúng này. Từ ngày theo cha mẹ vào kinh đô ở, hơn mười tháng, Côn chưa hề gặp cảnh cúng đường cúng sá lần nào. Côn tha thân ngoài cửa Đông Ba. Không biết đích xác mẹ đi chợ nào. Côn chỉ nghe mẹ nói với cha: "Hôm nay ngày lễ, quanh đây không có chợ phiên chính, phiên xép ít người bán sơi. Tôi phải đi chợ xa mua sơi, mấy ngày nghỉ dẹt rồi...". Mắt Côn luôn luôn hướng về phía cầu Gia Hội. Chưa thấy mẹ về nhưng Côn mừng reo lên khi nhìn thấy anh phó Tràng, một người hàng xóm sống độc thân tốt bụng:

- Ô chú! Ô chú! chú đã về!

- Cậu Côn! Cậu đi mô rứa?

- Cháu đi đón mẹ cháu, bữa ni chú về sớm! không có việc hả chú?

Anh phó Tràng kéo Côn sát vào người mình, dần từng tiếng nặng chịch:

- "Mồng năm, mười bốn, hăm ba.- Đi chơi còn thiệt nữa là đi buôn". Cậu đã nghe ai nói về ba cái ngày phai kiêng trong một tháng ấy không?

- Thưa, cháu chưa nghe ai nói chú ạ.

- Các cụ truyền khẩu về tục lệ kiêng cử, cậu ăm ă. Có ông Trời không? Có Phật không? Có Chúa không? Có Thánh không? Có Thần không?... Chưa biết, nhưng cứ... cứ hay tin cái đã, cậu ạ. Phải tin có sự trừng phạt thiêng liêng thì con người càng thêm điều thiện, giảm điều ác, cậu ạ. Bữa ni là ngày hai mươi ba tháng năm, tui đi mần thuê, nỏ có ai thuê. Đi không lại về không. Đó, cậu coi, tay thợ của tui mà bữa ni đi mần thuê nỏ đất!.

- Chú ơi, cháu thưa với chú một việc nhé.

- Ờ... ờ. Cậu cứ việc bảo ban tui, nỏ phải thưa gửi mần chi với anh phó mộc ni, cậu ơi!

- Cháu nói thật tình mà. Cháu xin chú đừng gọi cháu bằng cậu, xưng tôi với cháu. Chú gọi bằng cháu xưng chú với cháu, với anh Khiêm của cháu nữa.

- Tr...ờ...i...đất...ơi. Cậu còn bé thơ, con một ông cử nhân, một ông thầy học nổi tiếng mà cậu đối xử, ăn ở bình dân với mọi người hàng xóm, láng giềng.

Anh phó Tràng ngập ngừng giây lát:

- Cậu có lòng đại nhân quân tử với tui, sượng cái bụng tui lắm. Tui sông cô đơn, thèm người hiền. Tui thèm người hiền, chứ ngợm thì có thiếu chi ở cái đời ni. Nhưng, để tui xin phép ông cử, bà cử cho danh chính ngôn thuận thì cách xưng chú cháu với nhau mới đặng, cậu ạ.

- Khởi phải nói với cha mẹ cháu, chú ạ. Cha mẹ cháu thường nói chú là chỗ thân tình nhất của nhà cháu ở đây. Cha mẹ cháu không muốn chú gọi chúng cháu bằng cậu, không muốn gọi cha mẹ cháu là ông bà.

- Rứa à... cháu! - anh phó Tràng bật ra tiếng "cháu" một cách hồn nhiên mà giọng nói vẫn còn rung ngân ngai ngại!

- Đó! Chú gọi "cháu" nghe sướng hơn. Chú gọi "cậu" cháu phải nghe thôi chứ chẳng thích đâu, chú ạ.

- Rồi. Việc nớ rứa là xong, nghe cháu. Chừ chú hỏi cháu đi ra đây có việc chi?

- Cháu đi đón mẹ cháu chợ về, chú ạ.

- Đi về cháu. Mẹ cháu đi chợ Mai mà.

- Ban sáng mẹ cháu biểu đi chợ chi... cháu, cháu nghe thoáng, quên mất, chỉ nhớ là có đi qua Gia Hội, chú ạ.

- Chú gặp mẹ cháu lúc mới sớm, đi lên cửa Thượng Tứ nói đi chợ Mai. Cháu không tin chú à?

- Cháu... tin lắm...

Thấy Côn buồn buồn, anh phó Tràng an ủi:

- Chừ thì có khi mẹ cháu đã về ở nhà rồi, cháu ạ. Ta về cháu. À! Cháu vô quán ăn với chú một miếng chi, ầm bụng đã.

Côn chớp chớp mắt nhìn anh phó Tràng:

- Chú đi cả ngày không có việc làm, lấy tiền đâu chú cháu ăn quà, hả chú?

- Đã đến nỗi chi mà lo cho nhọc cái bụng hả cháu? Lẽ mô chú mất việc một ngày mà đã cạn tiền lưng, gạo bị? Chú mời cháu đi ăn là đã dòm ngó vô cái bị dự trữ của mình rồi.

Côn ngập ngừng, đầu hơi cúi xuống nhìn bàn chân anh phó Tràng to gần như cái bẹ cau, bước chắc nịch. Côn níu chặt tay anh phó Tràng:

- Chú ơi!

- Cháu lại muốn thay đổi việc chú mời cháu ăn cơm hàng?

- Cháu mời chú cùng đi về nhà cháu ăn cơm với cha mẹ cháu, với anh em cháu. Lúc cháu ra đón mẹ cháu, anh Khiêm cháu đang dọn cơm đợi cha mẹ về cùng ăn cho vui, chú ạ.

- Hề hề... - anh phó Tràng cười to, nói oang oang giữa đường cái - Cháu thảo ăn, tốt bụng lắm. Con nòi của giống, ông cha nói nỏ có sai. Cha cháu nổi tiếng người nhân cách, người hiền, giàu chữ, trọng nhân nghĩa với cái biệt danh mộc mạc: "Ông cử Nghê". Mẹ cháu một thực nữ đã ba con mà ra đường nỏ ai coi là nạ dòng. Bà thảo hiền, thương người như thể thương thân. Có một miếng ăn ngon, bà cũng bót ra chia sớt với bà con xóm giềng. Ai đứt bữa, ai tối lửa tắt đèn, ba chìa tay giúp đỡ trong tình lá lành đùm lá rách. - Anh vuốt tóc của Côn sắp búi được đùm củ hành. Giọng anh càng tha thiết - Các cháu về sau sẽ được hưởng phước lộc của mẹ, của cha. Mẹ cháu chữ còn nhiều hơn một số bà phi trong Nội. Chú vô Nội chữa cung điện, chữa cả giường, cả ghế của các bà phi, chú được ngửi hương trầm mà cũng bị sặc mùi xú ối ở trong, cháu ạ... Anh phó Tràng nói một thôi dài nối theo một tiếng thở nảo nuột. Anh hạ giọng:

- Chú nghe lời cháu về nhà cháu cùng ăn cơm. Cái vui của gia đình chắc làm âm đời chú một phần. Nhưng...

- Sao lại nhưng nữa, hả chú?

- Nhưng chú phải ghé tiệm mua một món chi cho thêm tươi tươi bữa cơm gia đình, cháu ạ.

- Không. Cháu không để chú mua một món chi khác nữa đâu. Ở nhà cháu còn có cá kho, mắm chua, lại còn nồi cá tươi nấu lát nữa.

Côn hỏi dồn luôn:

- Chú ơi!

- Có chuyện chi hỏi chú nữa?

- Sao lại có cái tục lệ đem mâm cỗ ra đường cúng, hờ chú?

Anh phó Tràng nhìn sang hai bên đường trầm ngâm, bước chậm lại. Giọng nói của anh trầm hẳn xuống:

- Bữa ni... ngày... hăm...ba... tháng... năm... Ngày Quốc hận, cháu... ơi! - Anh cầm gọn bàn tay Côn nhỏ xíu mềm như chiếc lá non - Cả Kinh thành quyện mùi hương khói!

2.

Tiếng súng Thành chao đưa, màn đêm buông gấp gấp.

Cửa Thanh khép kín.

Thành Nội, tấm áo giáp của Đại Nội chìm vào đêm tối.

Khiêm đang lom khom trên phản làm ngựa cho Côn cưỡi, nghe tiếng súng Thành, hai anh em ngừng cuộc chơi. Khiêm nói:

- Học thuộc bài sớm để rồi xin cha kể cho nghe tích ngày Quốc hận, em ạ.

Côn giao hẹn:

- Anh hoặc em học thuộc bài trước, ta cùng đợi nhau nghe cha kể, anh nhé.

- Anh chưa lần nào học thuộc bài trước em cả.

- Thì em đợi anh. Khuya mấy em cũng đợi mà.

- Đợi anh hay em ngủ lăn ra giường, đánh thức mỗi cả miệng.

- Em hẹn với anh nhé, hễ thấy em ngủ say gọi không dậy, anh cứ véo đau vô đùi em, em tỉnh ngay anh ạ.

- Ê,...ơi! Vé...o thật đau vô đùi em! Nghe em dặn ngon ơ. Nhưng anh con nhớ dạo nọ em học xong, lăn ra ngủ, chưa xếp sách lên kệ, chưa rửa mặt, rửa tay chân. Mẹ không cho anh làm thay, bắt gọi em dậy làm xong phần việc mới được ngủ. Anh lay mãi em vẫn không dậy, ừ ừ mấy tiếng rồi lại ngủ khì. Anh cù vô nách em, cù nhẹ thôi. Vậy mà em cáu lại anh, tuôn ra một tràng chữ trách anh: "Đệ niên thượng trĩ. Đệ hữu bất tri giả, huynh tất tường vị. Giáo đệ, huynh khởi vong chi hồ?" (Tuổi em còn nhỏ, có điều gì chưa biết, anh dạy em, sao anh lại quên điều ấy?). Anh liền bị cha quở trách về tội không khuyên bảo em, lại trêu chọc em.

- Lần ấy em thưa lại ngay với cha, lỗi ở em và em đã xin lỗi anh cơ mà.

Dọn dẹp xong việc bếp núc, chị cử Sắc ngồi vào khung cửi dệt. Tay chị đưa thoi thoăn thoắt. Chị nhắc hai con:

- Cha các con sắp về đó. Các con học bài đi. Chuyện chi mà ồn lên rứa?

- Chúng con đang ôn bài, mẹ ạ - Côn nháy mắt với anh.

- Mẹ đã vào khung dệt rồi. Anh em mình học bài thôi.

Hai anh em học chung một đèn. Côn lấy que tăm khơi hai bắc thành hai ngọn đèn trong đĩa dầu lạc. Khiêm hai tay bưng cầm tựa lên bàn, học nhắm từng chữ. Côn thì viết ra giấy nháp, xướng lên nho nhỏ để nghe từng chữ: Ái quốc, nghĩa là yêu nước. Quốc dĩ dân lập, nghĩa là, nước do dân lập nên. Dân dĩ quốc tồn, nghĩa là dân còn thì nước còn. Vô dân tắc quốc hà do thành, nghĩa là không có dân sao thành nước được? Vô quốc tắc dân hà sở tỵ nghĩa là, không có nước thì dân lấy đâu ra sự che chở? Cổ quốc dân tất ái quốc, nghĩa là, dân trong một nước thì phải yêu nước...

Anh cử Sắc vào Quốc sử quán thăm một người bạn là ông Phó bảng Cao Xuân Tiếu và mượn ít sách. Anh đi từ sau bữa cơm chiều. Lúc về đến đầu sân, anh nhìn vào nhà, lòng bồi hồi, bởi lâu nay

anh chăm việc sách đèn, lo việc thi cử và dạy học cho con mình, cho con em bạn bè nhờ, ít khi lưu ý về cuộc sống gia đình. Anh quá yên tâm vì đã có Hoàng Thị Loan, người vợ hiền đảm đang, gánh vác mọi việc lớn, việc nhỏ trong gia đình. Tôi nay, đứng ngoài sân, anh nhận rõ niềm vui hạnh phúc của gia đình mình mà tưởng chừng chuyện trong sách, mẹ dặt cửu trâu canh, con đèn sách chuyên cần.

Anh bước vào nhà, giọng âm áp:

- Mình nghỉ tay một tý chứ? Làm quần quật cả ngày, tận khuya vẫn không rời con thôi.
- Nhà về muộn rứa... Tôi cố dặt cho xong tám đũa, bà hàng tám bên Dinh hẹn lấy cho phiên chợ này.

Khiêm, Côn thấy cha về, xếp sách, đặt vào kệ gọn gàng. Khiêm nháy nháy mắt với em:

- Em nhắc lại với cha, xin cha kể chuyện ngày Quốc hận, nhé.
- Anh thưa với cha hơn, chứ anh.
- Em...

Thấy cha vào, Khiêm thôi không nói với em nữa. Cả hai anh em riu rít chào hỏi cha. Anh Sắc ân cần:

- Các con đã học thuộc bài chưa?
- Dạ... đã, chúng con... chúng con thuộc cả rồi ạ.
- Khiêm thuộc đọc thật lâu chứ?
- Thưa cha, bài ni con thuộc kỹ hơn mọi bài trước đây ạ.
- Vậy thì con tấn tới lên rồi. Là anh con phải cố gắng học giỏi, làm gương sáng cho em.
- Thưa cha, em Côn sáng dạ. Bà ngoại, mẹ đều như: Bé Côn có cái bụng sáng hơn đèn. Con khó học kịp em Côn, cha ạ.

Anh Sắc cười hiền từ:

- Con tự xếp mình đứng đằng sau em về đường đèn sách à?
- ...
- Về miếng ăn, anh nhường em, em nhường anh. Đó là đức tính đáng quý. Nhưng việc học phải cùng nhau đua tranh, cùng nhau tấn tới. Bẩm sinh thông minh, sáng láng mới chỉ là cái mầm, chưa phải cây ra hoa, kết trái. Cha đã từng nói với các con: Ngọc bất trác bất thành khí (ngọc không mài dũa không thành của quý). Phải lập chí từ lúc tập cầm bút, tập cầm cày, tập cầm cưa, cầm đục, các con ạ.

Anh cử Sắc không gọi Khiêm đọc bài mà gọi Côn:

- Côn đọc bài: Ái quốc.

Côn đứng gần án thư cha, hai tay vòng trước ngực, mắt nhìn vào ngọn đèn trên bàn, Côn đọc một mạch rành rọt từ câu mở đầu: "Quốc dĩ dân lập"... cho đến câu chót của bài học thuộc lòng.

Anh hỏi kiểm tra ngay:

- Con giải nghĩa câu: "Quốc giả, tái dân chi châu dã" đến "kỳ quốc tiểu hữu năng hãnh tồn giả".

Côn thâm lưỡi qua môi, giảng giải:

- Tổ quốc là con thuyền, dân ở trên con thuyền ấy. Điều lợi, điều hại của Tổ quốc chính là niềm vui, nỗi lo của dân. Nếu như người nào cũng nghĩ đến lợi riêng mình, không lấy việc nước làm trọng, hoặc còn ra sức phá hoại thì còn gì là nước, là dân!

- Con về chỗ.

Anh cử Sắc lại kiểm tra Khiêm.

- Khiêm giải nghĩa câu: Phản Tổ Quốc, do châu nhân tự huyết kỳ châu dã.

Khiêm nhìn lên mái nhà, nói:

- Kẻ phản bội Tổ Quốc khác chi người trong con thuyền lại tự đục thủng thuyền.

- Con về chỗ

Phút yên lặng. Tiếng cười dột của chị cử Sắc từ trong buồng vọng ra đều đều.

Anh Sắc nhìn hai con đầy tin tưởng:

- Các con ra đời vào thời buổi đất nước nhiều nhương của thế kỷ này. Nhưng các con là người gánh trọng trách của thế kỷ sau. Chỉ còn ít năm nữa là sang thế kỷ hai mươi rồi. Cha mẹ sẽ gắng hết sức lo cho các con học. Có học mới hiểu biết, có hiểu biết mới có vốn để làm nên...

Anh đứng dậy, cho phép hai con:

- Hai anh em đi rửa mặt, rửa tay chân. Bài học tối nay cả hai anh em đều đang khen.

Côn nhắc luôn với cha:

- Thừa cha, lúc chiều cha dặn học bài tốt thì cha sẽ kể cho nghe chuyện ngày Quốc hận, ạ.

- Cha vẫn nhớ.

*

Chị cử Sắc khe khẽ đặt mình xuống giường. Bóng trắng nghiêng như giải lụa vàng giăng ngang cửa sổ. Qua ánh trăng trong, chị nhìn lơ mờ những cành cây nhún nhảy, bóng vờn trên sân vắng lặng. Sự vắng lặng đêm hè chồn kinh đô đã khơi gợi niềm nhớ quê... Hình ảnh người mẹ già, cụ Hoàng Xuân Đường, hình ảnh của con gái đầu lòng Nguyễn Thị Thanh, cô em gái Hoàng Thị An cứ lớn vờn trước vùng trán chị, rồi xa dần, lẫn vào tiếng chồng đang kể chuyện cho hai con ở gian bên mà lại nhập vào tâm trí chị:

-... Tự Đức, một ông vua thuộc hàng nhiều chữ nhất của triều Nguyễn. Nhưng ông đã tự thú trong văn bia của ông ở Khiêm Lăng về tội đề mất nước, các con ạ. Chính ông, dưới thời ông trị vì mà những ba lần làm văn bản bán nước. Lần đầu ký văn bản cắt ba tỉnh miền đông Nam Kỳ cho Tây dương vào năm Nhâm Tuất (1862). Năm Giáp Tuất (1874) lại làm giấy bán toàn bộ Nam Kỳ. Năm Quý Mùi (1883) làm giấy bán cả nước ta cho người Tây dương, năm ấy đức vua băng hà (chết). Năm Giáp Thân (1884) triều đình làm giấy bán tiếp, bán đoạn nước ta cho Tây dương gọi là hiệp ước Giáp Thân.

- Mẹ sinh chị Thanh năm đó, cha nhớ? - Côn hỏi.

Khiêm rầy em:

- Cha đang nói chuyện hệ trọng, em lại đá gà cái chuyện mẹ sinh, nỏ ăn nhập chi hết cả.

- Ở kia, anh tưởng chỉ có việc vua Tự Đức chết là hệ trọng, còn việc mẹ ta sinh con không hệ trọng à?

- Em nói việc mẹ ta sinh thì hệ trọng cái nỗi chi nào?

Anh cử Sắc lặng thinh cho hai con tranh cãi để biết khiêu lập ngôn của con. Chị cử Sắc nằm trong giường thì bầm bụng cười thầm. Côn nằm cạnh cha, nín lấy cánh tay cha, hỏi gặng:

- Anh Khiêm biểu việc mẹ sinh không có chi là hệ trọng, vua chết mới là việc hệ trọng. Riêng con thì vua chết là hết phận sự, chỉ còn lại tai tiếng hay danh thơm. Còn mẹ sinh ra các con để có thêm người, lớn lên lo việc nước, hay đi dạy học cho nhiều người biết chữ, hay cày ruộng có thêm nhiều thóc gạo, ai cũng được ăn no. Con nghĩ vậy, có phải không thưa cha?

Anh cử Sắc chưa trả lời cho Côn mà hỏi Khiêm:

- Em nó giải bày lý lẽ vậy, con là anh, thấy sao?

- Dạ... dạ... thưa cha, em con nói rõ ra thì nghe cũng ... cũng phải, cha ạ. Nhưng mà...

- Nhưng mà, gì nữa - Anh cử Sắc hỏi Khiêm.

- Nhưng mà em Côn nó khôn lắm. Nó nói cách chi nghe đều xuôi cả.

- Anh Khiêm khen em như rứa, em buồn lắm. Em có khi nào nói việc ngược thành xuôi, xuôi thành ngược đâu?

- Em Côn của con dầu có khôn đến mấy, vẫn là em của con. Con là anh, nói với em, phải nói lời chính ngôn, con ạ.

- Dạ, con đã rõ, thưa cha. Côn sốt ruột:

- Cha ơi, cha kể tiếp nước ta sau khi bị người Tây dương đô hộ, vua Tự Đức chết, rồi sao nữa, cha?

- Khuya rồi con ạ. Các con sang giường ngủ. Hôm sau cha lại kể cho các con nghe.

*

Cơn mưa mùa hạ vừa dứt, trời lại đầy sao. Trăng cuối tháng chưa mọc. Khiêm, Côn chép xong bài sớm. Chị cử Sắc vẫn một mình một đèn ngồi trong buồng mắc sợi vào go, chuẩn bị dệt tấm vải mới. Anh cử Sắc xếp sách lại, rời khỏi án thư bước tới phản, nơi hai con đang ngồi đợi nghe cha kể tiếp chuyện ngày Quốc hận.

- Côn lấy cho cha cái gối xếp để cha tựa! Côn sang giường cha bê đến bộ gối xếp ba tầng, Khiêm biết tính cha, lúc nói chuyện với bạn, lúc kể chuyện cho con nghe, lúc ngồi viết sách, thơ, phú thường có chén rượu nhấp một tí thấm giọng. Khiêm lặng lẽ đến bàn thờ lấy nậm rượu, một chén bạch định, rót đầy rượu, đặt bên cạnh cha.

- Các con ngồi vào. Côn nựng cha:

- Con được nằm nghe chuyện thì nhớ hơn là ngồi, cha ạ.

- Ừ, thì con nằm bên cha đây.

- Con nằm bên cha mà được gối đầu lên đùi cha thì nghe chuyện càng thích thú, chóng thuộc chuyện...

- Về chuyện - Khiêm giễu em - Đầu em nặng làm mỏi đùi cha. Ích chi việc gối đùi?

- Cũng được, em nó thích vậy, cha chiều. Côn nằm gối đầu lên đùi cha. Khiêm ngồi tựa lưng vào vách. Hai anh em mắt đầy mơ màng lắng cả tâm hồn ngây thơ vào dòng suối chuyện của cha:

- Vua Tự Đức không có con, ngài chọn một số cháu làm con nuôi, như Ưng Chân, Ưng Đăng, Ưng Kỷ. Trước ngày đức vua băng hà, tức ngày 14 tháng 6 năm Quý Mùi (1883) đức vua triệu các đại thần viện Cơ mật là Tôn Thất Thuyết, Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường vào châu. Tự Đức ký và trao Di chiếu truyền ngôi cho Ưng Chân, người con nuôi mà Tự Đức yêu mến nhất. Ưng Chân vốn là con thứ hai của Hồng Y. Ông Hồng Y là em trai thứ tư của Tự Đức, được Tự Đức phong làm Kiến Thụy công. Trước đó, năm Kỷ Tỵ (1869) vua công bố đạo dụ chọn Ưng Chân làm hoàng tử kế vị và phong làm Thụy quốc công Dục Đức. Năm ấy, Dục Đức tròn mười tám tuổi. Dục Đức là phụ hoàng của Đức vua Thành Thái ngày nay đó, các con ạ.

- Sao không gọi là Thái Thượng hoàng, thừa cha? - Khiêm hỏi.

- Vua cha truyền ngôi cho con thì lên chức Thái Thượng hoàng. Ông vua nào không được truyền ngôi cho con lúc còn sống thì gọi là phụ hoàng, nghĩa là cha của vua. Tiếc thay vua Dục Đức ở ngôi chỉ có ba ngày, đây là ông vua ngắn đời nhất của lịch sử nước ta. Bởi lẽ, vua Tự Đức biết một số tính tình không hay của thái tử Dục Đức, và ghi rõ vào di chiếu truyền ngôi để Dục Đức biết mà sửa, các quan trọng thần biết mà giúp vua ngăn ngừa. Nhưng, Dục Đức e ngại đoạn văn đó trong Di chiếu, ông mật bàn với các phụ chánh đại thần Tôn Thất Thuyết, Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường sẽ không đọc đoạn văn nói lên nhược điểm của mình trước triều đình trong lễ đăng quang. Bề ngoài các phụ chánh đều ưng thuận, bên trong lập mưu hạ bệ Dục Đức bằng cái cớ này để đưa em trai Tự Đức là Hồng Dật lên ngôi. Quả nhiên lúc vua Dục Đức cho đọc di chiếu của vua Tự Đức đã không cho đọc đoạn văn nhận xét một số tính tình không hay về ông. Phụ chánh đại thần Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường... đứng lên phát giác. Phụ chánh đại thần Tôn Thất Thuyết hạ lệnh bắt ngay vua Dục Đức đưa đi giam tạm ở viện Thái y, sau chuyển sang ngục Thừa Thiên và ông bị chết đói trong nhà ngục ngày mùng 6 tháng 9 năm Giáp Thân (24/10/1884). Vợ con ông cũng đều bị bắt giam. Ngay tại lễ thiết triều, quan Ngự sử Phan Đình Phùng đứng lên phản đối việc bắt vua Dục Đức hạ ngục. Ông cho rằng: Vua Dục Đức dẫu triều đình về những điều viết xấu về mình trong Di chiếu chưa đáng tội phải hạ ngục. Vua có làm điều gì sai thì giúp vua sửa mình. Việc bé chớ xé thành to mà gây ra thù oán, hiểm họa. Vận nước đang nghiêng ngả, giặc Tây dương đã nuốt gần hết giang sơn, kinh đô đang bị giặc uy hiếp mà trong triều, vua tôi không thuận thì khác nào tự mở cửa Thành mời giặc vô ngự trị! Các con ơi! tiếng nói của quan Ngự sử là tiếng nói can gián đừng làm điều có hại đến việc lớn mà ông cũng bị bắt ngay buổi thiết triều.

Ba cha con anh cử Sắc chìm giữa im lặng, chị cử Sắc chẳng sọi lên khung cử ở trong buồng vẫn chăm chú nghe tiếng chồng lúc to, lúc nhỏ, bỗng trầm và thấm đau từng lời.

- Quan Phan Đình Phùng đã bị bắt ngày ấy sao hiện đang cầm quân đánh Tây ở quê ta, hả cha? - Côn hỏi.

- Ông bị bắt giam một thời gian ngắn. Sau được cho về quê vì ông đỗ đầu thi Đình, gọi là Đình nguyên. Triều đình ai cũng kính nể ông. Một ông quan thanh liêm, nổi tiếng về khoa bảng. Ngày vua Hàm Nghi xuống Chiếu Cần Vương, ông hưởng ứng lập đội quân kháng chiến, tại rừng núi quê ta, con ạ.

- Vua Hàm Nghi là do quan Đình (Phan Đình Phùng) đưa lên ngôi, hở cha? - Khiêm sốt ruột hỏi.

- Để cha kể có đầu có đuôi, nghe tắt quãng đâu có hay hở anh?

- Đúng. Em con nói đúng. Để cha kể tỉ mỉ các con nghe. Các con cần biết để khi có đủ trí khôn, các con mới hiểu cha anh một cách rành rõ thì mới khen chê lịch sử được đúng đắn... - Anh nhấp một tí rượu. Giọng anh buồn buồn - Hồng Dật lên ngôi, lấy niên hiệu là Hiệp Hòa. Ông vua nay vốn là người cầm đầu trong việc ký văn tự bán nước gọi là hiệp ước Quý Mùi (1883). Ông ở ngôi được bốn tháng thì bị Hội đồng phụ chánh đại thần bắt uống thuốc độc, chết vào ngày 30 tháng 10 năm Quý Mùi (29/11/1883). Ngay lúc đó, Phụ chánh đại thần Trần Tiễn Thành bị ám sát. Hội đồng phụ chánh liền đưa Ưng Đăng lên ngôi, niên hiệu Kiến Phúc vào ngày mùng 3 tháng 11 năm Quý Mùi (2/12/1883). Cả một chuỗi thảm kịch diễn ra liên tiếp trong cung giữa lúc giặc Tây bao vây kinh đô của chúng ta. Đây, cha chỉ nói sơ qua vài việc để các con biết. Sau khi lấy gọn đất Nam Kỳ của chúng ta, chính phủ Tây dương cử luôn một tên quan đứng đầu ngành quan cai trị xứ Bắc Kỳ của chúng ta là Ác-măng (Harmand). Chúng nó cử một tên vừa ác độc, vừa dã man để giết tróc dân mình. Cha nghe nói, cái tên Ác-măng này đã từng là quan sứ thần Tây dương ở bên Xiêm, rồi sang Ai Lao, đến Sài Gòn, ra Hà Nội. Tên Ác-măng khéo che dấu âm mưu thâm độc nên mới được chức đại diện cho chính phủ Tây dương đến coi việc cai quản xứ Bắc Kỳ. Đúng vào giữa năm Quý Hợi ấy, Tây dương mở các trận đánh chiếm khắp Bắc Kỳ, ép triều đình Huế phải ký hiệp ước công nhận quyền đô hộ của Pháp trên toàn bờ cõi nước Nam ta. Vua Tàu để cho mười bảy doanh quân đổ bộ vào Bắc Kỳ của ta trước đó mấy tháng. Mười hai doanh quân do tướng Hoàng Quế Lan chiếm đóng các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Ninh. Tướng Triệu Ốc chỉ huy năm doanh quân chiếm đóng Tuyên Quang và một phần Thái Nguyên. Sau đó vua nhà Thanh lại phái thêm Từ Diên Húc đem tiếp quân sang Việt Nam ta để cùng với hai tên Hoàng Quế Lan và Triệu Ốc cố chiếm bằng được Bắc Kỳ của ta. Trong tình thế đất Bắc bị dày xéo như vậy thì tên Ác-măng đã được lệnh từ bên chính quốc: Cho mở mặt trận tấn công kinh đô Huế!

Đúng ngày mười tám tháng bảy năm Quý Mùi (20/8/1883) giặc Tây dương đánh chiếm cửa Thuận An, cửa ngõ của kinh đô ta. Thủy quân của giặc từ ngoài Bắc Kỳ kéo vào. Nam Kỳ kéo ra, do bốn tên đại tá chỉ huy, hội lại ngoài biển Đà Nẵng. Tổng chỉ huy đám giặc cướp này vẫn là tên Ác-măng. Làm tai mắt cho Ác-măng đánh vào kinh đô lúc ấy là tên Tây dương đang đại diện chính phủ Pháp bên cạnh triều đình Huế.

- Tên cái thằng Tây do thám ấy là chi hờ cha?- Côn hỏi.

- Tên nó là... - Anh cử Sắc lần lần mãi trong trí nhớ mới nhớ ra được - cha đã lập được phép sắp xếp tên húy của các vua, cha mẹ vua để dễ nhớ mà tránh "phạm húy" khi làm bài thi, nhưng bọn Tây Lang Sa này khó nhớ và nói cứ trẹo cả lưỡi.

Hai anh em Khiêm, Côn cười giòn. Chị cử Sắc trong nhà cũng bật cười:

- Tại vì cha các con ăn trâu lưỡi bị cứng đó nha.

- Có vậy đó, các con ạ. Cha ăn đôi miếng trâu, nên mỗi lần nhắc đến tên cái đám cướp nước mình đâm khó khăn. Tên cái thằng Tây dương do thám trong triều đình ta là Săm-pô (De Champeau). Lúc trời còn mờ mờ, chưa sáng tỏ, khoảng giờ Dần ngày 18 tháng 7 Quý Mùi (20/8/1883), giặc Tây dương bắn đại bác, bắn súng cối xay, đổ bộ quân lên chiếm các pháo đài cửa Thuận An, khoảng giờ Mùi thì quân ta bỏ pháo đài, quân Tây dương chiếm gọn vùng cửa Thuận An. Trước tình hình ấy, triều đình ta vội cử thượng thư bộ Lại Nguyễn Trọng Hiệp xuống Thuận An thương thuyết với tên Ác-măng. Ông thượng thư bộ Lại không con cách nào khác đành dẫn tên Ác-măng và tên Sămpô về Huế, cầm theo tối hậu thư gửi triều đình: Nam triều phải rút quân hết ra khỏi 2 pháo đài cửa Thuận, tháo dỡ hết cả những công sự, những chướng ngại vật trên sông từ cửa Thuận đến kinh đô, phá hủy các kho vũ khí, nộp lại

cho quân đội Pháp quốc hai chiếc tàu thủy do chính phủ Pháp tặng chính phủ Nam triều từ năm Giáp Tuất (1874). Còn nhục nhã nào hơn nỗi nhục nhã này! Từ vua đến hầu hết đám quan đại thần run sợ, cúi đầu nhận mọi điều khoản của tối hậu thư. Vậy rồi, ngày 23 tháng 7 (25/8/1883) triều đình liền lập một phái bộ gồm Trần Đình Túc, Hiệp hiệu đại học sĩ, làm chánh sứ, Nguyễn Trọng Hiệp phó sứ đến đàm phán với tên Ác-măng. Trong cuộc đàm phán này, một đám quan đại thần cùng với nhà vua đã phạm tội đầu hàng, viết văn tự bán nước, lại còn cấu kết với giặc Tây dương chia quyền cai trị ba miền nước ta, cho quân Tây dương được tự do đóng quân trên cả toàn lãnh thổ để đàn áp các cuộc nổi dậy của dân ta, và quy định: Từ địa giới tỉnh Bình Thuận vào tận đất mũi của Nam Kỳ là chế độ thuộc địa; Từ địa giới bắc tỉnh Bình Thuận trở ra tới Lạng Sơn hưởng chế độ bảo hộ, thuộc Vương quốc An Nam. Có nghĩa là Trung Kỳ, Bắc Kỳ phải chịu hai tầng cai trị: Chính phủ bảo hộ người Pháp, và chính phủ Nam triều!

Anh cử Sắc thờ dài. Nhấp một tí rượu. Bé Côn ngồi dậy, chống tay lên cằm, nhìn xoáy vào ngọn đèn. Khiêm cũng đổi lại thế ngồi. Trăng cuối tháng đã lên cao, ánh trăng như muôn đồng tiền vàng rắc xuống sân. Chị cử Sắc đã luôn sợi vào go xong và mắc lên khung cửi. Chị nhìn thấy ba cha con chung một ánh mắt buồn buồn. Nhưng bé Côn lộ rõ trong hai con mắt những tia sáng thao thức. Chị ra sân dọn dẹp, tai vẫn lắng vào nghe tiếng nói của chồng trong nhà:

- Quan thân thần Tôn Thất Thuyết là người cầm đầu những ông quan có tinh thần yêu nước, quyết tâm kháng chiến, không cam chịu đầu hàng giặc Tây dương. Ông có quyền hành vào bậc nhất trong triều lúc ấy: Phụ chánh đại thần, Hội đồng viện Cơ mật, Hiệp biện đại học sĩ, Thượng thư bộ Binh kiêm quản Văn ban phò mã. Ông đã lập ra Phấn Nghĩa quân, chuẩn bị cho thời cơ mở trận phản công. Ông đã giao cho Tả quân đô thông Trần Xuân Soạn chỉ huy, huấn luyện đạo quân này. Ông cũng khôn khéo khuyên vua Ung Đăng ra dụ các nơi lập đội hương binh từng làng, từng xã, từng tổng... để bảo vệ địa phương mình. Ông bí mật cho chuyển Nha sơn phòng Quảng Trị và phủ Cam Lộ ra Lăng Cầu làm "hành tại", phòng khi kinh đô Huế có biến. Ông cho đào hào, đắp lũy, xây thành, xây pháo đài, trại lính, kho súng, dựng phòng tuyến chiến đấu. Dựng các nhà kiên cố và một số dinh thự, dựng am chứa vàng bạc, tiền dự trữ lâu dài...

Trong khi ông Tôn Thất Thuyết và những người có tâm huyết đang lo việc chuẩn bị thời cơ thu lại giang sơn gấm vóc thì đám quan triều hèn nhát lại lo chạy vạy kiếm chác chức tước, bổng lộc, củng cố cái ghế quan trường mục nát của mình. Chỉ một mực lấy lòng bà mẹ vua Tự Đức, tức Hoàng thái hậu Từ Dũ mà triều đình đúc sách vàng, ấn vàng tiến bà. Cuốn sách nặng tới 58 lạng, ấn nặng hơn 86 lạng.

- Không lo đúc súng đạn đánh giặc Tây lại lo đúc ấn vàng, sách vàng để được cái chi? Thật lạ, cha nhè? - Côn nói.

Khiêm tiếp luôn:

- Để có thêm oai quyền cai trị dân đó, em ơi!

- Đúng, các con nghĩ rất hợp với ý cha. Chính giữa lúc đó nước nhà rơi vào tay giặc Tây dương hoàn toàn. Giặc Tây dương bắt tay với giặc Thanh. Chúng đã hợp với nhau tại thành Thiên Tân, gần Bắc Kinh của nước Tàu. Bọn quý trắng đấm mồm cho bọn vua Thanh, những gì không rõ, thì mới có được cái điều: Tất cả quân đội vua Thanh phải cho rút ra khỏi đất Bắc Kỳ của An Nam, còn nhà Thanh phải tôn trọng tất cả những văn tự cam kết giữa nước Pháp và triều đình nước Nam. Và, nước Pháp sẽ tôn trọng vùng biên giới phía nam của Trung Hoa giáp với Bắc Kỳ của nước An Nam.

Ông lại thờ dài, nhấp một chút rượu:

- Các con phải nhớ kỹ cái thưở Quốc nạn, đất nước chúng ta bị xâm xé như rủa đó.

Chị cử Sắc từ ngoài sân đi vào, sẽ sàng nói với chồng:

- Trăng lên cao rồi, nhà đi nghỉ, cho các con được ngủ. Thức khuya, sáng mai dậy chúng nó mệt mỏi, học chẳng vào đó!

- Con không buồn ngủ đâu mẹ ạ. - Côn nói to để mẹ nhận mình không buồn ngủ.

Khiêm nói tiếp với em:

- Đang ở đoạn hồi hộp mẹ ơi...

- Mẹ các con nhắc rất phải, cha cho các con đi ngủ. Cha cũng cần nghỉ nữa. Hôm sau cha sẽ kể tiếp cho các con nghe mà.

Khiêm, Côn lên giường nằm, nhưng vẫn còn thao thức về những điều cha vừa kể.

Mấy hôm sau anh cử Sắc mới kể tiếp được. Nhưng Khiêm lại không được nghe. Vì người bạn thân của anh cử Sắc lâu ngày đến thăm; hôm bạn trở về lại đứng vào ngày anh Sắc phải chủ trì cuộc bình văn ở Quốc Tử Giám, không đi tiễn bạn được, anh phải cho con trai trưởng đi hầu tháp tiễn bạn. Hai hôm sau Khiêm mới từ nhà bạn của cha trở về thành Nội.

Côn ở nhà được nghe cha kể tiếp, và Côn cũng được cha giao việc: "Nghe những điều cha kể, con phải thuật lại cho anh Khiêm của con. Con nói theo cách của con. Miễn là nhớ đầy đủ những sự việc hệ trọng, những tên người, những chi tiết diễn biến của câu chuyện mà cha sắp xếp khi kể cho con nghe"... Anh cử Sắc biết sự sáng dạ, sức nhớ lâu và khiếu kể chuyện của Côn. Từ hồi lên năm tuổi ở với bà ngoại Côn được bà kể chuyện cổ tích cho nghe lúc tối, sáng hôm sau bé Côn kể lại cho đám trẻ hàng xóm nghe chẳng những mạch lạc như bà, mà còn thêm thắt chi tiết hợp lý, có duyên. Anh nghiệm thấy: Thầy dạy cho học trò làm thơ, làm phú, làm câu đối, thường thì học trò nào cũng làm được, làm đúng phép, đúng niêm luật. Nhưng thơ hay là tự thân học trò, không một người thầy nào có thể dạy nổi. Đã từng có học trò mới mười tuổi làm được một số bài thơ hay mà thầy học là cử nhân, tiến sĩ không làm nổi.

Quan niệm như vậy, anh càng chú ý rèn cho Côn sớm phát triển thiên tư.

Hôm sau khi bé Côn kể lại cho Khiêm nghe, anh cử Sắc vờ uống rượu đã ngủ say để bé Côn kể được tự nhiên. Chị cử Sắc ngồi dệt vải như thường lệ nhưng tai vẫn lắng nghe bé Côn kể chuyện với anh trai mình.

Côn nói:

- Anh ơi, em nhớ được bao nhiêu, em kể bấy nhiêu. Anh nghe mà thấy có chỗ nào không rõ, anh hỏi cha, anh nhé!

- Em nỗ phải lo!

- Bữa trước anh em mình nghe cha kể đến hồi giặc Tây dương sang Tàu ngoặc nhau với triều đình nhà Thanh, mua bán với nhau về đất Bắc Kỳ của ta. Giặc Tây dương giành được phần hơn tại cuộc mua bán ma quỷ đó. Thằng quan Tây dương đang ở Tàu liền gửi ngay "đại hỏa tốc" (điện tín) về cho tên trung tướng Tây dương, tên nó là Mi-ô (Millôt) đứng đầu ngạch cai trị Bắc Kỳ là: trong khoảng từ hai mươi đến bốn mươi ngày tự do tấn công chiếm tất cả các tỉnh giáp với vùng biên ải Trung Quốc.

- Rằng em lại nhớ được cả tên thằng tướng giặc Tây dương đứng đầu ngạch cai trị Bắc Kỳ?

- Em nghe cha nói đến tên thằng Tây, em liền ngẫm lại so tên nó với các tiếng của ta thường dùng, anh ạ. Ví dụ: cha nói Mi-ô, em nghĩ ngay "mi mắt", "ô che đầu". Vậy là em nhớ tên nó ngon ơ thôi.

- Em kể tiếp đi.

- Bọn giặc Tây dương vừa cho quân đi đánh chiếm các nơi, vừa bắt triều đình nước Nam ta đầu hàng chúng thêm nữa. Chúng bắt triều đình phải lệnh cho các quan Nam triều ở các tỉnh hợp lực với các quan binh Tây đàn áp dân mình nổi dậy chống Tây. Ở tỉnh nào cũng có người mình nổi lên, do các quan nghe, quan cử cầm đầu. Cũng có những ông quan Nam triều không tuân lệnh triều đình đã cùng với những người tai mắt trong địa phương tập hợp dân chúng đánh lại giặc Tây. Nhưng triều đình lại lập đoàn sứ bộ để ký văn tự bán nước ta hoàn toàn cho chính phủ Pháp. Văn tự ký ngay tại kinh đô này, do quan phụ chánh đại thần kiêm thượng thư bộ Lại Nguyễn Văn Tường, thượng thư bộ Hộ Phạm Thân Duật, thượng thư bộ Công Tôn Thất Phan. Đại diện cho Pháp là tên Pa-tờ-nốt (Fulo Patenôtre). Cha nói rằng: Đây là bản văn khai tử nền độc lập, tự chủ của nước Nam hơn bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước! Bản văn bán nước này ký vào ngày 13 tháng năm, Giáp Thân, Kiến Phúc đệ nhất niên (6/6/1884). Chúng chia lại địa giới ba miền của nước ta: Từ phần nam tỉnh Bình Thuận trở vào là xứ Nam Kỳ thuộc địa, từ bắc Bình Thuận ra địa giới phía nam tỉnh Ninh Bình là xứ Trung Kỳ, từ bắc Ninh Bình ra biên giới Việt Nam - Trung Quốc là xứ Bắc Kỳ. Hai kỳ này là chế độ "bảo hộ" của nước Pháp, thuộc Vương quốc An Nam. Làm xong bản văn bán nước, triều đình lại phải đem đến tòa sứ Pháp cái ấn bạc của vua Thanh trao cho vua nước Nam từ trước, đập bẹp và đúc thành bạc nén ngay trước mặt bọn quan Tây dương để lấy lòng tin! Quan thân thần Tôn Thất Thuyết không thể chịu nhục hơn được nữa, với quyền bính trong tay, ông ép triều đình đưa Ưng Lịch mới 13 tuổi lên ngôi vua, thay vua Kiến Phúc. Vua Kiến Phúc và vua Hàm Nghi (Ưng Lịch) là con của Hồng Cai, mà Hồng Cai là em thứ sáu của vua Tự Đức. Hồng Cai được Tự Đức phong là Kiến quốc công.

Ưng Lịch đã lên ngôi vua, nhưng chờ hết năm Giáp Thân, qua năm Ất Dậu (1885) mới lấy niên hiệu là Hàm Nghi. Vua lên ngôi rồi, thân dân đã một lòng hướng về đức vua nhưng giặc Tây dương không muốn thừa nhận đức vua. Vì chúng biết vua còn ít tuổi mà Phụ chánh đại thần Tôn Thất Thuyết có uy quyền nhất là người cầm đầu phái không thuận với Tây, cương quyết kháng địch đến cùng. Chúng bắt triều đình ta phải tổ chức lại lễ đăng quang của vua, có bọn quan binh Tây vào dự lễ chứng kiến thì chúng mới công nhận. Quan thân thần không chịu điều kiện ấy. Tướng Mi-ô liền phái một tên quan năm đem sáu trăm quân có đại pháo bao vây kinh đô Huế, hạ tối hậu thư cho triều đình ta: Trong vòng mười hai giờ Tây (12 tiếng) phải tổ chức lễ đăng quang lại và phải có mặt các quan binh Tây đại diện chính phủ Pháp dự lễ công nhận. Trước tình cảnh: Chưa chuẩn bị xong lực lượng kháng địch thì tình thế đã lâm cảnh hiểm nghèo, quan thân thần về dinh ôm mặt, nước mắt đầm bàn tay.

Phụ thân quan thân thần là Tôn Thất Đính khuyên: "Phải thực hiện khổ nhục kế. Bài học Câu Tiễn ngày xưa vẫn còn có ích cho ta ngày nay. Cùng tắc biến, nhưng phải biết chọn "thiên cơ địa hội" chứ không thể liều mạng để rồi thành danh trong thất bại. Nhạc phụ của con là ngài Nguyễn Thiện Thuật nói với cha lúc bái biệt trở về Bắc: "Nếu kinh đô có biến, tôi sẽ cùng với dân chúng ở quê nhà (Hưng Yên) chống giặc cứu nước". Con tính cho kỹ, cha con ta đã thề nguyện: "Chết trung không sống nịnh. Mà chỉ trung với đức vua vì nước chứ không thể trung với vua chỉ làm vì!"

Quan thân thần lạy tạ cha, rồi ông liền căn dặn hai con trai của mình là Tôn Thất Đạm, mười tám tuổi, Tôn Thất Thiệp, mười ba tuổi sửa soạn hành trang, khí giới, chờ có lệnh là theo cha lên đường. - Côn nhắc lại với anh: - Tôn Thất Thiệp chỉ mới có mười ba tuổi, anh ạ. Ghê không! Vua Hàm Nghi

cũng mười ba tuổi - Khiêm nhắc lại với em. Ừ nhể - Côn tâm đắc - Gánh vác việc nước đâu phải đợi ngay lớn tuổi, anh nhể? - Khiêm đáp ngay với em: Tuổi nhỏ mà chí lớn, như Trần Quốc Toản cha thường nhắc ấy.

Côn lại kể tiếp: Quan thân thần cũng dặn dò gia nhân lo liệu phòng khi có biến... Quan thân thần lệnh cho quan Trần Xuân Soạn tụ binh mã và cấp tốc cho quan quân ra Hà Tĩnh tăng cường việc xây dựng căn cứ Sơn phòng Hương Khê để ứng phó khi kinh đô có biến.

Quan thân thần vào triều quyết định làm lễ đăng quang đúng giờ. Cha nói là: Bữa đó bọn giặc Tây dương kéo đến điện Thái Hòa những hai mươi lăm tên võ quan và một trăm sáu mươi thằng lính mũi lõ, mắt xanh tóc trắng. Tên cầm đầu phái bộ Pháp đọc một tờ văn kể lễ công của người Pháp đã giúp Gia Long đánh thắng nhà Nguyễn Tây Sơn thì mới có nhà Nguyễn ngày nay. Nó tuyên bố Ứng Lịch là Vua nước An Nam. Nó hứa sẽ dẹp hết các cuộc nổi loạn ở khắp nước và sẽ khai hóa nước An Nam thành một nước văn minh thịnh vượng...

Côn ngượng ngập... Khiêm đang muốn nghe tiếp, hồi hộp, hỏi em:

- Em bị quên một đoạn mô chắc?

- Không. Em không quên. Cha mới kể cho em nghe đến đoạn đó. Em đang lần nhớ lại coi có sót mất đoạn hệ trọng nào không.

Anh cử Sắc ngồi dậy nói với Côn:

- Cha nằm mà vẫn nghe con kể cho anh con nghe.

Côn ngập ngừng nói nũng nịu với cha:

- Cha... Cha thức mà con ngỡ... Sợ quá. Biết vậy con không kể để anh Khiêm xin với cha thì con lại được nghe cha kể hai lần, con nhớ càng kỹ hơn.

- Con nhớ được những sự việc, những tên người, tên các địa phương và sắp xếp được thành từng phần, từng đoạn mạch lạc, cha nghe tốt rồi.

Chị cử Sắc trong khung cửi dệt bước ra, cười trước đàn:

- Mẹ đã nghe cha các con kể hôm nọ. Bữa nay mẹ nghe bé Côn kể lại gần như cha kể. Nhiều cái tên người Tây, người Tàu, tên người ta, tên các tỉnh mãi ngoài Bắc Kỳ mẹ cũng được nghe mà nỗ nhớ, con lại nhớ khá đầy đủ. Cha các con nói một số tiếng mẹ nghe còn rất lạ, rất mới mà con cũng nhập tâm được. Mẹ khen cho con đó!

Khiêm giọng nũng nịu:

- Con bắt đèn cha, mẹ đó. Cha, mẹ sinh con mà chẳng sinh cái sáng láng thông minh cho con để con được như em Côn, nghe một nhớ hai ba?

Chị cử Sắc cười:

- Con trách cha của con ấy. Anh cử Sắc vui vẻ:

- Con cũng sáng dạ, nhưng con hay lơ đãng, chưa thật chú tâm, bám bụng vào việc mình học, mình làm. Tuổi của con là tuổi học. Đã qua tuổi bắt chước từng việc đơn giản. Nghe cho thấu, nhớ cho rõ. Chưa thấu, chưa rõ thì hỏi người lớn, hỏi người nào xung quanh cho kỳ biết. Em Côn có sáng dạ hơn con thật. Nhưng điều hệ trọng là, em Côn còn sớm có óc tự lập ý, lập ngôn và mạnh dạn hỏi, mạnh dạn

nói. Nhờ vậy mà tòa hóa sự hiểu biết mau.

Thấy cha nhắc nhở anh, Côn lo anh buồn liền nằm xuống gối đầu vào đùi anh. Côn lại vùi cha:

- Cha ơi, cha kể tiếp cho anh em con nghe, cha.

- Các con đi nghỉ. Tối mai, tối mốt... cha, cha sẽ kể nốt cho các con.

Trăng nổi tuần trăng, anh cử Sắc lại nối tiếp câu chuyện kể cho các con trong những đêm kinh thành:

- Bọn Tây dương đã phải công nhận Ứng Lịch là Vua nước Nam, niên hiệu Hàm Nghi. Nhưng chúng vẫn chưa hết mối lo về quan thân thần Tôn Thất Thuyết và một số người trung thành trong triều đang tìm mọi cách chống lại chúng. Bọn do thám Tây dương khoác áo sứ thần Pháp ở bên cạnh triều đình ta, bọn khoác áo tu hành Thiên chúa giáo như tên cố đạo Cát-pha (Caspard - anh Sắc nói chệch). Chúng nó dò la biết được khá tường tận việc quan thân thần Tôn Thất Thuyết đang đợi ngày một ngày hai là khởi nghĩa. Chúng biết rõ cả việc quan thân thần lập một đạo quân mang tên Phấn Nghĩa quân, xây dựng hành tại mới, củng cố Nha sơn phòng Hương Khê giao cho các quan Nguyễn Chính làm Chánh Sơn phòng, Tiến sĩ Phan Trọng Mưu, Phó Sơn phòng, Phan Đình Phùng Tham biện Sơn phòng. Bọn do thám đã báo mật hết với tên toàn quyền lưỡng kỳ.

- Toàn quyền lưỡng kỳ là cái chức chi hử cha? - Khiêm hỏi.

- Ủ, con hỏi ngay những điều chi chưa rõ là cha vui. Toàn quyền lưỡng kỳ là chức quan cao nhất, có quyền điều hành các cơ quan cai trị cả hai xứ Trung Kỳ, Bắc Kỳ. Tên toàn quyền lưỡng kỳ thời vua Hàm Nghi là một tên thống tướng, tức là tướng chỉ huy tất cả các tướng lĩnh trong quân đội Tây dương xâm lược hai kỳ, Bắc và Trung. Tên nó là Cuốc-xi (De Courcy). Lấy cớ vô Huế đệ trình quốc thư của chính phủ Pháp lên Vua nước Nam, hấn âm mưu giết quan thân thần Tôn Thất Thuyết. Vừa đến kinh đô Huế vào ngày 20 tháng 5 Ất Dậu (2/7/1885) hấn đã láo xược ra điều kiện cho triều đình: Phải mở cửa Ngọ Môn cho sứ thần Pháp và các võ quan Tây dương vào Hoàng Thành lúc nào cũng được. Phải để quân đội Tây dương vào đóng quân trong Thành Nội...

Tên toàn quyền lưỡng kỳ còn tư giấy sang viện Cơ mật đòi quan thân thần của ta sang tòa sứ Tây nhận lệnh để về thi hành. Biết ý đồ đen tối của hấn, quan thân thần không trả lời gì cả. Ngày hôm ấy - ngày 22 tháng năm, năm Ất Dậu, thần dân khắp kinh thành vẫn thấy sự yên ả của đất đế đô như thường nhật. Nhưng trong hoàng cung, trong tam tòa, trong các bộ đến các quân cơ thì hùng khí cuộn cuộn như sóng trào nước xoáy. Đúng cuối giờ Ty, đêm 22 rạng ngày 23, quan thân thần Tôn Thất Thuyết xuống lệnh cho Phấn Nghĩa quân do Trần Xuân Soạn trực tiếp chỉ huy tấn công ào ạt vào khu nhượng địa, đồn Mang Cá, khu sứ Tây... Giữa sự bủa vây quá mạnh của giặc Tây dương, kinh đô Huế như hòn đảo lơ lửng. Nhưng với tinh thần thà chết chứ không chịu nhục, từ tướng đến quân đã đánh giặc Tây dương một trận oanh liệt. Đến tảng sáng thì đạn dược của quân ta cũng vừa cạn, không còn sức tấn công. Không thể giữ Thành được nữa, đành phải tính nước đưa Vua bá thiên đô như đã trù liệu trước.

Giữa sương đêm mờ mịt, nhờ Trần Xuân Soạn cầm quân giữ chân địch tại kinh thành, quan thân thần cùng với hai con là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp nhanh chóng hộ giá vua Hàm Nghi và Tam cung lên đường kháng chiến.

Côn hỏi hộp, hỏi:

- Ba cha con quan thân thần đưa Vua ra bằng cửa nào, hả cha?

- Vua ra cửa Quảng Đức, men theo con lộ ven sông qua chùa Thiên Mụ, đến Trường Thi ở La Chũ,

con ạ.

- Tam cung là những chi, hả cha?

- Là ba bà hoàng vợ chính của Vua. Mỗi bà hoàng ở một cung cấm. Còn Tam cung ở triều Nguyễn này là: Bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức, bà Trang Ý, vợ Tự Đức, mẹ nuôi của vua Dục Đức, bà Học Phi, vợ Tự Đức, mẹ nuôi của vua Kiến Phúc và vua Hàm Nghi.

Khi Đức vua và Tam cung đi lọt, Phấn Nghĩa quân được lệnh rút khỏi thành. Giặc Tây dương ào ạt vào chiếm đóng khắp nơi trong Nội: Chúng chiếm 9 cỗ súng đồng đã được phong danh ngọc: Hoàng dũng vô địch đại tướng quân. Chúng tranh nhau cỡi lên các nòng súng để chụp ảnh, họa hình gửi về nước. Chúng chia quân vào đóng phủ Tôn Nhân, Đại Lý Tự, miếu Công Thần, chùa Giác Hoàng, doanh trại Thượng Tứ, xưởng súng Tả, Hữu tướng quân, sở Lý Thiện, Hữu dực doanh Vũ Lâm, Trung Tiền, Tự Dục doanh Thành cơ, Quốc sử quán, viện Đô sát, Thái Tường, Trương Giải, Quang Lộc, Hàn Lâm, Thông Chính, Tào Chính cung Giám Dục Vũ, Bình An, Anh Danh, Ngục Thất, Linh Hựu, Tế Sinh, Kho Hỏa dược. Giặc Tây dương xả súng cối xay tàn sát thần dân ta. Chúng san bằng dinh bộ Binh và tư thất của quan thân thần Tôn Thất Thuyết. Những gia nhân không chạy thoát đều bị chúng giết sạch. Cụ Tôn Thất Đình, thầy học Ứng Lịch, phụ thân quan thân thần bị chúng bắt giam. Sau đó chúng đày ông ra đảo Côn Lôn, tận ngoài biển khơi ở phía Nam nước ta. Từ đấy dân ta gọi ngày 23 tháng năm Âm lịch là ngày kinh đô thất thủ và coi đó là ngày Quốc hận mà nhân dân ta thù nhớ muôn đời! Hàng năm dân chúng kinh thành làm cỗ cúng để tưởng nhớ vong linh những người bị giặc Tây dương tàn sát trong ngày kinh đô thất thủ.

Khiêm buồn rầu thốt ra với cha:

- Xảy loạn đang đêm hôm chẳng ai biết đường mà chạy, mà tránh đạn, khổ nhất cho người già, người tàn tật và trẻ nít như sắp chúng con, phải không cha?

- Giặc tràn tới, nhà bị thiêu cháy không còn gì khổ bằng, các con ạ.

Về mặt Côn đau đón nhìn vào nơi mẹ đang dệt vải:

- Mẹ con hay nói: "Nước mất nhà tan". Đúng lắm, cha nhé?

Chị cử Sắc nói vọng ra:

- Các con để cha kể xong, muốn hỏi chi, các con hăng hỏi.

Anh cử Sắc vẫn cái giọng buồn buồn:

- Trong lịch sử nước nhà, cha chưa thấy một trường hợp nào ba cha con hộ giá một Đức vua trên bước đường loạn lạc như cha con quan thân thần Tôn Thất Thuyết của chúng ta. Lại còn chưa kể tới chi tiết cụ Tôn Thất Đình được quân dân khắp Kinh thành gọi thân mật bằng biệt danh là: Quan cụ. Vào cái năm hộ giá Vua bá thiên, quan cụ đã ngoài bảy mươi tuổi. Quan thân thần năm mươi tuổi, còn quan Tôn Thất Đàm và Tôn Thất Thiệp các con đã rõ: quan anh hai mươi tuổi được phong chức Khâm sai tán lý quân vụ. Quan em mười ba tuổi được trao trọng trách Cẩm y loan giá. Vua và tôi cùng lớp tuổi, hàng ngày Tôn Thất Thiệp vác thanh bảo kiếm dài gần bằng người nên chưa đeo bên hông được, ở bên cạnh Vua Hàm Nghi để cùng người chơi những trò con trẻ, cùng học chữ. Có bạn chơi, Vua đỡ phần nhớ mẹ, nhớ Hoàng cung. Hôm Tam cung khóc lóc, không chịu được đi đường xa, ăn ngủ thất thường, vắng nem công chả phượng, Vua Hàm Nghi cũng buồn lây. Lúc Tôn Thất Thiệp quỳ thưa: "Tâu bệ hạ, thần trộm nghe: Tam cung sắp trở về cung. Bệ hạ có hồi loan cùng với Tam cung không?" - Vua

Hàm Nghi lưỡng lự rồi hỏi lại Cẩm y Tôn Thất Thiệp: "Nếu Trẫm hỏi loạn thì thần có hộ giá Trẫm không?" - Tôn Thất Thiệp thưa: "Tâu bệ hạ, Thần chỉ hộ giá bệ hạ đi đánh giặc Lang sa để cứu nước, cứu nhà. Dầu phải chết thì thần chết theo con đường Cần Vương vệ quốc của phụ thân thần chứ không về đầu giặc. Xin bệ hạ tha lỗi cho thần đã nói ra cái điều ấy trước bệ hạ". Vua Hàm Nghi đỡ Tôn Thất Thiệp ngồi lên, nói: "Trẫm thử bụng thần mà nói vậy thôi. Tam cung không chịu được gió táp mưa sa thì Tam cung hồi cung cũng được. Phần Trẫm thì vẫn một chí hướng với quân tướng: Kháng Pháp đến cùng. Trẫm và thần đồng tuế, đồng tâm, đồng sàng, đồng mộng. Trẫm lên ngôi lúc sơn hà nguy biến phải lao lung như rì nhờ có được thần ngày đêm cùng Trẫm chia cay xẻ đắng làm cho tuổi ngọc của Trẫm đỡ phần lạnh lẽo. Vậy nên, hai ta là: Chiến sĩ nhi đồng cứu quốc vong!!!"

Ngày phụ chánh đại thần kiêm thượng thư bộ Lại Nguyễn Văn Tường hộ giá Tam cung trở lại kinh đô Huế, Đức vua lấy có vi hòa (ốm) không đến châu bái biệt. Cha đã bỏ công tìm hiểu chặng đường bá thiên của Vua: Ngày 23 tháng năm Ất Dậu (5/7/1885) Vua từ hoàng cung đến La Chữ. Ngày 24 tháng năm (6/7/1885) Vua tới thành cổ Quảng Trị. Ngày 27 tháng năm (9/7/1885) Vua rời Quảng Trị đi Sơn phòng Quảng Trị, ngày 1 tháng sáu (12/7/1885) thâu bản doanh. Ngày 9 tháng sáu (20/7/1885) Vua đến Bảo Đài, xã Thủy Ba, sát địa giới tỉnh Quảng Bình. Ngày 11 tháng sáu (22/7/1885) Vua phải quay trở lại Cam Lộ. Ngày 15 tháng sáu (26/7/1885) Vua ngược thượng đạo, trèo qua dãy núi Mai Lĩnh (Quảng Trị) đến đồn Chấn Lào. Ngày 20 tháng sáu (31/7/1885) Vua rời Chấn Lào đi theo đường sơn cước ra tới đồn Quy Hợp, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Hành tại tạm đặt ngay Sơn phòng Hà Tĩnh. Ở đây bốn tháng thì ngày 16 tháng mười, năm Ất Dậu (22/11/1885), Vua lại phải quay trở lại vùng rừng núi Quảng Bình, hành tại ở Cửa Kha. Về sau thiên đến Tá Bào. Cái ngày dời đến La Chữ thì quan thân thần đã vâng lệnh Vua viết tờ thông cáo, báo cho thần dân cả nước biết, Vua đã bá thiên và quyết tâm kháng Pháp lâu dài. Dời tới Hà Tĩnh, Vua xuống Hàm Nghi Đế Chiếu, thường gọi là: Chiếu Cần Vương. Chiếu vừa ban xuống, khắp nơi các bậc khoa bảng, tài tử, các nhà hăng tâm hăng sản, dân chúng, nam phụ lão ấu đều hưởng ứng nhiệt liệt. Nổi vang nhất là cuộc nổi dậy của quan Đình Phan Đình Phùng và của quan Tán Thuật quân vụ Nguyễn Thiện Thuật, nhạc phụ của quan thân thần Tôn Thất Thuyết. Dân quen gọi là quan Tán Thuật lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, tỉnh Hưng Yên.

Anh cử Sắc giọng mỉa mai:

- Hậu thế sẽ phán xét. Dầu cho có những kẻ xuyên tạc, xuyên tạc bằng miệng, bằng giấy bút, viết hàng chồng sách, đục xóa hàng trăm bia... Lịch sử rất công bằng. Các con nhớ cho là, ông Hoàng Cao Khải, hiện là quận công phụ chánh đại thần vốn là một chàng cử nhân, không bán được chữ kiếm ăn ở quê nhà phải xiêu cư ra Bắc Kỳ, lần mò được một chức quan nhỏ. Muốn làm quan to ông ta phải bán mình cho quỹ trắng, đàn áp dã man cuộc kháng chiến của nhân dân miền Hưng Yên, Hải Dương và quanh vùng đó do quan Tán Thuật lãnh đạo.

Anh cử Sắc thờ dài nói tiếp:

- Ở quê ta, các con thường nghe kể về bao nhiêu cuộc nổi dậy hưởng ứng Chiếu Cần Vương. Ở làng Chùa, làng Sen ta có quân của quan Bang Mậu (Vương Thúc Mậu) gọi là Chung Nghĩa binh. Bà ngoại và mẹ của các con đã từng gánh gạo; gánh những gánh cơm nắm đi tiếp tế cho các quan Đình, quan Đề, quan Nghè. Có tiếng hơn cả là quân khởi nghĩa của quan Đình (Phan Đình Phùng). Chính quan Đình là người đã bị quan thân thần bắt giam tại triều, lý do cha đã kể hôm trước. Nhưng việc phò vua cứu nước là nghĩa cả, phải gác oán thù riêng cho nên quan Đình đã phát cờ khởi nghĩa theo Chiếu Cần Vương chống giặc đến hơi thở cuối cùng. Ở ngoài Diễn Châu, quan Nghè Nguyễn Xuân Ôn lập căn cứ chống giặc Tây, dân cả vùng Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu đều theo quân Nghè Ôn đánh giặc cứu nước. Ngoài Thanh Hóa tả quân đô thống Trần Xuân Soạn cùng với các ông Tổng Duy Tân, Đình Công

Tráng, Phạm Bành lập chiến khu kiên cô Ba Đình đánh Tây dương, bọn giặc còn khiếp vía hơn cả chiến khu Bãi Sậy, chiến khu Vụ Quang...

Anh cử Sắc lại thờ dài:

- Nước nhà tuy ở vận mạt chứ anh hùng cứu nước tài giỏi đâu có hiếm? Rốt cuộc, các anh tài bị chúng giết dần giết mòn. Những cuộc khởi nghĩa quân sĩ hao mòn, dân đói kiệt quệ và bị giặc bao vây, khi có tiếp tế được thì cũng tàn lụi dần. Vua bá thiên khắp rừng sâu, núi cao mà vẫn không yên. Bọn sứ Pháp vẫn tiếp tục tìm cách liên lạc để mua chuộc Đức Vua đều vô ích. Giặc Tây dương vẫn để trống ngôi vua từ tháng 5 đến tháng 11 năm Ất Dậu chúng mới đưa Ứng Đường lên ngôi. Ứng Đường tức Nguyễn Cảnh Tây, con trưởng của Hồng Cai và là anh của Đức vua Hàm Nghi. Ông ta lên ngôi hiệu là Đồng Khánh liền gửi "Quốc thư" sang cho Tổng thống Pháp, lời lẽ trong thư gạn không còn một chút quốc sĩ nữa. Ông ta quỳ rạp mình qua văn ngôn: ..."Vương tôi vô cùng biết ơn quý quốc. Cái ơn ấy không biết lấy gì báo đáp quý quốc. Nước tôi xin kính cần nhận quý quốc là Mẫu quốc. Vương tôi tấn phong quý Đô thống đại thần Cuốc-xy (De Courcy) làm Bảo hộ quận vương và ngài Khâm sứ đại thần Săm-pô (De Champeaux) làm Bảo công".

Côn thốt lên: "Ôi! Dân mình biết sao được chuyện này, cha ơi!". - Nói chi dân! - Anh Cử Sắc giọng chua cay - Cả đến hạng mũ cao áo dài cũng lóa mắt và run như cây sậy trước cái mũ chín rồng ngự trên ngai vàng, bệ ngọc! Còn cái thối nát, sự bần thủ, sự đốn hèn, ti tiện ở trong cung cấm thì ai cho dân biết? Nếu có biết được đôi ba việc thì dân mình cũng chỉ xì xầm, nhỏ to trong xó nhà, nơi chợ búa đâu có ăn nhằm chi! Bởi vậy, cha biết được vài việc, cha nói lại với các con những điều ấy ở lại trong đầu các con, vì sắp tuổi này còn hoang sơ, chưa có được mấy việc đời trong đó. Ông thầm nghĩ: "Ta phải tạc ngay vào tâm trí các con những bức tranh lịch sử bi tráng của quê hương, của đất nước ở các thời mà ta chứng kiến, ta nghe, ta lượm lặt gom góp được". Ông kể tiếp - Các con nghe cha kể mấy hôm nay về tình cảnh vua, quan, dân tình của những năm sáu mươi, bảy mươi, tám mươi của thế kỷ này, cái thế kỷ cha con ta ra đời, lớn lên trong biến cố của đất nước. Các con đã nghe cha kể đó: Kiến Phúc, Hàm Nghi và Đồng Khánh là ba anh em cùng một cha mẹ sinh ra. Nhưng Kiến Phúc không giống Hàm Nghi. Vua Hàm Nghi tuổi thơ mà chí trượng phu. Nếu Hàm Nghi không có thiên tư, không có chí trượng phu thì một quan thân thần phò, chứ mười quan thân thần như Tôn Thất Thuyết vẫn là một ông vua làm vì như bao ông vua khác. Ví như nghề làm gốm, nung đất thì đất thành cái bát sành chứ không thể thành đĩa ngọc được. Đồng Khánh là anh trai trưởng của Hàm Nghi, nhưng bản chất cái đầu ông ta là đất sét cho nên khi lên ngôi vua liền mất hết liêm sỉ. Người đã mất liêm sỉ thì làm gì còn có quốc sĩ? Ngồi trên ngôi cao thì đức tài phải cao, nhân cách phải lớn. Nếu không, cái ngôi thiên tử là nơi hạ tử của những kẻ bất nhân vô đạo khoác danh sang trọng để lam điều dân bao. Đồng Khánh tuy là anh Vua Hàm Nghi, nhưng Đồng Khánh là loại "vua tự khai tử trên ngôi thiên tử". Ông ta vừa gửi "Quốc thư" hàm ơn "Mẫu quốc" cho Tổng thống nước Pháp, vừa xuống dụ xóa hết các quan tước và tịch biên toàn bộ gia tài của quan thân thần Tôn Thất Thuyết. Đồng Khánh lại còn ra dụ xóa tên cha con Tôn Thất Thuyết trong sổ Tôn nhân, đổi sang họ Lê, họ của mẫu thân Tôn Thất Thuyết. Và Đồng Khánh lệnh cho truy nã cha con Tôn Thất Thuyết về kinh. Ông ta còn ám ức một nỗi nữa là: Lên ngôi báu mà không có ấn vàng "Ngự Tiên Chi Bảo". Vì Vua Hàm Nghi đã mang theo rồi. Ông ta liền cho đúc ngay một ấn khác. Rồi sang xin với Tam cung thừa nhận và nhờ Tam cung viết thư vận động Hàm Nghi trở về kinh đô Huế. Tam cung đã cùng với ông ta viết chung một "Ngọc thư" đóng ấn vàng Từ Dũ và ấn mới của Đồng Khánh gửi - Vua hàm Nghi có nhận được và phúc đáp Đồng Khánh. Thư phúc đáp có đoạn viết: "... Vì cùng máu mủ mà giữ tình anh em, còn về vương đạo thì Trẫm là hàng Tiên đế, huynh tuy đang ở ngôi nhưng chẳng phải người kế nghiệp của Trẫm, của giang sơn gấm vóc bốn ngàn năm xây đắp. Ngôi của huynh ngự trên ngọn sủng đại bác của đám quý trắng lầy chi làm báu mà vờ Trẫm về làm thần của

huynh? Trẫm là giòng dõi Tiên Rồng thì vĩnh viễn thuộc về dòng giống Tiên Rồng..."

Khiêm và Côn tỏ vẻ khoái trá về phong độ của Đức Vua Hàm Nghi. Khiêm nói:

- Chẳng lẽ con khen "phò mã tốt áo", Vua Hàm Nghi thiết đáng khâm phục, cha ạ.

- Con còn thấy sự tài giỏi trong việc chọn đăng minh quân của quan thân thần, cha ạ. - Côn tiếp lời anh.

- Phải, phải lắm - Anh Sắc mở rộng lời nhận xét của bé Côn - Ứng Đăng là anh, Ứng Lịch là em. Thường thường ai cũng nghĩ anh lớn tuổi mà hơn cả chục tuổi thì phải khôn phải giỏi hơn em. Vậy mà quan thân thần đã không chọn Ứng Đăng mà chọn Ứng Lịch lên ngôi với vai trò lịch sử: Vua kháng chiến chống giặc Pháp xâm lược, chứ không phải chọn ông vua để làm vì cho giặc mượn tiếng giày xéo non sông, bắt muôn dân làm nô lệ.

Chị Sắc ngừng tay dặt nhắc các con:

- Mẹ đã nhủ với các con, để cha kể nốt chuyện rồi hỏi sau ấy mà.

Khiêm, Côn cười vẻ biết lỗi với mẹ, nhưng lại giục cha:

- Vua Hàm Nghi đáp thư cứng rắn như vậy, Đồng Khánh và bọn Tây hấn tức tới lắm, thưa cha?

- Bọn Tây bày mưu với Tam cung và Đồng Khánh gửi thư nhằm mục đích dò xét nơi vua Hàm Nghi ở để bố trí bắt Vua. Quả như vậy, giữa lúc phong trào Cần Vương đang gặp nhiều thất bại dồn dập, nhiều yếu nhân bị hy sinh, bị chết bệnh, bị bắt, vũ khí đạn dược, quân lương đều kiệt quệ, quan thân giao việc bảo vệ Vua cho Tôn Thất Thiệp và một số cận vệ. Trao việc liên lạc với các lực lượng kháng chiến và trấn giữ vùng nam Nghệ Tĩnh cho Tôn Thất Đạm. Trần Xuân Soạn thay vai trò ông trong lúc ông sang Trung Quốc được ít lâu thì tên Trương Quang Ngọc - các con nhớ kỹ tên phản bội này: Trương Quang Ngọc, hấn lập mưu với đội hộ giá bắt Vua Hàm Nghi để cùng được phần thưởng của giặc Tây. Các con nhớ kỹ tên đội hộ giá: Nguyễn Đình Tình. Tên đội hộ giá này hàng ngày ở bên cạnh Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thiệp - Khiêm ngồi ngay người chân xếp bằng, tay chống xuống đùi, nhìn cha không chớp mắt. Côn ngồi chân co chân duỗi, một tay chống xuống giường, một tay kê đùi đỡ cằm cũng nhìn cha không chớp mắt. Chị cử Sắc đã ngừng tay thôi. Mắt chị để ngoài cửa sổ. Ngoài sân, gió se những chiếc lá khô bay lang thang. Anh cử Sắc giọng vừa đau đớn, vừa giận dữ dần từng tiếng: Đúng cái đêm 27 rạng ngày 28 tháng 9 năm Mậu Tý (30/10 sáng 1/11/1888), hai thằng phản nước, bán vua, Trương Quang Ngọc, Nguyễn Đình Tình lén lút dẫn một toán lính vào đại bản doanh nằm sẵn. Bọn Tây thì lặng lẽ ém quân quanh đại bản doanh từ chập tối.

Hành tại lúc này ở bên bờ suối Tá Bào. Vua Hàm Nghi nằm ngủ ngon giấc. Tôn Thất Thiệp nằm ở ngăn ngoài, lối ra vào cửa hành tại. Phía bên hành tại còn một cửa phụ để lính cầm y ra vào. Tên đội Tình hàng ngày ra vào ở cửa này. Trời đã cuối thu, miền sơn cước đêm rất lạnh. Vua ngủ đắp tấm áo long bào trùm kín. Tôn Thất Thiệp cũng phủ áo kín mặt. Đội Tình dẫn lối cho tên Ngọc và một toán lính người thiểu số đi vào hành tại bằng cửa phụ. Vào lọt khỏi cửa, chúng mò mẫm bủa ra các phía quanh nơi Vua nằm. Đội Tình châm đèn hồng lập lên. Bọn lính run, tên Ngọc cũng run... Nghe tiếng động, Vua và Tôn Thất Thiệp vùng dậy! Các mũi giáo đã châu vào quanh Tôn Thất Thiệp và tên Ngọc nhảy lên long sàng ôm lấy Vua Hàm Nghi, có cả hai lính giúp sức. Vua mắng:

- Quân phản chủ. Tụi bay muốn ăn thịt ta hãy lui ra đã.

- Bầm! Lệnh của sứ thần mẫu quốc Pháp và quốc vương An nam Đồng Khánh, chúng con đón Đức

vua về kinh.

- Mẫu quốc Pháp, vua Đồng Khánh của các người cho đón ta cái kiểu cướp rùng rợn ni hỉ?

Vừa lúc đó, Tôn Thất Thiệp chớp được thanh gươm vùi dưới tấm áo đắp vung lên chém được một tên, bọn lính bị đánh trả bất ngờ đã dạt ra. Tôn Thất Thiệp lao vào đâm tên Ngọc, nhưng!... Nhưng!... một mũi lao của tên lính bảo vệ tên Ngọc phóng vào ngực Tôn ... Thất ... Thiệp!... Với sức mạnh của tuổi hoa niên ở buổi đầu tráng kiện và dũng khí Người Trung Nghĩa, ông không ngã xuống, ông tự tay rút mũi lao ra khỏi ngực, máu vọt theo hình vòng cầu lên áo Vua Hàm Nghi. Ông quì xuống trước Vua nhưng lão đảo ngă. Đức vua đỡ lấy ông! Ông chỉ kịp nói: "Thần đã không bảo vệ được Hoàng đế! Thần có tội với quốc dân, với Hoàng đế, với Phụ thân của thần!!"

Ông tắt thở trên tay Vua Hàm Nghi! Đức vua bế ông đặt xuống long sàng và cởi áo hoàng bào đắp lên thi hài người cận vệ trung thành, người bạn tuổi thơ trong máu lửa. Đức vua cúi đầu vĩnh biệt. Đức vua quay đầu nhìn bọn chó phản chủ. Chúng tâu gì Vua cũng không nói. Từ lúc này cho đến khi chúng đưa Đức vua về giam ở đồn Thuận An, Vua Hàm Nghi không hé răng. Cả khi bà Học Phi, mẹ nuôi đến khuyên, Vua cũng không nói gì. Đức vua câm lặng cho đến ngày chúng đày sang một nước ở Châu Phi, thuộc địa của Tây dương (An-giê-ri).

Còn Tôn Thất Đạm, nghe tin vua đã bị bắt, em trai đã hy sinh, ông ngất lảo ra giữa bản doanh đèo Ngang! Trước lúc nghe biến cố này ông đã đau đớn về cái tin dữ: Cha đang bị nhà Thanh giam giữ, vì họ đã bắt tay với Pháp từ lâu. Ông trấn tĩnh lại ngay. Ông mặc lễ phục, trèo lên đỉnh núi cao, hương về hành tại, chấp tay nói giữa thanh thiên bạch nhật: "Thần Tôn Thất Đạm, Khâm sai chương lý quân vụ, cúi tâu Ngự lãm. Thần không được gần gũi hoàng thượng để hộ giá khi có phản thần làm việc ám muội. Thần mang tội rất lớn! Ôi! Đây là mệnh trời xui nên nước ta gặp bước suy vi, nên các trung thần không được gần Vua để cứu giá. Các quan văn võ sẽ mang hận suốt đời. Vậy xin Hoàng thượng tha thứ, và thần xin thề trước đất trời giữ mãi lòng trung cho đến chết". Ông đã viết những lời ấy vào tờ sớ, cho lính mang về nơi giam giữ Vua Hàm Nghi. Ông tập hợp quân sĩ lại, làm lễ cầu yên cho Đức vua Hàm Nghi, cho phụ thân ông và truy điệu Tôn Thất Thiệp. Ông an ủi quân sĩ trước tổn thất to lớn này, và ông khuyên mọi người đành nuốt hận trở về quê quán làm ăn nuôi chí phục thù, chờ thời cơ sẽ ra tay cứu nước. Thời vận chưa tới thì nuôi con cháu, dạy cho con cháu nối bước ông cha rửa hờn cho Tổ Quốc!

Quân sĩ buông xuôi hai tay, vũ khí rơi xuống! Mọi người cúi đầu lê từng bước nặng nề trên các ngã đường quê xơ xác!

Quan khâm sai Tôn Thất Đạm đi vào rừng, cởi tấm khăn nhiễu trên đầu. Ông tuần tiết trên cành cây đại thụ lúc hoàng hôn ngày 12 tháng 10 năm Mậu Tý (15/11/1888)!

Tiếng sụt sịt của chị cử Sắc ở trong phòng bên vọng sang. Anh cử Sắc thấy mắt mình cũng ươn ướt và hai con anh ngồi như đã hóa thạch. Đứng lên châm hương trầm, anh nói với hai con và tự nhắc nhở mình: Quan cụ, quan Thân thần, quan Khâm sai Tôn Thất Đạm, quan Cẩm y loan giá Tôn Thất Thiệp đều là những bậc: "Chí sĩ nhân nhân vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân" nghĩa là ta phải luôn luôn đặt cái chí trong cái nhân: Sống là sống với nhân, chết là chết vì nhân, gặp cảnh ngộ phải xả thân, thì xả thân để giữ nhân, chứ không thể sống mà mất đức nhân...

3.

Tiếng chim ríu ra ríu rít trên mái nhà.

Không gian mở theo tiếng chim xa xanh bát ngát. Côn dừng tay trên trang sách, lắng nghe từng tiếng chim. Giữa âm thanh chim ca hát trên cành cây, tai Côn lọc rõ một tiếng chim non yếu ớt buồn buồn: Thiệp... Thiệp... Thiệp... Côn băng khuâng mừng rỡ ra nhiều hình ảnh trong đầu... Trước mắt Côn đang hiện dần con đường mòn lắt léo vắt qua những cánh đồng lúa vàng, những con mả như úp bát, cây đa giữa đồng, cái ao đầu làng và con đường rẽ làm nhiều nhánh nhỏ vào làng như bàn tay xò ra năm ngón. Hình ảnh bà ngoại đứng trên sân nhìn ra đường gọi cháu về ăn cơm lưng lửng giữa lòng hồi tưởng của Côn... Khiêm từ dưới bếp lên, thấy em ngồi ngẩn trước chồng sách của cha, gọi giật giọng:

- Côn! - Côn giật mình. - Dạ, anh gọi em!

- Em lục lại sách kín của cha hả?

- Lại đây anh! - Côn nói về hệ trọng - Em đã tìm thấy tờ Chiếu Cần Vương.

- Chê...t! chê...t! Cha chưa cho phép, em dám liêu, vô lễ rứa à?

- Em đã xin cha cho anh em mình được đọc tờ Chiếu. Cha hứa nhưng chưa nhớ cất kỹ vào đâu. Giờ em lục thấy, cha cài kín giữa hai tờ bìa bồi ghép lại, tờ chiếu được bọc bằng giấy điệp.

Khiêm ngồi xuống bên em. Hai anh em chăm chú vào tờ Chiếu Cần Vương. Côn nhận xét:

- Chữ của cha, anh ạ.

- Cha sao lại, chứ mần chi có được tờ chính.

- Hai anh em mình thử đọc coi có biết được hết mặt chữ trong tờ Chiếu ni không.

- Ngắn thôi ấy mà!

- Ngắn mà nhiều chữ khó, chưa học thì cũng không thể đọc hết được anh ạ.

- Ừ, em đọc trước đi. Côn đọc:

- "Hàm Nghi Đế Chiếu"

- Khoan... khoan đã. Phải thắp hương em ạ. Cha mỗi lần đọc loại sách cao siêu của các bậc Thánh hiền, đọc Chiếu, đọc Sắc phong, đọc Dụ của Vua, cha đều thắp hương đó.

Côn đang lưỡng lự thì Khiêm đã cầm nén hương chạy xuống bếp châm lửa.

Dưới mái nhà tranh buổi ban mai, trong Thành Nội, thoang thoảng hương trầm, hai mái đầu tóc trái đào nghiêng xuống tờ Chiếu Cần Vương cách đó hơn mười năm về trước.

Đọc xong, hai anh em nhắc lại từng câu, bàn luận, giống như cha thường đàm đạo với các bạn văn.

Khiêm đọc nhần dài giọng:

- "Tự cổ ngự nhưng chí sách, bất xuất, chiến, thủ, hòa tam gia nhi dĩ. Chiến chi, tắc vĩ hữu kỳ cơ, thủ chi, tắc nan kỳ đắc lực, hòa chi tắc sở cầu vô yểm. Dương thử sự thể thiên nan vạn nan, bất đắc dĩ nhi dụng quyền..." Vậy là, em thấy không. Vua cũng do dự về ba cái sách chống giặc: đánh, giữ, hòa. Đánh thì chưa có cơ hội, giữ lại lo không đủ sức, hòa thì bị chúng đòi hỏi với lòng tham vô đáy.

Côn ngồi trên ghế, thông hai chân xuống đất. Hai ngón chân cái dí xuống nền nhà, bàn tay trái núp vào cạnh bàn, ngón trỏ tay phải đưa qua đưa lại trên hàng chữ anh ánh mực nho sáng như những con mắt ngẩn lẹ.

Khiêm biết Côn vốn hay xúc động. Đọc sách Nhị Thập Tứ Hiếu cũng trào nước mắt. Nhìn cử chỉ em, Khiêm thấy em đang nén sự ghen ngạo, lựa lời nói với em điều đồng cảm:

- Đức vua Hàm Nghi tuổi nhỏ mà gánh vác trọng trách giang sơn, lớn lắm em hê!

- Anh nói đúng quá - Côn nhắc bàn tay trái của mình, nhẹ nhõm hẳn lên. - Đọc Chiếu Cần Vương, em càng thấm thía bài học thuộc lòng Ái Quốc của cha giảng mới rồi cho anh em mình. Em mừng tượng thấy Đức vua Hàm Nghi đang ngồi trước mặt, nói với em: "Ngã quốc nhi lai, ngẫu nhân đa cố" Cha cũng thường nói vậy: Nước ta gặp nhiều biến cố lắm. Đức vua nói câu này, thương quá: "Trẫm dĩ xung linh tự vị, ký ư tự cường tự trị, bất hạ vi mưu, Tây phái hoành bức, hiện tình nhật thâm nhất nhật"... Thương Vua quá chứ anh. Này nhá: "Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, chưa kịp lo việc tự cường, tự trị. Bọn phái viên của Tây hoành hành áp bức ngày một thậm tệ"...

- Hai anh em đọc sách chi rứa? Nghe hay, thấm thiết lắm!

Khiêm, Côn bắt thần cùng quay ra:

- Ôi! Mẹ Huệ Minh... Anh Kỳ... - Khiêm cất tiếng hỏi - Côn tiếp - Mẹ và anh Kỳ đến lâu chưa. Kín tiếng ghê!

Huệ Minh cười thoáng trên làn môi cắn chỉ, nói nhỏ nhẹ:

- Đến chưa dừng chân thì anh Kỳ đã đánh tiếng mà anh còn trách bọn tôi "kín tiếng"! - Huệ Minh kéo dài hai tiếng: kín tiếng . Côn vội vàng thanh minh:

- Kín tiếng là lúc nói môi không hở, răng không lạnh. Chịu chưa?

Huệ Minh phì cười. Kỳ, Khiêm cũng đều cười.

- Anh Côn vụng chèo, nhưng rất là khéo chống nghe - Huệ Minh khen mát lại Côn. Khiêm đỡ lời:

- Hai anh em tôi từ sang giờ đọc chưa hết tờ Chiếu Cần Vương.

Huệ Minh tưởng mình nghe nhầm, hỏi lại:

- Hai anh đọc ... đọc Chiếu Cần Vương à?

- Vâng - Côn đáp. Huệ Minh càng sững sốt. Kỳ hỏi luôn:

- Chắc thầy cất giữ được?

- Vâng - Côn đáp. Khiêm nói:

- Mẹ và cậu Kỳ sợ Chiếu Cần Vương à? Kỳ đáp vô tư:

- Việc chi phải sợ?

Huệ Minh có phần tự ái với Khiêm:

- Răng anh Khiêm hỏi lạ rứa? Nỡ lẽ bọn tôi không biết đau xót nước mất, thương nhớ và kính trọng Đức Hàm Nghi vì nước phải đi đày sang đất nước người?

Biết Khiêm lỡ lời, thấy Huệ Minh buồn thật sự, Côn đỡ lời thay anh:

- Mẹ, cậu Kỳ, đừng giận lời anh Khiêm vừa nói. Bởi hôm cha tôi kể chuyện kinh đô thất thủ có dặn rằng: Yêu nước là một tình cảm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mọi người dân ở trong một nước. Vậy mà, ở nước ta hiện thời không được nói đảng hoàng chữ Ái Quốc. Cả đến Chiếu Cần Vương của Đức vua Hàm Nghi cũng bị coi là "ngụy chiếu". Cha dặn bọn tôi là phải giữ miệng. Mẹ và cậu Kỳ hiểu cho lòng bọn tôi.

Huệ Minh vẻ xúc động, mắt nhìn xuống, khép nhẹ hàng mi. Diệp Văn Kỳ hồn nhiên, nói:

- Cái bụng cậu Khiêm, cậu Côn thiệt như đếm vậy đó, mẹ Huệ Minh ạ. Ngày tụi mình nhập môn, thầy cử Sắc cũng đã dạy bài Ái Quốc là bài mở đầu "lót dạ" cho chúng mình để theo đường học của thầy. Hôm tôi ngồi học ôn bài Ái Quốc, cha tôi đang đi dạo ngoài hiên môn, tôi không để ý. Tôi đọc to từng câu trong bài để dễ thuộc. Lúc đọc câu: "Quốc gia, tảo dân chi châu đã... Bạn Tổ Quốc, do châu nhân tự huyết kỳ châu đã...", cha tôi bước vô nói: "Con hãy giải nghĩa Nôm cha nghe". Tôi nói như lời thầy giảng: "Nước, Tổ Quốc là con thuyền chở dân, kẻ phản lại Tổ Quốc chẳng khác chi người ở trong con thuyền đã đục thuyền thủng giữa biển khơi". Cha tôi gật đầu nói với tôi: "Cụ Thượng Tán (Đào Tấn) đã chọn được một người thầy dạy con học đúng như cha mong đợi! "Xưa và nay, đất Nghệ đều là đất sinh hào kiệt, sinh anh tài, sinh người nghĩa khí!"

- Mẹ còn giận tôi nữa không, mẹ Huệ Minh?

- Khiêm hỏi rất hồn nhiên.

- Buồn. Tôi nỡ giận mô. Mà cũng hết buổi rồi.

Phòng học vui vẻ hẳn lên. Côn và Kỳ nghe tiếng chim ríu rít từ trên mái nhà xa lạnh lạnh hòa vào bầu trời xanh trong. Tay Côn vẫn giữ khư khư tờ Chiếu Cần Vương.

Khiêm kể thêm với Kỳ về quan Đào Tấn:

- Cha tôi thân với cụ Thượng Tán từ hồi cụ ngồi Tổng đốc An Tĩnh. Cha tôi đậu khoa thi Hương trường Nghệ, Cụ Thượng Tán bắt đầu kết thân với cha tôi từ trong buổi tiệc khoản đãi các ông tân khoa.

Côn đưa tờ Chiếu Cần Vương cho Huệ Minh đọc. Huệ Minh lại trao cho Kỳ, Huệ Minh nói:

- Tình đồng môn có khi hơn cả tình đồng tộc, thầy cử Sắc đã dạy chúng ta cái điều ấy. Đã kết bạn sách đèn thì đâu còn có phân chia con nhà quan với con nhà dân. Tám gương sáng về tình bạn giữa thầy cử Sắc với cụ Thượng Tán đáng để chúng mình học lắm. Hai cậu là con thầy, bọn tôi là học trò của thầy, là bạn sách đèn của hai cậu, hoàng thân quốc thích không có dính dáng chi đây cả.

Côn phá tan cái không khí ngột ngạt bằng câu chuyện vui:

- Bà ngoại tôi ở ngoài Nghệ An thuộc rất nhiều chuyện cổ tích hay trần đời. Ngày Côn chưa biết chữ, bà ngoại đã kể cho Côn nghe chuyện cổ tích: Cô Tấm mồ côi cha mẹ, đi xem trầy hội mùa xuân đã được hoàng tử kén về làm vợ - Kỳ về thích thú gật gật đầu - lại còn chuyện về đời Hùng Vương có chàng Chử Đồng Tử đi đánh cá thấy công chúa Ngọc Dung đi ngoạn cảnh bên sông. Chàng sợ quá, vì không có quần áo che thân đã vội nằm vùi cát lên kín người. Công chúa không biết, chọn nơi vắng vẻ ấy hạ lệnh cho đám nữ tỳ vây kín màn để công chúa tắm. Lúc tắm xong lên thay xiêm y. Trời xui đất khiến sao đó, các nữ tỳ đã quây màn cho công chúa đứng nơi bãi cát mà chàng Chử Đồng Tử trốn. Chàng muốn thoát khỏi ngay cái nơi đáng sợ này trước lúc công chúa tắm xong lên. Nhưng, đám nữ tỳ đứng ngoài màn vây khá đông. Chàng muốn chui xuống lòng đất mà không được. Lúc công chúa vào

trong màn, chàng nhắm mắt, nín thở. Chẳng hay, một nữ tỳ bung lên một thau nước để công chúa rửa chân, thau nước tưới vào chân công chúa, chảy lênh láng, cát trôi làm lộ trần cả thân hình Chử Đồng Tử. Công chúa hốt hoảng suýt ngất đi. Chử Đồng Tử quỳ thưa với công chúa về cảnh ngộ của mình. Công chúa nghe ra liền nghĩ duyên này trời đã xe cho. Nàng kết tình chồng vợ với Chử Đồng Tử. Huệ Minh cố nén cười không được. Tiếng cười cả bốn người vui nhộn hẳn lên.

Huệ Minh giọng ngượng ngáp:

- Cậu Côn đã thêm mắm thêm muối khi kể. Tôi cũng được nghe chuyện cổ tích ấy, nhưng Chử Đồng Tử sợ trốn vô lùm cây, công chúa gặp phải chứ màn chỉ có cái chuyện Chử Đồng Tử vui mình vô bãi cát?

- Đã gọi là kể chuyện cổ tích thì chẳng ai kể giống ai được. Tôi kể theo lời của bà ngoại tôi đó. Tôi cũng thêm thắt nhưng ít thôi.

- Người đời xưa tốt lạ hề - Khiêm nói - Hoàng tử kết tóc xe tơ với cô gái mồ côi ở chốn thôn quê. Công chúa kết tình phu phụ với anh chàng chăn trâu, nghèo đến nỗi không có một miếng giẻ trên người! Thời này có đốt đuốc đi tìm khắp chốn cùng nơi cũng khó gặp được tình người với người như xưa.

Kỳ đánh trống lảng:

- Bữa ni, thầy cho nghỉ học, chúng mình phải đi chơi một tí chứ, ngồi bàn hoài cái chuyện của các cụ à?

- Đúng đó. - Huệ Minh nói giọng hăng hái

- Chúng ta sang chú phó Tràng xem chú ấy chạm đồ thờ, đẹp lắm.

Kỳ, Khiêm đều đã đứng dậy, Huệ Minh còn do dự:

- Chừ, vẫn chưa thấy Hạnh đến, ta đợi thêm vài khắc nữa.

- Đi thôi - Kỳ giục - Hạnh chúa lễ mề.

- Hạnh đến đây không thấy bọn ta, khắc sang chú phó Tràng tìm - Khiêm nói.

Bốn người học trò xấp xỉ bằng đầu nhau rào bước dưới hàng cây vắng vắng tiếng chim và tiếng lá xôn xao, nhập nhòa bóng nắng. Côn lắng nghe. Đứng lại, vẻ thận trọng:

- Có một tiếng chim trên cây kia, nghe lạ lắm.

Cả nhóm đều ngược nhìn. Huệ Minh bình thản lắng nghe, không nhìn lên ngọn cây. Côn lại nhắc:

- Phải lắng tai thật tĩnh lặng mới phân rõ được tiếng chim nhỏ, mới ra ràng thì phải.

- Ừ. Ừ... - Kỳ nói - Có tiếng chim non thiệt. Nó kêu chậm và thấp: "Thiếp"... "Thiếp"... "Thiếp"... hay "Tiếp"... "Tiếp thiếp" long ra mấy tiếng ấy đều đúng cả.

- "Tiếp... tiếp" thì đúng hơn. - Huệ Minh xác nhận.

- Giữa "tiếp" và "thiếp" chứ nó giống "thiếp" hay "tiếp".

Côn hỏi các bạn:

- Hay quan Cẩm y Tôn Thất Thiệp bị giết trong hành tại Vua Hàm Nghi, oan hồn ông hóa thành chim bay về kinh đô Huế, quê hương ông?

Cả nhóm học trò yên lặng, đăm đăm nhìn lên hàng cây hun hút lưng trời!...

Khiêm gần như trách em:

- Em hay tưởng tượng hảo huyền tận đâu đâu!

- Chưa hẳn là hảo huyền, cậu Khiêm ạ. Điều cậu Côn mơ tưởng có khi là thật. Vì quan Tôn Thất Thiệp nhớ nước, thương Vua Hàm Nghi mà đã hóa ra chim cũng nên. Các cụ thường nói: Oan hồn thì hồn hiện. Vua Thục nhớ nước, chết đã hóa ra con chim quốc. Khương Linh Tá bị giết còn hóa thành đèn dẫn đường cho Đồng Kim Lân bế ấu chúa đi trong đêm, kia mà - Huệ Minh nói.

- Có khi cậu Côn nói đúng đó, - Kỳ nói, mắt vẫn nhìn lên hàng cây.

- Không phải là tiếng chim oan hồn thì đó là tiếng chim gọi bạn, gọi chúng mình nhớ gương trung liệt Tôn Thất Thiệp - Côn nói. Khiêm ưng ý: - Nói rứa nghe được.

Khiêm giục các bạn đi và nhắc Huệ Minh chú ý đường đá lổn nhổn:

- Mẹ đi hài cao đế, đừng nhìn lên cây nữa kéo ngã đó. Đường gồ ghề ni nhiều "bẫy" lắm.

- Dạ, đa tạ cậu Khiêm.

- Nơi gồ ghề khúc khuỷu chưa chắc bị ngã mà lại ngã ở đoạn đường bằng phẳng đó, mẹ ạ.

- Dạ, có khi gặp vậy đó, cậu Côn ạ.

- Có lẽ... Hồ Quang kia rồi! Kỳ nói. Cả nhóm nhìn về trước. Quang thấy Côn trước, chạy vội đến. Quang chào Huệ Minh và chào Khiêm, bá vai Kỳ, bá vai Côn cùng đi đến nhà phó Tràng.

Huệ Minh đi sau cùng, cách mấy bước, vấp phải trái mù u, Huệ Minh ngã quỵ gối xuống, kịp ôi một tiếng. Cả nhóm chạy lại nhưng chỉ ngồi xuống bên cạnh. Huệ Minh ôm lấy chân xuýt xoa. Côn ghé xuống thổi thổi vào chỗ đau cho Huệ Minh. Rồi Kỳ, Khiêm, Quang đều làm theo Côn. Nhưng con trai không dám đụng vào người con gái, dù chỉ ở bàn chân. Một bà cụ đi qua, liền cúi xuống nắn bóp cho Huệ Minh và dịu cô đứng dậy. Cả nhóm cảm ơn bà cụ rồi rít. Huệ Minh ứa nước mắt. Côn pha trò để Huệ Minh vui:

- Chân hài cao ngất

Vấp trái mù u

Ngã lăn ra đất

Bàn chân sưng vù

Mẹ khóc hu hu...

Cả nhóm cười. Huệ Minh cũng nghiêng đầu giấu nụ cười. Giọng nũng nịu:

- Cậu Côn. Cậu mần về trêu, tui bỏ về nghe.

- Côn muốn mẹ cười cho đỡ đau, chứ không có ý đùa cợt đâu.

Huệ Minh nhắc bước chân chậm chậm, nói:

- Tui và Hạnh, thỉnh thoảng gia nhân đánh xe đưa đi học. Cậu cũng mần về chế đó.

- Côn có về chế mẹ đi xe thật à?

Khiêm hỏi Huệ Minh. Nhưng Côn thưa lại với anh ngay:

- Em có làm về xe ngựa. Nhưng em chế cậu Tuấn, cậu Kỳ, đâu có chủ bụng chế mẹ Huệ Minh và Hạnh. Nhưng - Côn ngập ngừng - Bữa đó hai xe cùng đến, mẹ nghe Côn đùa với hai cậu, mẹ cũng tưởng đùa cả mẹ nữa. Côn xin nhận lỗi. Thiết tình xin lỗi mẹ và cả Hạnh nữa.

- Anh sẽ thừa việc ni với cha mẹ. Huệ Minh hốt hoảng:

- Không... không... Cậu Khiêm đừng mần rúa. Đừng thừa thầy và thím. Tui trách vui cậu Côn với nhau ở đây thôi m...à.

- Mẹ Huệ Minh nói thiệt lòng đó cậu Khiêm. Có chi mà cậu phải làm phiền lòng thầy thím hề - Kỳ nói.

- Tui cũng nghĩ rúa - Quang nói - Cậu Khiêm không nên thừa thầy thím, cậu Côn đọc về đùa nhau cho vui ý mà.

- Em đọc lại cho anh nghe về ứng khẩu bữa đó. Nếu đáng tội phải phạt, em về xin nhận tội trước cha mẹ. Làm sai, nói sai thì em sửa chữa.

Khiêm dịu dàng trở lại:

- Em còn thuộc về thì đọc đi. Côn đọc rất hồn nhiên:

"Bụng béo, chân teo

Thịt nhão bèo nhèo

Ngồi đâu ngủ đó

Không bằng đi bộ

Xương cứng thịt săn

Tỉnh táo mắt thần

Học mau thuộc chữ"...

Cả nhóm học trò lại cười lên, Huệ Minh e thẹn hơi cúi đầu, cười chum chim. Khiêm nắm tay gio lên:

- Về hay lắm. Hay lắm. Anh tung hô em Côn vạn đại, xóa việc mách với cha mẹ.

Cả nhóm thở phào nhẹ nhõm, và rẽ luôn vào ngõ chú phó Tràng ngay trước mặt. Côn dừng bước nói:

- Mẹ, anh Khiêm, cậu Kỳ đợi ngoài ngõ, để tôi với Quang vô nhà trước coi chú ấy có nhà không đã nha.

Côn kéo tay Hồ Quang đi khuất sau hàng cây. Huệ Minh nhìn thơ thần phát hiện thấy một tổ chim trên cây bên ngõ nhà chú phó Tràng, Huệ Minh gọi:

- Cậu Khiêm, cậu Kỳ ni, tổ chim. Tổ chim trên chạng cây ni.

Khiêm ngược nhìn trước, chưa kịp nói thì Kỳ đã trèo lên cây, chân bám vào chạng ngàm, tay níu cành to trên cao. Khiêm nhắc:

- Tay nín vào cây thiệt chắc nghe. Từ từ đã. Vít cây vào đầu, thật sát mình, nhìn vào tổ thấy rõ chim trong tổ hãy đưa tay bắt, nhẹ thôi. Chim non dễ chết lắm.

Kỳ lần lần bàn chân lần ra giữa cành cây: Cái cành khá to đã sà xuống. Huệ Minh không dám nhìn lên tổ chim nữa.

Tiếng cành cây gãy kêu rắc rắc... Huệ Minh hốt hoảng hai tay bịt mắt. Tổ chim rơi xuống. Khiêm vừa nói vừa chạy tới:

- Không khéo chim chết... chim chết...

Kỳ nhảy vội xuống đất chạy vội đến. Khiêm đặt hai con chim non để vào cái lá bàng:

- Chim chết thiệt. Tội nghiệp!

Kỳ đỡ lấy lá bàng đựng hai con chim trên bàn tay Khiêm xuýt xoa. Huệ Minh không dám đến gần, Côn và Quang trong nhà phó Tràng ra, nói to:

- Chú đi làm thợ từ sáng. - Cái chi rứa?- Quang hỏi - Cái chi rứa hai cậu?

- Chim non trong tổ. Chết rồi - Kỳ đáp. Côn ngồi ngay xuống, chau mày:

- Các anh chắc quên bài đã học: "Đình tiền thụ hữu điều sào?"

- Nhớ chứ - Kỳ nói - Lúc thầy giảng bài đó, thầy chỉ tay ra hàng cây bên ngoài, nói: "Ví như cây cao trước nhà kia có một tổ chim vừa làm đẹp cho cây, vừa là nơi đất lành chim đậu. Có nhiều chim đến vườn, chim sẽ cho ta tiếng hót và bắt sâu cho cây cối trong vườn".

- Thầy còn dặn chúng ta: Tổ chim khác nào ngôi nhà của con người. Phá tổ chim cũng như phá một ngôi nhà êm ấm vậy - Huệ Minh nhắc thêm.

Kỳ và Khiêm lấy một đoạn cây, bới lỗ ngay dưới gốc cây có tổ chim, đặt cái lá bàng gói hai con chim non xuống, lấp lại.

Côn nhìn lên ngọn cây cao, nhìn xuống gốc cây vừa chôn hai con chim non, giọng buồn buồn:

- Lát nữa chim mẹ chim cha bay về không thấy tổ ấm, không thấy con đâu chúng đau khổ lắm, lại kêu khóc thảm thiết!

Trên đường về nhà, năm người học trò bước đi lặng lẽ nặng nề như người có tội!

4.

Từ hôm con chuồn chuồn sứ bị Tuấn làm gãy đuôi, Côn chưa bắt được một con chuồn chuồn nào đẹp hơn để gửi cho bé Xئن. Mỗi lần Quang đến thăm bé Xئن, Côn đều nhắc: "Quang nói với bé Xئن, Côn còn nợ một chú chuồn chuồn sứ nhé".

Bé Xئن bị bại liệt hai chân từ lúc lên ba tuổi. Gia đình bé Xئن thân với gia đình Hồ Quang. Bố của Quang sống bằng nghề thuyền te. Bố của bé Xئن lại là thợ xây có "hoa tay". Mẹ Quang thường mang cá lên các chợ bán. Mẹ bé Xئن bán hàng ở chợ Đông Ba. Hai bà từ chỗ mua, bán với nhau thành tình thân như ruột thịt.

Hai gia đình cảnh nhà khác nhau, nghề sinh sống cũng khác biệt. Nhưng bố mẹ của hai nhà cùng chung một mơ ước con trai được học dăm ba chữ Thánh hiền. Họ đã nghiệm thấy: Đói gạo đói cơm đã nhục nhưng không nhục bằng đói chữ. Hai tiếng "dân ngu" đè nặng lên đầu của những người không có chữ. Dù có bát ăn bát để, dù có lịch lãm việc thiên hạ, biết cư xử phải đạo, hợp tình hợp lý ở đời mà không được cái danh nho sinh thì vẫn là "đồ vô học".

Bố của Hồ Quang muốn được rời dòng sông lên cạn "cắm dùi" cho con cái đỡ khổ kiếp sống lênh đênh sông nước đã mấy đời rồi. Nhưng không có cái chữ, lại không có đủ tiền để biếu lễ bái khắp các cửa quan, cửa các thầy lý hương... Một người bạn vạm chài có con học được mức "viết chữ hàng tám" chạy vay được một chân thư lại cho quan huyện. Nhờ vậy, cả nhà rời thuyền te lên bờ làm ăn sinh sống. Tuy gia đình bạn ông hiện còn là "dân cư ngụ" nhưng vẫn hơn gấp trăm lần cái kiếp người "sống vô gia cư", "chết vô địa táng".

Bố bé Xئن có nỗi đau riêng về sự mù chữ của mình. Ông đi làm thợ, mỗi lần đắp xong những hàng chữ nổi trên các miếu thờ, các cổng làng, cổng chợ, trùng tu các cửa tam quan, các tháp ở các ngôi đền, ngôi chùa, lăng tẩm ông lại đau lòng!

Đắp được chữ nổi, chữ nhiều bao nhiêu nét ông đều đắp được và rất đẹp, nhưng lại không đọc được. Một câu hát ví ở đâu đó đã lọt vào trí nhớ của ông lúc nào chẳng rõ nữa, thỉnh thoảng nó như mũi bay gí vào tim ông: "Thợ nề đắp chữ đẹp ghê - Mỗi lần cúng bố phải thuê thầy từ". Ông định bụng sẽ xóa nỗi đau mù chữ bằng hy vọng dành dụm để cho con ăn học. Tiếc thay, vợ ông đẻ ba lần đều con gái cả. Ông không trọng nam khinh nữ. Cho con gái đi học với một ông thầy đồ ở Hàng Bè. Nhưng không đứa con nào chịu học. Chúng sợ hết hồn hết vía vì cả xứ Huế này chẳng thấy ai trong đám dân nghèo có con gái đi học chữ ông Thánh cả, chỉ có nhà vua, nhà quan mới cho con gái đi học, hoặc nuôi thầy học trong nhà dạy riêng cho con cái.

Ngày vợ ông chữa lần thứ tư, ông khẩn lễ khắp các chùa, các đền, cầu một con trai. Ông đi tu sửa đền đài, chùa chiền lấy tiền công rất rẻ để Thần Phật phù hộ cho ông. Vợ ông đẻ một con trai mặt sáng như gương, tay chân bụ bẫm. Ông mừng suýt chết ngất. Những tháng ở cữ, ông không cho vợ đụng đến một việc gì trong nhà. Ông làm hết, làm quên cả ăn, cả ngủ. Những hôm đi làm thợ tận dưới Kim Bôi, dưới phá Tam Giang, ông vẫn lần về không ở lại đêm như trước. Nhưng, số phận nghiệt ngã với ông. Trong cái may đến ngay cái rủi: Con trai ông đang ăn chơi đẹp như đóa hoa thì bị một cơn sốt co giật. Ông chạy thầy, chạy thuốc không tính đến còn hay hết của trong nhà. Rốt cuộc đứa con vàng ngọc ấy chịu cái tật liệt hai chân! Vợ chồng ông khóc đêm, khóc ngày không biết làm cách nào để con có đôi chân cứng cáp mà đi học, đi làm thợ với ông...

Cái tên bé Xئن cả nhà ông gọi từ ngày ấy. Niềm hy vọng nuôi con ăn học vẫn le lói trong lòng ông.

Năm bé Xئن lên sáu tuổi, ông đi xin học với một thầy đồ. Ông dự tính hàng ngày sẽ công con đến nhà thầy, hết buổi học lại đến công con về. Những ngày ông đi làm xa, vợ ông hoặc ba đưa con gái thay phiên nhau công bé Xئن. Ông đã nói hết mọi nhẽ với thầy mà vẫn không xin được cho con học. Cũng có thầy đồ nhận dạy cho Xئن, nhưng lại ở tận Tiên Nộn, hàng ngày công đi công về không thể được. Gửi trợ học thì phải một chị gái của Xئن đi theo nuôi em, tốn kém quá, không có tiền gạo chu cấp cho đủ được. Giá ông khá giả một chút có đôi ba gian nhà thì ông sẽ rước thầy về dạy cho con và rủ dăm ba nhà cho con đến học, đóng "đồng môn" nuôi thầy... Càng suy nghĩ ông càng thấy tuyệt vọng.

Hồ Quang đã kể tất cả tình cảnh của nhà bé Xئن cho Côn nghe. Côn theo Hồ Quang đến chơi nhà bé Xئن. Thấy Xئن khôi ngô, hai mắt sáng và to, môi đỏ như môi con gái, ăn nói lễ phép, Côn mến ngay. Thấy Xئن không đứng lên được, phải bò hoặc lết bằng hai bàn tay chống xuống nền nhà, Côn nao nao lòng không dám nhìn kỹ. Côn thầm nghĩ: Giá mình như Xئن liệu có giữ được mặt mũi, áo quần sạch sẽ như Xئن? Liệu có khác tính khác nết đi không?

Côn liền nói với Quang:

- Anh mời bố của Xئن ra cho mình gặp tí. Bố của Xئن trạc gần bốn mươi, nhưng tóc đã lốm đốm bạc. Ông chấp tay trước ngực định nói thì Côn chạy tới xòe hai bàn tay nhỏ của mình ôm lấy hai bàn tay chai sạn, ngón tay to như trái chuối của ông Xئن:

- Thưa bác, cháu là hàng con cháu, bác đừng... xin bác đừng... Cháu là bạn của Quang, của Xئن...

- Không dám, thưa cậu ấm.

- Ấy chết! Bác đừng thưa gửi cháu!

- Tui được biết cậu là con trai thứ của thầy cử Nghệ. Chừ tui mới biết vì tui đi làm ăn kiếm sống từ lúc sương mai đến khi sương hôm mới về. Bé Xئن của tôi nó khoe được cậu Côn đến cho nó đồ chơi, cho quà và vẽ hình người, vẽ hình lâu đài, hình núi, hình voi, ngựa, cá, chim cho nó. Cậu bắt được con chuồn chuồn sứ, con bướm bướm hoa cậu cũng gửi cho nó. Từ ngày có cậu và cháu Quang đến với nó, nó không thấy cô đơn què quặt la mấy nữa. Tui đi vắng đa đành, bà nhà tui cũng ở chợ từ mới sớm đến lúc gần đóng cửa Thanh mới về nên chưa gặp được cậu để đa tạ lòng nhân đức của cậu...

- Bác ơi! Cháu có giúp được chi cho Xئن đâu hử bác!... Cháu!...

- Tui nói thiệt đó. Chỉ thấy việc cậu là con nhà khoa bảng, con nhà thầy, nhà quan mà đến nhà tui, phận bàn hàn ni là rông đến nhà tôm...

- Chết... chết.. bác ơi!... Côn cười - Các bạn cháu biểu cháu cầm tinh con mèo. Mà bác lại nhận bác là tôm thì... Côn bật cười. Ông Xئن cũng phì cười, bé Xئن ngồi gần Quang cũng cười rộ lên, xóa hẳn cái không khí già cỗi. Côn nói rõ ý định của mình:

- Cháu được nghe Quang kể về tình cảnh nhà bác, lại thấy Xئن sang dạ, ước ao được học chữ. Được biết bữa nay bác ở nhà, cháu sang gặp bác, cháu sẽ bày cho Xئن học, cháu học được tới đâu, cháu bày lại cho Xئن tới đó.

- Ôi! Thánh... Thần... Ông Xئن đừng phất dậy, hai tay chấp búp sen trước ngực - Tui lạy cầu mớ... bái...

- Trời ơi! bác! cháu... cháu sợ quá! Sao bác lại... Côn giữ tay ông Xئن.

Giọng ông xúc động buông từng lời bồng bênh:

- Bụng tui như cái bánh gói thì tui bóc ra để cậu thấy rõ, tui đi khắp cửa chùa, cửa đền ở cái xứ nì, cầu Phật, xin các thánh thần phù hộ cho con trai tui thoát kiếp tàn tật. Nhưng thánh thần đều ngoảnh mặt cả. Đành... con tui đành chịu tàn tật thân xác, tui còn một mơ ước nho nhỏ là con tui có được dăm ba chữ Thánh hiền thì cũng gọi là người sáng mắt, đỡ tui cái phận què chân. Tui đi lạy các thầy đồ quanh đây, nỏ thầy mô nhận dạy chữ cho nó cả. Chừ! chừ đây cậu tự đến, đem chữ đến chia sớt cho con trai tui!... Ông khóc nghẹn - Rứa là nhà tui còn phúc được Thánh thần xui khiến cậu đến nhà ban phúc cho...

Côn lại bối rối:

- Bác... ời... cháu xin bác đừng gọi cháu bất kể một thứ danh hiệu nào khác với cái tên cha mẹ cháu đã đặt cho. Cha cháu hồi bé mồ côi, ham học, cũng được ông ngoại cháu đón về nuôi dạy cho đến ngày đậu cử nhân. Đến lượt cháu chia chữ cho Xեն là việc bình thường bác ời. Cha mẹ cháu thường nói: "Ăn quả phải biết gieo hạt" bác ạ.

Ông đứng ngẩn người ngắm Nguyễn Sinh Côn với con mắt đã từng ngắm những hàng chữ nổi do bàn tay ông tạo nên với lòng thành kính

- "Lời của Thánh hiền dạy". Tiếng nói của ông đang oang oang bỗng trầm hẳn xuống:

- Cậu đã nói vậy là thể tình với tui. Tui và cả nhà tui biết ơn cậu lắm lắm.

Côn nói ngay vào việc:

- Bác sắm giấy, bút, mực để cháu bày cho Xեն học sớm, bác ạ.

Hai mắt ông bừng sáng, cười hà hà:

- Thừa cậu, có đủ cả rồi. Tui sắm cho nó từ hồi năm ngoái đâu dè xin học không nổi.

Ông chạy vào buồng bê ra một chồng vở giấy bản tốt, bút lông thỏ, thoi mực, nghiên sành...

- Tui mua cho nó đủ ba loại bút, cả ống đựng bút, mua cả tờ nòng kẻ để nó tập viết thẳng hàng. Đây nữa, tui nhờ mua bộ "Nhất Tự Kinh", "Tam Tự Kinh", "Ngũ Tự Kinh". Tui làm thợ trong các nhà quan, các nhà hào phú, để ý việc con cháu họ học, tui về sắm cho bé Xեն đủ những thứ con cháu họ, chứ kém chi cậu!...

- Được giấy này, bút này, mực này chỉ cần sáng dạ và ham mê học thì nhất định Xեն của bác sẽ có chữ trong mắt như hai bác ước mơ. Giờ bác đi nghỉ hay làm việc của bác kéo mắt công mắt việc của bác. Cháu và Quang giúp ngay việc học cho Xեն.

- Ố... ố... Cậu dạy ngay chữ cho nó à! Cậu cho tui được nhìn con tui đón nhận vô mắt cái chữ đầu tiên của Thánh hiền.

- Dạ, vậy mời bác ngồi đợi cháu và Quang mài mực đã ạ.

- Không. Để tui. Phần tui được mài mực. Cậu ngồi nghỉ. Cậu là người thầy học đầu tiên của con tui, tức thì là thầy học của gia đình tui...

Côn chưa kịp nói với ông thì ông cầm thoi mực và cái nghiên chạy vội vào phía trong lấy nước lã để mài. Hồ Quang cũng đang mài son, thử bút.

Côn và Quang giúp cho bé Xեն ngồi vào ghế, hai cái chân teo để thông xuống lúc la lúc lắc như cái dây thừng. Côn nói:

- Chân Xئن yếu không thể xếp bằng trên phản được, cũng không thể ngồi khom người để viết như người khác mà nên ngồi ghế, tựa bàn mà học, mà viết ít bị mỏi. Ở nhà Cئن cũng ngồi ghế tựa bàn, không ngồi lom khom như các nhỏ sinh khác.

- Anh lột thêm hộ cái áo cũ của cha em vì mông em nó có thịt, ngồi lên đau lắm anh ạ - Xئن nói với Quang.

Quang với lấy cái áo treo trên móc gấp lại, lột cho Xئن ngồi thử. Cئن nói:

- Xئن ngồi tạm ít hôm nhé, Cئن về xin mẹ Cئن mấy miếng vải đầu tấm dệt bị lỗi cắt ra, sẽ can lại may thành cái gối lột cho Xئن ngồi học.

Bé Xئن ngồi ngay ngắn, hai cánh tay đặt trên bàn, mặt bồi hồi sung sướng như lúc được mẹ về chợ cho quà, vuốt ve âu yếm. Cئن ngồi bên cạnh, để cuốn vở giấy trắng tinh trước mặt bé Xئن. Ông Xئن và Quang đưa nghiên mực mài và bút lông thỏ lên, đặt ở bên. Cئن đỡ lấy bút, nói với bé Xئن những lời ân cần:

- Hôm nay là buổi học khai bút, khai tâm đầu tiên cho Xئن. Cئن viết vào vở tập "bộ nét" để Xئن tập viết và nhớ thật kỹ từng nét thì sau này mới biết được chữ. Còn khai tâm, Cئن viết cho Xئن bài học đầu tiên bằng năm chữ, mỗi chữ từ hai đến bốn nét để dễ nhớ.

Mắt bé Xئن, mắt ông Xئن và cả Hồ Quang nữa như hút theo ngọn bút của Cئن đưa trên mặt tờ giấy tinh khôi. Cئن vừa viết vừa xướng lên cho Xئن đọc theo: "Nét chấm... nét ngang... nét ngang dài; nét ngang ngắn; nét sổ... nét sổ thẳng; nét sổ có gạch dưới bên tả, nét sổ có gạch dưới bên hữu;... Nét phẩy xuống,... nét phẩy hất lên,... nét phẩy khép,... nét móc,... khung;... nét móc..."

Cئن viết tiếp vào vở học cho Xئن:

- Xئن chú ý cách viết của năm chữ khai tâm đây - Cئن đọc lên - Nhân: bốn nét, gọi là nhân đứng () ghép với chư nhĩ (). Nhân: hai nét. Hựu: hai nét; Đại: ba nét; Nhân: Xئن chú ý chữ nhân trước viết khác và nghĩa cũng khác hai chữ nhân đứng sau.

Cئن đọc lại:

- Nhân nhân hựu đại nhân.

Bé Xئن đọc theo. Và, Cئن bịt chữ trước hỏi chữ sau lại bịt cả năm chữ hỏi một chữ. Bé Xئن nhớ ngay mặt chữ. Cئن giảng nghĩa từng chữ và Cئن dặn thêm:

- Chữ nhân bốn nét là lòng thương người chứ không phải nhân là người viết hai nét.

Đột nhiên Cئن quay ra ông Xئن:

- Thừa bác, bác nên đặt cho Xئن một cái tên khác, đừng gọi bằng Xئن nghe tủi lắm ạ.

Ông Xئن thở dài:

- Cậu chu đáo quá. Cậu đã thương em nó rứa là tận nguồn đến ngọn rồi. Quả thiệt tui đã đặt tên cho nó là Văn. Tui họ Bùi, lót Hải. Tức thị: Bùi Hải Văn. Đặt tên như rứa là cái bụng của tui ước ao lớn lên nó sẽ được tắm trong cái bể học, bể hiểu biết để làm người, cậu ạ.

- Bác đặt tên cho Xئن vừa đẹp vừa có ý nghĩa hay. Bác ơi, từ nay không gọi cái tên tủi thân ấy mà gọi Văn đúng cái tên lót ổ ạ.

Bé Văn cười sung sướng, má đỏ hây. Ông bố cũng phấn chấn ôm chầm lấy nó nâng bổng lên chạy

tâng tâng khắp nhà...

5.

Côn hý hoái chọn những mảnh vải đầu thừa đuôi theo của mẹ cắt xén từ trong các tấm vải dệt xong. Côn đã xin phép mẹ khâu vá cho bé Văn một cái lót ghế ngồi. Côn mô tả với mẹ về tình cảnh tàn tật của nó. Chị cử Sắc đưa cả bọc mụn vải cho Côn lựa chọn và chị hứa sẽ khâu gồi cho nó. Nhưng Côn chưa dám thổ lộ với mẹ việc Côn dạy chữ cho nó học. Côn muốn im lặng, khi nào nó học kha khá sẽ thưa với cha mẹ. Côn dặn kỹ Quang và cả Khiêm, Tuấn nữa, giữ kín, coi như cả nhóm cùng giúp đỡ cho bé Văn học được kết quả.

Khiêm đi chợ về, ngồi sà xuống bên Côn kể một thôi dài:

- ... Em biết không. Anh mần theo lời mẹ dặn, anh em mình khi ra chợ mua món chi, con trai không quen giá cả thì đợi các bà, các chị người ta mua xong, nhờ mua giúp cho luôn thì nó bị hớ. Anh đang đứng trước hàng tôm đợi có người mua để nhờ, mẹ của Quang ngồi bán cá nhìn ra anh. Bà gọi, mời anh rồi rít:

- Ôi! Anh có nói đi mua cá mua tôm chi không? - Côn hỏi Khiêm vẻ lo ngại.

- Em coi anh như người khờ ấy! Này nhá: Quang là học trò của cha, anh với em chơi thân với Quang. Anh gặp mẹ Quang đang ngồi bán cá thì có khác chi bọn thuế, bọn lính cầm đến các nhà bán hàng gợi ý: nhà chúng sắp có giỗ, hoặc bảo ở nhà có người ốm chưa có chi ăn!

Côn cười giòn:

- Em cứ lo anh buột miệng nói mẹ sai anh ra chợ mua thức ăn thì khó xử lắm đó.

- Anh chỉ mới nói mẹ ta đi chợ Nam Phổ bán vải và mua sợi. Rứa là bà ấy lấy lác định xâu cá cho anh mang về. Anh phải giữ lấy tay bà. Nhưng bà cứ biểu: "Thím đi chợ Nam Phổ ngái lắm, lại cách đồ cách giang phải gần tới mới về được.. Cậu đưa cá về nấu cho thầy ăn. Tui mà biết thím đi vắng tui đã sai thằng Quang đem cá lên cậu rồi". Anh vẫn nằng nặc không nhận và đành phải nói dối với bà là đã ăn cơm rồi để cha đến Giám.

- Cha đi đến nhà quan đốc Đặng gặp chú Tú San chứ anh?

- Thì đã biểu bí quá anh phải nói dối cho qua m...à...

- Rồi anh có mua được tôm không?

- Có, anh nói với bà là con mèo ốm, chỉ ăn tôm, nó nó ăn cá, ăn mỡ chi cả.

- Anh lại phải nói dối vậy nữa?

- Anh có mua tôm thiệt chứ? Chỉ nói tránh mua cho mèo thì nó hết mấy để bà khỏi ép nhận cá biểu của bà. Nhưng vui nhất là chuyện các bà bạn hàng của bà Quang nhìn chăm chú rồi khen với nhau: Nhà ai có được người con đẹp như người trong tranh? Anh ngượng chín cả mặt muốn chạy liền thì bà Quang cứ giữ lại khoe ríu rít: "Con thầy cử Sắc đó. Bé Quang nhà tui được thầy cử thương tình cho vào học trường của thầy. Thầy rất đẹp. Thím rất đẹp. Cho nên con cũng rất đẹp. Cậu cả đây đẹp, nhưng so với cậu em lại chưa thấm chi mô". Bà lại còn kể về em tí mĩ như người tạc tượng: "Cậu ấy người thanh mảnh, mười ngón tay thon dài như mười búp măng, da trắng như trứng gà bóc, mặt vuông tượng, hai con mắt sáng như hai ông sao, lông mày dài hơn mắt, đúng là mày ngài mắt phượng, trán trượng phu. Môi lại đỏ chon chót như nhuộm phẩm điều, mũi cao thon thon, nhưng không nhọn, không quăm

như mũi đâm Tây đoan mô..."

Côn chạy vào giường mẹ cầm ra chiếc gương con gà, vừa soi vừa hỏi Khiêm:

- Mặt em có như bà Quang nói không anh?

- Chứ còn chi nữa! Ngày ở nhà quê bà ngoại mình cũng biểu em đẹp giống bà nội. Sáng dạ như bà nội. Bà nội hồi còn con gái được học chữ với thầy Hồ Sỹ Tạo ngồi dạy ngay trong nhà. Bà ngoại còn biểu: "Cha rất giống bà nội, ít giống ông nội, cho nên dạ cha sáng như đèn. Còn bác Nguyễn Sinh Thuyết thì tối dạ. Bác học năm năm mà không nhớ được đủ chữ để đọc các tờ văn cúng ngày giỗ, tết. Bà nhủ: Bác Thuyết rất thương cha mình nhưng bác sợ bác gái một phép".

Côn vừa cười vừa nói vui:

- Bác trai nể bác gái mà ngỡ bác sợ vợ đó. Tôn Thất Tuấn gọi to từ trước ngõ chạy vội vào:

- Đắm đồ... đắm đồ ngoài bến Tràng Tiền... Cậu Khiêm ơi... Cậu Côn ơi...

Côn vút vội nắm vải vụn xuống đất, đứng phắt dậy. Khiêm cũng tái mét mặt, nhưng bình tĩnh hơn. Côn giục:

- Chạy ra coi ... m...ẹ có về chuyến đồ này không?

- Thím cử đi mô mà phải sang đồ?- Tuấn hỏi.

- Mẹ tôi đi chợ Nam Phổ!

- Ta chạy ra ... đi!

Khiêm giục và cả ba cậu học trò chạy một mạch ra đến đồ Tràng Tiền.

Bến sông trước cửa Nhà Tiền người đứng như nêm củi, Khiêm đi ra trước lách lối cho Côn và Tuấn chen vào theo. Ai cũng muốn vào sát bến sông để tìm xem người nhà mình có trong chuyến đồ bị đắm này không. Khiêm, Côn, Tuấn cứ túm lấy gấu áo của nhau mà chen vào. Cả ba cái đầu trẻ nít mướt mồ hôi mới lần bước vào được trong bến. Côn lo cho mẹ cháy ruột cháy gan mà vẫn nói pha trò được:

- Anh em mình nhỏ đầu nên dễ chui, hai anh nhể?

Tuấn "Ừ" với Côn. Khiêm nhắc Côn:

- Nín lặng nghe coi họ đang nói chi ở dưới bến nước!

- ... Cứu cấp!... Cứu cấp!... người còn nóng... Còn nóng... vác ngược chân nạn nhân lên mà chạy cho nước trong bụng ộc ra...

Có cả những tiếng noi của người già:

- ... Thôi... thôi chuyện hơi vô miệng nữa... Côn chạy vượt thẳng đến nơi đang có tiếng người kêu cứu. Khiêm, Tuấn cũng bám sát được Côn. Ba cặp mắt thơ ngây bỗng lạc thần, mặt không còn sắc máu nhìn chằm chằm vào mấy người phụ nữ đã nhợt nhạt nằm như ngủ trên tấm liếp trải. Những nạn nhân được vớt lên ngay đang được nhiều người xum lại dìu vào các nhà gần nhất. Một số nạn nhân còn thoi thóp thì đang được cấp cứu tại chỗ. Hai anh em Côn và Tuấn lần lượt nhìn kỹ từng người... Tiếng khóc của những người thân các nạn nhân như nhối lòng người vọng dài theo dòng sông. Tuy chưa gặp mẹ ở đây, Côn nhìn cảnh chết chóc nước mắt trào ra. Khiêm và Tuấn cũng không cầm được lệ.

Có tiếng gọi:

- Cậu Côn... ời, cậu Côn!...

Côn nhìn sang bên kia đám người, thấy bố bé Xên Văn, Côn gọi:

- Anh Khiêm, cậu Tuấn, bác Văn gọi ta.

Ông Xên Văn lướt đến rất mau, đứng ngay trước mặt ba cậu nhỏ sinh.

- Ô! Cả cậu Tuấn có ở đây nữa. Tui với chú phó Tràng cùng xuống bên trong chuyến đò ni. Nhưng tui tui lên một đò thì không hề chi, còn một đò thì đắm. Tui với chú phó Tràng ra về có gặp bà cử đang ở chợ. Bà cử nỏ có trong chuyến đò ni mô.

Ba cặp mắt tỏ con đang hốt hoảng đã dịu hẳn lại. Nhưng cả ba cậu bé nhỏ sinh mừng như mở cờ trong bụng mà không ai thốt ra lời. Tiếng mấy em nhỏ mắt mẹ, những người lớn mắt người thân ruột thịt đang khóc ai oán bên sông Hương.

Côn tin ngay lời ông Xên Văn. Nhưng Khiêm thì vẫn hỏi thêm:

- Bác nhìn đúng là mẹ cháu còn ở chợ, hả bác?

- Tui với chú phó Tràng còn chào bà cử rồi mới đi ra cổng chợ, mà cậu.

- Chú phó Tràng về rồi, hả bác? Tuấn hỏi.

- Chú... Chú kia đằng kia - ông chỉ tay về một đám đông đang cứu người bị nạn. Chú lại hung (khỏe) lắm. Một mình chú nớ vớt được sáu người lên bờ đó.

- Bác ời - Côn nói - chúng cháu đến chỗ chú phó Tràng đây.

- Thôi - giọng ông buồn trĩu xuống - Các cậu đi về nhà được rồi. Mọi người đang về cả đó. Chết mất bốn người! Còn lại thì cứu sống được cả.

- Dạ, chúng cháu ở đây đợi mẹ cháu một thể, bác ạ - Khiêm nói.

- Rứa thì... thì các cậu đi lên cửa Nhà Tiền mà đợi, đừng đứng chỗ ni ồn ào, nhức đầu. Tui phải về kéo bé Xên... à à... quên... các cậu thứ lỗi cho tui cứ quen mồm gọi con cái tên khổ sở nớ! Thôi, tui về kéo bé Văn nó nghe tin đắm đò nó lo...

- Cháu chào bác ạ, bác nhắc Văn nó chép cho xong để mai cháu đến lấy quyển về, bác nhé - Côn dặn với theo sau tiếng chào của Tuấn và Khiêm. Ông Xên Văn chấp tay xá xá rồi bước đi.

*

Khiêm đi trước, theo sau là Côn, Tuấn, lên tới con đường đá, Tuấn nói:

- Biết chắc thím không về trong chuyến đò đắm. Yên cái bụng rồi. Hai cậu ở lại đợi thím, mình về nghe. Mình nghe tin đắm đò, chạy ngay ra báo với hai cậu, nỏ kịp xin phép mẹ.

Côn giục Tuấn:

- Cậu Tuấn về kéo bác lo chẳng rõ đi đâu.

- Tui mình cảm tạ cậu Tuấn nhá.

- Trời ời! Cậu Khiêm lai đi cảm tạ tôi chuyện ni hỉ!

Khiêm cười trừ. Tuấn phát vào vai Khiêm một cái rồi chạy vù trên con đường nắng xiên khoai.

Côn nhìn theo Tôn Thất Tuấn đang xa dần trong bóng ô; bóng non nhấp nhô trên con đường, nói với anh:

- Em đói bụng lắm anh ạ.

- Anh cũng thấy đói cồn cào từ nãy. Giá nó có chuyện đấm đò thì ăn cơm xong anh em mình đi đón mẹ là vừa.

- Em thương con mèo cũng bị đói quá bữa như anh em mình.

- Người chưa được no thì lại còn lo cho mèo đói!

- Người có óc nghĩ, đói bụng thì nghĩ sang chuyện khác quên được đói. Con mèo nó chả biết nghĩ nên bụng đói thì mồm kêu meo meo, càng kêu càng đói chứ anh?

- Em về mà hỏi mèo ấy. Anh mô phải con mèo mà hỏi anh.

Côn thấy anh nói dối, mặt tiu nghỉu.

Đứng im giây lát, Côn lại hỏi anh giọng buồn buồn:

- Bốn người chết đấm đò, em thấy thương quá, tội nhất là mấy đứa nhỏ lên hai lên ba mà đã mồ côi cha mẹ. Em thấy hai đứa cứ trườn ra khỏi tay bế đòi xuống với mẹ. Chúng nó chưa biết mẹ đã chết nằm đó.

- Ủ, anh nỏ dám nhìn. Thương lắm. Chúng sẽ phải chịu phạt: "mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ vét lá đầu đường!".

- Câu ấy em cũng đã nghe bà ngoại, cả mẹ nữa thường nói. Nghĩa của câu ca dao ấy là sao anh?

- Là... là mẹ chết, bố còn trẻ không thể ở vậy nuôi con được, phải lấy người vợ khác. Người vợ mới của bố sẽ là mẹ ghẻ của con. Đã là mẹ ghẻ thì ghét con chồng, đày đọa con chồng. Khổ quá, không ở được với mẹ ghẻ, con phải ra đứng đường vét lá bánh, lá gói của người ta vớt ra... Cũng như câu: "Bao giờ bánh đúc có xương, bao giờ mẹ ghẻ lại thương con chồng?!!"

Côn im lặng. Nhìn đăm đăm ra dòng sông Hương loang loang nắng chiều.

- Vậy ra - Côn hỏi anh - Bố chết trẻ, mẹ đi lấy chồng khác thì con không khổ hả anh?

- Ít khổ hơn.

- Sao em lại nghe cha nói: "Còn cha gót đỏ như son, đến khi cha thác gót con đen sì".

- Anh chưa hiểu hết cái nghĩa của câu ấy. Anh cứ cho là, cha chết, con ở với mẹ vẫn sướng hơn chết mẹ. Vì, dầu mẹ có đi lấy chồng khác thì người bố dượng bao giờ cũng rộng bụng hơn là người dì ghẻ.

- Hứ... chưa chắc đâu anh ạ. Anh đã quên rồi à? Chú đội khó vàng ở bên cạnh nhà mình, chết vợ lấy cô bán chè gánh. Cô ấy góa chồng, có một đứa con gái với chồng trước. Vài ngày chú đội lại đánh cô ấy một trận, đánh cả đứa con gái nữa. Hôm kia chú đội đánh đuổi cả con gái. Nó phải về bên bà nội của nó! Cô ấy dắt con gái vừa đi vừa khóc. Mẹ mình biếu mẹ con cô ấy ba quan tiền với mười vuông vải mợ đó.

Côn ngẫm nghĩ để hỏi anh thêm. Nhưng Khiêm vẻ khó chịu:

- Em hay hỏi. Cái chi cũng đặt thành việc để hỏi... Trả lời với em không đầy đủ thì em lại hỏi vặn. Mệt đầu lắm. Anh nỏ nói chuyện với em nữa mô.

Côn vẫn dụ dằng với anh:

- Không biết em mới hỏi. Đã hỏi thì hỏi đến nơi đến chốn, chứ anh. Vả lại, đang lúc đói bụng, nói chuyện cho quên đói, chẳng lẽ em cứ kêu đói bụng... đói... bụng như con mèo kêu meo meo à?

- Anh đã nhủ: Nói chuyện với em mệt đầu mệt óc mà, càng nói càng thêm đói bụng.

Khiêm toan bỏ đi ra xa thì Côn đã nhìn thấy hai ba chiếc đồ cặp bên:

- Ta xuống đón mẹ, anh ơi! Khiêm hớn hờ ngay:

- Ô. Có khi mẹ về chuyển đồ ni em à. Hai anh em vội chạy xuống bên đồ.

Nắng vắt lên vương thành như tấm vóc. Mặt sông Hương phơn phớt tím. Những dãy nhà Tây ngạo ngễ dưới bóng cờ ba sắc kiêu mạn giữa cảnh trí Hương Bình. Gió hiu hiu, mây vờn vờn trôi, trời lằng lằng u hoài!.

Chị cử Sắc lên bờ, bước chậm chậm, hai đầu gánh nhún nhảy theo nhịp chân. Chị nhìn quanh bên sông về mặt buồn, trầm nghĩ về số phận của những người bị đắm đồ chuyển trước! Chị thở dài. Gió bay nhẹ nhẹ cái nón quai thao hơi trùng trùng. Chị nghiêng mái nón về tây. Bước vội. Sợi dây xà tích bạc, dây lưng xanh lượn uyển chuyển quanh ống quần lụa thâm. Chị vào đất kinh đô đã hơn hai năm mà vẫn còn ngơng ngượng về cái quần hai ống mặc trong người. Ở Nghệ An quê chị chưa có một người con gái nào dám mặc quần, tất cả đều mặc váy. Nhiều bà, nhiều chị quanh năm chỉ mặc váy vành cối xay xắn quai cồng, không dám mặc váy dựng đứng thành theo chiều dọc của vải của lụa. Vì việc đèn sách của chồng, của các con, chị phải thay đổi một phần nếp ăn mặc của mình mà cũng là của quê cha đất tổ. Song, chị cũng nhận ra, mặc quần tiện lợi, gọn gàng hơn. Nhiều bạn gái nhận xét chị mặc quần còn duyên dáng và trẻ ra nữa.

- Mẹ! mẹ!

Chị cử Sắc nhận ra các con cùng lúc các con nhận ra chị và chúng đã gọi mẹ trước. Côn riu rít một bên tay mẹ. Khiêm bịn rịn đằng sau mẹ.

- Nghe đắm đồ, chúng con hoảng quá vội chạy ra bên tìm mẹ - Khiêm nói - Côn tiếp lời anh:

- Nhờ có cậu Tuấn chạy đến nhà tin cho chúng con, mẹ ạ.

- Cậu Tuấn tốt bụng quá. Các con đợi mẹ từ lúc nớ à?

- Dạ ạ - Khiêm đáp...

- Các con ăn cơm trưa rồi mới ra đón mẹ chứ?

- Chẳng kịp ăn mẹ ạ - Côn trả lời gọn lỏn.

- Các con ăn uống trễ nãi rứa, mẹ nỡ vui mô... Cha các con chưa về à?

- Cha vẫn chưa về, mẹ ạ - Khiêm đáp.

Ba mẹ con chị cử Sắc bước vội trên con đường nghiêng nghiêng nắng chiều.

Anh cử Sắc như từ trong nắng chiều hiện ra. Anh đi sải dài bước về phía Nhà Tiền. Côn nhận ra dáng cha đang đi...

- Ô! Cha! Cha đi đón, mẹ ơi!

Côn chạy về phía cha. Khiêm cũng bước nhanh vượt lên trước mẹ:

- Con đoán cha về nhà nghe tin đắm đồ thể nào cũng ra bến tìm mẹ. Y như rằng.
- Giá các con về trước để cha khỏi phải mất công đi ra bến nữa.

Anh Sắc sập cái ô xuống:

- Tôi về nghe hàng xóm nói, biết là nhà không có trong chuyến đồ đắm. Nhưng không thấy bé Khiêm, bé Côn ở nhà tôi lại băn khoăn...
- Đã biết không có chuyện dữ, nhà còn đi ra bến. Quá cẩn thận. - Chị Sắc nói.

Côn nói như than thở với cha mẹ:

- Con nhìn thấy mấy người bị nạn, bụng căng tròn nước sông. Chú phó Tràng cùng với những ông lực lưỡng vác ngược chân họ lên chạy lúp xúp vòng quanh, nước trong mồm người bị nạn chạy ra ộc ộc...

Anh cử Sắc thở dài:

- Người ta nói đắm đồ mới lo bắc cầu. Đằng này, chưa biết bao giờ mới có được cái cầu qua khúc sông giữa chốn kinh đô?

Chị cử Sắc hỏi chồng:

- Nhà đến đảng quan đốc Đặng có gặp được anh nho San (Phan Bội Châu) không?
- Có. Anh nho sửa soạn đến chỗ ta thì tôi đến.
- Giỗ cha sắp tới. Nhà có mời anh nho không?
- Có chứ. Anh nho còn nhắc anh: "Sắp đến giỗ thầy Hoàng Xuân Đường rồi". Tôi muốn mời cả anh đốc Đặng. Nhưng ngày đó anh đốc lại bận đi hành hạt ra mấy phủ huyện phía ngoài giáp Quảng Trị.
- Khoa thi vừa rồi anh nho có... - Chị cử Sắc đang lưỡng lự thì anh cử Sắc đã thở dài, đáp:
- Anh nho thi Hương kỳ mới rồi bị cái án "Hòa hiệp văn tự, chung thân bất đắc ứng thí".

Chị cử Sắc lặng người. Chân mỏi rũ, vai nặng trĩu, bước từng bước uể oải. Vợ chồng anh cử Sắc và cả hai con im lặng đi về tận nhà!

6.

Từ ngày vào kinh đô Huế ở, lần đầu tiên cậu bé Nguyễn Sinh Côn thấy cha mẹ làm mâm cỗ khá to cúng giỗ ông ngoại. Buổi tối ngồi học bài, Côn nghe lồm bồm cha mẹ bàn bạc:

- Minh nhớ công ơn cha từ nghĩa cả: Sinh thành và dưỡng dục. Với tôi, cha là người nuôi dưỡng, người tạo dựng cơ đồ cho, người thầy học dạy tôi từ lúc còn bập bẹ cho đến ngày tôi đứng vào hàng lều chông.

Côn cảm thấy vui vui nghe mẹ cười nói với cha:

- Nhà lại phạm vào cái sách "trọng nam khinh nữ". Tôi là học trò của cha mà nhà lại chỉ nhận cho riêng mình được nhớ ơn nghĩa thầy là cái lý chi?

- Ồ nhĩ! Xin lỗi mình nhá. Mình là học trò của cha cho đến ngày có mang bé Thanh mới xếp bút nghiên. Vậy mà tôi đình ninh chỉ có riêng tôi là thờ nhạc phụ với nghĩa thờ thầy nữa!

- Đàn bà... là đàn bà, dầu giỏi chữ mấy vẫn là phận đàn bà. Ở quê mình biết bao bà mẹ giỏi chữ, có công dạy cho con học từ sách "Đồng Ấu Ngũ ngôn thi" cho tới Tứ Thư rồi mới đi học tiếp với các thầy khác. Nhưng chẳng ai nhắc đến công người mẹ dạy chữ mà có nhắc đến thì cũng chỉ nhắc lấy lệ như sách Chinh Phụ Ngâm: "Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân". Rất may cho bà Đoàn Thị Điểm dịch sách của Đặng Trần Côn, bà huyện Thanh Quan có thơ đèo Ngang, bà Hồ Xuân Hương có thơ nhạo đời mới biết các bà là những đàn bà biết chữ, đàn bà có học!...

Anh cử Sắc vừa cười vừa nói:

- Chà! Mình bữa nay "luận tội" sự bất công ở đời khiến tôi cũng chột dạ đó.

Chị cử Sắc cười tủm tỉm. Rồi chị bàn bạc cụ thể với chồng việc cúng giỗ cha ngày mai.

Côn đến trước cha mẹ khoanh tay:

- Thừa cha mẹ, con đã học xong bài. Anh cử Sắc gật đầu nói:

- Cha mẹ cho phép con được đi ngủ.

Khiêm vẫn ngồi học cho tới lúc cha mẹ bàn xong việc giỗ chạp mới thuộc hết bài.

*

Vừa tảng sáng, chú phó Tràng đã oang oang từ ngoài ngõ vào sân nhà:

- Em cứ ngỡ đến sớm ri bác cử chưa dậy. Té ra, em lại là người "trời sáng tưởng trăng mai".

- Mẹ con tôi cũng vừa mới dậy, chưa màn chi mô, chú ạ - Chị cử Sắc đáp.

- Bác đã có nước sôi chưa để em cắt huyết gà?

- Chưa chú ạ. Chú lên nhà uống trà với nhà tôi đã.

Anh cử Sắc ở nhà trên nói vọng ra:

- Mời chú vô đây uống trà nóng.

- Em tạ thầy cử - phó Tràng vừa sải mấy bước chân đã thấy bé Côn từ trong nhà chạy ra đón đả:

- Cha cháu mời chú vô uống nước. Mời chú vô nhà đi... Cha cháu đang đợi chú...

Vì tôi qua học bài khuya Khiêm còn ngủ ngủ đã chạy vội xuống bếp với mẹ.

Anh cử Sắc rót ba chén nước. Anh đưa Côn một chén:

- Con bung xuống mời mẹ - Anh bung tiếp chén nước thứ hai mời phó Tràng - Chú uống trà ạ.

- Thừa thầy cử - phó Tràng đón chén trà trên tay anh cử Sắc - Đời thợ của em ăn cơm uống nước từ trong cung cấm ra tới chủ tiệm tạp hóa chợ Đông Ba. Tay thợ em đóng ngai vàng, đóng ngăn, đóng hộp cho hàng xén, đóng cả cái ghế cho bà bán nước chè tươi ở quán bên đường. Nhưng em vẫn như một con chim bay sắp rã cánh mà chưa tìm được đất lành để đậu. Lòng người bạc lắm. Sự đời lắt léo quá. Đường đời hiểm hóc và chông gai không một ai lường hết được - Chú uống nước kéo nguội - Anh cử Sắc mời - Phó Tràng ngáp từng ngụm nhỏ như uống rượu. Anh vẫn giữ cái chén trong lòng bàn tay. Anh cử Sắc nâng cái ấm sành lên, phó Tràng liền chìa chiếc chén màu da lươn đón dòng nước tỏa hương chè sen thơm ngon.

Phó Tràng nhấp trà, nói một giọng trầm trầm khác hẳn thường ngày:

Tui nói ra, có điều chi sai, xin thầy xá quở cho.

- Đâu dám. Chú cứ tự nhiên - Anh cử Sắc đỡ lời.

- Từ ngày gia đình thầy cử vô đây, tui được làm người lán giềng, chạy đi chạy lại với ông bà, với hai cậu nhỏ, chừ lại được phép gọi các cậu là cháu, thân mật hiếm có lắm. Hiếm có thiết tình. Có người biểu với tui: Thầy cử là người Nghệ nên nhiều chữ và giàu nhân đức. Tui không hoàn toàn tin theo các quan niệm ấy. Tui hỏi họ rằng: Ở trong triều hiện còn có ông cử nhân người Nghệ lên đến chức Phụ chánh đại thần, Duyên Mậu quận công, suýt nữa là được phó vương trấn ở Bắc Kỳ do có công trung thành với Tây, giết dân chúng, đàn áp quân khởi nghĩa của quan Tán tương quân vụ Nguyễn Thiện Thuật. Tui là người đất Thần kinh nì, đã nhìn thấy rõ mặt những ông quan, ông vua. Thật hay giả, thiện hay ác. Tui ra đời lúc Tây đánh chiếm cửa Hàn (Đà Nẵng). Ngày kinh đô thất thủ tui đã hăm sáu hăm bảy tuổi rồi. Gốc tổ của tôi ở Đà Nẵng, thầy cử ạ.

Anh cử Sắc đỡ lời ngay:

- Chúng tôi biết chữ, lẽ ra chúng tôi và hai cháu phải gọi chú bằng bác mới phải đạo.

- Không hề chi việc gọi chú hay bác, thừa thầy. Điều cốt tủy là cách đối xử giữa người với người, thầy cử ạ. Như tui vừa thừa chuyện với thầy đó. Lòng người bạc lắm, hiểm lắm. Tui đã thấy, mắt tui đã nhìn rõ giữa thanh thiên bạch nhật chứ nỏ phải nghe ai kể. Đúng cái buổi sáng 23 tháng 5 năm Ất Dậu, quan tướng thân thần hộ giá Vua Hàm Nghi ra khỏi hoàng cung. Kinh đô chìm ngập trong khói lửa. Tui cũng chạy loạn như mọi người. Nhưng trong khi chạy, có những tiếng kêu cứu thất thanh giữa đám cháy. Có người nhảy vô lửa cứu người. Tui không thể chạy dài thoát thân được đã nôi gót những người đang cứu người bị nạn, tui lao qua một đồng lửa, chui vô ngôi nhà đang cháy dở, cũng được một em bé gái, xốc nách kéo lê được một cụ già gần bảy mươi tuổi ra khỏi đám cháy. Bọn tui chạy ra khỏi cửa Thành. Trời vừa sáng bảnh, tui chột nhìn ở đầu góc đường Hàng Bè có một người con trai trạc tuổi tui đang quỳ lạy một tên giơ gươm chém. Tui nép vô sát hè phố. Nghe rất rõ lời nạn nhân van xin: "Mình với ông là bạn thân, là Phấn Nghĩa quân của quan tướng! chớ giết mình! Mình đang còn một vợ, hai con. Ông về đầu thú Tây thì mặc. Mình nỏ khai ông với Tây mô. Mình mần ăn để nuôi con thôi"... Nhưng tên kia vẫn đâm, chém hàng chục nhát rồi bỏ chạy. Hấn chạy ngay qua mặt tui. Đến chừ tui vẫn còn nhận được mặt tên giết người ngày ấy. Tui nỏ dám vạch mặt hấn vì hiện chừ hấn đóng lon đội khó xanh giữ cửa cho sứ Tây bên tê sông. Người ta quen gọi hấn là đội Xuân!

Tên đội Xuân thường dắt Tây về các làng, các chợ nhà quê vây ráp, ức hiếp dân chúng. Người ta còn đồn rằng, hắn và một số tên nữa định cướp tài sản của ai liền ném bả rượu vô vườn người đó rồi đưa Tây về bắt "quả tang". Rúa là sạt nghiệp với hắn.

Anh cử Sắc áp cái ấm trà nóng vào lòng bàn tay, mắt nhìn vào khoảng trống. Bé Côn đang quét dọn bàn thờ cũng dừng tay lại. Anh cử Sắc để cái ấm xuống, hai bàn tay anh đặt lên hai vai phó Tràng:

- Cùng một buổi sáng chạy loạn, một tên thì: sát bằng hữu thoát thân. Còn chú thì lại: Sát thân thành nhân.

- Thầy cử ạ. Tui nghe tỏm lòng dạ con người từ cái ngày đó. Tui lại trộm nghĩ: Cái hạng con tốt đen mà lòng nham hiểm đáng kinh tỏm. Còn kinh tỏm hơn là kẻ có tâm địa đen tối mà lại ngự trên ngôi thiên tử, hay ngôi trên ghế quan triều thì khổ cho muôn dân! Tui - anh đặt tay vào ngực mình - Chính tui nghiệm thấy cái điều đó. Cha tui cùng với tui vô Nội, đục, đẽo, bào, gọt, chạm trở ra cái ngai. Cái ngai bằng gỗ trăm phần trăm. Rồi mấy ông thợ sơn, phết sơn son lên, thếp vàng lên. Người ta phong cho nó cái tên: "Ngai vàng của Thiên tử". Rúa là cả trăm họ cúi đầu trước cái giá gỗ do tay cha con tui đóng. Cái tuồng đời phải vậy thì cứ coi là được đi. Vì người ngự trên cái ngai gỗ ấy là một hiền tài thật sự, dân đỡ khổ. Đằng ni, một tên vô lại được mang danh: hoàng tử lên ngôi do một tên ở Cơ mật viện sắp xếp thì là một đại họa cho giang sơn, cho nòi giống. Tui là người thợ mộc, tui có cách suy nghĩ của tui chứ. Ứng Lịch lên ngự trên cái giá của cha con tui đóng, xưng: Hoàng đế Hàm Nghi. Tui chưa vội nhận là đáng minh quân. Phải đợi cái đức sáng của Vua qua việc làm trước muôn dân, không thể tin ở các tờ dụ, tờ chiếu của Vua được. Đến lúc Vua Hàm Nghi cùng với quan thân thần, với các anh hùng hào kiệt và dân chúng cả nước quyết kháng chiến đuổi giặc Tây thì cái bụng tui sung sướng vô cùng. Cho đến lúc Vua bị bắt đày đi biệt xứ, tui vẫn thờ Vua Hàm Nghi trong bụng của tui chứ đâu chỉ thờ Vua ở trên cái ngai gỗ tui đã đóng ra! Tui lại buồn tủi cho cái ngai của tui là Ứng Đăng lên ngôi hoàng đế Đồng Khánh. Nếu cái ngai nó cũng nghe được như tui thì nó càng đau lòng khi ông chủ trị vị thiên hạ cầm bút "ngự phê những lời vàng sang nước mẹ Đại Pháp". Và ông ta từ trên cái ngai này ban xuống: "Muôn dân hãy tin ở Trẫm. Trẫm sẽ ban những ân thưởng cho trăm họ. Trăm họ sẽ yên vui tọa lạc dưới bóng cây đại lộc của trẫm." Hỡi ôi! Ông vua nói khoác đã chết. Cái ngai tui đóng còn đó. Lời nói khoác và văn tự bán nước của vua sẽ còn lưu lại với hậu thế!

- Trong lịch sử có nhiều vua đã chết ngay khi đương kim hoàng đế. Lúc "băng hà" chẳng qua là để vùi cái xác vô đất mà thôi. Cho nên, những ông vua nói khoác chết cùng lúc với lời khoác lác khi đã lọt vào tai dân chúng. Câu chuyện chú nói sáng nay, tôi càng yêu quý chú nhiều. Tôi chỉ dặn chú một điều nhỏ: nên giữ miệng. "Cảm nộ bất cảm ngôn" chú ạ.

Bé Khiêm từ dưới bếp chạy lên:

- Thừa chú, xôi chín rồi. Đã có nước sôi làm gà chú ạ.

- Rúa à cháu. Chú xuống ngay đây - Anh phó Tràng đứng lên xoa xoa hai bàn tay: Xin cáo lỗi thầy. Tui xuống nhà dưới đã ạ.

- Vợ chồng tôi vô đây nhờ cậy chú nhiều lắm.

- Ấy! Có đáng chi mô thầy. Tui được làm người thân tín của gia đình thầy mà cứ ngỡ mình nằm mơ vậy!...

Anh cử Sắc toan nói thêm một điều gì đó với phó Tràng, nhưng anh ta đã sải bước ra sân, khuất sau cánh cửa.

Côn quét dọn bàn thờ xong, xuống bếp. Thấy mẹ đang chăm chú dỡ xôi ra rá, hơi từ nồi chỗ bốc mù mịt qua đầu mẹ. Côn đi rón rén đến sau lưng mẹ, hai bàn tay nhẹ nhẹ bịt mắt mẹ.

Chị cử Sắc nhoen cười:

- Côn, con tưởng mẹ nỏ nhận ra con à? Mẹ bận tối mắt, con còn bịt mắt mẹ cho tối thêm hả!

Côn cười trừ:

- Sao mẹ lại không nghĩ là anh Khiêm quấy rầy mà mẹ lại đoán ra con, hả mẹ?

- Làm mẹ thì phải biết tính biết nét từng đứa con chứ.

Đang hồn nhiên chơi trò "bịt mắt đố mẹ", Côn đột ngột gọi mẹ giọng buồn buồn:

- Mẹ ơi!

- Chi đó con?

- Hôm nay giỗ ông ngoại. Cha mẹ, anh Khiêm và con ở cả đây. Bà ngoại ở ngoài quê chỉ có dì An, chị Thanh, bà buồn nhớ lắm đó. Lúc ngủ dậy con nghĩ vậy, mẹ ạ.

- Ủ - Chị cử Sắc cũng đượm vẻ băng khuâng - Bà ngoại của các con khi mô cũng nhớ con nhớ cháu cả. Những ngày giỗ chạp thì bà càng nhớ các con cháu đi xa vắng nhà.

- Ước chi con "hóa phép" một cái là bay về quê ở với bà, với dì và chị Thanh vài hôm; con lại hóa phép bay trở vô đây, mẹ nhể?

Chị cử Sắc cười:

- Con chưa hóa được phép để về thăm bà ngoại, thăm dì và chị Thanh của con mà biết nhớ đến là đáng khen rồi.

- Con hỏi mẹ một chuyện nhá!

- Con ra sau hè bê thêm củi vô cho mẹ rồi con hãy hỏi nhá.

Côn vác hai chuyen củi đã chẻ nhỏ đặt cạnh bếp đun cho mẹ. Côn định ngồi vào chỗ cũ, chị cử Sắc lại sai tiếp con:

- Côn ra múc một thau ni nước, bê vô đây cho mẹ đã.

Côn nhìn mẹ cười:

- Mẹ biểu con bê củi vô thì được hỏi chuyện mẹ kia mà.

- Chưa hết việc thì con còn phải giúp mẹ một tay đã chứ.

Côn cầm thau chạy ra vại nước. Chiếc thau đồng to, Côn phải khuỳnh hai cánh tay bung khệ nệ vào đặt cạnh mẹ, vừa thở vừa hỏi.

- Còn việc chi nữa mẹ biểu con làm nốt để con ngồi bên mẹ được lâu, mẹ ạ.

- Còn nhiều việc nữa con ạ. Nhưng chưa cần làm ngay. Con định hỏi mẹ chuyện chi nào?

- Con... - Côn chớp chớp mắt - Con hỏi mẹ là: Ông ngoại lúc còn sống đã có lần nào vào kinh đô chưa, hả mẹ?

- Ông ngoại của các con mơ ước được thấy Kinh một chuyến mà nở thành. Vì ông thi Hương hai lần không đỗ được cử nhân.

- Vậy ông có biết đường vào đây ăn cỗ cúng của con cháu không hả mẹ?

- Con có nhớ thương ông ngoại không?

- Con rất thương nhớ ông, mẹ ạ.

- Con rất thương nhớ ông. Anh Khiêm của con rất thương nhớ ông. Cha mẹ của các con đều rất thương nhớ ông, đó là con đường ông ngoại vô Kinh, con ạ.

- À!... giờ con mới hiểu ra những lần bà ngoại thường nói, mẹ ạ.

- Bà ngoại nói mần rằng?

- Bà biểu, con cái ở đâu vong linh ông bà, tổ tiên ở đó.

- Rứa là con đã hiểu được đôi chút về đường liên lạc giữa người sống với người đã khuất. Giờ mẹ hỏi con nhá?

- Dạ, mẹ đồ con à?

- Gọi là đồ cũng được. Mẹ đồ con là ông ngoại mất năm mô?

Côn nghiêng nghiêng đầu, mắt chớp chớp:

- Dạ... ông ngoại mất năm - Côn tính trên đốt ngón tay - năm Tỵ mẹ ạ.

- Giỏi, nhưng là chi Tỵ?

- Dạ, năm Quý Tỵ ạ.

- Con mẹ giỏi lắm. Con thử tính coi năm Quý Tỵ là niên hiệu chi?

Côn lại nghiêng nghiêng đầu, mắt chớp liên miên:

- Có phải... như cha con kể Vua Thành Thái lên ngôi năm Kỷ Sửu (1) không hả mẹ?

- Phải đó con.

- Vậy thì - Côn tính trên các đốt ngón tay - Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ... Vậy là Thành Thái ngũ niên, phải không hả mẹ?

- Phải rồi. Ở ngoài quê ta, con biết không, các bà, các ông chẳng mấy người biết chữ. Rứa mà họ nhớ rành rọt ngày giỗ của hàng chục người thân. Họ nhớ giờ sinh tháng đẻ của từng đứa con. Đến như loài chim còn biết nhớ đàn, nhớ tổ. Là người thì lẽ nào lại quên cả tổ tông, ông bà của mình? Các con thường nghe cha nhắc về họ Hồng Bàng, về mười tám đời Hùng Vương, là nhắc các con phải biết nguồn gốc người mình, nước mình. Nòi giống ta là Tiên Rồng chứ mô phải từ cục đất, hòn đá hờ con.

- Vậy giỗ các Vua Hùng ngày mùng Mười tháng Ba cả nước cúng, hả mẹ?

- Cả nước ai cũng nhớ ngày giỗ Tổ Hùng Vương. Ai có lòng, thuận tiện việc đi lại, có tiền lưng gạo bị thì trải hội về đền Hùng. "Dù ai đi ngược về xuôi, nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba". Ông cha đã đặt thành câu ca ấy để mọi người dễ nhớ, con ạ.

- Cha biểu đền Hùng ở đất Phong Châu, ngoài Bắc Kỳ, chắc là xa lắm lắm, mẹ nhỉ?

- Mẹ cũng chưa được đi tới đó con ạ! Chắc đường đất xa xôi lắm.

- Cha nói có người đến chùa lễ Phật, người đi đạo Công giáo đến nhà thờ cầu Chúa, mà ở nhà họ lại chẳng có bàn thờ cúng giỗ ông bà, cha mẹ. Cha biểu những người đó chẳng khác chi những kẻ miệng nói thương nòi giống, thương dân chúng cần lao đến cắt ruột, ăn không ngon, ngủ không yên, nhưng họ lại đuổi bố mẹ già ra ở xó bếp, chuồng trâu để họ ngủ trên sập chân quỳ, đệm gấm được ngon giấc.

Chị cử Sắc hơi đâm chiêu, giọng nặng trĩu:

- Những kẻ ăn ở không có đạo lý với cả người ruột thịt khi còn sống cũng như lúc hóa người thiên cổ rứa là họ đã suy, đã hư từ gốc con ạ. Phụ bất từ, thì tử bất hiếu; tử bất hiếu, tôn ắt vô luân, thôi con!

Phó Tràng từ nãy ngồi làm thịt gà với Khiêm, nhưng chăm chú nghe hai mẹ con chị cử Sắc trò chuyện. Tính phó Tràng nhạy như lửa. Chuyện gì bắt bén tình cảm liền cháy bùng:

- Bác cử ạ.

- Chú phó hỏi tôi hả?

- Dà...ạ.

- Việc chi rứa chú?

- Cái phận của tui là tay đục tay cưa nên chi "dùi đục chấm nước mắt" bác xá cho.

- Mô dăm - Có chuyện chi vậy chú?

- Từ nãy tới chừ, tai nghe bác nói với cháu Côn mà ngấm học được vô vàn điều hay, lẽ phải.

- Chú quá khen đó nghe. Mẹ con tôi nói với nhau chuyện vặt vãnh ấy mà chú.

- Thiệt tình. Tui nói thiệt tình. Trăm lần thiệt cả trăm. Tui được đi lại nhà hai bác và các cháu là coi như được đi đến trường học. Nếu hai bác là người bá hộ thì tôi nỏ bén chân tới cổng mô. Hai bác giàu chữ lại giàu cả nhân đức nữa. Khôi chi nhà nhiều chữ, sách chất cao quá đầu, hàng kho như đụn thóc mà lại nghèo nhân đức, thiếu cả nhân cách. Nói bác tha lỗi cho - "Nỏ dăm" - chị cử Sắc đỡ lời - Đã học mót lại hay nói chữ. Thánh hiền dạy chí phải: "Triêu văn đạo, tịch tử khả hy" (buổi sáng được nghe điều sáng tỏ đạo lý, chiều có phải chết cũng thấy thỏa).

- Mọi sự phải lấy đạo làm gốc, chú ạ.

- Chính rứa đó bác. Hôm nọ tôi sang sửa lại cái cộc xà quay sợi, nghe thầy cử giảng cho các nho sinh lớp lớn tuổi, tui thuộc được hai câu, đêm đêm đặt tay lên trán ngấm nghĩ, thấm thía lắm bác cử ạ.

- Hai câu ở sách chi, hả chú?

- Tui nỏ nhớ sách. Tui chỉ biết thầy cử Sắc giảng là nghe lọt vô tận tâm can.

- Chú đọc cho nghe, chú.

- Câu thứ nhất: Quân chi thị thần như khuyến mã, tặc thần thị quân như khấu thù. Ở trong câu ni tui muốn thay một chữ bác cử ạ.

- Chú nói thử nghe coi chú.

- Thay chữ "dân" thì rộng ý nghĩa hơn là để chữ "thần". Này nhá: Nếu vua coi dân như chó ngựa thì dân ắt phải đối với vua như giặc thù. Bác nghe có ổn không?

- Được chú ạ. Thần tức là những bầy tôi của vua trong đó bao gồm cả muôn dân. Vua đã coi thần như chó ngựa thì vua còn coi dân ra cái giống chi nữa?

- Cháu Khiêm, cháu Côn, nghe chú nói rứa liệu có được không? - Phó Tràng hỏi.

Khiêm nhìn chú phó Tràng cười, đáp gọn một tiếng: "Được, chú ạ". Côn thì gật đầu nói:

- Thừa chú, cháu còn nhớ một câu cha cháu giảng là: Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh. Rõ ràng dân là quý hàng đầu rồi mới đến quốc gia, còn vua thì không đáng kể. Vậy mà vua lại coi dân như chó ngựa thì dân phải trừ khử ngay cái thứ vua đó, chú ạ.

- Ô, ô! Cháu Côn đã nói ra cái điều ni nữa, chú càng tỏ rạng câu của thầy cử giảng mà chú thuộc bữa nọ: "Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu". Theo ngụ ý của chú thì giết tên vua tàn bạo của một nước là cứu được tai họa cho muôn dân còn có ý nghĩa lớn lao hơn việc trừ được những tên hung ác khác.

Bé Khiêm dừng tay vặt lông gà, nhìn phó Tràng trù mến:

- Giá chú học được nhiều chữ thì chú thông nghĩa và hóa rộng ra còn giỏi tuyệt trần!

- Đầu óc chú đặc như cán mai, có ăn nhằm chi mô cháu!

Côn đỡ lời luôn:

- Cháu cũng nghĩ về chú như anh Khiêm cháu nói đó chú ạ.

- Các cháu nó thường nói về chú, đúng rứa đó chú ạ. Nhà tôi cũng hay nhắc với học trò về sự sáng dạ và sự chịu thương chịu khó của chú lật từng chữ rơi vãi ở nơi ni, ở nơi tê góp thành cái vốn hiểu biết cho mình.

Phó Tràng bưng cái rổ đựng những con gà đã làm xong vừa đi vào bếp vừa nói:

- Chỉ có thầy cử, rồi bác, rồi hai cháu ở đây là những người hiểu được tui. Còn nữa, họ khinh tui là hạng "học mót" bác cử ạ.

- Tránh đầu cho hết được miệng người đời, hả chú!... Chị quay ra nhắc hai con:- Các con lên nhà coi cha có sai bảo chi không. Ở dưới ni coi như xong các việc vặt rồi...

Khiêm và Côn chạy ra vườn nhìn theo hai con chim sẻ tha rác làm tổ. Hai anh em lại chạy vào nhà với cha. Anh cử Sắc phân công ngay cho con:

- Giờ này chú nho San sắp đến rồi. Khiêm đi mời các môn sinh cấp huynh, Côn mời các môn sinh cấp đệ. Hẹn đến đúng giờ Ngọ, nghe không.

- Dạ, thưa cha đã mời từ hôm kia, hôm qua cả rồi ạ.

- Mời lần thứ nhất còn là tiếng chào cao hơn mâm cỗ. Mời lần này, đúng ngày cúng mới là dọn cỗ đón khách.

Khiêm bước ra khỏi cửa vừa đi vừa nhảy nhót, Côn thì ngấm hàng cây hai bên đường lắng nghe những tiếng chim xa vời vợi...

*

Anh cử Sắc hành lễ tưởng nhớ người cha đỡ đầu, người thầy học, người bố vợ xong lúc quá giờ Ty sang Ngọ. Anh nho San (Phan Bội Châu) được vợ chồng anh cử Sắc mời đến sớm hơn các bạn bè

khác. Anh nhỏ San thành kính lễ cụ Hoàng Xuân Đường trước bàn thờ nghi ngút hương hài.

Vợ chồng anh cử Sắc tiếp đãi những người học trò rất thịnh soạn, thân mật như thết bạn. Mâm cỗ gồm những món ăn đậm đà hương vị Nghệ An. Đám học trò bồi hồi nghĩ về tấm gương thầy, gương gia đình thầy phản chiếu vào tâm hồn sáng ngời. Mỗi lứa tuổi nghĩ về thầy một vẻ. Những nho sinh lớn tuổi đã từng học với các thầy đồ nổi tiếng dạy giỏi, nổi tiếng hay chữ, nhưng cũng nổi tiếng mắng học trò. Còn thầy cử Nguyễn Sinh Sắc thì khác hẳn. Thầy luôn luôn uốn nắn học trò theo khuôn phép: "Tiên học lễ, hậu học văn". Nhưng thầy không hề nói miệt thị một lời, không đánh một roi những học trò phạm lỗi hoặc chậm lĩnh hội, chậm thuộc bài.

Tiền khách học trò ra về, vợ chồng anh cử Sắc tiếp các bạn thanh khí, các bạn cùng học Quốc Tử Giám. Vợ chồng anh không đãi bạn bằng mâm cao cỗ đầy mà chỉ là một dịp gặp gỡ các bạn đồng tâm đồng chí giải sầu qua chén rượu, qua câu văn bình, qua tiếng thở than về vận nước...

Nắng tàn trên sân. Trong nhà hết khách. Còn lại anh nhỏ San với anh cử Sắc. Chú phó Tràng ngà ngà rượu đã về nhà mang theo vào giấc ngủ những khuôn mặt khô ngô tuần tú đượm vẻ đau buồn thất chí của bạn bè anh cử Sắc.

Chị cử Sắc và hai con đã dọn dẹp gọn gàng từ ngoài sân tới trong nhà. Chị bung từ gác chạng xuống cái mâm sắp sẵn mấy phần đem đi biếu...

Chị dặn bé Khiêm:

- Bà con quanh xóm mẹ đã biếu đủ cả rồi. Của ít lòng nhiều, mỗi nhà một tý gọi là ngày nhà mình cúng giỗ ông. Còn hai nhà nữa, hơi xa mẹ chưa đi biếu được. Hai anh em con đi thay mẹ nghe không. Đây, con bung sang biếu bác Tiểu, nhưng con phải nói là mẹ cháu xin lỗi hai bác không sang được, cho cháu sang biếu bác coi trầu nhân ngày kỵ giỗ ông, chứ không được nói đến xôi thịt chi mô nhá.

Chị quay sang Côn:

- Con đi biếu dì hai ngoài xóm chợ cho mẹ nghe. Con cũng nói như mẹ vừa dặn anh con.

Côn nhìn mẹ vẻ lưỡng lự:

- Mẹ ơi, con đi ra nhà dì Hai lúc quay về chắc tối mịt rồi mẹ nhể?

- Ủ! Nhưng con đi mau bước hơn cả mẹ thì về chưa đến nỗi tối lắm đâu.

- Con nghe bọn nhỏ ngã tư "âm hồn" biếu: trên ngọn cây cao nhất ở góc đường có con ma, ban đêm hay xuống bắt nạt trẻ con, trêu ghẹo người lớn, mẹ ạ.

- Con cũng tin cái chuyện nhảm nhí của đám nhỏ chúng hù dọa nhau à?

- Dạ. Con còn hỏi mẹ đã. Con đâu có tin ngay ạ.

- Mẹ biếu đó là chuyện bịa nhảm. Con đã thật tin lời mẹ chưa nào?

- Dạ, con chỉ ngờ ngợ chút xíu lúc đầu mới nghe thôi mẹ ạ.

Côn bung lấy cái rá đập kín bước ra cửa, chị cử Sắc nhắc với theo:

- Con chạy ù rồi về nghe chú nhỏ San nói chuyện ngoài quê ta với cha mẹ, con ạ. Khiêm cũng vậy, đi mau về con nhá!

Khiêm từ nãy mở cửa chạn, lật tìm từng chỗ mẹ hay cất thức ăn vẫn không thấy mẹ dành lại một chút

phần mẹ. Khiêm hỏi mẹ, giọng nói khẽ khàng, từ tốn:

- Em Côn nói nhỏ với con là từ sáng đến giờ, mẹ chưa ăn một chút chi cả.

- Lo chi việc ăn uống của mẹ, hả con. Mẹ hiểu các con bận khoản, sợ mẹ mệt, mẹ đói. Em Côn của con nó thấy mẹ chưa ăn nó cũng chẳng dám ăn, chỉ ngồi với các bạn cho vui lòng bạn.

- Mẹ bớt các mâm một tý, bớt các phần biếu xén thì đâu có thiếu?...

Chị cử Sắc biết con còn thơ dại, ăn chưa biết no, lo chưa tới việc, chị dặn dò ngay:

- Con phải nhớ câu: "Nhịn miệng thết khách". Không ai lại làm cái việc: "đãi khách nhẹ đầu tằm, mình ăn gấp nặng đũa". Những kẻ vô tâm mới cấm đầu ăn cho no bụng mình chẳng nghĩ đến phần ai. Nhà mình tuy ít của nhưng biết có miếng ăn chia cho đều, có cái tình thì thương cho khắp. Của ăn thì hết, của cho thì còn. Con nhớ kỹ cái điều ấy...

Khiêm nhận ra sự nghĩ non dại của mình, thấm thía lời mẹ dạy. Khiêm nhìn mẹ với cử chỉ vừa biết lỗi vừa trù mến lúc bụng cái rá đập kín ra đi. Trời chạng vạng phập phồng sương mỏng.

Chị cử Sắc sửa soạn lên đèn. Chị nghiêng đầu ghé miệng thổi vào con cúi rơm ủ lửa; lửa cháy bùng ngọn cao quá gang tay. Chị châm vào đèn, cả gian nhà sáng bừng. Chị lại vui con cúi rơm vào tro, lửa âm ỉ cháy. Chị vừa quét dọn vừa thầm đuổi theo những điều nghĩ ngợi không mạch lạc: ở nhà các quan to, các nhà hoàng tộc có những đồ dùng thật lạ mắt do đám quan Tây biểu nhân ngày đại khánh nước Pháp, ngày Tết, ngày lễ thọ tiết. Lạ nhất là cái hộp đựng lửa mà không hề có lửa trong đó. Cái hộp vuông vuông nhỏ nhỏ như một thỏi vàng vó, trong đựng những que tăm có đầu nụ màu nâu sẫm. Mỗi lần lấy lửa chỉ cầm cái tăm ấy quẹt vào một bên cái hộp là xòe lửa lên, tiện lợi vô cùng. Đi gần đi xa đều đem theo dễ dàng; lúc đêm hôm để cái hộp lửa ấy bên người, trong túi áo không sợ hỏng, sợ cháy chi cả! Lại còn cả cái món giống như khối bánh đúc mà lại giặt sạch, giặt trắng quần áo, không cần phải dùng bồ hòn, bồ kết hay lá đu đủ. Họ gọi bằng cái tên rất lạ "xa vông" hay là "xà vông" hoặc "xà bông", "xà phòng" chi đó.

- Nhà ơi! Anh cử Sắc gọi vợ (chị cử Sắc thừa một cách thẳng thốt vì còn mơ mơ màng màng)

- Anh nho mời mình lên nói chuyện ở ngoài quê, mình ạ.

Chị cử Sắc lên nhà, cầm theo cái đĩa đèn, đặt vào đế trên cái cộc đèn ba chạng. Chị ngồi xuống chiếc ghế thấp, gần cửa, nói:

- Từ lúc anh nho đến, tôi mừng quá nhưng còn bận tối mắt. Anh xá lỗi cho nhé.

- Chị cử lại coi tôi là khách rồi. Anh chỉ lo liệu việc cúng giỗ thầy mà tôi lại chẳng giúp được chi. Đó mới là điều tôi có lỗi với anh chị.

- Ấy chết. Anh nho đừng nghĩ rứa. Anh đến với vợ chồng tôi lại trùng hợp với ngày giỗ cha còn có chi quý hơn sự hạnh ngộ nì, hả anh. Thiên lý tha hương ngộ cố tri - Anh nho San, anh cử Sắc cười vui vẻ.

- Nhà tôi - anh cử Sắc tiếp lời vợ - Nghe tin anh vô Kinh, nhà tôi giục tôi đi tìm gặp anh bằng được. Cháu khiêm, cháu Côn cũng mừng rồi rít giục cha đi đón chú nho San.

- Hai cháu đi mô rồi chị? - Phan Bội Châu hỏi.

- Dạ, tôi sai hai cháu đi qua bên xóm có chút việc ạ. Có lẽ các cháu cũng sắp về, anh ạ.

- Tôi mừng cho anh chị, các cháu ngoan lắm. Mới vài ba năm xa, gặp lại mà thấy các cháu lớn hẳn ra. Tôi từng nói với anh cử: Cháu Côn là đứa có thiên tư đặc biệt từ năm cháu lên ba, sau khi thầy của chúng ta từ trần. Nay gặp lại cháu, tôi càng tin sự tiên cảm ấy hoàn toàn đúng. Mới ban trưa nay, lúc các bạn học của cháu chưa đến, tôi ngồi trò chuyện với cháu càng thấy sự thông sáng, tinh anh của cháu mà giật mình! Vì năm lên bốn, lên năm, tôi đã được mẹ dạy thuộc khá nhiều câu, nhiều đoạn trong sách Luận Ngữ, Kinh Thi... Lên sáu tuổi tôi chỉ học có ba hôm là thuộc lâu cả quyển Tam Tự Kinh. Thấy lạ, cha tôi liền cho học sách Luận Ngữ ngay. Nên chi, bảy tuổi, cái tuổi nhìn trời bằng vung tôi đã viết "Phan tiên sinh Luận ngữ". Nay thấy cháu Nguyễn Sinh Côn đang ở cái tuổi của tôi ngày ấy mà cháu còn thông minh...

Anh Sắc nói:

- Ngày ông ngoại cháu còn sống cũng thường căn dặn tôi, nếu cần không nhận dạy cho bất kỳ một lớp nào để chuyên tâm cho việc dạy cháu Côn học với trọng trách: dưỡng tính súc nhuệ.

Chị cử Sắc nói đượm vẻ vui về con vừa lo cho con:

- Nói giấu có anh nhỏ, cháu Côn của chú nó sáng dạ, lanh ý, mau biết đến cả việc mà người lớn lắm khi chưa kịp nghĩ tới, tôi cũng lo, anh ạ.

- Mỗi lần tôi sang làng Chùa thăm bà, lần nào bà cũng nhắc đến chuyện nhớ cháu Côn trước nhất. Bà cũng hay nghĩ ngợi, lo lắng: "Những đứa trẻ khôn trước tuổi thường khó nuôi hơn là những đứa con ăn no ngủ kỹ chẳng nghĩ lo chi..."

- Của đáng tội, vì việc học hành của cháu mà mẹ tôi phải đứt ruột để cháu Côn vô Kinh với vợ chồng tôi. Ngày còn ở nhà, bà chẳng rời cháu lấy nửa bước, anh ạ.

- Con cá lớn phải vùng vẫy nơi biển cả chứ không thể nhốt trong lòng sông được - Anh cử Sắc nói.

- Đúng. Anh chị sớm nhận ra điều ấy. Đến nay tôi vẫn chưa mở được cho mình một cái cửa đi ra biển. Tôi vô Kinh lần ni cũng là chuyển đi...

Chị cử Sắc thở dài:

- Tôi đã nghe nhà tôi nói việc anh bị nạn trong thi cử!. Thật là, "học tài thi phận!".

Phan Bội Châu nhúu cặp lông mày lưỡi mác, bàn tay đỏ son đỡ lấy cái cầm vuông râu dày hớt bằng, mắt nhìn chị cử Sắc, giọng nói thanh thản, tự tin:

- Con người có số phận nhưng còn có "nhân định thắng thiên" chị cử ạ. Thôi, chuyện cái án "Hòa hiệp văn tự, chung thân bất ứng thí" của tôi rồi sẽ bàn định với anh cử và một số bằng hữu hiện ở kinh đô. Để thì giờ tôi thưa chuyện với anh chị về tin quê nhà. Tôi có ý định để dành nói với anh chị tin vui lúc ấm cúng như lúc này.

Anh cử Sắc nhìn vợ cười ý nhị, nói:

- Mình thấy chưa, cứ bắn khoản anh nhỏ San vô mà mẹ lại không nhắn gửi chi, cái Thanh, dì An cũng lặng bất hản?

Chị cử Sắc cười trù:

- Nhà phải khen tôi nghĩ đúng chứ. Anh nhỏ rất ý nhị đã dành cho chúng ta một niềm vui tưởng như không có, thì càng vui hơn gấp bội.

- Chị cử sâu sắc lắm. Chả thế mà chị em phường vải ở quê vẫn tiếc không có chị ở nhà để "bẻ chuyện" cho họ hát ví. Từ ngày chị vô Kinh, làng Chùa vẫn chưa có ai bẻ chuyện suông lời dễ hát và thâm thúy bằng chị.

- Dì An nó cũng đối đáp mau lắm chứ anh nhỏ.

- Sao bằng chị được.

Phan Bội Châu lấy cái khăn gói trên bàn kê sát phía vách. Anh mở khăn, bung cái tráp gỗ sơn đen nhỏ nhỏ lớn hơn chiếc gói mây. Anh cầm trên tay gần một gang những đồng bạc trắng, nói:

- Bà gửi cho anh chị.

Vợ chồng anh cử Sắc bồi hồi, cả hai người môi rung rung cổ nén xúc động. Anh cử Sắc nói tiếng trầm lắng:

- Sống gần trọn đời, mẹ tôi nhin miệng cho chồng, rồi cho con, lai nhin miệng nuôi cháu.

Chị cử Sắc tiếp lời chồng:

- Mùa màng vừa rồi khá không mà cụ gửi cho chúng tôi nhiều ri, anh nhỏ?

- Bà nói với tôi là anh cử lại sắp thi Hội, cần có tiền để chi dùng. Vụ mùa năm rồi rất tốt, bà kéo được những năm chum mật. Cánh nhà buôn dưới Vinh lên mua sỉ làm bánh kẹo bán Tết nên bà có được món tiền kha khá. Bà rất khỏe. Bà dặn anh chị đừng nghĩ ngợi chi việc ở quê nhà, cốt lo việc đèn sách thi cử của anh và việc đèn sách của hai cháu. Bà vẫn dặn đừng để cháu Côn học quá sức của nó mà sinh ốm về sau dưỡng không lại. Bà cứ thở dài mỗi lần nhắc đến cháu Côn.

Chị cử Sắc rơm rớm nước mắt. Anh cử Sắc rót thêm chén rượu vào chén, cầm lên tay đặt vào tay Phan Bội Châu. Anh cũng nâng chén lên nhấp một tý rượu. Phan Bội Châu giọng vui hơn:

- Cô An lớn hẳn lên, đẹp nhất làng Chùa rồi. Tôi nói trêu: O rồi sẽ đẹp bằng chị Loan đó.

O ấy lắc đầu ngoay ngoáy: "Em chỉ bằng cái gót chân chị Loan của em thôi".

Chị cử Sắc đỡ lời:

- Cái con nhỏ ấy chỉ ... nói...

Anh cử Sắc hỏi vui:

- Đã có đám mô nhìn ngó em nó chưa anh nhỏ?

- Nghe bà mách đã có tới bảy tám nơi đến xin chạm ngõ. Nhưng bà đợi ý kiến của anh chị đó. Còn bé Thanh của anh chị thì... ra đáng một o thiếu nữ rồi. Nó quần quít với tôi dặn đi dặn lại: Chú vô thừa dùm với cha mẹ cháu là kỳ thi Hội tới cha cháu chiếm được bằng vàng hay lại học tài thi phận thì cha mẹ cũng trở về quê thôi. Cháu nhớ cha mẹ, nhớ hai em, nhiều đêm nỗ ngủ được... Nghe bé Thanh nói vậy, bà mắng luôn: Cháu chớ nói đại. Việc học hành thi cử của cha cháu là chuyện hệ trọng, bà cháu mình mất thịt người trần biết mô mà bàn hả cháu - Cả ba người cười cởi mở.

- Tội nghiệp - Chị cử Sắc nói - Cháu nó nhớ quá vì vắng cha mẹ, xa hai em đã ba năm chứ ngăn ngủ chi.

Có tiếng đàn môi từ ngõ - Anh Sắc nhìn vợ nói:

- Có lẽ bé Khiêm đã về đó mình - Chị cử Sắc khẽ gật đầu, đứng dậy nói với Phan Bội Châu:

- Anh nhỏ cứ an tọa nhá. Nhà tôi hầu chuyện anh sáng đêm được. Tôi xin phép xuống nhà xem các cháu đi công việc về chưa.

- Đa tạ chị cử. Chị cứ tự nhiên, đừng coi tôi như khách. Chị cứ đi - Phan Bội Châu giọng tha thiết bằng khuôn:

"Nghệ An bằng hữu lai vãn án, nhất phiến đàn tâm ký thác tâm".

Chị cử Sắc chấp tay trước ngực, hơi cúi chào Phan Bội Châu:

- Dạ. Thừa anh, trong hoạn nạn mới rõ bạn đá vàng ạ.

Chị cử Sắc cầm đèn ra sân. Khiêm đã về đang rửa chân mò trong tối. Chị cử Sắc soi đèn ra cái vại nước. Khiêm múc thêm một gáo nữa dội tiếp vào đôi guốc mỏ cong cuốn xỏ quai mây. Chị cử Sắc hỏi con:

- Em nó về chưa hả con?

- Dà ạ. Chưa mẹ ạ. Vừa lúc Khiêm trả lời mẹ thì Côn núp trong bóng tối chạy ra "vồ" vào lưng mẹ, "hù" một tiếng! Chị cử Sắc hơi giật mình. Côn cười sằng sặc. Chị cử Sắc mắng yêu con:

- Các con lừa mẹ kiêu ni có ngày mẹ ngã lăn ra thì có mà khóc ráo nước mắt, nghe không.

- Bé Côn nó bày ra cái trò ấy đó mẹ ạ.

- Mẹ cũng thừa biết là Côn rồi.

- Con - giọng Côn nũng nịu - con... con biết mẹ cứng bóng vía thì con mới chơi cái trò "rình vồ".

- Các con rửa chân tay rồi lên nhà học bài. Nhớ để ý khi cha sai bảo gì nghe không. Mẹ đi nằm nghỉ lưng một lát đây.

- Cả ngày ni mẹ chưa ăn chưa nghỉ chi cả! - Côn nói, nhìn theo mẹ đi vào buồng, vẻ lo lắng động trong đôi mắt trẻ thơ!

Chị cử Sắc đặt lưng xuống giường êm ái mà lòng nặng trĩu nỗi nhớ mẹ già, nhớ con gái, nhớ cô em út, ba mẹ con bà cháu đang sống trong cảnh heo hút không tiếng đàn ông. Hình ảnh mẹ, bà Hoàng Xuân Đường tóc ngả màu sương đứng bên gốc cây thị trước ngõ nhìn ra cánh đồng xa tím mắt ngóng đợi tin con... Đàn gà ríu ra ríu rít kiếm ăn dưới các gốc cây trong vườn... Mái nhà tranh như hai cánh chim áp ủ dưới bóng tre diu dịu lam xanh. Đứa con gái bé, Nguyễn Thị Thanh, tuổi mười bốn mười lăm, ngồi trong chiếc thuyền thúng đung đủng đỉnh hái sen trên ao vắng lặng... Đứa em gái, Hoàng Thị An, xấp xỉ đôi mươi, ngồi bên cửa sổ đầy ánh trăng suông mà một thời tuổi hoa chị thường ngồi dệt vải thêu canh... Rồi từ xa thẳm của tâm hồn chị dậy lên những câu thơ Kiều in sâu trong trí nhớ: "... Đoái trông muôn dặm tử phần... Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa... Xót thay Huyền cỗi Xuân già... Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi...!".

Khiêm và Côn vào chào Phan Bội Châu và được cha cho ngồi bên cạnh hầu rượu. Khiêm ngồi hơi khuất sau Phan Bội Châu. Côn ngồi lùi xuống thấp hơn vị trí cha và bạn của cha.

Phan Bội Châu nhìn cử chỉ lễ phép, có ý tứ của Côn và Khiêm liền chìa tay về phía chỗ trống:

- Cha các cháu cho phép các cháu rồi, chú mời cả hai anh em ngồi lên trên ni cho ấm cúng.

- Chú miễn cho, các con ngồi lên đây. Khiêm đứng khoanh tay thưa:

- Dạ, thưa cha, thưa chú, con bị váng đầu từ chiều. Con xin phép cha, xin phép chú cho con được đi nghỉ sớm ạ.

- Chắc con bị cảm, do dầm nước từ sáng sớm, lại chạy ra chạy vô dưới nắng.

Phan Bội Châu cầm tay Khiêm xem mạch, sờ trán... - Cháu bị cảm thời khí, anh cử ạ, nhưng nhẹ thôi - Phan Bội Châu nói. Ông mở luôn cái tráp đặt bên cạnh lấy gói thuốc viên ra đưa cho Khiêm một gói nhỏ, nói:

- Tôi hoàn tán mấy thứ thuốc mang đi đường, anh cử ạ.

- Ngày nọ, vợ chồng tôi vô đây cũng phải mang đủ các loại thuốc phòng. Lại còn phải lo cả những thứ thuốc bệnh ấu nhi, vì ngày đó cháu Khiêm mới lên bảy, cháu Côn lên năm. Hiện trong nhà có sẵn thuốc cả anh ạ.

Phan Bội Châu giọng rất vui với Khiêm:

- Cha cháu là một ông thầy thông y, bác vật và cũng có sẵn thuốc trong nhà. Nhưng cháu uống mấy

viên thuốc cảm thời khí ni của chú để lấy "khước", nghe không cháu... Nhớ uống với nước chè âm âm, cháu ạ.

- Dạ, cảm tạ chú - Khiêm đáp rồi đi vào nhà trong.

Côn đỡ lời anh:

- Chúng cháu được lấy cái "khước" (lấy may mắn) của chú thì thích quá. Chú nổi tiếng "vua" chữ, "vua" thơ phú, "vua" bẻ chuyện hát ghẹo (ví) rồi vua... - Côn ngập ngừng - Vua... vua...

Phan Bội Châu gạn hỏi: - Cháu định nói vua chi nữa?

Côn cười hồn nhiên, thưa:

-... Chú có nhiều thứ vua cháu không nhớ hết được ạ.

- Ai nói chú có nhiều thứ vua với cháu?

- Dạ thưa chú, bà ngoại cháu, mẹ cháu, cha cháu, dì An cháu, rồi cả quan lớn, quan nhỏ người Nghệ Tĩnh đến đàm đạo với cha cháu đều nhắc đến tài hay chữ của chú và nhiều thứ tài khác như cháu vừa kể. Cháu cũng thích tôn chú là Vua. Tiếng Vua là của cháu, chú ạ.

- Bà ngoại cháu, cha mẹ cháu và nhiều người thương mến chú mà dành cho chú những danh hiệu đẹp ấy. Thực tình chú không có nhiều điều "hay" như cháu vừa kể ra đâu, cháu ạ. Cháu cũng vì quá yêu quý chú, tôn chú là "vua" của bao nhiêu thứ. Trái lại chú đang sống dở, chết dở do sự "ngông", sự "cứng đầu" của mình.

- Cháu nó chẳng những nghe lời người lớn nói mà tự thân biết, anh ạ - Anh cử Sắc nói.

- Đúng. Cháu Côn có thiên tư: Lãnh noãn tư tri.

Anh cử Sắc nhìn con trriu mến nói:

- Con xin phép chú, đi học bài. Cần con giúp việc chi, cha sẽ gọi.

Côn lễ phép nói:

- Thưa chú, cháu xin phép chú, cháu đi học bài ạ.

Phan Bội Châu đặt bàn tay nhẹ nhàng lên vai Côn và hai mắt nhân từ của ông in vào đôi mắt tinh anh của Côn:

- Chú cháu ta khác nhau về tuổi tác, nhưng đều cùng trong một thời Tổ Quốc suy vong, anh hùng mạt lộ. Chú cũng đang học, cha cháu cũng đang học, cháu đang học, còn phải học. Chúng ta học rồi phải làm sao đây rửa cho được cái nhục mất nước! Nói chuyện với cháu, chú biết cháu đã thuộc khá nhiều sách và hóa trong đầu cháu nhiều điều thông sáng. Chú mừng lắm. Chú nghe cha cháu nói, cháu đã học đến thuộc lòng bài "Ái Quốc", "Ái quần" chỉ trong vòng nhai tàn miếng trầu. Ôi! chú không ham thích các thứ "vua" như cháu kể ra ban nãy. "Túc dạ bất vong duy trúc bạch, lập thân tối hạ thị văn chương". Thực tình chú đeo đuổi việc thi cử để có được cái "bảng Hồ", "bảng Rõng", không vì danh lợi mà vì một mục đích khác cháu ạ. Nếu chú không có được "cái bảng" ấy thì liệu được mấy người nghe lời chú nói, theo việc chú làm? Chú nói thật lòng với cháu rằng, chú có một ham muốn vô độ, đó là: Cứu nước. Sống cho nước. Chết vì nước.

- Thưa chú, cha cháu cũng dạy cho cháu: "Thề cảm tử cho Tổ Quốc quyết sinh". Lẽ nào lại ham sống "sinh vi nô lệ sinh do tử, tử hữu tinh thần tử nhược sinh". Chú Hồ Tá Bang đã nói với cha cháu

cái lời ấy.

Phan Bội Châu ôm choàng Côn vào lòng:

- Cháu... cháu... cháu của chú được lắm! Sống nô lệ là coi như đã chết. Có tinh thần chết vì nghĩa lớn thì vẫn như còn sống mãi. Ngày chú còn đang tuổi vị thành niên, Tây chiếm xứ Bắc kỳ của chúng ta, chú ngồi trước đèn viết hịch "Bình Tây thu Bắc" cũng với một tinh thần như ngôn chí của cháu bây giờ.

Phan Bội Châu quay sang nói với anh cử Sắc:

- Ngôn vi tâm thanh, anh cử ạ! (lời nói tỏ bày ý chí trong lòng).

Anh cử Sắc cười:

- Cháu có triển vọng "ngôn hành tương cố" (nói đi đôi với làm). Tôi đặt nhiều hy vọng vào nó.

Anh quay lại nói với Côn:

- Con đến học bài đi.

Côn rót tiếp vào hai chén một tuần rượu nữa rồi đến bàn học.

Đêm tĩnh mịch.

Côn ngồi một mình trước đèn, mắt soi trên trang sách, thu hút từng chữ vào tâm trí. Phan Bội Châu vẫn còn nói chuyện với Nguyễn Sinh Sắc:

- Điều đáng quý ở cháu Côn, vừa thông minh đĩnh ngộ, vừa biểu lộ sớm cái đức tính "kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân"... Qua cử chỉ và lời nói của cháu trong việc cúng giỗ ông ngoại, đối với khách của bố mẹ, đối với bạn đồng môn, đồng lứa, thấy rất rõ cái đức tính của cháu. Tôi đã kinh lịch qua những gia đình thuộc các giòng họ lớn, có tiếng anh thư thế phiệt, nhưng chưa gặp một cháu nào hội tụ những mạnh nha hứa hẹn như cháu Côn của anh chị. Anh chị đưa cháu vô đây ăn học là đúng sách rồi.

- Vâng, đất Thần kinh mà. Ở đây cháu nó được nghe nhiều điều mà cũng thấy được tận mắt nhiều việc. Chỉ riêng cái việc nước Pháp cai trị nước mình, áp đặt dân mình thì ở đây mặt quan Tây lộ ra giữa thanh thiên bạch nhật. Còn ở quê mình thì đám quan Tây núp đằng sau đám quan nha, lý dịch của Nam triều nên khó thấy tội ác từ cái đầu chủ mưu đến bàn tay dẫm máu của chúng. Mới đây, Toàn quyền Đông Dương bãi bỏ chính phủ Nam triều và nhập vào Tòa khâm sứ Trung kỳ! Vua hoàn toàn làm bù nhìn rồi. Dụ, chỉ, chiếu... của vua ban chỉ là tờ giấy ma, còn nghị định của Tòa khâm của Toàn quyền mới là dao kéo xẻo thịt dân mình. Thuế thân, thuế ruộng, thuế đất, thuế muối, thuế rượu, thuế hàng bán sỉ, hàng bán lẻ, thuế môn bài, thuế hàng chuyển đều do Tây đặt ra và định mức.

- Chúng còn cho mở sòng bạc, tiệm dĩ, tiệm thuốc phiện để thu thuế anh ạ. Phò Vinh ở quê ta đã có dụ vua và nghị định Toàn quyền thành lập thị xã và cho mở các thứ tiệm. Giọng Phan Bội Châu buồn buồn - Bên cạnh chợ Vinh và gần cổng Chốt đã mọc lên "tiệm bình kang" anh ơi!

Hai người ngồi yên lặng, nhìn vào đêm tối mờ mịt. Côn rời khỏi bàn, đi rón rén đến rót tiếp rượu vào hai chén. Phan Bội Châu quay lại nhìn Côn, nói:

- Cảm tạ cháu.

- Bồn phận của cháu ạ.

Côn lại ngồi trước đèn tiếp tục học. Anh cử Sắc sửa lại thế ngồi, tựa cánh tay trên mặt gối, đầu kê

gân Phan Bội Châu nói chậm rãi:

- Việc gỡ cái án "chung thân bất đắc ứng thí", có thể yên tâm được đó anh. Bữa nay, nhân chén rượu giỗ thầy chúng ta, anh làm quen được với cụ Thượng Tấn, các quan viện Đô sát, Quốc sử quán... người đồng châu với chúng ta, đó là điều rất thuận lợi. Vì tôi đã nói rõ sự việc của anh trước khi các cụ gặp anh. Đằng anh đốc Đặng đã giới thiệu kỹ về anh với quan Tế tửu Khiếu Năng Tĩnh và quan Biên tu Nguyễn Thượng Hiền.

Phan Bội Châu vẫn ngồi yên lặng như pho tượng, mặt trĩu xuống, ánh mắt lấp lánh nỗi đau! Anh cử Sắc nói tiếp, giọng âm, trầm lắng:

- Khi nói về anh, tôi thấy không một ai có gọn chút nghi ngờ tài đức của anh. Và người nào cũng biết tiếng anh một tài hoa phóng bút. Nên chỉ bất lợi trong việc thi cử của anh. Một bạn đồng khoa cảm phục tài văn anh, biết rõ cái "ngông" của anh nên mới chuyển bài sang lều cho anh, làm anh phải liên lụy, chịu can án cả đời không được thi cử nữa. Vậy thì, mọi người có hoàn cảnh, có điều kiện đều góp công góp sức vào gỡ cái án ấy cho anh. Gỡ ra cho anh là vì tấm lòng trong sáng của anh, vì mục đích cao cả của anh. Như vậy, tất cả đều vì nghĩa lớn mà làm...

Phan Bội Châu xòe bàn tay đỡ lấy cằm râu, mắt long lanh nhìn vào ngọn đèn:

- Đa tạ anh cử đã cởi được những sợi dây vô hình nó trói chặt lấy tôi từ bấy lâu nay. Anh đốc Đặng cũng sẽ giúp đỡ tôi hết lòng về việc này. Ngài Nguyễn Thượng Hiền, ngài Khiếu Năng Tĩnh tôi đã yết kiến. Trong những ngày ở lại kinh đô, tôi đã xếp được một chỗ ngồi dạy học ở An Hòa. Vậy là chắc chắn để lo cái việc hệ trọng đó. Tôi hiện còn ngại ngùng một chút về cụ Thượng Tấn. Một trọng thân. Đành rằng, khi cụ ngồi Tổng đốc ở tỉnh ta nổi tiếng thanh liêm, thương dân, dám làm phen dậu ngấm cho cuộc nổi dậy chống Tây của cụ Phan Đình Phùng... Hiện tại, cụ là Thượng thư bộ Hình và nghe nói cụ sắp ra Nghệ An ngồi ghế Tổng đốc An Tĩnh lần thứ hai. Cụ ủng hộ việc xóa án "chung thân bất đắc ứng thí" thì ổn mọi bề, nếu cụ không thuận thì trở ngại lớn? - Phan Bội Châu gieo từng tiếng bằng khuâng - Thượng ... thư... bộ...Hình... Tổng đốc... An... Tĩnh.

Nguyễn Sinh Sắc nói với Phan Bội Châu với khí sắc hào hứng và tự tin:

- Anh San ạ. Là người bạn vong niên của Đào Tấn, tôi nhận chân về cụ, một Đào Tấn Tổng đốc, Thượng thư bộ Công, Thượng thư bộ Hình, lại còn một Đào Tấn thi nhân, Đào Tấn nghệ sĩ tuồng, tác giả tuồng pho... Chúng ta hoàn toàn tin cậy quan Đào Tấn, một loại ông quan "tọa nha hành thiện".

Phan Bội Châu nhấp tí rượu, gạt đầu, sửa lại vành khăn nói giọng rất sáng:

- Anh xét trên từng diện mạo về một con người. Đúng! Nhìn lại cuộc đời làm quan của cụ Đào Tấn, cụ ngồi ghế quan trường để làm việc thiện. Có thể tin được lắm!

Nguyễn Sinh Sắc nhấn từng tiếng:

- Tôi nói Đào Tấn thi nhân, không vì Đào Tấn làm được nhiều bài thơ, bút danh Mộng Mai, chép thành tập: Mộng Mai ngâm thảo. Mà vì thơ ông là tiếng lòng ông, tiếng lòng của những người chịu bao số phận ngang trái và có cả tiếng thở dài của đất nước nữa! Chứ đời nay không ít kẻ ngồi ghế đầu triều làm thơ tán tụng mình, mị chuộc kẻ dưới, nhưng mắt người đời không dễ gì che kín hết được, anh ạ.

Phan Bội Châu nhấp hai tợp rượu liền, gạt đầu tay đỡ lấy cằm râu:

- Rất... rất đúng. Ngụy bất yểm chân (cái giả dối không bao giờ che lấp được cái thật). Anh đã giúp tôi hiểu thêm cụ Thượng Tấn.

Nguyễn Sinh Sắc nói tiếp:

- Khi nhận định Đào Tấn tác giả tuồng, không vì cụ viết được nhiều vở tuồng đã dựng diễn ở nhiều nơi. Anh còn lạ gì Hoàng Cao Khải cũng viết tuồng, nghe nói tên Lê Hoan, Lê Đức nào đó cũng viết tuồng. Họ cậy thế quan to, bắt chép các vở tuồng của họ đưa về các nơi giao cho các trùm phường phải dựng diễn.

Phan Bội Châu nói tiếp luôn:

- Họ viết tuồng để bào chữa tội ác làm tai sai cho giặc, che giấu những âm mưu bẩn thỉu, đen tối của họ. Nghĩa là để xuyên tạc lịch sử.

- Còn Đào Tấn - Anh Sắc nói tiếp - Viết những vở tuồng lấy từ những tích truyện cổ của ta, của Tàu để làm sáng tỏ các tấm gương trung liệt, nghĩa khí, vạch tội bọn gian thần. Cụ chỉ dựa tích truyện cũ để nói gì với đời này, nhắc người đời nay phải làm gì đối với hiện tình đất nước - Anh cử Sắc nhấp tí rượu, giọng nói càng thêm tâm tình - Tôi có được nghe chuyện Vua Thành Thái xem tuồng: "Tiết Cương tế thiết khâu phần" của quan Đào Tấn, cụ Hường Ích, quan Thị lang bộ Lễ nói với tôi trong một dịp cụ xin tôi câu đối Tết.

- Cụ Hường Ích cũng biết tiếng anh có chữ thần, bút hoa à?

- Cũng là do cụ Thượng Tấn đó, anh ạ. Cụ Hường Ích rất chuộng chữ đại triện, lại ưa cả chữ lệ và cả chữ thảo. Cụ Thượng Tấn giới thiệu tôi với các đồng liêu. Cho nên, nhiều ông trọng thần đưa con đến nhờ tôi dạy. Tết năm nào tôi cũng gò lưng tôm vì cái nạn viết câu đối Tết. Hôm uống rượu khai bút tại tư dinh quan Thị lang Hường Ích, cụ kể nhiều chuyện hậu cung bí sử với tôi. Thấy chủ, khách giao hoan tâm đắc, cụ kể luôn chuyện cụ Đào Tấn viết vở tuồng "Tiết Cương tế thiết khâu phần". Năm đó cụ Đào đang ngồi ghế Án sát tỉnh Bình Định. Cụ viết tuồng này với ý tưởng ngợi ca những bậc trung thần và người tiết nghĩa; lên án bọn gian thần xiêm nịnh dựa vào ông vua ngu dốt có máu hôn quân để hãm hại những tôi hiền. Tâm trạng cụ Đào lúc sáng tác vở tuồng này là sự giằng xé giữa nhân vật của nghệ thuật sân khấu với những tên quan lại làm mật thám cho Tây, lòng quyền, mưu thuật, đang đầy rẫy chung quanh ông, ngồi trên đầu ông mà Trương Như Cương là tên hiểm độc số một, nhưng làm thế nào quát được roi tuồng vào giữa mặt hắn là một việc rất khó, rất nguy hiểm. Hắn là phụ chánh đại thần kiêm thượng thư bộ Lại vừa là cậu ruột của vua Thành Thái. Cụ Đào rất tài tình đã khéo chọn nhân vật lịch sử, một người tiết nghĩa, tên là Tiết Cương. Ca ngợi Tiết Cương để đồng đảo người xem thu lượm được bài học làm người. Nhưng cụ Đào lại dùng tên nhân vật Cương để mắng vào mặt tên hiền ngồi sau lưng Vua mà làm mật thám cho Tòa Khâm sứ Tây.

Phan Bội Châu cười, Nguyễn Sinh Sắc càng vui câu chuyện:

- Anh và tôi, chúng ta đều hiểu chuyện Tiết Nhân Quý là cha Tiết Đình Sơn, cả hai cha con đều làm quan to, thuộc bậc trung hầu nhà Đường. Nhưng bọn gian thần ghen ghét Tiết Đình Sơn, dựng chuyện Tiết Đình Sơn mưu phản nhà vua. Vua Đường liền bắt Tiết Đình Sơn và vợ là Phan Lê Hoa, khép tội "tru di tam tộc" (như Nguyễn Trãi dưới triều hậu Lê của ta - Phan Bội Châu nói xen). Tiết Cương là con Tiết Đình Sơn trốn thoát được, đã lên núi lập một đảng, kiêu anh hùng Lương Sơn Bạc, chống lại nhà Đường. Sau khi giết vợ chồng Tiết Đình Sơn, vua Đường còn gia tội: "thiết khâu phần". Tiết Cương từ trên núi đã đưa đồng đảng về phá "thiết khâu phần", giải thoát cho linh hồn cha mẹ mình. Cụ Đào chọn cái điểm này, điểm góc cạnh của câu chuyện để nói cái ý tứ của mình. Cụ đã dựng một cảnh đang đêm, tên lính hốt hoảng chạy vào báo với Tiết An, viên quan trấn thủ "Cấp báo... cấp báo... tên Cương về phá thiết khâu phần". Viên quan trấn thủ liền hỏi: "Thằng ... Cương... nào...?". Tên lính

luồng cuồng thừa: "Dạ... Một... thẳng... Cương... đó... đã làm khổ... thiên... hạ... rồi... Quan... còn... muốn... mấy... thẳng... Cương... nữa...?" Chi tiết này không ăn nhập với nội dung vở tuồng, lại được đay nhân trong đôi thoại, lại nói bốc trần ra, không chút màu mè văn vẻ gì.

Phan Bội Châu tấm tắc:

- Tuyệt. Rất tuyệt! Đường roi của tác giả trong vở tuồng rất rõ mà vẫn khép kín được.

Hai người lại nhấp tí rượu. Còn lại rót tiếp đầy hai chén bạch định. Phan Bội Châu hơi bắn khoăn nói với Côn:

- Khuya rồi mà cháu cứ thức đuổi theo chén rượu của cha và chú à?

- Thưa chú, để chi có được một dịp cha cháu hầu chuyện chú để cháu cũng được hầu rượu ạ.

- Trẻ thơ như cháu mà "đôn hậu dĩ sùng lễ" (Bề dày của phúc là trọng điều lễ).

Nguyễn Sinh Sắc nói chậm rãi:

- Có sẵn gánh tuồng trong tay. Đào Tấn cho diễn liên tiếp vở "Tiết Cương tế thiết khâu phần" tại Bình Định. Tiếng vang của vở tuồng vang khắp Bình Định và mau chóng truyền rộng cả xứ Quảng. Chi tiết "Một thẳng Cương đó đã làm khổ thiên hạ rồi... còn muốn mấy thẳng Cương nữa?" được bàn tán sôi nổi trong giới quan trường. Tiếng gian ác của Trương Như Cương tại triều đình Huế bấy lâu chỉ rỉ tai trong một số các quan thanh liêm. Lần này, Trương Như Cương bị đông đảo khán giả của vở tuồng "Tiết Cương tế thiết khâu phần" dị nghị. Nhiều người hả dạ, thầm cảm tạ quan Đào Tấn đã nói hộ cho mình. Những tên mọt dân, những tên cồng rắn cắn gà nhà rất muốn kiểm soát nhân chuyện vở tuồng này, nhưng chưa tìm được cơ hội để thỉnh vào tai Trương Như Cương. Nhưng, ngôn dưc trường phi (lời nói có cánh bay xa) tiếng tăm vở tuồng "Tiết Cương tế thiết khâu phần" đã thấu tai vua Thành Thái. Dĩ nhiên cũng đến cả tai Trương Như Cương. Thành Thái liền triệu Án sát Đào Tấn về triều với cả gánh tuồng, vở diễn "Tiết Cương tế thiết khâu phần". Những người thân của Đào Tấn, bằng hữu của Đào Tấn, các đồng liêu của Đào Tấn đều lo cho số phận Đào Tấn trong chuyện về Kinh bộ kiến này! Đào Tấn cũng lo, nhưng cụ lo lập ngôn tự ngã để giữ cho được kẻ sĩ trước uy vũ.

- Hay lắm - Phan Bội Châu nói - "Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất". Là kẻ sĩ thì phải làm như vậy!

Nguyễn Sinh Sắc tiếp:

- Các đào, kép trong gánh tuồng lo lắm. Nhưng họ cũng tin theo người thầy tuồng của mình. Họ cùng cam kết: Thuyền đắm cùng cứu lấy thuyền hoặc cùng chết theo thuyền. Cụ Đào Tấn và gánh tuồng của mình về Kinh hôm trước, hôm sau quan Thị lang bộ Lễ đã báo ngày, giờ vào Duyệt Thị Đường (nhà hát của Vua) diễn tuồng "Tiết Cương tế thiết khâu phần", vua Thành Thái sẽ ngự lâm và các quan đại thần xem. Giờ khắc này vẫn còn có một số bạn đồng liêu của quan Đào Tấn khuyên với cụ nên bỏ câu hỏi "Thẳng Cương nào?". Đào Tấn bình thản trả lời: "Tôi đã viết ra nhân vật, tôi có bổn phận với nhân vật của tôi. Và, gánh hát của tôi đã diễn trước dân chúng xem thế nào thì lại cũng diễn trước Vua như vậy".

Hai kép hát đóng vai quan trấn thủ địa phương và vai lính cấp bao có tên Cương về "phá thiết khâu phần" sắp đến lúc diễn lại còn hỏi cụ Đào Tấn: "Thưa thầy, chúng con vẫn cứ lôi thẳng "thẳng Cương" ra trước mặt tên Cương tại sân khấu cung đình ni chứ thầy?".

Đào Tấn cười, căn dặn họ: "Chúng ta là phận con hát, vì sự mua vui của mọi người. Anh em cứ

bình tâm làm trò xứng với vai trò của mình".

Nhà hát Duyệt Thị Đường quan khách ngồi kín chỗ theo thứ tự phẩm tước. Vua Thành Thái ngự ngai, cầm roi châu. Trương Như Cương ngồi ghế bành voi bên cạnh Vua. Tác giả Đào Tấn ngồi hàng ghế phía sau, gần cuối cùng. Không khí buổi diễn quá trang nghiêm càng gây sự hồi hộp, thấp thỏm cho tác giả và các kép hát. Đây là lần đầu tiên cả thầy, cả trò trong gánh hát tỉnh lẻ đặt chân lên cái sân diễn trong cung cấm này. Tất cả các quan trong triều ngồi xem đều nghe tiếng nội dung vở tuồng Tiết Cương của Đào Tấn "có chuyện động trời" nên Vua Thành Thái đích thân cầm roi châu để "thưởng phạt"!

Vở diễn càng gần đến phần Tiết Cương xuất hiện, sự hồi hộp trong người xem càng tăng. Đào Tấn thấy hàng trăm con mắt ở các phía nhìn mình. Vai Tiết An quan trấn thủ địa phương ra sân khấu. Tiếng trống châu chầu của Vua điểm, Đào Tấn gần như nín thở. Quan khách đều ngẩng đầu cao lên. Vua Thành Thái đang ngồi tự tại, Trương Như Cương tựa tay lên thành ghế, đỡ lấy cằm, đầu xáp gần phía Vua. Từ sau màn, tên lính chạy ra sân khấu, một chân co, một chân quỳ, chắp tay bậm báo giọng hơi run:

- Cấp báo... cấp báo có tên Cương về phá thiết khâu phân.

Quan trấn thủ cũng hơi run:

- Thằng Cương nào?

- Dạ bẩm! Một thằng Cương đó đã làm khổ thiên hạ. Quan còn muốn có mấy thằng Cương nữa?

Vua Thành Thái gõ vào tang trống ba dùi "cắc, cắc, cắc!" Trương Như Cương nhấc đầu ra khỏi bàn tay hẩn và ngồi ngậy người, mặt thẳng cán tàn. Quan khách càng bồi hồi. Đào Tấn cảm thấy như hàng trăm mũi gai châm khắp người. Ba tiếng "cắc" là biểu thị của Vua nghe chưa thật rõ. Phải hát lại. Anh kép sắm vai lính đã mạnh dạn hơn lên, rống to:

- Cấp... báo... cấp... báo... có tên... Cương... về... phá... thiết khâu phân.

- Thằng... Cương... nào?

- Dạ... bẩm... một... thằng... Cương... Cương... đó... đã... làm... khổ... thiên... hạ... Quan... còn... muốn... có... mấy... thằng... Cương... nữa!

Quan khách, kép hát, tác giả nén hơi thở căng bồng! Trương Như Cương run bần bật, toàn thân như con vật thui trên lửa. Vua Thành Thái nâng dùi trống lên nhìn chếch sang Trương Như Cương đánh liền ba tiếng châu khen ngợi! Tiếng cười tán thưởng và hả dạ đồ rào rào như trận mưa giông đầu xuân.

- Tài tình lắm! Thành Thái tài tình lắm! - Phan Bội Châu giọng sang khoái, vừa nói vừa nâng chén rượu ngang mày - chúng ta cạn chén rượu này mừng thầy tuồng Đào Tấn và các đào kép gánh hát của cụ. Chúng ta tỏ lòng kính bái một hành chỉ cao thượng của Đức vua Thành Thái!

Hai người trầm ngâm soi mắt vào đĩa đèn đã sắp cạn dầu, ngẩn bấc. Côn lễ phép khoanh tay trước cha và Phan Bội Châu:

- Thừa cha, con đã trải chiếu, đặt gối xong, con mời cha, mời chú... - Côn chưa nói hết câu, Phan Bội Châu vì quá cảm kích trả lời ngay:

- Chú khen cháu, hay nói đa tạ cháu... đều vô nghĩa cả. Cháu đáng lẽ "kim nhật cát ngũ thành", chắc chắn sẽ là "minh nhật cát thập thành" (hôm nay thành năm, ngày mai thành mười).

Anh Sắc nhìn con ấu yếm:

- Con đi ngủ được rồi. Cha sẽ mời chú San lên giường nghỉ ngay bây giờ đây.

Phan Bội Châu cởi khăn, cởi áo dài khoác lên cái móc hình con bướm đính trên cột nhỏ. Anh cử Sắc khơi to ngọn đèn rọi ánh sáng cho Phan Bội Châu đi vào giường nghỉ, anh nói thêm với bạn:

- Đức Thành Thái là một ông vua có học vấn và yêu thích nghệ thuật tuồng của triều Nguyễn. Việc Đức vua ngự lãm cầm trống châu để rồi khen vở tuồng Tiết Cương của Đào Tấn, ngầm nhắc cậu mình "phải vừa vừa chứ cháu cũng không bênh nổi cậu đâu". Đó là nhân cách của một kẻ sĩ, đâu phải sự ban thưởng của ông Vua. Phải không anh?

- Phải. Thành Thái xem tuồng với tư cách một thức giả chứ không hẳn là một hoàng đế, anh cử ạ.

- Quả sau lần diễn tuồng Tiết Cương ở Duyệt Thị Đường cụ Đào Tấn được phong từ Án sát lên Bó chánh. Cụ còn được vời về Kinh bổ nhiệm chức Hiệu thư, chuyên biên soạn các vở tuồng, sau đó không lâu, cụ được thăng Tổng đốc...

Phan Bội Châu, Nguyên Sinh Sắc cùng buột ra một tiếng thở dài giữa đêm trường!

8.

Quét sân xong, Côn tưới nước cho các cây cảnh. Côn đứng ngắm khóm trúc lá rụng trải lụa thưa quanh bụi hoa dạ hương. Những giò huệ đang nhú lên giữa các kẽ lá mềm mại như lông đuôi gà. Một bông hoa lài trắng muốt ngậm sương long lanh. Côn hái bông lài chạy vào cài lên tóc mẹ:

- Con ướp hương lài cho tóc mẹ thơm, mẹ nhé!
- Con để vô lọ trà của cha. Cha con thích uống trà hương lài mà.
- Còn nhiều bông sắp nở, con sẽ hái ướp trà cho cha. Còn bông này chỉ để ướp tóc mẹ thôi.

Chị cử Sắc vẫn đưa thoi thoăn thoắt. Bé Côn lấy cái gương ở trên đầu giường mẹ, giơ ra phía trước, xấp đầu mình bên đầu mẹ nói:

- Mẹ ngắm xem bông lài nở trên đầu mẹ đẹp tuyệt trần.

Chị Sắc cười:

- Để mẹ dệt chứ ngắm với nghĩa, trau chuốt hoa hòe hoa sói rồi lấy chi mà ăn, hả con?
- Thì mẹ nói một tiếng đẹp hay không đẹp để bỏ cái công con hái hoa tặng mẹ đã!

Chị Sắc lại cười:

- Hoa con hái đẹp lắm. Mẹ xấu xí lắm. Côn nũng nịu:
- Ôi mẹ của con rất đẹp. Hoa lài con chỉ tô tóc mẹ đẹp thêm thôi...
- Rứa là con chưa hiểu tục lệ chơi hoa, con ạ. Côn chớp chớp mắt, hỏi mẹ:
- Mẹ nói cho con được biết cái tục lệ chơi hoa, đi mẹ.

- Hoa lài thường nở về đêm. Các cụ thường ví những hoa thơm về đêm như những người con gái không đoan trang, không đứng đắn. Có câu ca là: "Dầu thơm dầu đẹp hoa lài, đàn bà con gái chớ cài lên khăn!"

Côn nhìn bông hoa lài do tay mình vừa cài lên khăn mẹ, vẻ lúng túng, băn khoăn! Côn gỡ bông hoa ra khỏi tóc mẹ, ngắm một cách tha thiết, trùu mến. Côn nói thủ thỉ:

- Mẹ ơi, cái tục lệ coi bông hoa lài như cô gái không đứng đắn, nó thế nào ấy? Lại còn gán cho những người đàn bà con gái cài hoa lài lên khăn cho thơm cũng bị coi là người hư hỏng? Sao các cụ, các thầy lại thích uống trà ướp hoa lài? Ô! Tục lệ ấy ngẫm thấy không hay mà còn dở nữa mẹ ạ.

Côn cài lại bông lài lên tóc mẹ. Chị cử Sắc giọng vui, tay vẫn đưa thoi:

- Đúng là, cha nào thì con ấy.
- Điều con ngẫm nghĩ thấy cũng hợp với ý cha, hả mẹ?
- Cha con rất ưa hoa lài, thường bỏ hoa vô túi áo cho mẹ.

Côn thích thú sửa lại bông lài trên tóc mẹ:

- Mẹ ơi. Con làm xong công việc rồi. Con xin phép mẹ đến nhà Quang một lúc, mẹ nhé.
- Anh con đã đi với trò Tuấn, con ở nhà để có việc chi mẹ nhờ chứ.

- Con đã hứa với mẹ tôi hôm qua: Sáng nay con quét dọn nhà cửa, sân vườn rồi mẹ cho con đi chơi đến chừng nấu cơm trưa thì về. Con đi một lúc thôi, con sẽ đúng hẹn về thôi cơm để cha kịp ăn vô Giám ạ.

Chị Sắc gật đầu, dặn thêm:

- Đến nhà bạn, lúc về con nhớ ghé mua ớt và dấm, mẹ sẽ làm món nộm hoa chuối cho mà ăn.

Côn chạy tăng tăng ra ngõ, cầm theo cái lọ và mấy đồng tiền Gia Long, Minh Mệnh trong tay. Bất chợt, Côn cảm thấy nổi lo bồn chồn choán hết trong đầu: "Mình đi bày chữ cho Xեն Văn học mà cứ nói quanh, giấu cha mẹ? Dối cha, dối mẹ, lỗi nặng lắm! Cầu mong Xեն Văn chóng biết để mình thưa chuyện với cha mẹ..."

Chị cử Sắc dừng tay thôi nhìn theo con đi khuất dần sau hàng cây hoa dâm bụt. Chị cũng cảm thấy: Gần đây bé Côn hay xin phép đi chơi phía nhà trò Quang. Có lúc đi cùng với anh, nhưng phần nhiều nó đi chơi một mình? Nhưng Côn là đứa con ngoan nhất, từ lúc lọt lòng đến khi biết cầm bút, biết đọc sách nó chưa một lần nào nổi dối cha mẹ, nói dối anh chị trong nhà hay bạn bè cùng tuổi với nó. Chắc chắn nó không làm việc gì để cha mẹ phải buồn phiền. Ngày mới lên bốn tuổi, nó đã học lõm, nói chữ một câu: "Nhất ngôn trúng, vạn ngôn dụng" cả nhà cười âm lên. Khi bà ngoại hỏi nó: "Cháu giải nghĩa cho bà nghe coi". Nó nói luôn: - "Thưa bà, một lời nói trước đã đúng, thì bao nhiêu lời nói sau ai cũng tin ạ". Cả nhà đều ngạc nhiên...

Chị cử Sắc nhìn sang gian nhà ngoài. Mắt mờ màng. Chị định hỏi chồng về việc bé Côn thỉnh thoảng đi chơi. Chị ngập ngừng rồi thôi vì thấy chồng đang chăm chú viết. Dáng ngồi tự tại. Mắt đưa theo ngọn bút chuyên động trong bàn tay măng búp. Chị lại đưa thôi. Tay chị dệt vải, mắt chị dăng lên lớp lớp những ảnh hình in theo tâm trí theo năm tháng. Trong tai chị cứ văng vẳng những âm thanh xa thẳm, quen thuộc: "Loan này. Mừng cho mày lấy được chồng là anh nho, anh cử. Sang nhất làng Chùa đó". Chị mỉm cười với mình. "Mày có nhận ra là anh nho Sắc đẹp trai nhất đám trai làng mình không hở Loan?" - Thường thôi! Loan đã trả lời với các bạn gái câu ấy để khỏi bị trêu! Nhưng các bạn vẫn không buông tha: "Chớ có dối lòng Loan ạ. Chồng mày có đôi mắt phượng, mày ngài, mũi dọc dừa, miệng chữ tứ, bàn tay gấc, ngón búp măng... Cái ngày võng anh đi trước, võng nàng theo sau đang đến với mày đó, Loan ạ..." Lời trêu của bạn gái khiến mình bồi hồi nhớ lại cái ngày cha đón anh Sắc về nhà, một cậu bé, mặc cái quần ngang đầu gối, áo năm thân nhuộm nâu đã cũ, tay chân ngăm đen, khuôn mặt tươi tắn, hai con mắt to, đen lay láy như hột nhãn. Loan đứng ngấp nghé trong cửa nhà bếp nhìn lên nhà lớn, nghe cha nói với mẹ: "Như đã bàn bạc với bà, nay tôi đưa nó về. Từ giờ, nó là con của chúng ta, là học trò của tôi. Bà hãy căn dặn nó ngay đi". Anh Sắc ngượng ngập cúi xuống, đứng như pho tượng. Mẹ cầm tay cậu bé hỏi mặc dầu mẹ biết rõ tông tích: "Tên cháu... à quên, tên con là gì? - Anh Sắc nói hơi run: Con là Nguyễn Sinh Sắc - Mẹ lại hỏi: - "Con cháu nhà ai nào?"

- Dạ. Con... con là... con thứ của ông Nguyễn Sinh Nhậm. Mẹ của con là Hà Thị Hy, vợ kế của cha con.

- Mẹ hỏi con để nhắc con luôn nhớ đến người sinh thành ra mình chứ mẹ biết rõ cội nguồn của con rồi. Người đẻ ra con là một cô gái nhan sắc, tài hoa, cả cái xứ ni mấy ai sánh nổi. Đẹp như một ngọn đèn. Nếu các cụ không sớm mất thì con không khổ đâu. Cha mẹ đẻ ra con có ruộng cả ao liền để lại, nhưng ở với chị dâu, em chồng khó có được cơm lành canh ngọt; anh trai của con lại cùng cha mà khác mẹ. Dĩ nhiên, một giọt máu đào hơn ao nước lã, nhưng bác Thuyết gái là người dữ tính, dữ nét cho nên con về đây ở với cha mẹ, có cơm ăn cơm, nhục bằng phải ăn cháo, chúng ta cùng chia sớt cho nhau. Cha mẹ đây nở có con trai. Con sẽ được ăn học. Cha con sẽ dạy cho con học. Nghe cha con và thầy đồ

Vương nói con rất sáng dạ. Quý hóa lắm. Mẹ sẽ cho con học, khi cha dạy cạn vốn chữ thì mẹ sẽ cho con đi tìm thầy học thêm nữa. Mẹ cũng đang cho em Loan học chữ với cha. Nó cũng sáng dạ, học được chữ Thánh hiền đó. Nhưng là gái, dầu văn hay chữ tốt cũng nỏ được ai coi trọng. Cho nên, cha mẹ chỉ cho nó học để khỏi chịu cái phận: có mắt mà như mù. Loan mô... mô rồi - Nghe tiếng mẹ gọi, mình đang tựa cửa bếp giật nảy người, đáp lại một tiếng "dạ" mà như đánh rơi mất cái vật gì khỏi bàn tay! - Lên đây mau - Mình khép nép đứng sau lưng mẹ, nỏ dám nhìn cha, nỏ dám nhìn anh Sắc. Anh Sắc cũng chỉ nhìn xuống bàn chân, mấy ngón chân cựa cựa, bấm gi vào nền nhà. Mẹ nói với mình nhưng mẹ vẫn nhìn anh Sắc: "Từ bữa ni cha mẹ có thêm một người con, cha của con có thêm một người học trò nổi chí, con có người anh. Rứa là nhà ta càng ấm cúng. Mẹ dặn các con phải trên kính dưới nhường, anh cho ra anh, em giữ đạo làm em. Cha các con là thầy đồ, mẹ đây cũng sinh ra từ một gia đình nhà nho, mẹ cũng được học võ vẽ dăm ba chữ. Các con đang học chữ. Rứa là một nhà mọi người đều biết chữ, vừa có gia phong, vừa có gia giáo"...

Sự ngưng ngừng, bỡ ngỡ tan biến rất nhanh chóng. Ngay cái hôm đầu tiên về làm con trong nhà, anh Sắc đã xuống bưng nồi cám cho lợn ăn. Mình chưa dám nói chi, mẹ giữ tay anh Sắc lại, anh Sắc vẫn xin mẹ được làm việc nhà, đỡ đần cho mẹ. Dần dà cả nhà đều quý, đều mến anh Sắc. Anh học giỏi trội lên nhất trong trường của cha. Buông sách bút, không để tay rồi, không đợi sai bảo mà tìm ngay việc để làm. Từ công việc rửa bát, quét nhà, gánh nước anh đều làm tất. Năm lên mười lăm, anh tự vác cày đánh trâu ra đồng cày ruộng. Mẹ nhất định không để anh đi cày e mang tiếng: "nuôi con nuôi để lấy công cày chứ đâu phải cho ăn học". Nhưng cha nói: "Con nó đã có cái tâm làm mọi việc không quản nhọc nhằn, không tính đến việc sang việc hèn thì cứ để con nó làm. Học và hành cùng giỏi thì mới nên người". Mẹ cười, nói trêu anh ấy: "Con là học trò nhưng không bị cái tiếng "dài lưng tốn vải ăn no lại nằm" như câu ca, con ạ". Thấm thoát tám năm trôi qua như con thoi trên bàn tay mình, anh Sắc lên tuổi mười tám, mình vào tuổi mười ba. Một buổi tối, cái buổi tối ấy của ngày tháng chạp năm Canh Thìn (1880) mình đang dệt vôi cho xong tám lụa để mẹ may hai bộ đồ mặc Tết của cha và anh Sắc. Nghe cha gọi đến bên án thư, bụng lo lo, hồi hộp. Mình đứng khoanh tay, lưng tựa vào gốc cột. Cha nói như truyền lệnh: "Mấy năm nay cha đã nghĩ, đã tính đến việc trăm năm đôi lứa cho con". Mình đứng không vững nữa, nhờ có gốc cột mà cha không thấy mình đang run lên như người vừa dầm nước ở dưới ao giữa ngày đông tháng giá. Cha nói, giọng rất nghiêm: "Cha đã bàn bạc kỹ việc hệ trọng ni với mẹ con rồi. Cha đã từng dạy nhiều lứa học trò, có gặp được đôi ba học trò thông sáng như anh Sắc của con. Nhưng cái tâm, cái chí, nghĩa là về mặt đức hạnh thì hiếm thấy trò nào như anh Sắc của con. Cha kén rẻ với cái trọng trách chọn người nối chí của cha, làm bạn đời với con thực sự là phụ xướng phụ tùy, mãi nguyện cho đến ngày đầu bạc răng long. Vậy thì, chỉ có Nguyễn Sinh Sắc chứ không thể là ai khác. Ý con ra sao, nói cho cha biết?"

Đột ngột quá. Còn thơ đại quá. Lời cha nói ra là đinh đóng cột rồi. Mình chỉ biết cha sinh ra mình, cha là thầy học dạy chữ cho mình. Cha là tất cả. Ý cha là ý của trời. Duyên số mình đều là do trời xui đất khiến cả. Mình chỉ hé môi: "Con nghe lời cha mẹ". Cha cười hiền từ mà mình vẫn bối rối. Từ cái khoảnh khắc ấy mình chẳng dám đến gần anh Sắc, chẳng mấy chốc, cả làng Chùa đồn rinh lên như một tin hệ trọng: Thầy tú Hoàng Xuân Đường gả o Loan cho cậu nho Sắc. Nhiều người khen: Ông bà tú ăn ở nhân đức hiếm có trên đời, đã đón một đứa con trai không cha không mẹ về cho ăn học, lại gả luôn con gái quý cho nữa... Cũng không ít người dị nghị: Nho Sắc dầu có là người trong rừng Nho, bề Thánh thì cũng không phải là môn đăng hộ đối với nhà ông tú Hoàng Xuân Đường. Còn các bạn gái thì đón đường để trêu mình: Anh nho Sắc hay chữ, đẹp trai, nên mi xúy phần sớm kéo người khác vào mắt phải không Loan? Các cụ trong họ Hoàng thì sôi sục lên: Bác tú là người trưởng tộc, không thể chấp thuận cái việc bác tú gả con gái đầu lòng cho một chàng trai ở làng khác lại côi cút nữa chứ?

Một ngày có tới mấy ông chú bà o, những người trưởng chi đến ca thán với cha mẹ mình, can ngăn đừng gả mình cho anh Sắc. Lúc cha mình hỏi lại: "Nho Sắc có điểm chi đáng chê trách?" Các ông chú bà o chỉ cười trừ, chống chế vài câu: Cậu nho Sắc là người văn hay chữ tốt, lại cày sâu cuốc bẫm chẳng khác chi một lực điền, phẩm hạnh cao. Tiếc rằng làm rể nhà ông tú họ Hoàng ni thì nó không cân xứng về mặt gia thế... Cha đã họp cả họ Hoàng lại. Trước họ hàng, cha nói với một phong độ ôn tồn như lúc kể chuyện cổ tích cho con cháu nghe: "Thưa các bậc thúc phụ, hiền huynh trong họ. Cả họ ta bản khoản lo lắng về việc tôi gả con gái đầu lòng cho anh nho sinh Nguyễn Sinh Sắc vốn là con nuôi, là học trò giỏi của tôi. Vì tôi là người được cả họ coi là hàng tai mắt, lại không có con trai nối dõi tông đường. Tôi xin bái tạ họ hàng đã vì tình gia tộc mà quan hoài tới việc trăm năm của cháu Loan. Tôi gả con gái yêu quý của tôi cho người học trò yêu quý, tin cậy của tôi thì chẳng có chi trái đạo gia phong, vọng tộc. Tôi xin kể cho họ hàng nghe một câu chuyện tình duyên lưu truyền trong sử sách: Đời nhà Trần có quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Chức Tư đồ ngày ấy là Tể tướng. Quan Tư đồ Trần Nguyên Đán có một người con gái rất thông minh, hiếu học, tên là Trần Thị Thái. Quan Tư đồ đã mời thầy về dinh dạy cho con gái học. Người thầy học ấy là một hàn sĩ nổi danh văn chương từ nhỏ, đích thị Nguyễn Phi Khanh, đỗ Bảng nhãn khoa Ất Sửu (1375) đời vua Trần Duệ Tông. Lúc Nguyễn Phi Khanh vào dạy học trong dinh, quan Tư đồ Trần Nguyên Đán thừa hiểu cái luật lệ hà khắc của nhà Trần là các quan thuộc họ Trần thì tuyệt nhiên không được lấy vợ người khác họ. Những người khác họ có khoa bảng hoặc làm quan dưới triều Trần cũng tuyệt nhiên không được lấy vợ người họ Trần. Thế nhưng, Trần Thị Thái và Nguyễn Phi Khanh, do sự gần gũi giữa thầy với trò như lửa gần rơm, hai người đã thương nhau. Sự thương nhau ấy dẫn tới hậu quả: Trần Thị Thái mang thai. Nguyễn Phi Khanh sợ hãi bỏ trốn khỏi dinh quan Tư đồ. Trước khi đi trốn Nguyễn Phi Khanh cho Trần Thị Thái biết một nơi ông ẩn náu tại kinh đô Thăng Long để liên hệ khi có điều lành hay điều dữ. Còn Trần Thị Thái thì khóc với mẹ, trần tình với mẹ việc mình đã dở dang... Con nhà thường dân có hoang thai còn bị làng phạt, gọt đầu, bôi vôi, cha mẹ phải ra chịu phạt, nộp phạt trước chiếu làng, huống hồ đây lại là chuyện con gái quan đại thần thuộc hoàng tộc. Trần Thị Thái xin mẹ đừng cho cha biết chuyện này. Để khỏi mất thanh danh của một thế gia vọng tộc, Trần Thị Thái xin lạy tạ mẹ trước khi bỏ đi khỏi nhà sẽ cải họ cải tên, sống thì tự làm nuôi thân, chết cũng đành một phận. Bà Tư đồ sợ con gái làm điều liêu thân, khuyên giải và đưa con gái về quê ngoại giấu, rồi đánh tiếng là "công nương ngọc thể bất an, phải đi tịnh dưỡng". Bấy giờ bà mới kể lại sự tình với chồng lúc thanh vắng. Quan Tư đồ Trần Nguyên Đán bàng hoàng! Ông cho gọi con gái ngay lúc canh ba ấy. Nhưng bà thưa với ông việc mình đưa con gái đi xa. Bấy giờ ông mới biết Nguyễn Phi Khanh cũng đã trốn đi. Quan Tư đồ bắt vợ phải đưa con gái về ngay. Bà sợ ông sẽ không tha tội chết cho con, vì ông là người được cả họ, cả triều đình vị nể đức trung chính và cốt cách thanh cao. Bà phải trần tình mãi, xin ông tha chết cho con gái để nó được sống tha phương cầu thực. Ông liền nổi nóng: "Phu nhân muốn tôi uống thuốc độc trước mặt phu nhân hay muốn con gái chúng ta về nhận tội tại nơi phu nhân chôn nhau cắt rốn cho nó?". Bà Tư đồ không còn cách nào khác, đành đón con gái về, và bà định ninh con gái bà sẽ phải chịu trọng tội theo phép tắc của hoàng gia. Khi Trần Thị Thái về dinh, quan Tư đồ đốt hương trầm trong phòng ông. Bà Tư đồ dẫn con gái vào quỳ trước mặt ông. Bà ngồi bên ông ôm mặt khóc. Trần Thị Thái nức nở gục đầu xuống thảm nhưng. Quan Tư đồ Trần Nguyên Đán nghiêm giọng: "Con lạy năm lạy trước bàn thờ gia tiên!" Trần Thị Thái cung kính làm theo lời cha. Ông lại nói: "Con lạy cha mẹ ba lạy!" Trần Thị Thái y lệnh cha. Bấy giờ quan Tư đồ mới nói giọng khoan dung: "Con được phép ngồi lên ghế". Quan Tư đồ chỉ giáo cho con: "Theo lệ phép của hoàng gia, gia phong của nhà ta, con đã phạm trọng tội. Một là, con gái hoàng gia, cha là hàng đại thần mà lại đem lòng ký thác cho người con trai khác họ. Hai là, đương thụ giáo mà con lại yêu đương thầy học của mình. Ba là, chưa thành vợ chồng mà con đã mang thai là "bất đoan chính". Như vậy, tội của con nặng lắm. Cha xét thấy tội con tuy nặng thật, nhưng không phải

làm điều phản quốc, hay phản nghịch triều đình, không phải tội vu oan giá họa cho người để mưu lợi cho mình. Cha rất trọng Nguyễn Phi Khanh, một bậc tài cao đức cả. Lòng cha thương con không để đâu cho hết.

Vì vậy cha chỉ có một quyết định là gả con cho Nguyễn Phi Khanh. Trần Thị Thái quỳ sụp xuống chân cha, khóc sung sướng. Bà Tư đồ còn ngờ ngợ tai mình nghe lầm, hỏi lại chồng: "Thưa tướng công, người vừa truyền điều gì với con?". Quan Tư đồ nhìn vợ hiền từ nói: "Chúng ta phải nguyên lương cho con trẻ. Chúng ta gả ái nữ chúng ta cho Nguyễn Phi Khanh. Con đại cái mang. Tôi sẽ đích thân nhận lãnh phần trách nhiệm trước hoàng gia và giải bày để mọi người cũng nguyên lương như chúng ta. Vì Nguyễn Phi Khanh là bậc nhất nhì trong hàng đại đẳng khoa, lẽ nào đưa bé mang dòng máu người hiền tài ấy lại không thành người hữu dụng? Biết đâu, đưa cháu ngoại tương lai của chúng ta lại là người có tài kinh bang tế thế?". Nói tới đó cha mình hình như nghẹn ngào: "Thưa bà con, lời tiên đoán của quan Tư Đồ đã hoàn toàn chính xác. Người có tài kinh bang tế thế, đó là NGUYỄN TRÃI, vị anh hùng dân tộc đứng ở hàng đầu trong các triều đại. Và nỗi oan của Ngài cũng lớn nhất trong lịch sử nước ta. Lịch sử còn ghi đó, lòng dân còn nhắc đời này qua đời khác... Thưa bà con họ Hoàng. Người xưa, quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, sống cách chúng ta những gần năm trăm năm mà còn "nguyên lương" với lỗi lầm của con gái để dân tộc ta có được vị anh hùng Nguyễn Trãi. Lẽ nào đến cái đời này, đời chúng ta lại giữ lệ cổ hủ, tội tệ, tàn bạo với tình yêu đôi lứa? Con gái Hoàng Thị Loan của tôi lấy nho sinh Nguyễn Sinh Sắc đâu có phạm gì đến gia pháp, gia phong của họ Hoàng chúng ta?" Cả họ ngồi im lặng! Rồi mọi người rút về dần. Việc ấy xảy ra tưởng như mới hôm nào, vậy mà... đã gần hai chục năm!... Cậu nho Sắc, giờ là ông cử Sắc. Mình đã có ba mặt con!...

Chị cử Sắc bồi hồi, tay đưa thoi thỉnh thoảng con thoi tuột ra ngoài đường dệt. Chị lại nhìn ra gian nhà ngoài, thấy chồng đã đặt bút xuống án thư, vẽ mặt thư thái nhai trầu ngon lành. Chị ngắm kỹ lại gương mặt thanh tú của chồng. Cười thoáng. Chị bước đến ngồi xuống mép phản đối diện với chồng. Thấy vợ có chuyện gì muốn hỏi, anh cử Sắc vui vẻ đón đả ngay:

- Mình có chuyện chi à?

Chị cử Sắc đặt vào tay chồng thêm miếng trầu tằm sẵn, giọng lo lắng:

- Nhà không để ý chứ gần đây bé Côn và cả bé Khiêm nữa lên ra chơi ngoài cửa Đông Ba, hay trong ngõ chợ? Nhiều lần bé Côn đi một mình, hoặc đi với trò Quang, trò Tuấn. Cũng có lúc bé Khiêm cùng đi với em.

- Mình không tra hỏi các con à?

- Có. Mỗi lần các con đi chơi ở phía ngoài đó về, tôi đều hỏi. Cả hai đứa đều nói ra sông Đông Ba đưa thuyền mo cau, có lúc đi theo chú phó Tràng học vẽ, học khắc gỗ. Hôm mới rồi nó biểu đi xem Tây bắc cầu ngoài bến Nhà Tiền. Đôi lúc thấy con nó có vẻ lúng túng trong cách nói nữa.

- À! Tôi nhớ ra rồi! Có vài lần tôi nhìn thấy bé Côn chép bài học vào hai quyển? Nó chép như vậy để làm gì hề?

Về mặt anh cử Sắc hơi tư lự. Chị cử Sắc giọng lo lắng:

- Con nó sớm khôn, mừng mà cũng lo!

- Bé Côn sớm có óc "kiến kim chi cô". Dầu vậy, nó có thể bị những đứa trẻ hư hỏng lôi kéo nó, cám dỗ nó.

- Lát nữa các con về, nhà tra vấn ngay nhé.

Anh Sắc nhìn vợ cười, trao lại miếng trầu cho vợ:

- Mình cất đi, lát nữa cơm xong hãy ăn, nhai nhiều trầu rát lưỡi quá.

- Nhà...ch...ê...trầu...em... đó nha - Chị cử Sắc nói trêu lườm yêu anh cử Sắc.

*

Khiêm, Côn về và đi thẳng lên nhà chào cha trước. Côn vẫn cầm cái lọ dấm và những quả ớt đỏ thắm đến chào cha. Anh cử Sắc nghiêm nghị:

- Hai anh em đi rửa tay chân rồi lên đây ngay.

Bước ra cửa, Côn nhìn Khiêm, Khiêm nhìn Côn vẻ lo lắng. Côn hỏi nhỏ anh:

- Chắc... có chuyện chi rồi anh ạ!

- Anh thấy thái độ cha có khác thật.

- Em lo quá!

Để Khiêm rửa chân tay trước, Côn chạy vào nhà bếp, hỏi mẹ:

- Ở nhà có chuyện chi không vui mà bộ cha nghiêm lắm, mẹ ạ.

- Các con có làm việc chi không phải đạo với cha mẹ không mà lo lắng?

- Dạ... thưa mẹ...

Côn đang định nói điều gì thì Khiêm đã gọi em ra rửa chân tay.

Anh cử Sắc xếp gọn bút nghiên. Trước mặt một chồng sách cao: Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, Ước Trai thi tập, Vân Đài Loại Ngữ... Anh đặt tay lên cuốn sách mở trang trên án thư, nói với hai con đang từ cửa bước vào:

- Hai anh em ngồi vào ghế.

Khiêm ngồi phía trong, Côn ngồi phía ngoài. Khiêm hơi cúi thấp đầu, hai tay đặt lên đùi mình. Côn nhìn lên phía cha, bàn chân di qua đi lại trên nền nhà.

Anh cử Sắc giọng dứt khoát:

- Các con khoan tay lại. Các con đang làm một việc, tại sao giấu cha mẹ?

Khiêm liếc nhìn sang Côn.

- Thưa cha - Côn đứng lên khoan tay trước ngực, Khiêm cũng đứng lên theo em - Chúng con... thưa cha chúng con không làm việc gì có hại để cha mẹ phải mang tiếng ạ.

- Cha chưa hỏi các con làm sai hay làm đúng. Con phải trả lời vào câu cha hỏi.

- Dạ thưa cha - Côn lúng túng nhìn anh - chúng con... chúng con không...

- Không chi? Con làm mà sao không thể nói ra được?

- Thưa cha - Khiêm hơi run - Chúng con giấu cha mẹ việc dạy chữ cho bé Xئن ở ngõ chợ ạ.

Anh cử Sắc đứng dậy đi chậm chậm trước án thư. Chị cử Sắc ở dưới bếp nhìn lên định xin cho các

con được ăn cơm đã, nhưng chị đã kịp tự ngăn lại.

Anh cử Sắc ngồi lại chỗ cũ, giọng nói dịu hơn:

- Các con đã dạy chữ cho bé Xեն ở ngõ chợ. Các con hãy nói lại sự việc ấy từ đầu cho cha nghe.

Côn thuật lại gia cảnh của bố mẹ Xեն, nỗi tật nguyên của nó, Côn kể tỉ mỉ về sự khao khát học chữ của bố bé Xեն và ông đã chạy vay tất bật xin cho con học mà không được. Anh cử Sắc tay tựa hẳn lên mặt án thư, mắt nhìn đăm đăm ra vườn, tai lắng nghe tiếng nói chân tình của con. Anh xúc động hỏi con:

- Các con làm một việc cao cả, sao lại phải giấu cha mẹ?

Khiêm giọng run run:

- Nhà cu Xեն ở ngõ chợ. Chúng con nghe mẹ nói trẻ con ngõ chợ thường hư hỏng, hay gây lộn, hay ăn quà vặt, đánh cò quay. Sợ cha mẹ cấm đi ra đó nên chúng con giấu, cha ạ.

Côn tiếp lời anh:

- Thừa cha. Con nghe lời cha thường dạy chúng con: "Tiên hành hâu thuyết" chớ có chưa làm mà đã nói. Con sợ nói trước với cha mẹ mà không dạy cho bé Xեն được đến đâu đến đâu thì có lỗi. Chúng con tính việc dạy cho nó học được kha khá rồi hãy thưa trình cha mẹ ạ.

Anh Sắc có phần hài lòng, giọng ấm:

- Cha tin các con. Nhưng các con đã phạm điều gì với cha mẹ nào?

- Thừa cha - Khiêm nói - Chúng con phạm lỗi chưa xin phép cha mẹ mà đã tự ý làm. Như rứa là "tiền trăm hậu tấu" ạ.

Côn nói:

- Dạ thưa cha chúng con phạm lỗi "Tử bất kính phụ mẫu tại đường". Đạo làm con đừng có làm việc gì để cha mẹ phải lo buồn.

- Thấy lỗi rồi, các con tự nhận tội phạt thế nào?

- Thừa cha, con tự phạt nhịn ăn hôm nay ạ - Khiêm nhận.

- Dạ thưa cha, con tự phạt nhịn ăn hôm nay và Tết này con cũng không được nhận phần áo mới của cha mẹ cho ạ.

- Tại sao con lại nhận mức phạt nặng hơn anh con?

- Dạ, con xướng ra cái việc dạy chữ cho bé Xեն rồi lại rủ anh đi và xui anh khoan hãy thưa với cha mẹ.

Anh cử Sắc giấu nụ cười sau ống tay áo. Anh nói giọng trầm trầm:

- Mỗi lần các con phạm lỗi, lòng cha mẹ buồn phiền. Nhưng cha mẹ đỡ lo lắng khi thấy các con biết nhận ra lỗi, biết tự xét lỗi của mình là đáng khen, là các con biết sửa chữa ngay. Cha cũng mừng là các con không đổ lỗi cho nhau, anh nhận phần lỗi của anh, em nhận phần lỗi của em. Đạo làm cha mẹ không nỡ nào lại phạt các con một khi các con đã nhận thấy lỗi và hứa sửa lỗi. Vậy thì, lần này cha nói với mẹ sẽ không phạt các con nhịn ăn một bữa, nhịn mặc áo mới ngày Tết như các con tự nhận. Riêng cái việc các con dạy chữ cho em Xեն là đáng khen, đáng thưởng. Các con chỉ có lỗi phần giấu cha mẹ

trước khi làm. Các con có chữ, đã biết chia chữ cho em bé Xեն tàn tật. Cha sẽ thưởng cho hai anh em hai bộ sách : Nhị Thập Tứ Hiếu, Minh Đạo Gia Huấn. Cha sẽ cho hai anh em được theo cha vô Đại Nội xem hát tuồng. Cụ Thượng Tẩn đã mời cha.

Côn đứng phắt dậy: - Ôi, thích quá!... thích quá... được xem hát tuồng với cha!

- Côn! Ngồi xuống! - Anh cử Sắc nghiêm giọng - Cha chưa cho phép mà con đã tự ý đứng lên.

Côn ngồi xuống chỗ cũ, mặt buồn thiu. Anh cử Sắc dịu dàng nói:

- "Giáo tử anh hài", các con còn thơ dại, cha mẹ phải uốn nắn ngay những cái sai nhỏ từ giờ, nếu không sẽ tích tiểu thành đại thì chỉ còn có than thở: "tích ác thành ác". Anh cử Sắc nói chậm rãi hơn: Vừa rồi bé Côn có nhắc với cha câu trong Luận Ngữ: "Phụ mẫu tại đường bất khả viễn du, du tất hữu phương". Con hiểu ý câu này còn cạn nên mới giải thích là: Cha mẹ còn thì không nên đi xa nếu đi xa phải cho cha mẹ biết nơi con đến đó. Hiểu như vậy là đúng, nhưng không đủ nghĩa. Phải hiểu là: lúc còn nhỏ ở với cha mẹ, con không nên đi xa chơi, nếu đi chơi đâu thì phải cho cha mẹ biết để phòng khi có sự bất trắc mà tìm đến. Còn khi các con lớn rồi, đã trưởng thành thì cha mẹ phải để cho con đi đây đi đó vẫy vùng thỏa chí nam nhi chứ! Con rõ chưa?

- Dạ thưa cha, con rõ rồi ạ.

Anh cử Sắc nhìn hai con, mắt đượm nhân từ:

- Các con đến nói với cha mẹ cháu Xեն là, cha nhận dạy cho bé Xեն học.

Khiêm, Côn nhìn cha như nhìn một vị tiên ông từ trong tường tượng bước ra.

Hết

Cực tây của hòn đảo. Đó là “phá hủy những cột trụ mà hiệp ước với Alexander được khắc trên đó”. Arrian diễn đạt đoạn này có phần lỏng lẻo: hiệp ước, như trong trường hợp của Tenedos (xem phần sau trong quyển này), chắc chắn được ký kết giữa “Alexander và những người Hy Lạp”, chẳng hạn người Mitylene là thành viên của Liên minh Corinth. Được gọi theo tên của một người Sparta, người chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc đàm phán hòa bình năm 386. Hiệp ước này cũng thường được gọi (một cách chính đáng) là Hiệp ước Hòa bình của Hoàng đế, vì hoàng đế Ba Tư đã giành quyền kiểm soát các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, trong khi điều khoản lại quy định rằng tất cả những thành bang ở Hy Lạp nên có quyền tự trị, ngăn chặn việc sản sinh nên bất kỳ một đế chế thù địch nào. Thymondas đã mang số lính này, di chuyển bằng đường biển, tới Tripolus và từ đó, nhập vào lực lượng của Darius tại Sochi. Họ đã chiến đấu tại bờ Issus. Sự rút lui hiệu quả của đội quân này đã phá hủy bất kỳ cơ hội tấn công thành công nào của hải quân. Alexander đã quyết định giải tán hạm đội, một lực lượng mà chắc chắn sẽ khiến ngài phải tốn nhiều tiền bạc để duy trì, vào thời điểm Memnon qua đời. Trong thời đại của Alexander, điều này ám chỉ Đế chế Ba Tư. Phrygia nhỏ hơn. Vùng Phrygia lớn hơn (sau này là Galatia) do Antigonus cai trị (xem Quyển một). Có lẽ đây là một thủ lĩnh địa phương. Sau đó không nghe được thông tin nào khác về nhân vật này. Ngày nay là Golek-Boghaz, con đường chính băng qua dãy Taurus, giữa Cappadocia và Cilicia. Xem Xenophon Anabasis 1.2.20-1. Trái ngược với cách đối xử của ngài với Philotas khoảng bốn năm sau (xem Quyển ba). “Cổng thành Syrian” (còn được gọi là cổng thành “Assyria” trong phần sau) là con đường Beilan, băng qua dãy Amanus, phía đông nam của Alexandretta. Chẳng hạn kiểu viết chữ hình nêm. Nguyên văn: “Sardanapalus, son of Anakyndaraxes, built in one day Tarsus and Anchialus. O stranger, eat, drink, and play, for everything else in the life of a man is not worth this”. Từ “play” ở đây còn được hiểu là ám chỉ việc làm tình. (ND) Về Orontobates, xem Quyển ba. Chắc chắn lòng biết ơn này là vì sự hồi phục của Alexander sau trận sốt tại Tarsus. Theo Aeschines, Against Ctesiphon 164, Demosthenes cũng đưa ra một tường thuật tương tự trong thời gian này. Từ Cilicia, có hai con đường đi tới những vùng đất phía đông, băng qua Cổng thành Syrian gần Alexandretta và Cổng thành Amanian (Đường Bogtche) ở phía bắc, đi tới Euphrates ở Apamea. Alexander hoặc không được báo cáo về đường đi hoặc đã nghĩ rằng nó không quan trọng; chắc chắn tin tức về việc Darius chặn đường là một bất ngờ đối với ngài. Plutarch (Alexander tr.20) viết rằng “hai lực lượng đã không đụng độ nhau trong đêm”, thực tế, khi Darius hành quân về phía bắc từ Sochi, họ đã bị chia tách bởi sự rộng lớn của dãy Amanus. Tại Cunaxa, cách Babylon khoảng 72 kilômét. Xem thêm, ngoài các sử gia viết về Alexander, Polybius 12.17-22, người chỉ trích ghi chép của Callisthenes về trận

chiến. Callisthenes cho biết chiều rộng của đồng bằng khoảng 14 stade [stade là đơn vị đo khoảng cách của Hy Lạp cổ đại, 1 stade bằng khoảng 183 mét]. Về những binh lính này, xem Strabo 14.3.18. Fuller cho rằng hầu hết những binh lính này là bộ binh hạng nhẹ. Plutarch đưa ra số liệu tương tự. Diodorus and Justin 400.000, và Curtius 250.000. Tất cả những số liệu này đều là không tương, nhưng giờ đây chúng ta không thể tìm được số liệu chính xác. Những người Macedonia này là ai? Nếu đó là một đơn vị Macedonia, có lẽ họ là “các lính trinh sát”. Chúng ta có thể đoán rằng từ “Macedonia” là để thay thế cho một từ khác, chẳng hạn như Paeonia. Cả hai đơn vị này đều được nhắc tới ở đoạn sau. Anabasis 1.8.21, 22. Đây không phải là hai đội Chiến hữu vừa được nhắc tới, mà theo Curtius (3.11.2) là “hai đơn vị kỵ binh” được nhắc tới cùng với quân Agrianes ở trên. Họ chắc chắn là lính đánh thuê. Chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh hạng nặng. Plutarch, Curtius và Diodorus thống nhất về số thương vong, nhưng số liệu về phía quân Ba Tư thì không đáng tin. Số thương vong của Macedonia do Curtius (3.11.27) đưa ra là 450 người bị giết và 4.500 người bị thương. Về một vài chi tiết, xem Plutarch, Alexander 20.11-13. Như Fuller lưu ý, Damascus cách Sochi hơn 300 kilômét về phía nam là một địa điểm nổi bật để lựa chọn. Năm 333 TCN. Việc Alexander bị thương nhẹ là chính xác. Tuy nhiên, Chares đã khẳng định rằng vết thương này là do chính Darius gây ra, điều mà Plutarch (Alexander 20.9) cho là bịa đặt và đã trích dẫn lá thư của Alexander để bác bỏ. Điều này có nghĩa là họ đã nhận được không ít hơn 150 ta-lăng, một số tiền khá lớn nếu người ta biết rằng khoản lợi tức của Athens năm 431, bao gồm cả đồ cống nạp từ các thành bang lệ thuộc, chỉ vào khoảng 1.000 ta-lăng. Plutarch (Alexander 22.5) trích dẫn một lá thư do Alexander viết cho Parmenio, trong đó ngài khẳng định không bao giờ tơ tưởng tới vợ của Darius. Nhiều kỵ binh Ba Tư trốn tới Cappadocia, nơi họ liên kết với các binh lính địa phương trong nỗ lực giành lại Phrygia nhưng sau đó đã bị Antigonos đánh bại. (Curtius 4.1.34-5, ở đây “Lydia” bị nhầm sang “Phrygia”). Lính đánh thuê Hy Lạp. Diodorus (17.48.2-5) và Curtius (4.1.27-33) đưa ra nhiều chi tiết hơn về những sự kiện ở Ai Cập. Vì họ chỉ nhắc tới Amyntas và 4.000 lính đánh thuê, có thể lực lượng đã bị chia nhỏ. Có thể có 4.000 lính khác phục vụ cho Agis, vua Sparta; tương truyền vị vua này đã thuê 8.000 lính trốn chạy từ Issus. Xem E. Badian, JHS 1963, 25-6. Không hề nao núng khi nghe tin thất bại của Darius tại Issus, Agis tiếp tục chuẩn bị cho cuộc chiến, và vào mùa xuân năm 331, ông “đã hô hào hợp nhất những người Hy Lạp để đấu tranh vì tự do của họ” (Diodorus 17.62.6). Sau những thành công ban đầu, cuối cùng Agis bại trận dưới tay Antipater tại Megalopolis vào mùa thu năm 331. Về bằng chứng, xem Diodorus 17.48.1-2; 62.6-63.4; 73.5-6; Curtius 6.1; và, về ghi chép gần đây về Agis, xem E. Badian, Hermes 1967, từ tr.170. Diodorus (17.39.2) thuật lại một câu chuyện lạ lùng rằng Alexander đã giấu lá thư của Darius và thay thế bằng một lá

thư khác “phù hợp hơn với các quyền lợi” mà ngài đặt ra trước các chiến hữu để bảo đảm việc bác bỏ đàm phán hòa bình. G. T. Griffith (Proc. Camb. Phil. Soc. 1968, từ tr.33) cho rằng lá thư trong trước tác của Arrian là giả mạo. Chẳng hạn, ông chỉ ra rằng, Darius không đưa ra những gợi ý về tài chính hoặc lãnh thổ (như ông đã nêu trong các lá thư trong trước tác của Diodorus 17.39 và Curtius 4.1.7), và rằng việc đưa ra vấn đề tội ác chiến tranh là một hành động sai lầm ở vị trí của Darius. Về những tranh luận khác của Griffith, xem hai chú thích tiếp theo. Chúng ta không biết được gì về liên minh giữa Philip và Artaxerxes trong một thời kỳ được ghi chép tương đối chi tiết. Chẳng hạn, Demosthenes không hề nhắc tới điều này. Artaxerxes III (Ochus) đã cai trị từ năm 359-338, còn con trai ông, Arses, cai trị từ năm 338 tới năm 336. Darius nhắc tới cuộc xâm lược Tiểu Á của quân Macedonia vào mùa xuân năm 336. Cuộc chiến đó không phải là vô lý, vì chính Ba Tư đã hỗ trợ Perinthus tấn công Philip vào năm 340; tuy nhiên, Philip đã trở thành kẻ xâm lược vào năm 342 khi liên minh với Hermias của Atarneus và hắt Darius muốn nhắc tới chi tiết này. Không có bằng chứng nào cho việc này. Alexander (hoặc Arrian) đã nhầm lẫn. Bagoas đã đầu độc Arses cùng các con của ông, và giành ngai vàng của Ba Tư cho Darius. Sau này, khi ông ta toan tính đầu độc Darius, nhà vua đã giành lại ưu thế về phía mình. Xem Diodorus 17.5.3-6. Aeschines (Against Ctesiphon 239) khẳng định rằng Darius đã gửi 300 ta-lăng cho người Athens nhưng họ đã từ chối và Demosthenes đã bỏ túi 70 ta-lăng trong số đó. Liệu Alexander có bị ảnh hưởng bởi việc ông nội của ngài, Amyntas III, đã nhận anh trai của Iphicrates làm con nuôi? Aeschines, On the Legation 28. Việc Iphicrates hỗ trợ về quân sự cho Alexander là không chắc chắn. Tại Sidon, Alexander đã phế truất Strato, người ủng hộ Ba Tư và chỉ định vua Abdalonymus thay thế vị trí của Strato. (Curtius 4.3.4.) Trên thực tế, “Heracles” này là thần Melcarh của người Tyria (thần Baal của Syria). Diodorus (17.40.3) nhấn mạnh lòng trung thành của họ đối với Darius. Người ta nói rằng Alexander đã phải làm lễ hiến tế ở một ngôi đền nằm ngoài thành phố. Những lý do của Alexander về việc dùng vũ lực này đã được ra trong bài diễn văn bên dưới. Hòn đảo cách bờ biển gần 1 kilômét. Theo Diodorus (17.40), mũi đất rộng khoảng 60 mét. Những tảng đá được lấy từ thành Tyre cũ và các khúc gỗ được lấy từ núi Libanus. Đơn vị đo chiều sâu, 1 sải bằng 1,82 mét. (ND) Đây là bước ngoặt của cuộc vây thành. Antilibanus là ngọn núi phía đông trong số hai dãy núi vây quanh thung lũng Coele-Syria; dùng từ Ả Rập có phần không chính xác. Những người bản địa đã giết khoảng 30 lính Macedonia, những người đi kiếm gỗ để làm bè và pháo đài. (Curtius 4.2.18; 4.3.1) Vua của Salamis, một trong chín thành phố trụ cột của Syprus. Cả hai thành phố đều nằm ở bờ biển phía nam của Cyprus. Agenor, cha của Cadmus, được cho là người đã thành lập cả Tyre và Sidon. Cuộc vây thành kéo dài bảy tháng, từ tháng Một tới tháng Tám năm 332. Theo Diodorus (20.14), những

người Carthage đã dâng một phần mười ngân khố của họ cho thần Melcarth, và cử các sứ thần tham dự lễ hội hằng năm ở Tyre. Tương truyền, họ đã hứa giúp đỡ những người Tyre vào giai đoạn đầu của cuộc vây thành, nhưng sau đó không thể thực hiện lời hứa vì cuộc chiến với Syracuse (Curtius 4.2.10; 4.3.19). Diodorus (17.46.4) đưa ra con số 13.000 tù nhân, nhưng ông cũng lưu ý rằng 2.000 người đã bị tra tấn. Curtius (4.4.15) bổ sung (số liệu này chưa được xác thực) rằng có 15.000 người đã trốn thoát an toàn, do người Sidon đã góp phần vào đợt đột kích cuối cùng. Liệu có phải là một sự trùng hợp khi tổng số của các số liệu này là khoảng 30.000 người? Diodorus (17.39.1) và Curtius (4.11.1) thuật lại (có thể là thiếu chính xác) rằng Darius đã cử sứ thần cùng với những điều khoản tương tự ngay trước trận Gaugamela. Về câu chuyện phức tạp của các sứ mệnh, xem thêm C. B. Welles trong phiên bản Loeb [trong thư viện cổ điển Loeb] của Diodorus. Plutarch (Alexander 25.4) thuật lại rằng con chim sau đó vướng vào những sợi dây buộc máy lăng đá và bị mắc kẹt ở đó, Curtius (4.6.11) kể rằng con chim bị kẹt trong một pháo đài vì dính phải nhựa đường và lưu huỳnh. Do đó, có thể đoán được tại sao Aristander lại tiên đoán Alexander sẽ hạ được thành. Curtius kể rằng Alexander đã tránh được một vụ ám sát của một người Ả Rập ngay trước khi ngài bị thương. Furlong: đơn vị đo chiều dài, 1 furlong bằng 1/8 dặm Anh, tức khoảng 201 mét. (ND) Thông tin về công sự cao khoảng 17 mét có thể đã được sửa chữa, vì trong bản thảo ghi là “khoảng 76 mét”. Chúng ta không cần tin vào câu chuyện (Curtius 4.6.29) cho rằng Alexander đã kéo lê Batis, trong khi ông ta vẫn còn sống, khắp tường thành phía sau chiến xa của ngài như Achilles đã kéo lê xác của Hector khắp thành Troy (Homer, Iliad). Cuộc vây thành kéo dài hai tháng (tháng Chín đến tháng Mười năm 332), và số người bảo vệ thành bị giết lên tới 10.000 người. Thống đốc cũ, Sabaces, đã bị giết tại Issus. Theo Curtius (4.7.4), Mazaces đã giao lại kho tàng lên tới 800 ta-lăng. Một pháo đài vững chắc, cửa ngõ vào Ai Cập, nơi những người Ai Cập đã vài lần đương đầu với quân xâm lược. Apis chính là thần Ptah của Memphis. Alexander tôn trọng tôn giáo này của người Ai Cập (và của những dân tộc khác mà ngài chinh phục) và đã được tôn làm Pharaoh tại Thebes. Trái lại, Cambyses đã xúc phạm thần Apis (Herodotus 3.27-8). Nữ thần của tình mẹ, phép thuật và sự sinh sản. (ND) Đây là thành phố đầu tiên và vĩ đại nhất trong nhiều thành phố mà Alexander sáng lập, được kiến thiết (không giống như phần lớn các thành phố) để trở thành trung tâm thương mại lớn. Plutarch (Alexander 26.4) đồng ý với Arrian rằng việc sáng lập thành phố diễn ra trước khi Alexander tới thăm Siwah, nhưng cũng có những ghi chép khác (tiêu biểu như trước tác của Curtius, Diodorus và Justin) cho rằng sự kiện này diễn ra sau chuyến viếng thăm. Về các tranh luận thiên về ý kiến sau, xem C. B. Welles, *Historia* 11 (1962), từ tr.271. Đoạn này có thể hiểu là Alexander muốn phác thảo lại sơ đồ các chốt phòng vệ, trong khi lúc đó lại không có phần hoặc các phương tiện

khác để vẽ lại. (ND) Xem Quyển hai. Tướng quân người Athens, người đã tự nguyện xin quy hàng vào năm 335; lần cuối cùng nhân vật này được nhắc đến là vào mùa xuân năm sau đó, khi ông trao vương miện bằng vàng cho Alexander tại Sigeium. Xem Quyển một. Mặc dù sắc lệnh của Alexander cho người Chios (Tod 192) vào khoảng một năm trước đó đã tuyên bố rằng Hội đồng của Liên minh Corinth nên xét xử những kẻ phản bội. Đền thờ của thần Ammon, một vị thần mà người Hy Lạp biết đến trong hơn một thế kỷ và được họ coi tương đương với thần Zeus, được đặt ở ốc đảo Siwah cách Thebes khoảng 644 kilômét. Chuyến viếng thăm này đã được nhiều sử gia mô tả, cụ thể Diodorus 17.49-51, Curtius 4.7.5-30, Plutarch Alexander 26-27 và Strabo 17.1.43 (dựa theo Callisthenes). Người anh hùng trong Thần thoại Hy Lạp, đã giết quái vật tóc rắn Medusa Gorgon. (ND) Tác giả của bình luận đầy hoài nghi này (cũng được Curtius đưa ra) có thể là Ptolemy, người không đồng ý với việc Alexander tin rằng ngài có nguồn gốc thần thánh. Được tôn làm Pharaoh tại Thebes, Alexander, cũng giống như mọi Pharaoh khác, đều tự coi mình là con của thần Ammon. Mersa Matruh. Ở đây, Alexander đã gặp các sứ thần đến từ Cyrene, những người đã thương thuyết với ngài về hiệp ước hòa bình và liên minh (Diodorus 17.49.2). Về miêu tả ốc đảo Siwah và đền thờ thần Ammon, xem Diodorus 17.50, Curtius 4.7.16, và đặc biệt là H. W. Parke, *The Oracles of Zeus*, (Oxford, 1967) từ tr.196. Arrian có thể đang nhắc tới triều đại của Ptolemy, ám chỉ nguồn gốc văn hóa Hy Lạp cổ đại. “Ngón tay” có thể là đơn vị đo lường nhỏ nhất, khoảng 1,8 centimet. Chắc hẳn vị trưởng tư tế đã chào Alexander (với vai trò một Pharaoh) là “con trai của thần Ammon” (hoặc “con trai của thần Zeus”) và vị hoàng đế trẻ tuổi đã một mình bước vào đền thờ. Nếu đúng như vậy, những lời tiên tri do Plutarch, Diodorus và Curtius thuật lại về việc Alexander là hậu duệ của thần Ammon và ngài sẽ trở thành người thống trị thế giới đều đáng ngờ, trừ phi chúng ta giả định rằng các vị tư tế hoặc chính Alexander, sau đó, đã loan báo thông tin này. Callisthenes rõ ràng đã viết về dòng dõi thần thánh của Alexander (chẳng hạn, xem Plutarch Alexander 33.1) với sự đồng thuận của Alexander. Plutarch (Alexander 28) và Arrian (7.29) coi việc này là một thủ thuật phi chính trị, làm kinh sợ những người còn đang bối rối, trong khi chắc chắn rằng, điều này ít nhiều cho thấy niềm tin của Alexander về việc ngài thực sự là con trai của thần Ammon. Naucratis là căn cứ của người Milesia và là một thành phố Hy Lạp. Về lá thư của Alexander gửi Cleomenes, xem Quyển bảy. Trong xã hội La Mã cổ đại, hệ thống đẳng cấp được phân chia theo dòng dõi và sự giàu có. Hai đẳng cấp cao nhất là tầng lớp nguyên lão và hiệp sĩ (equites/knight). Các nguyên lão thường là tầng lớp thống trị truyền thống, nổi lên thông qua con đường chính trị, còn các hiệp sĩ nổi lên thông qua con đường binh nghiệp. (ND) Tin tức đầu tiên về cuộc nổi loạn của Agis (xem Quyển hai). Nhiệm vụ của Philoxenus có thể bao gồm cả việc thu “phần đóng góp” của các thành

phố Hy Lạp ở Tiểu Á chừng nào họ vẫn còn tiếp tục phải đóng thuế. Sau này, Philoxenus có quyền (hoặc tự cho là mình có quyền) can thiệp vào các thành phố này. Về thảo luận gần đây nhất về danh hiệu và nhiệm vụ của ông, xem Badian, *Ehrenberg Studies*, từ tr.55. Việc ông có phải là nhân vật Philoxenus được nhắc tới trong phần sau hay không vẫn còn là điều chưa chắc chắn. Không giống như những lần kết hôn khác của vua Philip, lần kết hôn này với một nữ quý tộc người Macedonia đã đe dọa vị trí của Olympias và Alexander, và cảnh tượng đáng xấu hổ tại tiệc cưới đó đã dẫn tới việc hai mẹ con Alexander phải trốn khỏi Macedonia. Sau khi trở về từ Illyria vào cuối năm, Alexander đã nỗ lực kết thân với Pixodarus, người cai trị Caria, điều này đã dẫn tới việc trục xuất những người bạn của ngài. Xem Chương 9, Chương 10 cuốn Alexander của Plutarch. Chú (và anh rể) của Alexander Đại đế. Ông đã hỗ trợ Tarentine tấn công người Lucania và Bruttium, nhưng đã bị đánh bại và bị giết vào năm 331/330. Thay thế Asander, anh trai của Parmenio, mặc dù ông đã góp phần đánh bại Orontobates (xem Quyền hai); xem E. Badian, *Transactions of the American Philological Association* 91 (1960) 329. 331 TCN. Về các sự kiện diễn ra vài tháng sau đó, xem E. W. Marden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964). Một loại chiến xa thời cổ đại, bao gồm một cỗ xe ngựa có các lưỡi dao sắc hình lưỡi liềm được gắn vào mỗi đầu của trục xe. Lưỡi dao có chiều dài khoảng 1 mét, được sử dụng như một vũ khí. (ND) Chỉ có Curtius (4.12.13) đưa ra số liệu hợp lý, 200.000 người cho bộ binh Ba Tư, nhưng dù có một vài học giả chấp nhận số liệu này, cũng không có bằng chứng nào cho thấy nó được đưa ra dựa trên nguồn cứ liệu đáng tin. Curtius cho rằng số kỵ binh là khoảng 45.000 người. Marsden (tr.31-37) ước lượng số đó khoảng 34.000 người. Khazir, một nhánh của sông Lycus. Trận chiến có thể đã diễn ra ở gần Tell Gomel, phía bắc con đường hoàng gia Ba Tư đi từ Nineveh tới Arbela (Erbil); xem Marsden, tr.20. Ngoài những nguy cơ phải đối mặt trong một cuộc tấn công ban đêm (xem Thucydides 7.43-4; Xenophon, *Anabasis* 3.4.35), Alexander hiểu rõ giá trị của việc lan truyền tin tức nếu đánh bại quân Ba Tư trong điều kiện đó. Darius có thể tuyên bố rằng tại Issus, ông ta đã thất bại vì thiếu không gian (xem Quyền một); còn ở lần này, Alexander không có ý định để Darius có thể viện dẫn bất kỳ lý do nào nhằm biện hộ cho sự yếu kém của ông ta. Mệnh lệnh viết tay này không tiết lộ số lượng binh lính trong lực lượng Ba Tư. Họ đã bị ép buộc phải chuyển tới Trung Á. Những chiến xa cũng không hề được sử dụng hiệu quả tại Cunaxa (Xenophon, *Anabasis* 1.8.19-20) Vì việc người đưa tin có thể bắt kịp Alexander nếu ngài đang ráo riết truy đuổi Darius là một chuyện khó tin, câu hỏi được đặt ra là: “Lúc đó Alexander đang ở đâu?” G. T. Griffith, *JHS* 1947, 87, cho rằng ngài đã quay lại ngay để hỗ trợ cánh trái đang bị đe dọa, còn Marsden, từ tr.58, cho rằng Alexander đã di chuyển sang cánh trái để bao vây trung quân và cánh phải của quân Ba Tư. Những người Ấn Độ và Ba Tư này không phải

“một vài kỵ binh Ấn Độ và Ba Tư” đã được nhắc tới ở đoạn trước. Những người sau là một nhóm nhỏ, và không thể cướp bóc doanh trại của Macedonia ở cách đó vài kilômét rồi trở về đối đầu với Alexander trong khoảng thời gian đó. Lần đầu tiên là tại Issus (xem Quyển một). Chắc hẳn là một số liệu thấp hơn thực tế. Curtius (4.16.26) đưa ra con số 300 người, Diodorus (17.61.3) đưa ra con số 500 người, cùng với “rất nhiều người bị thương.” Số liệu của Diodorus (90.000) và Curtius (40.000) là hợp lý hơn. Nguyệt thực (xem phần trước trong quyển này) đã diễn ra vào đêm ngày 20/21 tháng Chín và trận chiến diễn ra vào ngày 1 tháng Mười, nghĩa là vào ngày thứ 26 của tháng Boedromion theo lịch Athens. (Plutarch, Alexander 31.4; Camillus 19.5). Alexander cho rằng việc chiếm cứ Babylon và Susa quan trọng hơn về mặt chính trị so với việc truy đuổi một đội quân bại trận khắp một vùng đất có địa thế hiểm trở. Tên một vị vua Ba Tư. (ND) Điện thờ thần Bel (Marduk) đã không được xây dựng lại trước khi Alexander quay trở lại Babylon vào năm 323. (xem Quyển bảy) Mazaeus là người phương Đông đầu tiên được chỉ định giữ chức thống đốc. Liệu đây có phải là một phần thưởng cho đóng góp của ông tại Gaugamela (xem Tarn (Alexander 2.109), trích Curtius 5.1.18), hoặc vì ông đã giao nộp Babylon? Arrian dùng từ “Chaldaean” là để chỉ những vị tư tế của thần Marduk. Harmodius và Aristogeiton (mất năm 514 TCN): là hai người Athens đã giết chết bạo chúa Hipparchus. Những người này được dân Athens tôn kính vì đã khôi phục nền tự do cho họ. (ND) Sau này, Arrian nói rằng (xem Quyển bảy) các bức tượng này đã được gửi trở lại Athens vào năm 323. Về Harmodius và Aristogeiton, xem Quyển bốn. Demeter và Persephone. Arrian đã nhầm lẫn. Thống đốc Abulites đã gửi con trai ông là Oxathres cho Alexander. Ông vẫn giữ vị trí của mình. Từ Hy Lạp được dịch thành “thống đốc” là “Hyparchos”, một từ có thể dùng để chỉ nhiều vị trí; xem Tarn, Alexander 2.173. “Menes là... một vị tướng, chịu trách nhiệm về một phần rất quan trọng trong thông tin liên lạc” (Tarn, 2.177). Gần 15.000 người tất cả, tính cả 6.000 bộ binh Macedonia và 500 kỵ binh Macedonia. Chi tiết, xem Diodorus 16.65.1, Curtius 5.1.40-2. Fuller (tr.227) so sánh với khoản thuế mà người Anh phải trả cho các thành viên bộ lạc ở biên giới Tây Bắc Ấn Độ. Mục đích của Alexander là ngăn không cho Ariobarzanes di chuyển lượng của cải khổng lồ ra khỏi Persepolis. Khoản tiền này, theo Diodorus (17.71) và Curtius (5.6.9), là khoảng 120.000 ta-lăng, còn theo Plutarch (Alexander 37) và Strabo (15.3.9) là 40.000 ta-lăng. Pasargadae là thủ phủ cũ của Ba Tư, do Cyrus sáng lập. Quân Macedonia đã chiếm được 6.000 ta-lăng ở đây. Đây là phiên bản chính thức, liên quan tới tính liên-Hy Lạp của cuộc viễn chinh. Plutarch (Alexander 38), Diodorus (17.72) và Curtius (5.7) nói rằng việc đốt phá cung điện là ý của Thais, một gái điếm hạng sang người Athens trong tiệc rượu. Theo biên niên sử chính xác của Curtius, việc này diễn ra vào giữa tháng Năm, vào cuối khoảng thời gian bốn tháng Alexander

lưu lại Persepolis. Về việc phá hủy Persepolis, xem các tranh minh họa xuất sắc trong Mortimer Wheeler, *Flames over Persepolis*, hoặc Jean-Louis Huot, *Persia* (London, 1965) trong các seri *Archaeologia Mundi*. Ecbatana chính là Hamadan thời hiện đại. Cổng Caspian, con đường chính từ Media băng qua những ngọn núi Elburz tới Hyrcania và Parthia, cách Teheran khoảng 64 kilômét về phía tây. Lúc này Alexander cho rằng cuộc chiến Liên minh đã tới hồi kết. Số tài sản được tập kết tại Ecbatana, tương truyền, lên tới 180.000 ta-lăng (Diodorus 17.80; Strabo 15.3.9). Parmenio vẫn còn ở Ecbatana cho tới khi ông mất. Mệnh lệnh của ông có thể đã được hủy bỏ. 6.000 bộ binh Macedonia dường như đã tái nhập vào lực lượng của Alexander tại Susia ở Aria (xem phần sau trong quyển này). Rhagae (Rei) nằm cách Teheran khoảng 8 kilômét về phía đông nam, cách cổng Caspia không ít hơn 70 kilômét. Darius bị giết gần Damghan hoặc Shahrud. Alexander đã hành quân khoảng 338 hoặc 402 kilômét từ Cổng Caspian trong khoảng hơn một tuần vào giữa mùa hè, rong ruổi khắp một đất nước mà phần lớn là sa mạc. Về các lăng mộ hoàng gia, xem Diodorus 17.71.2. Năm 330 TCN. Barsine, thường được gọi là Stateira. Về việc nàng kết hôn với Alexander, xem Quyển bảy. Biển Caspian tuy được gọi là biển, nhưng thực chất là một cái hồ. Đây là hồ nước lớn nhất thế giới. Nước hồ mặn như nước biển và các sinh vật sống ở đây cũng là các sinh vật biển. (ND) Ngày nay là Asterabad. Có thể là Meshed. Còn được gọi là Zariaspa (Strabo 11.11.2), và là Balkh thời hiện đại. Arrian cũng gọi vùng đất này là Drangiana, xem phần trước trong quyển này. Vùng này nằm ở phía tây Arachotia. Tại Phrada, sau này được gọi Prophthasia, âm mưu phản loạn đã bị phát hiện. Về âm mưu của Philotas, xem Plutarch, Alexander 48-9, Diodorus 17.79.1-80.2, Curtius 6.7-11, tất cả những sử gia này đều nói Philotas đã bị tra tấn để lấy lời khai. Theo Plutarch, Alexander đã được Antigone, tình nhân của Philotas, cho biết về âm mưu phản loạn. Trên thực tế, không có bằng chứng nào chống lại Philotas, ngoại trừ việc ông đã hai lần không sắp xếp cho một người Macedonia tên là Cebalinus tiếp kiến Alexander trong khi ông ta khẳng định có thông tin quan trọng cần báo lên hoàng đế. Việc này được suy diễn thành nó có liên quan tới âm mưu chống lại Alexander. Hoặc bị ném đá cho tới chết (Curtius 6.11.38). Chi tiết, xem Curtius 7.2.11-35. Xem Quyển một. Kỵ binh Thessaly được đặt dưới quyền chỉ huy của Parmenio, kỵ binh Pharsalus tương đương với Kỵ binh Hoàng gia của Alexander (xem phần trước trong quyển này). Về việc xét xử Amyntas, xem Curtius 7.1.10-2.10. Cleitus “Đen”, người đã cứu mạng Alexander tại Granicus. Khi nhắc tới “Caucasus của Ấn Độ”, Arrian muốn nhắc tới Các ngọn núi ở Ấn Độ [Hindu Kush]; xem phần sau trong quyển này, và Strabo 11.8.1. Thành phố thường được biết tới với tên gọi “Alexanderia gần dãy Caucasus”, có lẽ được sáng lập ở Begram, cách Kabul khoảng 40 kilômét về phía đông bắc. Cây silphium thuộc họ thì là, được dùng nhiều ở vùng bờ biển Cyrenaica (Lybia ngày nay). Tương

truyền loại cây này được sử dụng như một phương thuốc tránh thai của người cổ đại. (ND) Loài cây này xuất hiện trên đồng tiền Cyrene. Về Tanais, xem phần sau trong quyển này. Về Bactra, xem phần trước trong quyển này. Những thị trấn khác giờ là Kunduz và Tashkurgan. Alexander đã băng qua Hindu Kush qua đèo Khawak, có độ cao 3.536 mét. Arrian đã nhầm lẫn. Ông không biết rằng dòng Oxus (Amu Darya) đổ vào biển Aral. Lặp lại cách bày binh bố trận ở Danube năm 335 (xem Quyển một). Hiện nay là Samarcand. Oresartes là tên Aristobulus gọi dòng Jaxartes (Syr Darya), dòng sông cũng giống như sông Oxus, đổ vào biển Aral. Dòng Tanais mà Herodotus gọi (4.45.57) là sông Don và hồ Maeotis chính là biển Azov. Alexander và những người theo ngài đã đồng nhất dòng Jaxartes với dòng Tanais (Plutarch, Alexander 45.5), và Strabo (11.7.4) cho rằng việc đồng nhất đó là một phần của “âm mưu” khẳng định rằng Alexander đã chinh phục được toàn bộ châu Á. Gadeira hiện nay được gọi là Cadiz. Giống như nhiều sử gia cổ đại khác, Arrian coi Libya là một phần của lục địa Á châu. Iliad 13.6. “Alexandria xa nhất” chính là Chojend ngày nay. Arrian đã không nhắc tới việc chiếm đóng bảy chốt biên phòng này. Nhiều khả năng Alexander đã suy nghĩ lạc quan về việc sắp đặt một sự hòa giải chung. Chojend, đã được nhắc tới trước đó. Xem Herodotus 4.122-142. Curtius 7.7.24-29 thuật lại rằng Aristander đã thay đổi lời tiên tri và tuyên bố rằng chưa bao giờ lễ hiến tế lại thuận lợi như vậy. Về các cuộc hành quân chống người Scythia, xem Fuller, tr.236-41. Khoảng 1.000 người, theo Curtius (7.6.10). Curtius (4.7.30-9) đồng ý với Aristobulus rằng quân Macedonia đã rơi vào ổ phục kích, mặc dù ghi chép của ông có nhiều khác biệt so với ghi chép của Arrian. Có tới 2.000 người trong tổng số 3.000 bộ binh, 300 người trong tổng số 800 kỵ binh thiệt mạng. Hiện nay là Zarafshan. Năm 329/328 TCN. Về chuyến khởi hành từ Nautaka một năm sau đó, xem phần sau trong quyển này. Arrian viết thiếu chính xác. Menes được cử đi từ Susa vào cuối năm 331, Epocillus được cử đi từ Ecbatana vài tháng sau đó (xem Quyển ba). Nói chung, người ta cho rằng tên Bessus ở đây là để chỉ Bessus, kẻ giết vua Darius, được nhắc tới ngay trước đó. Dòng sửa lại có thể là “Asclepiodorus, xatrap của Syria, và Menes, “thống đốc”” (xem Tarn, Alexander 2.179-80). Từ Hy Lạp mang nghĩa “thống đốc” cũng là “Hyparchos”; xem Quyển ba. Chi tiết về quân tiếp viện, tổng số là 19.000 người, xem Curtius 7.10.11-12. Về hình thức cắt xẻo “dã man” này, xem Herodotus 3.154. Trong cuốn Alexander, Plutarch nói rằng Alexander đã chấp nhận và sử dụng trang phục pha trộn của Ba Tư và Media, tránh những yếu tố “dã man” của trang phục Media. Sau này, Arrian (xem Quyển bảy) cho rằng việc này là do động cơ chính trị. Việc này diễn ra tại Markanda vào mùa thu năm 328. Về một số ghi chép khác biệt về nơi diễn ra, xem Plutarch, Alexander 50-2 và Curtius 8.1.20-2.12. Những phiên bản khác biệt này đã được T.S Brown phân tích trong AJP 1949, từ tr.236. Tương truyền, họ đều là con của Leda,

nhưng lại có hai ông bố khác nhau: Castor là đứa con trai phạm tội của Tyndareus – vua Sparta, và Polydeuces là đứa con trai thần thánh của thần Zeus – người đã dụ dỗ và cưỡng hiếp Leda. Truyền thuyết về họ có nhiều dị bản, cũng có dị bản kể rằng cặp song sinh này được sinh ra từ một quả trứng, cùng với một cặp song sinh khác là chị em Helen và Clytemnestra. (ND) Triết gia này sinh ra ở Abdera thuộc Thrace và là thầy dạy triết học Khắc kỷ của Pyrrhon. Quan điểm của ông thường xuyên mâu thuẫn với quan điểm của Callisthenes; xem Plutarch, Alexander 52-3. Mối quan hệ giữa thần Công lý và thần Zeus đã được thuật lại từ rất lâu đời, ít nhất là trong thơ ca của Hesiod (*Works and Days*, từ tr.256); Sophocles, *Oedipus at Colonus*, từ tr.138; Anaxarchus phân tích thần thoại cổ xưa theo hướng phù hợp với quan điểm của ông ta. Rất có thể nỗ lực của Alexander đưa nghi lễ phủ phục (*proskynesis*) vào trong triều đình, cũng giống như việc ngài sử dụng trang phục của người Ba Tư, là vì mong muốn người Macedonia và người Ba Tư có thể chung sống hòa thuận với nhau. Luận bàn sâu nhất về vấn đề này là bài báo của J.P.V.D. Balsdon trong *Historia* 1950, từ tr.371. Xem thêm T. S. Brown, *AJP* 1950, từ tr.242. Về vấn đề này, xem Plutarch, Alexander 2-3. Hipparchus đã bị giết vào năm 514 và Hippias đã bị trục xuất khỏi Athens vào năm 510; xem Thucydides 6.54-9. Người Ba Tư không cho rằng những vị hoàng đế của họ là những vị thần, mặc dù người Hy Lạp coi việc thực hiện nghi lễ phủ phục là một hành động thờ cúng; xem Herodotus 7.136. Thân mẫu của Alexander, Olympias, là con gái của Neoptolemus, vua của Epirus, vốn là hậu duệ của vị tổ tiên trùng tên với ông là Neoptolemus, con trai của Achilles, cháu trai của Aeacus. Xem Herodotus 1.204-14 và 4.83-144. Theo Curtius (8.5.22), đó là Polyperchon, người đã chế nhạo người Ba Tư. Đây là phiên bản được viên thị thần hoàng gia Chares thuật lại (Plutarch, Alexander 54.4-6). Hoàng đế Ba Tư thường hôn lên môi “họ hàng” của mình (Xenophon, *Cyropaideia* 1.4.27, 2.2.31; Herodotus 1.134). Plutarch (Alexander 55.1-2) thuật lại rằng Hephaestion xác nhận rằng Callisthenes đã tán thành việc thực hiện nghi lễ *proskynesis* rồi sau đó đã phá bỏ cam kết này, và những kẻ xu nịnh Alexander lại càng khiến Callisthenes trở thành cái gai trong mắt ngài. Xem thêm Curtius 8.6.2-6. Việc này diễn ra ở Bactra vào đầu năm 327. Curtius (8.6.8-8.23) cũng đã thuật lại việc này một cách chi tiết. Ông đưa ra một danh sách có một chút khác biệt về những kẻ dính líu tới vụ này và cũng khác biệt về một số chi tiết so với Arrian. Và theo Curtius. Plutarch (Alexander 55.6) trích một lá thư Alexander viết cho các tướng lĩnh của ngài là Craterus, Attalus, và Alcetas, những người đang tham gia chiến dịch ở Pareitacene, trong đó ngài nói rằng chỉ có Những cận thần trẻ tuổi dính líu tới âm mưu ám sát ngài. Về độ tin cậy của lá thư này, xem CQ 1955, từ tr.219. Curtius (8.7) cũng đi theo truyền thống này. Plutarch (Alexander 55.7) xác nhận đây là cách mà những người này bị giết chết. Curtius (8.8.20) thuật lại rằng họ bị tra tấn. Plutarch thuật lại cả hai dị

bản. Hơn nữa, sử gia này còn cho rằng, theo lời Chares kể lại, Callisthenes đã bị giam giữ trong suốt bảy tháng cho tới khi ông qua đời. Về dịp tiếp kiến đầu tiên, xem phần trước trong quyển này. Người Chorasmia cư trú ở khu vực nằm giữa vùng Caspian và biển Aral. Tên gọi thời cổ đại của biển Marmara, bắt nguồn từ từ “pro” nghĩa là trước, còn “pontos” nghĩa là biển Đen. Sở dĩ có tên gọi này là vì người Hy Lạp phải đi thuyền qua biển này để tới được biển Đen. Propontis là biển nằm sâu trong đất liền, nối liền biển Đen và biển Aegean. (ND)

Đây là lần đầu tiên nhắc tới dầu trong văn học Hy Lạp. Massagetae là một tộc người Scythian, sống ở phía đông Caspian, những người đã đánh bại và giết Cyrus Đại đế (Herodotus 1.201-16). Vì hành động anh hùng của Aristonicus, Alexander đã cho dựng một bức tượng đồng hình ông tại Delphi, với một tay ôm đàn lia, một tay nâng cao cây giáo (Plutarch, *Moralia* 334). Curtius (6.5.4) thuật lại rằng Artabazus đã 95 tuổi vào năm 330, nhưng điều này hoặc là một sự phóng đại hoặc là chúng ta nên đoán chừng rằng độ tuổi của Artabazus là khoảng từ 55 đến 95. Alexander đã có ý định để Cleitus kế nhiệm Artabazus, nhưng ông đã qua đời trước khi đảm nhiệm vị trí này. Những điều này không được biết tới, trừ phi, như đã nói từ trước, báo cáo về việc họ đã tới Bactra vào mùa đông trước (xem Quyển ba) là một sự nhầm lẫn và lúc này đi cùng với họ là Arsames và Barzanes. Curtius (7.11) cũng mô tả việc chiếm Pháo đài đá, mà ông gọi là Pháo đài đá của Ariamazes. Curtius thuật lại, với một sự phóng đại lộ liễu, rằng pháo đài có chiều cao 5486 mét. Sự kiện này diễn ra vào năm 327 TCN. Tương đương với một ta-lăng. Cho dù tình cảm của Alexander đối với Roxane có hay không thì chắc chắn rằng ngài đã hy vọng dùng cuộc hôn nhân này để chiếm được cảm tình của các quý tộc Bactria. Về cách hành xử của Alexander với hoàng gia Ba Tư, xem Quyển hai. Vợ của Darius, Stateira, đã mất khi sinh con vào đầu năm 332 TCN (Plutarch, *Alexander* 30). Được Curtius (4.10.25-34) và Plutarch (*Alexander* 30) thuật lại. Nghĩa là Ahura Mazda. Theo Plutarch, chính xác hơn là Darius đã gọi tên các vị thần tổ tiên của ông. Người Pareitacae sống giữa lưu vực hai con sông Oxus và Jaxartes. Curtius (8.2.19) gọi họ là người Chorienes Sisimithres. Năm 327. Hiện nay là sông Kabul. Người cai trị một thành phố lớn của Taxila, nằm ở phía tây bắc của Rawalpindi, và lãnh thổ nằm giữa sông Ấn và sông Hydaspes. Taxiles là tên hiệu của ông, tên riêng của ông là Omphis (Ambhi); xem Curtius 8.12.14. Tại Ohind, cách Attock 26 kilômét. Hiện nay là lãnh thổ của Bajaur và Swat. Alexander đang tiến về phía dòng sông Ấn, phía trên Attock. “Có thể là Nawagai, thủ phủ hiện tại của Bajaur” (Fuller, tr.126). Leonnatus chịu trách nhiệm về tiểu đoàn bộ binh của Attalus và lính đánh giáo của Balacrus, Ptolemy quản lý tiểu đoàn bộ binh của Philotas, và đơn vị của Philip có thể là một đội quân khinh giáp (xem Tarn, *Alexander* 2.144). Khu vực này chưa được xác định. Diodorus (17.84) cho rằng hành động bội bạc này là do Alexander, người đã tấn

công đám lính đánh thuê mà không hề có sự kích động nào; xem Plutarch Alexander 59.3-4. Diodorus và Curtius (8.10.22) thuật lại rằng Nữ hoàng Cleophis xinh đẹp đã được phục hồi tước vị. Có người (Curtius) còn cho rằng Alexander đã có một đứa con trai với nữ hoàng. Lần lượt là Bir-kot và Ude-gram, theo Ngài Aurel Stein, On Alexander's Track to the Indus (London, 1929), 43, từ tr.59. Được Stein xác định vào năm 1926 là Pir-Sar, một đỉnh núi có chiều cao trên 2.134 mét, cách sông Ấn khoảng 120 kilômét về phía bắc Attock. Xem Fuller, tr.248-54. Về truyền thuyết này, xem Diodorus 17.85.2 và Curtius 8.11.2. Arrian thuật lại những truyền thuyết khác về Heracles trong phần sau của quyển này. Fuller đã chỉ ra tầm quan trọng về chiến thuật của Pháo đài đá và ảnh hưởng của việc hạ được pháo đài đối với những tộc người Ấn Độ lân cận. Có lẽ là Charsadda, thủ phủ của Gandhara. Người cai trị của Kashmir. Arrian có phần sa đà khi nói về thành phố Nysa, địa điểm chiến lược cho việc vượt sông Ấn, nhằm làm rõ thái độ đối với truyền thuyết kể về vị vua trong vùng đất thần thoại này của Ấn Độ. Nysa dường như nằm ở thung lũng Kabul, có thể là gần Jalalabad. Chuyến viếng thăm thành phố này của Alexander đã được Curtius (8.10.7-18) thuật lại ngay sau những sự kiện mà Arrian đã nhắc tới tại 4.23. Theo thần thoại Hy Lạp, Dionysus vốn là “con rơi” của thần Zeus và Semele. Tương truyền, Semele chỉ là một người phạm nhưng có nhan sắc tuyệt trần. Thần Zeus tìm đến với Semele trong hình dạng của một người đàn ông bình thường và hai người rất yêu nhau. Khi Semele mang thai Dionysus, bà nghe theo lời xúi bẩy của Hera – vợ của thần Zeus, xin thần Zeus xuất hiện trước mắt nàng trong hình dạng của một vị thần. Thần Zeus đáp ứng yêu cầu của nàng, và Semele chết ngay tức khắc, do người phạm không thể sống sót nếu nhìn thẳng vào thần Zeus. Bào thai Dionysus được Zeus giữ lại, khâu vào bắp đùi, và đủ ngày đủ tháng thì Zeus rạch đùi, “đẻ” ra vị thần Rượu nho. (ND) Cây thường xuân là một trong những biểu tượng của thần Dionysus. (ND) Bacchus là tên của thần Dionysus bằng tiếng La Mã. (ND) Trong nguyên văn, những sĩ quan này đã kêu những tiếng “Euoi, Euoi”, là những tiếng kêu say mê và sung sướng trong những lễ hội vinh danh thần Dionysus cổ xưa. (ND) Eratosthenes (276-195/194 TCN): là một người Hy Lạp xuất sắc trong nhiều lĩnh vực: toán học, địa lý, thiên văn học, thơ ca, v.v... (ND) Nhà thông thái vĩ đại của thế kỉ thứ III TCN, người đứng đầu thư viện Alexandria từ năm 246, người đã bị những kẻ ghen tị gọi là công dân hạng hai. Thành tựu lớn nhất của ông là cuốn Geography, cuốn sách đã được Strabo sử dụng rộng rãi. Chúng ta có thể so sánh với những điều Strabo nói trong phần đầu của Quyển 15, cuốn Geography, đặc biệt là trong Chương 7-9. Ông là người hoài nghi hơn Arrian rất nhiều. Xem thêm các bình luận của Arrian trong cuốn Indica (1.7; 5.10-13) của ông. Taxila, cách Rawalpindi khoảng 32 kilômét về hướng tây bắc. Trên thực tế, sông Ấn bắt nguồn từ dãy Himalaya. Lần lượt là các dòng Jhelum, Chenab, Ravi và Beas. Punjab là “mảnh đất

của Năm dòng sông”. Ctesias, một người Cnidos, là ngự y của Artaxerxes (404-359). Ông đã viết một cuốn lịch sử về Ba Tư và một cuốn sách về Ấn Độ mà hiện nay chỉ còn lại một vài đoạn trích ngắn. Ctesias là người nổi tiếng về chuyện cường điệu. Xem Aristotle, *History of Animals* 8.27. Sông Ấn không có nơi nào rộng hơn 4 kilômét. Xem Herodotus 3.102, 4.13; Strabo 15.1.44. Xem Xenophone, *Cyropaideia* 7.5.67. Những điều này sẽ được Arrian đề cập tới trong cuốn sách khác của ông là *The History of Indica* (Indica). Trước tác này vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay. Trước tác đã bị thất lạc này đã được Arrian sử dụng triệt để trong Indica. Về chuyện hải hành, xem các chương 17-43. Megasthenes (350-290 TCN): một nhà dân tộc học, nhà thám hiểm thời Hy Lạp cổ đại. Ông cũng có một tác phẩm tên là Indica. (ND) Biển Azov và biển Caspian. Đây là quan điểm phổ biến trong thời cổ đại. Herodotus và Aristotele (*Meteorology* 2.1.10) biết điều này, nhưng sau đó Patrocles, người đã được cử đi để khám phá vùng biển Caspian vào khoảng năm 284/283, báo cáo rằng vùng biển này thực chất chỉ là vịnh. Quan điểm này đã được Eratosthenes thừa nhận và được phổ biến, cùng với một vài phản đối cho tới tận thế kỷ XIV. Về chuyến thám hiểm của Alexander, xem Quyển bảy. Sandracottus là Chandragupta, người sáng lập ra triều đại Mauryan, người đã trục xuất những người Macedonia khỏi Punjab sau khi Alexander qua đời và đã cai trị phần lớn Ấn Độ, kể cả lãnh thổ phía Tây sông Ấn mà Seleucus đã nhượng lại cho ông vào năm 304. Megasthenes là sứ giả của Seleucus và trước tác của ông đã hình thành nên kiến thức nền tảng của Hy Lạp về Ấn Độ; xem Strabo, Quyển 15 và Indica của Arrian. Cybele, thần núi Dindymus ở Phrygia đã được thánh hóa. Xem Herodotus 2.5, và 2.10-34. Theo thần thoại Hy Lạp, Menelaus là vua của Sparta trong thời kỳ Mycenae và là chồng của nàng Helen. (ND) *Odyssey* 4.477, 581. Arrian đã nêu tên của những dòng sông này trong cuốn Indica (4.8-12) của ông. Herodotus 7.33-6; 4.83, 97. Vua của Pauravas, vương quốc nằm giữa lưu vực sông Hydaspes và Acesines. Địa điểm hạ trại của Alexander và nơi ngài vượt sông không được biết tới. Dự đoán có vẻ khả quan nhất là do Ngài Aurel Stein đưa ra. Ông cho rằng Alexander đã dừng quân hạ trại tại Haranpur và đã vượt sông tại Jalalpur. Thảo luận về nhiều giả thuyết, xem Fuller, tr.181-5. Về các cuộc hành quân tấn công Porus, xem Diodorus 17.87-89; Curtius 8.13-14; Plutarch, Alexander 60. Arrian đã nhầm lẫn. Quả thực, trong phần sau, ông thuật lại rằng cuộc chiến nổ ra vào tháng Năm. Theo Nearchus (Strabo 15.1.18; Arrian, Indica 6.5), vào hạ chí, tức là vào khoảng 21 tháng Bảy, Alexander đã hạ trại bên dòng Acesines. Tương đương với những tiểu đoàn bộ binh của họ (Tarn, Alexander 2.191). Seleucus Nicator đã lập nên triều đại Seleucid, triều đại đã cai trị phần lớn lãnh thổ châu Á mà Alexander đã chinh phục. Ghi chép của Arrian là không chính xác. Tarn (Alexander 2.191-2) cho rằng Ptolemy đã viết: “Alexander đã đặt trung đoàn vệ quân Hoàng gia và những trung đoàn

vệ quân khác dưới quyền chỉ huy của Seleucus, và kẻ cận với họ là những tiểu đoàn phalanx, tùy theo từng ngày mà lựa chọn ưu tiên các trung đoàn vệ quân hay các tiểu đoàn bộ binh.” Những đơn vị bộ binh được liệt kê trước đó có tổng số khoảng hơn 6.000 người. Vì Arrian viết rằng các con thuyền đều cố gắng chở được càng nhiều lính bộ binh càng tốt nên có lẽ toàn bộ số lính bộ binh không được chuyển qua sông trong thời điểm này. Điều lạ lùng là Alexander hy vọng đánh bại toàn bộ lực lượng của Porus chỉ bằng kỵ binh của ngài. Ghi chép của Plutarch (Alexander 60.7) cơ bản dựa trên lá thư của Alexander lại viết rằng hoàng đế đã dự tính về khả năng kỵ binh Ấn Độ tấn công. Đôi khi lời bình luận về Aristobulus dường như là của chính Arrian chứ không phải của Ptolemy. Do đó, đoạn văn này không phải là bằng chứng cho thấy Ptolemy viết sau Aristobulus. Theo Plutarch (Alexander 60.8), con trai của Porus đã mang theo 1.000 kỵ binh và 60 chiến xa. Ông đồng ý với Arrian rằng quân Ấn Độ đã thiệt hại 400 kỵ binh và toàn bộ chiến xa. Curtius (8.14.2) cho rằng anh trai của Porus đã được cử đi cùng với 1.000 kỵ binh và 100 chiến xa. Curtius (8.13.6) đồng ý với số liệu của Arrian về số lượng bộ binh và chiến xa, nhưng khác về số voi chiến (85 voi chiến). Ông đã không hề nhắc tới kỵ binh. Diodorus (17.87.2) đưa ra số lượng là 50.000 bộ binh, 3.000 kỵ binh, trên 1.000 chiến xa và 130 voi chiến; trong khi số liệu của Plutarch (Alexander 62.1) là 20.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh. Diodorus (17.89.1-3), sử gia duy nhất ngoài Arrian nhắc tới số thương vong, đưa ra con số 12.000 quân Ấn Độ thiệt mạng và 9.000 người bị bắt giữ; về phía Macedonia, thiệt hại 280 quân kỵ và trên 700 quân bộ. Diodorus (17.88.4) đồng ý với Arrian rằng Porus cao khoảng 5 cubit, nghĩa là khoảng 2,3 mét theo đơn vị cubit của Athens. Tuy nhiên, Tarn (Alexander 2.170) cho rằng đơn vị cubit của người Macedonia chỉ khoảng 36 centimet. Nếu như vậy, Porus chỉ cao khoảng 1,8 mét. Xem Diodorus 17.89.6; Curtius 8.14.45; Plutarch, Alexander 60.15. 326 TCN. Diodorus (17.87.1) đã nhầm lẫn khi nói rằng cuộc chiến nổ ra khi Chremes làm quan chấp chính, nghĩa là vào tháng Bảy năm 326 – tháng Sáu năm 325. Plutarch (Alexander 61) nói rằng phần lớn những sử gia cho rằng Bucephalus chết vì vết thương, nhưng Onesicritus thuật lại rằng con thần mã này chết vì tuổi già vào năm nó 30 tuổi. Chúng tôi không cho rằng độ tuổi của Becephalus tương đương với tuổi của Alexander hoặc Alexander không thể “thuần hóa” con ngựa này cho tới khi nó 16 tuổi. Bucephalus có thể đã sống tới năm 30 tuổi, và Alexander đã cưỡi nó khi nó khoảng 7 hoặc 8 tuổi. Về miêu tả công cuộc thuần hóa Bucephalus, xem Plutarch, Alexander 6. Nghĩa là ở khu vực nằm giữa Susa và Persepolis. Plutarch (Alexander 44.3-4) cho rằng sự việc này diễn ra ở Hyrcania, Diodorus (17.76.5) và Curtius (6.5.18) cho rằng vụ việc xảy ra ở khu vực của người Mardia, tới phía tây Hyrcania. Diodorus (17.89.6) nhắc tới một cuộc dừng chân kéo dài 30 ngày. Arrian đã nhắc tới trước đó về sự xuất hiện của các sứ thần của Abisares, người cai trị

Kashmir. Strabo (15.1.30) cho rằng vị Porus này chính là cháu của Porus, vua Paurava. Vì Nicanor đã được chỉ định làm thống đốc của lãnh thổ phía tây Sông Ấn (xem Quyển bốn) và lần gần nhất Sisicottus được nhắc đến là với vai trò thủ lĩnh của một pháo đài gần Aornus (xem Quyển bốn), có thể Sisicottus là cấp dưới của vị xatrap đã bị sát hại, Nicanor. Trong Indica (3.10), Arrian đã viết là điểm giao với sông Ấn có bề rộng khoảng 6 kilômét, nhưng đó là sau khi nó nối với dòng Hydaspes và Hydraotes. Cả Sangala lẫn Pimprama (được nhắc tới sau đó) đều không xác định được; dĩ nhiên chúng đều nằm trong địa hạt Amritsar. Tộc người Malli và Oxydracae sinh sống ở khu vực xa hơn về phía nam. Người Hy Lạp chia đêm thành ba canh, người La Mã chia thành bốn canh. Ở đây Arrian viết theo người La Mã. Eumenes, người Cardia vùng Thrace, là thư ký của Philip. Sau khi Alexander qua đời, ông coi giữ vùng Cappadocia và Paphlagonia, và đóng một vai trò quan trọng trong cuộc chiến của Những người kế vị cho tới khi chết dưới tay Antigonus vào năm 316. Cả Cornelius Nepos và Plutarch đều viết tiểu sử về ông. Đây là lần duy nhất trong cuộc viễn chinh Eumenes được nhắc đến với vai trò là chỉ huy quân sự. Strabo (15.1.27) cho rằng quân Macedonia đã chịu tổn thất nặng nề sau trận mưa dữ dội. Trận mưa này đã đổ xuống từ khi họ rời Hydaspes; xem Diodorus 17.94.3. Về chuyện dịch bệnh, xem thêm Diodorus 17.93-5; Curtius 9.2.1-3.19 (cùng với các bài diễn văn của Alexander và Coenus); Plutarch, Alexander 62. Tarn (Alexander 2.287) nghi ngờ rằng bài diễn văn của Alexander có thể chỉ là một tác phẩm chấp vá, vì nó không tách biệt rõ ràng với lời đáp của Coenus và Coenus đã ở lại Acesines (xem Quyển bốn), nơi ông qua đời ít lâu sau đó. Nhưng Coenus đã được sắp xếp để gửi các nhu yếu phẩm, và giống như Porus, ông chắc chắn đã hợp nhất với lực lượng của Alexander. Ông đã mất tại Hydaspes. Tuy nhiên, bài diễn văn có những câu nói mà tính xác thực của chúng vẫn còn bị nghi ngờ; xem Tarn. Hiểu biết về sông Ganges của Alexander là khá đầy đủ, nhưng điều nghi vấn là Alexander vẫn cho rằng biển Đông ở gần đó, như Aristotle có thể đã dạy ngài. Dù trong hoàn cảnh nào, Nearchus đã viết rằng hành trình đi qua các vùng đồng bằng của Ấn Độ đã mất bốn tháng (Strabo 15.1.12). Quan điểm cho rằng biển Hyrcanian (Caspian) là vịnh không phải là của Alexander mà là từ địa lý học của Eratosthenes (và Arrian). (Xem phần trước trong quyển này). Xem Xenophon, Anabasis 1.7.4. Ở đây, có thể có nhầm lẫn. Lính Thessaly đã được cho về quê từ lúc ở Ecbatana chứ không phải ở Bactra. Đầu năm 325, khi tin đồn lan tới Bactria rằng Alexander đã bị giết ở Malli, 3.000 lính đánh thuê đã nổi loạn và cuối cùng bỏ chạy về Hy Lạp (Curtius 9.7.1-11). Ngay sau cái chết của Alexander, một cuộc nổi loạn có quy mô lớn hơn của lính đánh thuê đã nổ ra ở Bactria (Diodorus 18.4.8; 7.1-9). Carthage là tên gọi một thành phố cổ, thuộc xứ Tunisia ngày nay. (ND) Diodorus (17.95.1) và Curtius (9.3.19) cũng xác nhận việc xây dựng 12 điện thờ cho 12 vị thần Olympia. Theo Diodorus, điện thờ có chiều cao

23 mét. Không dấu tích nào của các điện thờ này còn sót lại, nhưng vì các dòng sông của Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều sau thời đại của Alexander nên điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Diodorus, Curtius và Plutarch (Alexander 62) còn bổ sung rằng Alexander cũng đã hạ lệnh xây dựng nơi ăn ngủ cho binh lính và chuồng ngựa cho ngựa chiến lớn hơn mức bình thường nhằm gây ấn tượng với hậu thế. Điều này không được nhắc tới trước đó. Xem Quyển năm. Các sử gia nhìn chung đều xác nhận lá thư là có thật, nhưng rất khó có thể xác định ai là người biết về việc gạch xóa trong đó. Curtius (9.3.20) cho rằng Coenus qua đời tại Acesines, nhưng vì ông và Diodorus đã nhầm lẫn khi cho rằng Alexander đã quay trở lại dòng sông này để gặp hạm đội của ngài nên chẳng có lý do gì để nghi ngờ Arrian. Về Coenus, xem Badian, JHS 1961, từ tr.20, mặc dù chúng ta không cần phải giả định rằng cái chết của Coenus là vì lý do khác chứ không chết một cách tự nhiên. Theo Nearchus (Arrian, Indica 19.5), tổng số có 120.000 lính, bao gồm cả “những người dã man”. Địa điểm này không được xác định. Diodorus (17.91.4) và Curtius (9.1.24) đã nhầm lẫn khi cho rằng vương quốc của Sopeithe nằm ở phía đông Cathaei, giữa hai dòng sông là Hydraotes và Hyphasis. Xem Strabo 15.1.30. Xem Arrian, Indica 18.9-10. Strabo (15.1.28) nhận xét rằng Onesicritus xứng đáng là hoa tiêu chính trong số tất cả những hoa tiêu của Alexander, và rằng ông ta vượt trội hơn tất cả những người đi theo Alexander trong việc kể những câu chuyện kỳ lạ. Trong Indica, Arrian đã đưa ra tổng số 800 tàu thuyền, hiển nhiên là từ số liệu của Nearchus. Diodorus và Curtius đưa ra con số là 1.000 tàu thuyền. Nearchus (Indica 18.11) nói rằng Alexander đã làm lễ hiến tế các vị thần tổ tiên của ngài theo chỉ dẫn của các nhà tiên tri, đó là các vị thần: Poseidon, Amphitrite, các nữ thần Nereid, thần Biển cả và ba thần sông. Theo Aristobulus (Strabo 15.1.17), Alexander đã bắt đầu lên đường “một vài ngày trước khi chòm Thất tinh xuất hiện”, nghĩa là khoảng đầu tháng Mười một năm 326. Xem Indica 7.8-9. Theo Curtius, lực lượng người Malli và Oxydracae khoảng 90.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 900 chiến xa. Diodorus cho rằng lực lượng này gồm 80.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 700 chiến xa. Arrian chỉ nhắc tới 50.000 quân Malli (xem phần sau trong quyển này). Diodorus (17.97.2) so sánh cuộc vượt sông này với cuộc chiến của Achilles trên sông Scamander (Iliad 21.228). Sa mạc Sanda-Bar. Fuller chỉ ra rằng những “thị trấn” này chính là nhiều ngôi làng Ấn Độ hiện nay – “được hình thành từ nhiều túp lều đắp bằng đất bùn, chúng tạo nên một bức tường bảo vệ theo vòng tròn có chiều cao và độ dày không lớn lắm.” Xem Curtius 9.4.26. Strabo (16.1.3) đưa ra một ghi chép tương tự. Ông đã giải thích tại sao Gaugamela (có nghĩa là “nơi chặn thả lạc đà”) lại mang cái tên này. Curtius (9.5.14) nhắc tới Timaeus và Aristonus cũng như Peucestas và Leonnatus, Plutarch (Moralia 327b, 344d) nhắc tới Ptolemy và Limnaeus. Peucestas và Leonnatus sau đó cũng được nhận vương miện bằng vàng vì họ đã góp phần cứu mạng Alexander. Curtius (9.5.21) chỉ

trích Cleitarchus và Timagenes vì đã thuật lại rằng Ptolemy có mặt trong trận chiến này. Trong cuốn *History*, chính Ptolemy đã thuật lại rằng thời điểm đó ông đang thực hiện một nhiệm vụ viễn chinh khác. Ptolemy nhận được danh hiệu “Vị cứu tinh” từ người Rhodian vào năm 304 vì đã giúp đỡ họ trong suốt cuộc vây thành Rhodes của Demetrius. Curtius (9.6.6) nói rằng Craterus đã phê bình Alexander nhân danh các sĩ quan cấp cao, và đã nhận được sự ủng hộ của Ptolemy cũng như những người khác. Một đoạn thuộc một trong những vở bi kịch đã bị thất lạc của Aeschylus. Curtius (9.8.9) cho rằng tên của vị thống đốc cũ là Terioltes và ông ta đã qua đời. Về mô tả vùng đất này của Onesicritus, xem Strabo 15.1.34. Diodorus (17.102.5) và Curtius (9.8.11-13) ghi chép rằng Oxycanus, người mà họ gọi là Porticanus, đã qua đời; các tù binh đã bị đem bán và những thị trấn trong vương quốc của ông đều đã bị phá hủy. Theo Diodorus và Curtius (người sử dụng trước tác của Cleitarchus làm cứ liệu chính), trong vùng này có 80.000 lính Ấn Độ đã bị giết và nhiều người đã bị bắt làm tù binh. Xem Arrian, *Indica*, Chương 11. Strabo (15.1.59) đưa ra một mô tả tốt hơn về những người Bà La Môn, dựa vào ghi chép của Megasthenes. Nghĩa là Drangiana. Craterus có thể đã di chuyển thông qua con đường của các thủ lĩnh Hồi giáo. Chính là điểm cao nhất của đồng bằng sông Ấn trong thời đại của Alexander. Nó thường được biết đến với tên gọi Hyderabad hoặc Bahmanabad. Alexander đã tới đó vào khoảng giữa tháng Bảy năm 325. Gió mùa tây nam. Theo Plutarch (*Alexander* 66.1), Alexander gọi hòn đảo này là Scillustis, còn những người khác gọi nó là Psiltucis. Những lễ hiến tế này, giống với những lễ tế được thực hiện vào đầu cuộc hành trình xuôi dòng sông Ấn (xem Quyển năm), là lễ tạ ơn của Alexander vì chuyến đi thành công của ngài. Xem *Indica* 20.10. Wilcken, *Alexander* 196, coi việc hiến tế và rót rượu cúng là lễ tạ ơn mà Alexander thực hiện vì đã chạm tới “cực hạn của thế giới” cũng như là một lời cầu nguyện cho tương lai. Điều này dường như xuất hiện rất nhiều trong văn bản của Arrian. Chuyến hải hành của Nearchus đã được miêu tả trong *Indica*, chương 21-43. Đó là số liệu của Nearchus; Aristobulus cho rằng các cửa sông Ấn cách đó khoảng 200 kilômét (Strabo 15.1.33). Nhánh sông phía đông của sông Ấn thời điểm đó được cho là đổ về phía đầm lầy Rann of Kutch. Khoảng đầu tháng Mười một. Nearchus đã rời Pattala vào khoảng ngày 21 tháng Chín năm 325, nhưng đã phải đợi ở nhánh sông phía đông của sông Ấn suốt 24 ngày cho tới khi gió mùa Đông Bắc xuất hiện (*Indica* 21). Sông Hab, không phải là sông Purali. Về phát hiện này và đường hành quân của Alexander nói chung, xem Ngài Aurel Stein, *Geographical Journal* 1943. 193-227. Về những động lực thúc đẩy Alexander hành quân qua Gedrosia, hiện nay là Makran, xem phần sau trong quyển này. Các sư đoàn được đặt dưới quyền chỉ huy của Leonnatus, Ptolemy và Alexander (Diodorus 17.104.6). Diodorus chắc chắn đã phóng đại khi viết rằng “hàng nghìn người” đã bị giết. Vị trí của Rhambacia chưa

được xác định. Diodorus (17.104.8) nói rằng Alexandria mới nằm ở bờ biển, nhưng Stein (tr. 215) cho rằng thị trấn mới nằm ở khu vực nội địa, gần Bela hiện tại. Arrian sử dụng từ “Oreitae” và “Oria” một cách tùy tiện. Một loài cây nhỏ, có gai, có mùi thơm mát rất dễ chịu. Nhựa của cây mật nhĩ lập có thể sử dụng như một loại nước hoa, làm thuốc, hoặc để xúc cho người chết. (ND) Loài cây này, mà từ nó người ta tạo ra được một loại dầu thường được nhắc tới trong Kinh thánh, mọc nhiều đến nỗi người Macedonia sử dụng để lót giường ngủ (Strabo 15.2.3). Xem thêm Strabo 15.2.6-7. Đó là những người Ichthyophagi. Họ được Arrian mô tả chi tiết hơn trong cuốn Indica (chương 29). Xem Strabo 15.2.2; Diodorus 17.105.3-5; Curtius 9.10.8-10; Plutarch, Alexander 66.6. Một thị trấn ở Thrace cạnh biển Đen, được những người khai khẩn đất mới từ Miletus xây dựng. Bampur, nằm cạnh một con sông cùng tên, gần biên giới Carmania. Thời điểm mà Alexander hành quân tới đây có thể là vào cuối tháng Mười một năm 325. Theo truyền thuyết, Semiramis là hoàng hậu của vua Ninus và là người kế tục ngai vàng của ngài, trở thành nữ hoàng của người Assyria. (ND) Sự kinh địch của Alexander với Hercules và Perseus cũng là một động lực khiến ngài đi tới Siwah. Arrian (Indica 9) nhận xét rằng những người Ấn Độ phủ nhận việc từng có một người khác (ngoại trừ Hercules và Dionysus) đã xâm lược Ấn Độ trước Alexander; xem Strabo 15.1.6. Chúng ta có thể loại bỏ tuyên bố của Plutarch (Alexander 66.4) rằng Alexander mang theo 120.000 bộ binh và 15.000 kỵ binh. Nearchus (Arrian, Indica 19.5) đáng tin hơn khi thuật lại rằng Alexander đã mang theo 120.000 binh lính khi bắt đầu cuộc hải hành xuôi dòng Hydaspes. Từ số liệu này, chúng ta có thể trừ đi số thương vong ở Ấn Độ, số binh lính được gửi trở lại cùng với Craterus, số người được để lại Ấn Độ và số binh lính cùng với Leonnatus ở lại lãnh thổ của người Oreitae. Ước tính số lính mà Alexander mang theo có thể trong khoảng từ 8-10.000 người (Tarn, Alexander 1.107) – chắc chắn là một số lượng quá thấp – tới 60-70.000 người (H. Strasburger, Hermes 1952, từ tr.486). Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta đều không biết rõ tỷ lệ sống sót sau cuộc hành quân đó là bao nhiêu. Plutarch (Alexander 42.7) nói rằng sự việc diễn ra trong cuộc truy đuổi Darius, Curtius (7.5.10) cho rằng nơi xảy ra sự việc này là ở Sogdiana gần sông Oxus. Chòm Tiểu Hùng Tinh có Sao Bắc Đẩu; Đại Hùng Tinh còn được gọi là chòm Gấu Lớn, hoặc Cái Cày, mà từ đó, người ta có thể tìm thấy Sao Bắc Đẩu. Apollophanes đã bị giết ngay sau chuyến khởi hành của Alexander trong một cuộc đại chiến chống lại người Oreitae (Arrian, Indica 23.5). Có thể nhiệm vụ của Apollophanes là cung cấp các nhu yếu phẩm cho quân đội của Alexander. Việc này đã không được thực hiện vào thời điểm mà Alexander qua đời, tức là khoảng 18 tháng sau đó. Curtius (10.1.1) còn thêm vào Agathon. Ông thuật lại rằng cả bốn người này đều bị giam giữ và 600 người đi theo họ bị xử tử. Mặc dù Curtius không nói gì hơn về số phận của bốn sĩ quan này nhưng chắc hẳn họ đều

bị tử hình. Về “thời gian cai trị kinh hoàng” của các xatrap của Alexander trong thời gian này, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.16. Điều này không được xác minh nhờ vào lá thư của Alexander gửi Cleomenes (xem Quyền bảy). Theo Diodorus (17.105.7) và Curtius (9.10.17), Alexander đã chỉ thị cho Phrataphernes và Stasanor cung cấp thực phẩm cho quân đội. Phrataphernes chắc hẳn đã bị nhảm sang Pharismanes; ở đây không thấy nhắc tới việc Phrataphernes đã tới nơi và tái hợp với lực lượng của Alexander. Xem những mô tả tỉ mỉ trong Curtius (9.10. từ tr.24), Plutarch (Alexander 67) và Diodorus (17.106.1). Câu chuyện có thể liên quan tới lễ hội được nhắc tới ở đoạn sau. Arrian đã mô tả sinh động buổi gặp gỡ của Nearchus với Alexander tại Harmozeia (Hormuz) trong Indica (chương 33-6). Diodorus (17.106) cho rằng họ đã gặp nhau ở một thị trấn ven biển có tên là Salmus. Chính là cuốn Indica, chương 18-43. Đó là vào đầu tháng Mười hai năm 325. Tức Aria. Orxines là hậu duệ của Cyrus (Curtius 10.1.22). Lăng mộ này ngày nay được biết tới như là lăng mộ của thân mẫu vua Solomon. Nó thường xuyên được mô phỏng lại, xem Jean-Louis Huot, Persia (London, 1965). Các Magus thuộc giai cấp thầy tu người Media. Bên cạnh nhiệm vụ canh giữ lăng mộ của Cyrus, họ còn là người giải thích các giấc mơ và khi một người Ba Tư muốn thực hiện lễ hiến tế, họ cũng phải nhờ tới một Magus. Xem Herodotus 1.120.132. Cyrus Đại đế là con trai của Cambyses I và là cha của Cambyses II. (ND) Chính là Persepolis; xem phần trước. Curtius (10.1.22-38) kể một câu chuyện khác. Theo sử gia này, Orxines vô tội và cái chết của ông là do Alexander nghe theo lời sàm tấu của hoạn quan Bagoas, kẻ đã nhận hối lộ của các nguyên cáo để đưa ra chứng cứ sai lầm. E. Badian (CQ 1985, từ tr.147) cho rằng dị bản này có phần chuẩn xác hơn. Tuy nhiên, quân Macedonia lại lấy làm tức giận trước lối sống ngày càng theo lối phương Đông của Peucestas (xem Quyền bảy). Xem Curtius 10.1.17-19 và Plutarch, Alexander 68.1. Trong số những kế hoạch (Hypomnemata) còn lại sau cái chết của Alexander có một cuộc viễn chinh tấn công Carthage, Bắc Phi, Tây Ban Nha, và bờ biển nước Ý tới Sicily (Diodorus 18.4.4). Tranh luận về tính xác thực của những kế hoạch này, xem E. Badian, Harvard Studies in Classical Philology 1968, từ tr.183. Châu Á, ở đây thường bao gồm cả châu Phi. Một câu chuyện tương tự về Calanus cũng được Plutarch nhắc đến (Alexander 65.6). Diogenes là một triết gia Khắc kỷ nổi tiếng, người dành phần lớn cuộc đời mình để sống tha hương ở Athens. Mặc dù ông có thể đã gặp Alexander tại Corinth vào năm 336, giai thoại này, cũng giống như các giai thoại khác trong đó triết gia luôn khôn ngoan hơn hoàng đế, có thể là hư cấu. Trong trước tác của Plutarch (Alexander 14) và những sử gia khác – không ít hơn 22 lần nhắc tới câu nhận xét của Alexander: “Nếu ta không phải là Alexander, ta muốn là Diogenes.” Arrian dường như đã dựa vào ghi chép của Aristobulus đã được Strabo (15.1.61) đưa ra. Strabo (15.1.63-5) giữ được một phiên

bản đầy đủ hơn về ghi chép của Onesicritus, người đã được cử tới thăm các triết gia Ấn Độ. Các học thuyết của họ là “học thuyết theo trường phái triết học Khắc kỷ”. (T. S. Brown, Onesicritus 45). Plutarch (Alexander 65.5-6) nói rằng tên của triết gia này là Sphines, nhưng những người Hy Lạp khác gọi ông là Calanus bởi ông sử dụng lời chào là “Cale” theo tiếng Ấn Độ thay vì từ “Chaire” theo tiếng Hy Lạp. Theo Strabo (15.1.68), Calanus mất ở Pasargadae, nhưng Diodorus (17.107.1) lại cho rằng ông mất ở vùng biên giới giữa Ba Tư và Susiane. Câu chuyện này rất phổ biến trong thời xưa; xem M. Hadas, *Hellenistic Culture*, từ tr.178. Arrian, *Indica* 10. Xem Plutarch, Alexander 69.8, và Strabo 15.1.68. Chares và Onesicritus thuật lại rằng Calanus đã lao mình vào ngọn lửa. Atropates là thống đốc của Media. Abulites và Oxathres lần lượt cai trị Susiane và Paraetacene (xem Quyển ba). Theo Plutarch (Alexander 68.7), nhà vua đã phóng cây sarissa hay cây thương vào người Oxathres. Xem Curtius 10.1.39. Về việc xử tử các thống đốc trong giai đoạn này, xem E. Badian, *JHS* 1961, 16. Barsine là tên chính thức. Còn thông thường, cô được gọi là Stateira. Nhờ việc kết hôn với các cô gái dòng dõi quý tộc, Alexander đã tự kết nối ngài với các nhánh của hoàng gia Ba Tư. Artaxerxes III Ochus đã cai trị Ba Tư từ năm 359 tới 338 TCN. Chares, viên thị thần hoàng gia, người đã mô tả chi tiết các lễ hội, đã đưa ra con số là 92 chú rể; xem Athenaeus 12.538b-539a. Về mục đích của Alexander, xem Wilcken, Alexander 208. Xem Diodorus 17.109-1-2; Curtius 10.2.9-11; Plutarch, Alexander 70.3. Plutarch và Curtius đều đưa ra con số là 9.870 ta-lăng, trong khi Diodorus nói rằng số này “ít hơn 10.000 ta-lăng”. Xem Arrian, *Indica* 23.5; Curtius 9.10.19. Curtius (8.5.1) xác định thời điểm gây dựng lực lượng này là vào khoảng năm 327; tương tự với Plutarch (Alexander 47.6). Diodorus (17.108) cho rằng sự kiện này xảy ra sau cuộc binh biến ở Hyphasis. Xem thêm Phụ lục A. Có một sự sửa chữa nhỏ trong văn bản (xem E. Badian, *JHS* 1965, 161). Ở đây nên hiểu là “đạo quân kỵ binh thứ mười lăm hầu hết là lính phương Đông, nên sức mạnh của toàn kỵ binh được gia tăng nhờ vào lượng binh lính nước ngoài được thêm vào.” Sau khi nối với dòng Coprates, dòng sông này được biết tới với tên gọi Pasitigris, mà vào thời của Alexander nó đổ vào vịnh Ba Tư. Nearchus đã giòng buồm ngược dòng Pasitigris tới khu vực lân cận của Susa; xem Arrian, *Indica* 42. Dòng Pasitigris ngày nay đổ vào sông Shatt-al-Arab, như một hợp lưu của dòng Euphrates và Tigris. Trong thời cổ đại, hai dòng sông này đều đổ vào vịnh Ba Tư qua những cửa sông khác nhau, như Arrian đã thuật lại. Xem Strabo 16.1.9-10; Herodotus 1.193. Strabo (16.1.11) mô tả, dựa trên cứ liệu của Aristobulus, cách Alexander cải thiện được việc tưới tiêu của vùng này. Xem Strabo 16.1.9. Curtius (10.2.12-30) và Diodorus (17.109), người đã bị bắt giữ sau bài diễn văn của Alexander, nói rằng Alexander đã tự tay bắt những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn. Về sự kiện này, xem Plutarch, Alexander 71. Những mỏ vàng mỏ

bạc tại núi Pangaeum gần Philippi được cho là đã mang lại hơn 1.000 ta-lăng mỗi năm cho vị hoàng đế này (Diodorus 16.8.6). Vào năm 346 TCN. Chắc chắn, Alexander muốn nhắc tới đóng góp của mình trong trận Chaeroneia vào năm 338; xem Plutarch, Alexander 9.2-4; Diodorus 16.86. Demosthenes (Halonnesus 12) cho rằng đó là thời gian người Macedonia phải nộp cống vật cho Athens. Người Thebes dưới sự chỉ huy của Pelopidas đã dàn xếp ổn thỏa các sự vụ với người Macedonia vào năm 368. Philip đã đóng vai trò là con tin tại Thebes vào các năm 368-365 TCN. Về những sự kiện sau trận Chaeroneia, xem Wilcken, Alexander, từ tr.41. Xem Curtius 10.2.24; Plutarch, Alexander 15.2. Về vấn đề tài chính của Alexander, xem A. R. Bellinger, *Essays on the Coinage of Alexander the Great* (New Yorck, 1963) tr.35. Về sự xa hoa của các tướng lĩnh dưới quyền Alexander, xem Plutarch, Alexander 42; Athenaeus 12.539; Aelian, *Varia Historia* 9.3. Plutarch đã liệt kê những vết thương của Alexander trong *Moralia* 327a-b và 341a-c. Chắc chắn đây là một sự phóng đại. Chúng ta chỉ được nghe về lễ kỷ niệm tại Susa (xem Quyển ba). Nhưng dường như chỉ có 25 Chiến hữu hy sinh trong trận Granicus được đúc tượng. Plutarch (Alexander 71.9) nói rằng Alexander đã trợ cấp một khoản tiền cho con cái của những người đã hy sinh trong cuộc viễn chinh. “Người thân/họ hàng” [Kinsman] là một danh hiệu mà vua Ba Tư ban cho những người đứng đầu đất nước này. Curtius (3.3.14) cho rằng số lượng những người này lên tới 15.000 người. Về nộ hôn theo phong tục, xem Quyển bốn. Tên gọi sau là dành cho vệ quân (hypaspists). Diodorus (17.57.2) sử dụng tên gọi Những tám khiên bạc cho vệ quân trong trận Gaugamela. Xem Tarn, Alexander 2.151-2. Đây rõ ràng là một sự phóng đại, trừ phi “những người Macedonia” được hiểu là các sĩ quan người Macedonia. Dạ yến này được tổ chức để kỷ niệm sự hòa giải giữa Alexander và những người đồng hương Macedonia cũng như (hy vọng là) giữa người Macedonia và người Ba Tư. E. Badian (*Historia* 1958, từ tr.428) đã bác bỏ ý kiến của Tarn (Alexander 2. từ tr.434) rằng Alexander đã cầu nguyện cho “sự đoàn kết của toàn nhân loại.” Về bài tụng ca sau dạ yến, xem Xenophon, *Symposium* 2.2.1. Theo mong muốn của Alexander; xem phần trước trong quyển này. Xem Diodorus 17.114.1; Plutarch, Alexander 47.9-10; Curtius 6.8.2. Craterus được cho là (Plutarch, Eumenes 6.3) sĩ quan được binh lính Macedonia quý mến hơn cả vì sự chống đối của ông với cung cách ngày một phương Đông hóa của Alexander. Nghĩa là thay thế Antipater, trở thành người ủy quyền của Alexander trong việc lãnh đạo Liên minh Corinth. Vào thời điểm Alexander qua đời, khoảng chín tháng sau, Craterus vẫn chưa đi quá vùng Cilicia. Về mối bất hòa giữa Antipater và Olympias, xem Diodorus 17.118.1, Plutarch, Alexander 40.11-13; Curtius 10.10.14. Về mối quan hệ giữa Alexander và Antipater, xem E. Badian, *JHS* 1961, từ tr.36 và G. T. Griffith, *Proceedings of the African Classical Associations* 1965, từ tr.12. Có một trang bị mất kể

từ đầu (*) Xem Plutarch, Eumenes 2. Từ Opis tới Ecbatana (Hamadan). Về ngựa Nesaea, xem Herodotus 7.40.2; Strabo 11.13.7. Diodorus (17.110.6) đưa ra số liệu có chút khác biệt; số lượng ngựa trước kia được chăn thả ở đồng bằng Nesaea là 160.000 con và chỉ còn khoảng 60.000 con khi Alexander đặt chân tới vùng này. Nhiều sử gia thuật lại rằng Nữ hoàng Amazon đã tới thăm Alexander tại Hyrcania hoặc khu vực gần Jaxartes; Diodorus 17.77.1, Curtius 6.5.24-32, gọi nữ hoàng là Thalestris. Plutarch (Alexander 46) đã đưa ra một danh sách dài các sử gia chấp nhận hoặc phủ nhận câu chuyện này. Xenophon có nhắc tới trang bị vũ khí của nữ tộc Amazon trong Anabasis (4.4.16) nhưng điều đó không có nghĩa là ông đã gặp bất cứ ai trong số họ. Không một sử gia cổ đại nào nghi ngờ sự tồn tại của nữ tộc Amazon trong quá khứ, kể cả người hoài nghi nhất là Strabo (11.5.3). Xem Plutarch, Theseus 27. Trận chiến thứ hai là trận Marathon vào năm 490. Cả hai bức tranh đều do Micon, một người nổi danh vào khoảng năm 460, vẽ và được trưng bày tại Stoa Poikile ở Athens. Xem Pausanias 1.15, 8.11; Aristophanes, Lysistrata 678. Chúng ta có thể hiểu rằng “Cimon” ở đây nghĩa là “Micon”, cho dù rất có thể đây là sai sót của Arrian. Xem Herodotus 4.110-17; 9.27. Xem Lysias, Epitaphios 1; Isocrates, Panegyricus 19; Plato, Menexenus 239B. Xem Plutarch, Alexander 72.1; Diodorus 17.110.7-8. Xem Plutarch, sdd. Về sự ganh đua của Alexander với Achilles, và về mối quan hệ của ngài với Hephaestion, xem Quyền một. Về sự tiếc thương của Achilles trước cái chết của Patroclus, xem Homer, Illiad 23.141, 152. Xem Herodotus 7.35. Theo sử gia Herodotus, trong cuộc chiến của Xerxes Đại đế chống lại người Hy Lạp, vị vua này đã cho xây dựng một cây cầu từ cây lanh và cây cối để vượt qua eo biển Hellespont. Khi cây cầu sắp được hoàn thành thì một cơn bão dữ dội kéo tới khiến nó bị phá hủy hoàn toàn. Vô cùng tức giận vì điều này, Xerxes đã ra lệnh chém đầu các kỹ sư xây cầu và thậm chí còn “trừng phạt” eo biển Hellespont bằng cách dùng roi quất vào mặt nước 300 lần, vừa đánh vừa lớn tiếng đọc các tuyên cáo sỉ nhục. (ND) Trung tâm của việc thờ cúng Asclepius thuộc vùng Argolid. Ở phần trước, Arrian thuật lại rằng sự việc này là có thật. Plutarch cũng kể rằng giàn thiêu đó có giá 10.000 ta-lăng, nhưng Diodorus lại nói là 12.000 ta-lăng. Về mô tả chi tiết “giàn thiêu”, xem Diodorus 17.115. Plutarch cho rằng đó là “một lăng mộ”, và hiển nhiên nó được xây dựng để vinh danh Hephaestion; xem Wilcken, Alexander 234-6. Xem Diodorus 17.114.4-5; Plutarch, Alexander 72.3; 75.3; Eumenes 2; Pelopidas 34.2; Aelian, Varia Historia 7-8. Xem phần trước trong quyển này. Ghi chép về cuộc tranh cãi của hai sĩ quan này đã bị mất. Cuộc chinh phạt kéo dài 40 ngày. Plutarch (Alexander 72.4) cho rằng những người Cossaea đã bị thảm sát như là một “lễ hiến tế” dâng lên Hephaestion. Tuy nhiên, trong cuốn Indica (40.6-8), Arrian nói rằng Alexander đã thành lập nhiều thành phố để khuyến khích người Cossaea định cư và chung sống hòa bình; xem Diodorus 17.111.6. Diodorus (17.113.1-2)

đưa ra một danh sách tương tự nhưng không giống hoàn toàn. Công trình của hai sử gia này hiện đã bị thất lạc. Aristus, thuộc vùng Salamis của Cyprus, đã mô tả lăng mộ của Cyrus (Strabo 15.3-8), và có thể đồng nhất với mô tả được tin tưởng của Antiochus II. Cleitarchus (trong Pliny, *Natural History* 3.57) cũng thuật lại rằng những người La Mã đã gửi sứ thần tới tiếp kiến Alexander. Quan điểm này về biển Caspian, xem Quyền năm. Alexander chắc chắn đã được Aristotle kể rằng Caspian không phải là vịnh, nhưng việc khám phá ra vịnh Ba Tư đã khiến ngài nghi ngờ điều này. Về đoạn này, xem Tarn, Alexander 2.11. Các vị tư tế của Bel (Marduk). Euripides (480-406 TCN): nhà bi kịch nổi tiếng thời Hy Lạp cổ đại. (ND) Trích từ một vở bi kịch đã thất truyền. Câu này thường được trích dẫn mà không hề nhắc tới tác giả nhưng Plutarch (*Moralia* 432c) cho rằng nó là của Euripides. Xem Herodotus 1.32; Plutarch, Solon 27. Xem Strabo 16.1.5. Herodotus (1.181) mô tả đền thờ, và nói rằng nó vẫn còn tồn tại cho tới thời của ông (xem chú thích của How và Well cho đoạn này). Về mệnh lệnh khôi phục đền thờ của Alexander, xem Quyền ba. Diodorus (17.112.2) thuật lại một cách lạ lùng rằng các vị tư tế đã nói với Alexander rằng ngài có thể thoát khỏi nguy hiểm nhờ vào việc tái xây dựng đền thờ. Xem Quyền ba. Về câu chuyện này, xem thêm Plutarch, Alexander 73.3-5; Appian, *Civil Wars* 2.639. Xem Cicero, *On Divination* 1.119, 2.32. Perdicas bị chính binh lính của mình giết hại tại Memphis vào năm 321 (Diodorus 18.36). Còn trận Ipsus diễn ra tại Phrygia vào mùa hè năm 301. Xem Plutarch, Alexander 69.7; Cicero, *On Divination* 1.47. Vì lúc đó là mùa xuân năm 323, thời điểm này có vẻ muộn hơn so với sự kiện Hy Lạp gửi các sứ thần tới chúc mừng Alexander. Diodorus (17.113.3-4) cho rằng những sứ thần của Hy Lạp xuất hiện vào thời điểm đó với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm cả việc đưa ra những tranh luận chống lại việc triệu hồi những người bị trục xuất khỏi thành bang của họ, như Alexander đã yêu cầu. Về mệnh lệnh này, xem Diodorus 18.8.2 (17.109.1), Curtius 10.2.4; Tod, các trang 201, 202. Xem các quyền trước. Ở đây Arrian dựa vào trước tác của Aristobulus; xem Strabo 16.1.11. Tương đương với cụm từ trong nguyên tác, nghĩa là “chủ yếu nhằm chống lại những người Ả Rập.” Strabo (16.1.11) sử dụng trước tác của Aristobulus làm cứ liệu chính cho những tuyên bố cho rằng những người Ả Rập đã không hề cử sứ thần tới tiếp kiến Alexander và vị hoàng đế trẻ tuổi “đang nuôi tham vọng trở thành chúa tể của toàn thế giới”. Arrian dĩ nhiên chấp nhận quan điểm này của Alexander. Xem Herodotus 3.8 (cùng với chú thích của How và Wells). Mặc dù không ghi rõ nguồn ở đây, nhưng trong đoạn này nguồn cứ liệu chính của Arrian vẫn là trước tác của Aristobulus (Strabo, Sdd). Một hòn đảo thuộc quần đảo Sporades, phía Tây Samos, hiện nay được gọi là Nikaria. Về câu chuyện của Daedalus và Icarus, xem Ovid, *Metamorphoses* 2.21-96. Hiện tại là Bahrein. Báo cáo về chuyến hải hành này đã được Theophrastus sử dụng trong các tác phẩm về thực vật

của ông. Đó là bán đảo Ras Mussandam (Maketa), mà Nearchus đã nhìn thấy từ Hormuz. Arrian, *Indica* 32. Nhánh sông này đổ vào vịnh Ba Tư gần Teredon. Strabo 16.1.9-11. Khoảng một năm trước đó (tháng Tư/Năm năm 324) Alexander đã thành lập thị trấn Alexandria (sau này là Charax) giữa hai cửa sông của sông Tigris và sông Eulaeus; xem Pliny, *Natural History* 6.138. Diodorus (17.116.5-7) viết là “một trong những người chèo thuyền”. Ông không nói gì về số phận của người này. Menidas được nhắc tới gần nhất là vào mùa đông năm 328/327, khi ông được cử đi từ Nautaca tới Macedonia để mang viện quân tới (xem Quyển bốn). Điểm quan trọng là những sứ thần này đội trên đầu những vòng hoa theo nghi lễ. Điều này cho thấy họ là các theoroi, những đại diện của thần linh và khẳng định nguồn gốc thần thánh của Alexander. Plutarch (*Moralia* 219e) và Aelian (*Varia Historia* 2.19) nhắc tới việc chính Alexander đã yêu cầu họ thừa nhận ngài là một vị thần. Về vấn đề gây tranh cãi này, xem J. P. V. D. Balsan, *Historia* 1950, từ tr.383 và tốt hơn nữa là xem Wilcken, *Alexander* tr.209-215. Xtator là một đơn vị tiền tệ Hy Lạp cổ. (ND) Đồng xtator được nhắc tới ở đây có thể là xtator bạc, tương đương với một đồng tetradrachm của Athens, và một lính “mười-xtator” nhận được 40 dracma mỗi tháng. Lính “lương-đúp” có thể nhận được 60 dracma, còn lính thường thì nhận được 30 dracma mỗi tháng. Theo một ghi chép rời rạc, số tiền phải trả hằng ngày cho một Hypaspist trong lực lượng viễn chinh là 1 dracma. Về thông điệp của các sứ thần, xem tr. 372. Plutarch (*Alexander* 72.2) đồng ý với Arrian, tuy nhiên Diodorus (17.115.6) thuật lại rằng thần Ammon cho phép vinh danh Hephaestion như một vị thần. Về việc bổ nhiệm ban đầu của Cleomenes, xem Quyển ba. Cleomenes được Alexander bổ nhiệm làm thống đốc (xatrap) của Ai Cập. Đây chính là người đã khiến nạn đói ở Hy Lạp (330-26) thêm trầm trọng bằng cách độc quyền xuất khẩu ngũ cốc từ Ai Cập và bán chúng với giá cao; ngoài ra Cleomenes còn chiếm đoạt một lượng lớn tài sản của các tư tế (Ngụy Aristotle, *Oeconomica* 2.33; Ngụy Demosthenes 56.7). Cleomenes sau này bị khép vào tội chết dưới tay của Ptolemy, người đã giành được Ai Cập bằng cách chia rẽ các địa hạt sau khi Alexander qua đời. Pharos nằm cách bờ biển khoảng 1,6 kilômét, cách châu thổ sông Nile khoảng 32 kilômét về phía tây. Alexander đã nối hòn đảo này với đất liền bằng đê chắn sóng, và nhờ đó xây dựng hai cảng biển cho Alexandria. Ngọn hải đăng do Ptolemy II xây dựng. Xem mô tả của Strabo về thành phố, 17.1.6-10. Về tính xác thực của lá thư này, xem CQ 1953, từ tr.157. Plutarch (*Alexander* 73) nói rằng đó là một người Messenia tên là Dionysius. Cả ông và Diodorus (17.116) đều nói rằng đó là một tù nhân đang chịu án treo, nên việc giam giữ anh ta có phần lợi lòng. Người ta cho rằng hành động của tù nhân này hoặc là tự phát hoặc là do thần linh dẫn động. Plutarch và Diodorus nói rằng người đàn ông này đã bị khép tội chết. Trong cuộc viễn chinh tấn công người Ả Rập tiếp theo. Xem Plutarch, *Alexander* 75.4, Diodorus 17.117.1. Plutarch (*Alexander* 76)

đưa ra một bản khác về nhật ký hoàng gia mà ông khẳng định phần lớn là trích dẫn nguyên văn. Bản của Plutarch chỉ khác một vài chi tiết so với bản mà Arrian đưa ra. Aelian (*Varia Historia* 3.23) đưa ra một bản thứ ba được cho là của Eumenes, người giữ Nhật ký. Bản này có ít điểm giống với hai bản trước. Về vấn đề liệu Nhật ký này có phải là một cứ liệu đáng tin về những ngày cuối cùng của Alexander hay không, xem Pearson, *Historia* 3 (1954/55), từ tr.429, và A. E. Samuel, *Historia* 1965. Về cuộc viễn chinh tấn công Ả Rập. Demophon và Cleomenes đều là các nhà tiên tri người Hy Lạp, những người còn lại đều là những người Macedonia lỗi lạc, Attalus là chỉ huy một tiểu đoàn và là anh rể của Perdiccas. Thông thường, người ta cho rằng Sarapis (hoặc Serapis) là tên hiệu của Ptolemy I và vị thần có tên Separis chắc hẳn là một vị thần có tên gọi tương tự hoặc có quyền năng giống như thần Bel (Marduk). Về Sarapis, xem W. W. Tarn (*Historia* 1962 từ tr.238). Tuy nhiên, cũng có nhiều tranh luận cho rằng Alexander đã sáng lập nên giáo phái Sarapis, mà ngày nay vẫn tồn tại ở Ai Cập, và sau đó mang giáo phái này tới phương Đông cùng với ngài. Cụm từ này cũng có thể có nghĩa là “người mạnh nhất”. Xem Diodorus (17.117.4-5) và Curtius (10.5.4-5), người thuật lại rằng Alexander đã đưa nhẫn của ngài cho Perdiccas. Xem Diodorus 17.118; Curtius 10.10.14; Plutarch, Alexander 77.2. Không thứ nào trong số này có thể chứa thuốc độc. Người ta thường kể lại rằng đó là nước sông Styx, con sông bắt nguồn ở gần Nonacris ở phía bắc Arcadia; xem Pliny, *Natural History* 30.149; Pausanias 8.17.6. Nói chung, giả thuyết về việc Alexander bị đầu độc không đáng tin lắm. Tuy nhiên, có thể tham khảo tài liệu R. D. Milns, *Alexander the Great* (London, 1968) 255-8, người cho rằng thuốc độc là mã tiền với liều lượng thấp. Về “chiếc cốc của Hercules”, xem Diodorus 17.117.1-2 (cùng với chú thích của Welles trong phiên bản Loeb). Plutarch (Alexander 75.5) đã hoàn toàn phủ nhận câu chuyện này. Theo lịch hiện đại, Alexander mất vào ngày 10 tháng Sáu năm 323 TCN. Về các ví dụ cho việc này, xem Plutarch, Alexander 39. Plutarch (Alexander 28.6) cũng cho rằng đây là những động lực thúc đẩy Alexander khẳng định ngài là con trai của thần Zeus. Tuy nhiên, hãy xem CQ 1953, từ tr.151 về tầm quan trọng của lá thư Alexander đã gửi cho người Athens mà Plutarch đã trích dẫn trong cùng một chương. Arrian trước đó đã bình luận về thói nghiện rượu của Alexander. Xem những câu chuyện đã được Plutarch (Alexander 2) kể lại. JHS 83 (1963), 27-46. Câu trích dẫn nằm ở tr. 29. Như G. T. Griffith đã nhấn mạnh trong “A Note on the Hipparchies of Alexander” trong JHS 83 (1963), 68-74, tại tr.71. Trong *Greek, Roman and Byzantine Studies* 7 (1966), 159-166. Trong JHS 85 (1965), tr.160-161. Vào khoảng thế kỷ thứ III SCN, có một tác phẩm đã tập hợp các truyền thuyết, huyền thoại xung quanh các cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế với nhan đề là *Alexander Romance*, trong đó có một số câu chuyện ghi tên tác giả là Callisthenes. Tuy nhiên, sử gia này đã chết khi Alexander còn chưa qua

đời nên ông không thể có một ghi chép đầy đủ về cuộc đời của Alexander. Tác giả khuyết danh của cuốn Alexander Romance, bởi vậy, thường được gọi là Ngụy Callisthenes. (ND) Sự kiện sáng lập Alexandria thường được đặt trước chuyến viếng thăm Siwah theo cứ liệu của Arrian. Tuy nhiên, xem thêm C. B. Welles, *Historia* 1962, tr.276. Theo Curtius (5.6.12), việc đốt cung điện diễn ra sau cuộc viễn chinh tấn công Mardi, sự kiện bắt đầu vào khoảng ngày 6 tháng Tư và kéo dài khoảng 30 ngày. Xem D. M. Lewis trong *Classical Review* 1969, tr. 272. Những chú thích của người dịch (ND) và người biên tập (BT) sẽ được ghi chú rõ. Những chú thích khác là chú thích của bản dịch tiếng Anh. Epictetus (50-120 SCN): triết gia vĩ đại thuộc trường phái Khắc kỷ [Stoicism]. Triết lý này đề cao sự tri túc [contentment – nghĩa là biết đủ]. Tri túc đem đến một đời sống lặng lẽ, bình yên, không có gì đáng để bận tâm phiền não. Sự bình an tâm hồn là điều đáng quý trọng hơn cả. Niềm an lạc ấy được tìm thấy thông qua sự tự kiểm chế [self-control] hay tự chủ [self-mastery]; đó là khả năng chế ngự lòng ham muốn và làm chủ bản thân, không để mình buông thả theo dục vọng. (ND) Hoàng đế Hadrian (76-138 SCN): Hoàng đế La Mã trị vì từ năm 117 cho đến khi ông qua đời vào năm 138 SCN. (ND) Hội đồng Areopagus còn được gọi là Hội đồng Công tố hay Hội đồng Quý tộc, là hội đồng tư pháp và lập pháp cao nhất của Athens thời cổ đại. (ND) Cuốn sách này được viết bằng tiếng Hy Lạp. Đây là lời tựa của bản dịch tiếng Anh do Aubrey de Selincourt chuyển ngữ. Hoàng đế Marcus Aurelius (121-180 SCN): hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 cho tới khi ông qua đời vào năm 180. Cuốn sách nổi tiếng được nhắc đến ở đây là cuốn *Meditation* (tạm dịch: Suy ngẫm), một trong những tác phẩm được đánh giá là kinh điển của triết học Khắc kỷ. (ND) Appian (95-165 SCN): sử gia người Hy Lạp của La Mã. Ông là tác giả của cuốn *Roman History* (tạm dịch: Lịch sử La Mã) gồm 24 quyển được viết bằng tiếng Hy Lạp. (ND) Pausanias (nổi danh vào khoảng 143-176 SCN): nhà địa lý người Hy Lạp. (ND) Galen (129-200/ 217-216 SCN): thầy thuốc, nhà văn, nhà triết học nổi tiếng người La Mã gốc Hy Lạp. Ông có viết một tác phẩm nhỏ mang tên *That the Best Physician is also a Philosopher* (tạm dịch: Thầy thuốc giỏi cũng là một nhà triết học). Học thuyết của ông đã chi phối và gây ảnh hưởng tới y học châu Âu từ thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ XVII. (ND) Lucian (125/120-sau 180 SCN): một nhà trào phúng, nhà hùng biện và viết luận bằng tiếng Hy Lạp. (ND) Ý nói việc Arrian và một số nhà văn cùng thời với ông cố gắng mô phỏng ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại của ba, bốn trăm năm trước. (ND) Phương ngữ Hy Lạp cổ đại được sử dụng ở vùng Attica, Athens và Ionia. (ND) Thomas North (1535-1604): dịch giả người Anh. Ông là người đã dịch cuốn *Parallel Lives* (tạm dịch: Những cuộc đời song hành) của Plutarch sang tiếng Anh. (ND) Percy Bysshe Shelley (1792-1822): nhà thơ, nhà triết học Anh, một trong những nhà thơ lớn nhất của thế kỷ XIX. Ông là người đã dịch tác phẩm *Symposium*

của Plato sang tiếng Anh. (ND) Philip A. Stader (Greek, Roman and Byzantine Studies 8, 1967, từ tr.155) đã chỉ ra rằng Xenophon không chỉ là tên hiệu, mà còn là một phần trong tên của nhà sử học. Arrian được bầu làm quan chấp chính vào năm 129 hoặc 130 SCN, và trong thời đại của ông, thông thường người được bổ nhiệm giữ vị trí này phải vào khoảng 42 tuổi; xem JRS55 (1965), tr.142. Nữ thần Nông nghiệp, một trong mười hai vị thần trên đỉnh Olympus. (ND) Còn được gọi là nữ thần Persephone, con gái của thần Zeus và nữ thần nông nghiệp Demeter. (ND) Ám chỉ triều đại Flavia, một triều đại La Mã kéo dài từ năm 69 đến năm 96 SCN. Những hoàng đế Flavia bao gồm Vespasian (trị vì từ năm 69-79 SCN), và hai con trai của ông là Titus (trị vì từ năm 79-81 SCN) và Domitian (trị vì từ năm 81-96 SCN). (ND) Chúng ta không rõ tại sao Arrian lại chọn theo học triết gia Epictetus tại Athens. Trong một bài báo quan trọng về vai trò thống đốc của Arrian đăng trên tờ English Historical Review năm 1896 (được in lại trong cuốn Essays của ông, F. Haverfield biên tập, Oxford, 1906), Giáo sư H. F. Pelham cho rằng Arrian chắc hẳn chịu ảnh hưởng của truyền thống bên dòng họ ngoại, “gen” Arrian, một dòng họ nổi tiếng về Chủ nghĩa Khắc kỷ La Mã. Giáo sư ước đoán rằng tên hiệu Arrianus là ngầm chỉ họ của người mẹ, một kiểu thường thấy vào thế kỷ thứ I và thứ II SCN. Trong một lá thư gửi Lucius Gellius, Arrian đưa ra lý do cho việc xuất bản những lời giảng dạy của thầy mình. Chúng ta biết rằng vị Gellius này là một công dân nổi tiếng của thành Corinth, L. Gellius Menander, người cùng với con trai mình, L. Gellius Iustus, đã cho xây dựng một văn bia vinh danh Arrian tại Corinth; xem G. W. Bowersock trong Greek, Roman and Byzantine Studies 8 (1967), tr. 279-280. Trích dẫn này được lấy từ trang 218, dòng thứ 3, trong một bài báo của Pelham. Dion (408-305 TCN): bạo chúa vùng Syracuse, thuộc Sicily. (ND) Timoleon (411-337 TCN): tướng lĩnh, chính trị gia người Hy Lạp. (ND) Điều này khiến Arrian còn được gọi là “Xenophon thứ hai”. Bản thân ông thường tự nhận mình là “Alexander giữa các nhà văn”. (ND) Quyển thứ 17 của Diodorus đã được C. Bradford Welles dịch (cùng với những chú thích bổ ích) trong bộ sách của Thư viện sách kinh điển Loeb (The Loeb Classical Library), cuốn sách của Curtius cũng đã được J. C. Rolfe dịch trong cùng bộ này, và Justin (cùng Cornelius Nepos và Eutropius) ở Thư viện của Bohn. Tác phẩm về Alexander của Plutarch là tác phẩm thường xuyên được chuyển ngữ, bản dịch gần đây nhất của cuốn này là của dịch giả Ian Scott-Kilvert, có tên The Age of Alexander (Penguin Books). Những tác giả này là đối tượng nghiên cứu chi tiết của Lionel Pearson trong cuốn The Lost Histories of Alexander the Great (New York, 1960). Callisthenes được coi là sử gia chính thức của Alexander cho tới khi ông bị thất sủng và bị hành hình vì tội mưu phản. (ND) Về phần này, xem thêm nghiên cứu của tôi, Plutarch Alexander: A Commentary (Oxford, 1969), lx-lxii. Xem thêm phân tích thuyết phục của C. B. Welles trong bài “The reliability of Plotemy as an

historian”, *Miscellanae*... A. Rostagni (Turin, 1963), từ tr.101. Curtius, người đã đọc cuốn sách của Ptolemy, có thể đã nhắc tới khía cạnh này về tác phẩm của Ptolemy khi ông mô tả Ptolemy (9.5.21) là một người đàn ông “chắc chắn không có khuynh hướng nói giảm nhẹ sự vẻ vang của riêng mình”. R. M. Errington, “Bias in Plotemy’s History of Alexander”, CQ, 1969, từ tr.233, đưa ra một vài ví dụ về việc Ptolemy kể sai sự thật. Errington nhận định rằng Aristonous bị tước đoạt đi niềm vinh dự là đã cứu sống Alexander, nhưng ông lại không thừa nhận quan điểm phổ biến cho rằng Ptolemy đã “phót lờ” những chiến thắng vang dội của Antigonus trước những kẻ sống sót ở Issus, vì sự kình địch của Ptolemy với Antigonus chỉ xuất hiện sau năm 314. Proskynesis là hành động cúi chào hoặc quỳ lạy. Đây là phong tục của người Ba Tư, nhằm thể hiện lòng kính trọng với những người có địa vị cao hơn. Nghi lễ này không được người Hy Lạp chấp thuận vì họ cho rằng việc quỳ lạy là nghi lễ chỉ dành cho thần linh. Sự bất đồng quan điểm này đã dẫn tới âm mưu sát hại Alexander Đại đế, mà những người chủ mưu được cho là Philotas và Callisthenes. (ND) Strabo (63/64 TCN-24 SCN): sử gia, nhà địa lý và nhà triết học Hy Lạp. (ND) Quintus Curtius Rufus: một sử gia La Mã, viết dưới triều đại của hoàng đế Claudius (41-54 SCN) hoặc Vespasian (69-79 SCN). Tác phẩm còn lại duy nhất của ông là *Historiae Alexandri Magni*, một tiểu sử bằng tiếng Latinh về Alexander Đại đế gồm mười quyển. Trong đó, hai quyển đầu đã bị thất lạc. (ND) Polypius (200-118 TCN): sử gia Hy Lạp. (ND) Xem P. A. Brunt, “Persian Accounts of Alexander’s Campaigns” trong CQ, 1962, từ tr.141. Trích dẫn này được lấy trong tr.141. Bessus (mất vào mùa hè năm 329 TCN): xatrap (tương đương với chức thống đốc hoặc phó vương) vùng Bactria, sau tự xưng là Vua của các vị vua Ba Tư. Năm 329 TCN, Bessus bị bắt. Alexander Đại đế đã trừng phạt ông bằng cách ra lệnh cắt bỏ tai và mũi của Bessus, hình phạt dành cho những kẻ nổi loạn chống lại nhà vua theo tập tục của người Ba Tư. (ND) Ốc đảo Siwah nằm trong vùng sa mạc phía đông Ai Cập là nơi có đền thờ thần Ammon. Tương truyền rằng vào tháng Hai năm 332, Alexander đã tới đây để hỏi ý kiến các nhà tiên tri của Ammon. Không ai biết vị hoàng đế này đã hỏi gì và được trả lời ra sao, nhưng từ sau chuyến đi này, Alexander bắt đầu tự coi mình là con trai của thần Ammon. (ND) Liên quan đến những chi tiết về binh lính của của Alexander, xem thêm Trung tướng J. F. C. Fuller, *The Generalship of Alexander the Great* (London, 1958); E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), Phụ lục I và II; A. R. Burn, “The Generalship of Alexander”, trong *Greece and Rome* 1965, tr.140-54. Sarissa (hoặc sarisa) là một cây giáo dài khoảng 4-7 mét được sử dụng trong chiến tranh Hy Lạp cổ đại. Vũ khí này được vua Philip, cha của Alexander Đại đế, đưa vào đội hình phalanx truyền thống của Macedonia. (ND) Xem G. T. Griffith, *Proceedings of the Cambridge Philological Association*, 4 (1956/7), từ tr.3. Gukhas theo tiếng Nepal nghĩa là chiến binh. Họ nổi tiếng vì sự

thiện chiến và lòng trung thành. (ND) P. A. Brunt, “Alexander’s Macedonian Cavalry”, trong JHS 83 (1963), tr.27-46, thảo luận về nhiều vấn đề liên quan tới đội kỵ binh của Alexander. R. D. Milns đã chứng minh trong Greek, Roman and Byzantine Studies 7 (1966), tr.159-166. Về các trung đoàn (Hipparchy), xem Phụ lục A. Tên một dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan. Tên gọi Hindu Kush có nguồn gốc từ tiếng Ả rập, có nghĩa là “Các ngọn núi Ấn Độ”. (ND) E. Badian trong JHS (1965), tr.161. Một cấp bậc quân sự thời cổ đại, chỉ người chỉ huy một đội quân gồm 1.000 người. (ND) JHS 83 (1963), tr.39. Về Ptolemy và Aristobulus, xem phần Dẫn nhập. Vua Philip bị ám sát vào mùa hè năm 336 TCN. Kẻ ám sát nhà vua là một quý tộc trẻ tuổi tên là Pausanias, người nhiều năm trước đó đã bị Attalus, cha một thứ phi của Philip, xúc phạm. Tương truyền rằng, một trong những lý do khiến Pausanias ra tay ám sát vị hoàng đế của mình là Pausanias lấy làm oán hận việc Philip không cho phép anh ta chống lại Attalus. Alexander và mẹ ông, Olympias, lúc đó đã xa cách với vua Philip, bị nghi ngờ dính líu tới vụ việc này, dù những người anh em của Alexander ở vùng Lyncestis đã bị hành hình vì tội đồng lõa, và sau này Alexander đã buộc tội vua Ba Tư vì đã khoe khoang rằng ông ta đã mua chuộc Pausanias. Về chi tiết, xem Diodorus 16.93-4; Aristotle Politics 1311b2. E. Badian, Phoenix 17 (1963) từ tr.244, cung cấp những thảo luận tốt nhất gần đây. Ngoài ra, xem thêm A. B. Bosworth, CQ 1971, từ tr.93. Trong tác phẩm Alexander (3.5), Plutarch đưa ra ngày sinh của Alexander là vào khoảng 20 tháng Bảy năm 356 TCN. Tóm tắt của Arrian quá ngắn gọn nên dễ gây hiểu lầm. Theo ghi chép của Diodorus (17.3-4), Alexander, khi đương đầu với tình trạng bất ổn ở Hy Lạp, đã giành được sự thừa nhận vị trí của ông như là “người lãnh đạo” của Liên minh Corinth từ Liên minh Thessaly và Liên minh Amphictyonic tại Delphi, cũng như từ những quốc gia riêng lẻ ở bên trong và bên ngoài vùng Peloponnese. Cuối cùng, ông đã tổ chức được một cuộc gặp gỡ những người đại diện tại Corinth và được chỉ định là “Tổng chỉ huy” của Liên minh. Tường thuật về cuộc chinh phạt này, xem Fuller từ tr.219. Những người Triballia sống ở phía nam sông Danube, một khu vực hiện tại thuộc Plevan. Như trong nhiều bản ghi chép dùng cụm từ “những thương gia” (trader), Alexander có thể đã gặp một đoàn lái buôn có vũ trang. Không phải Philotas, con trai của Parmenio, thủ lĩnh của kỵ binh Liên minh. Nhân vật này được nhắc tới ở phần sau. Arrian miêu tả (từ đông sang tây) những tộc người sống dọc bờ bắc của sông Danube trong thế kỷ thứ II TCN, chứ không phải trong thời đại của Alexander. Ông đã từng phục vụ ở biên giới Danube, (Indica 4.15). Người Getae là những người Thrace mà người La Mã gọi là người Daci. Cuối cùng, họ bị khuất phục bởi người Trajan vào thế kỷ thứ II SCN. Lãnh thổ của họ được gộp vào khu vực của Dacia. Herodotus thuật lại rằng họ tin rằng những người đã khuất không hề mất đi mà tham dự vào nhóm các vị thần Salmoxis. Alexander rõ ràng đã không chỉ lên

kế hoạch cho một cuộc viễn chinh trừng phạt mà đã lên kế hoạch để thiết lập dòng Danube như là đường biên giới phía bắc cho lãnh thổ của ngài. Đây là lần đầu tiên Arrian sử dụng từ “pothos”, “khao khát, hấp dẫn”, một từ mà ông và các sử gia về Alexander Đại đế sử dụng để mô tả khao khát chinh phục, khám phá điều chưa biết và điều bí ẩn. Victor Ehrenberg, *Alexander and the Greeks*, từ tr.52, cho rằng từ này được chính Alexander sử dụng. Tuy nhiên, ông lại cho rằng đoạn văn này là một ngoại lệ. Các vị vua của Macedonia tin rằng họ chính là hậu duệ của Heracles. Khoảng gần 50 năm trước khi người Celtic xâm lược Macedonia và Hy Lạp. Cleitus đã quy phục Philip vào năm 349. Người Taulanti và Autariates đều là những tộc người Illyria, người Taulanti sống gần Epidamnus (Durazzo), người Autariates sống ở vùng lãnh thổ xa hơn về phía bắc, ở biên giới Paeonia. Cyna là em gái cùng cha khác mẹ với Alexander, con gái của vua Philip và một phụ nữ người Illyria. Về số vợ của Philip, xem Athenaeus 13.557c. Erigon là một nhánh sông của Axios (Vardar), giờ là Tzerna. Pelium là pháo đài biên giới của Macedonia đặt ở phía nam hồ Lynchitis. Diodorus (17.8-14) đưa ra một ghi chép chi tiết hơn về những sự kiện diễn ra ở Thebes, ít ưu ái Alexander hơn nhiều. Từ năm 338, Cadmeia, thành lũy của Thebes, đã bị một đơn vị đồn trú của Macedonia chiếm đóng. Timolaus là thủ lĩnh của một nhóm Macedonia (Demosthenes, *On the Crown* 295). Về Amyntas, có lẽ nên đọc Anemoitas, người mà Demosthenes nhắc tới cùng với Timolaus như là một kẻ phản bội người Thebes. Từ “tự trị” (autonomy) không có trong bản thảo, nhưng cần thiết phải cho từ này vào. “Tự do ngôn luận” đã được đề cập tới (nhưng từ “tự trị” dường như được ưa thích hơn). “Tự do” và “tự trị” luôn đi cùng với nhau, và các thành bang Hy Lạp rõ ràng muốn bảo vệ những quyền này trong “Hiến chương” của Liên minh Corinth (xem *Ngụy Demosthenes* 17.8). (*Ngụy Demosthenes* là tên thông thường để ám chỉ tác giả khuyết danh của một số bài diễn văn được gán cho nhà hùng biện Demosthenes.) Người ta thuật lại rằng ở Athens, Demosthenes đã đem đến một người lính, người khẳng định rằng Alexander đã bỏ mạng trong một trận chiến mà cũng trong trận đó, anh ta đã bị thương. Onchestus nằm trên đường bờ biển L. Copais, cách Thebes khoảng gần 10 kilômét về hướng đông bắc. Khoảng cách từ Pelium tới Onchestus không ít hơn 400 kilômét. “Những cổng thành” mà Arrian nhắc tới là chỉ con đường tới Thermopylae. Diodorus và Plutarch đã khẳng định việc Alexander trì hoãn tấn công Thebes. Plutarch thuật lại (*Alexander* 11.7) rằng ngài đã yêu cầu giao nộp những thủ lĩnh chống đối người Macedonia, Phoenix và Prothytes, và hứa rằng sẽ tha thứ cho những người này. Tuy nhiên, ngài chỉ nhận được một sự lãng mạ. Theo Diodorus (17.12.3), Perdiccas hành động theo mệnh lệnh của Alexander. Khoảng 6.000 người Thebes đã bị giết và hơn 30.000 người bị bắt làm tù binh. Số tiền thu được từ việc bán các tù binh này là khoảng 440 ta-lăng (Diodorus 17.14; Plutarch, *Alexander* 11.12). Cuộc viễn chinh Sicily là

cuộc viễn chinh quân sự của người Athens tới Sicily vào khoảng năm 415 TCN tới năm 413 TCN, và đã chuốc lấy thất bại thảm hại. Cuộc viễn chinh này còn được gọi là thảm họa Sicily. Không thể tính toán một cách chính xác những thiệt hại của người Athens trong cuộc viễn chinh Sicily (415-13) vì chúng ta không rõ trong số các thủy thủ đoàn của hơn 200 thuyền chiến ba tầng chèo, hơn 40.000 con người, có bao nhiêu người là người Athens. Tuy nhiên, ít nhất cũng có 4.000 kỵ binh, bộ binh hạng nặng và hạng nhẹ người Athens đã bỏ mạng. Về lực lượng lính đánh thuê ở Sicily, xem các đoạn văn của Thucydides được N. G. L. Hammond trích dẫn trong *History of Greece* 390, chú thích 1. Người Ba Tư đã bước vào cuộc chiến năm 412 và dân Athens đã chống cự kiên trì cho tới mùa xuân năm 404. Thất bại tại Aegospotami (tháng Tám năm 405) đã khiến việc quy phục Athens trở nên bất khả. Những điều kiện quy phục bao gồm “phá hủy Trường Thành và các công sự Peiraeus, giao lại hạm đội 12 tàu chiến, bỏ quyền kiểm soát hoàn toàn, triệu hồi những người lưu đày, và tuân phục Sparta trong mọi vấn đề về chính sách ngoại giao” (Hammond, tr.418). Có thể xác định niên đại cho việc khôi phục sức mạnh trên biển của người Athens từ tháng Tám năm 394, khi Conon đánh bại hạm đội Sparta tại Cnidus. Việc tái xây dựng Trường Thành, được bắt đầu ngay trước thời điểm này, đã được hoàn thành vào khoảng năm 391. Cả hai việc này phần nhiều đều nhờ vào sự trợ giúp của người Ba Tư. Liên minh của người Boeotia dưới sự lãnh đạo của Thebes đã đánh bại Sparta tại Leuctra vào năm 371 và tại Mantinea vào năm 362. Cuộc xâm lược Sparta diễn ra vào năm 369. Về các sự kiện này, xem Xenophon, *History of Greece* 6.4.4-15, 7.5.18-27; và 7.1.15-22. Cả ba thị trấn này đều bị ép quy phục trong suốt cuộc Chiến tranh Peloponnesia. Sau một thời gian vây thành kéo dài, Plataea quy phục Sparta vào năm 427, Melos và Scione quy phục Athens lần lượt vào các năm 415 và 421. Trong các trường hợp này, đàn ông đều bị giết, còn phụ nữ và trẻ em bị bán làm nô lệ. Quân Thebes đã đột kích Plataea vào tháng Ba năm 431, nhưng đã buộc phải rút lui khỏi thị trấn. Gần Plataea, vào năm 479, người Hy Lạp đã đánh bại quân Ba Tư do Mardonius chỉ huy và khiến họ phải rút quân khỏi Hy Lạp. Thebes đã được sử dụng như một căn cứ quân sự của Ba Tư và một đạo quân Thebes cũng đã chiến đấu bên phe Ba Tư. Vào cuối cuộc Chiến tranh Peloponnesia, Erianthus người Thebes đã đề nghị phá hủy Athens và đem giết bỏ hoặc bán làm nô lệ các công dân của thành bang này. Sparta, với thế lực của mình, đã bác bỏ đề nghị này. Diodorus (17.10) đã nhắc tới nhiều điếm báo xấu. Trách nhiệm đạo đức thuộc về Alexander, mặc dù chắc chắn ngài đã đệ trình quyết định của mình cho các đồng minh. Cuộc nổi loạn đã gây ra mối bất hòa trong Hiệp ước Hòa bình và Alexander (với vai trò một thống lĩnh) đã kêu gọi các binh lính Đồng minh mặc dù chỉ có các khu vực lân cận Thebes gửi quân tới – bao gồm người Plataea, Phocia, Thespieae và Orchomenus. Nhưng Alexander không sai khi nhận ra rằng hình phạt dành cho Thebes khiến

nhều kẻ thù của thành bang này cảm thấy nhiều ân oán cũ đã được giải quyết. Ngài chắc hẳn cũng mong muốn lấy số phận của Thebes làm lời cảnh báo chết chóc cho bất kỳ thành bang nào có ý định nổi loạn chống lại ngài. Sau Chaeroneia, Philip có ý định xây dựng lại Plataea và Orchomenus, những thị trấn bị Thebes phá hủy hai lần vào năm 373 và năm 364, nhưng rõ ràng việc này đã không được thực hiện. Một nghi lễ của Hy Lạp cổ đại. Trong nghi lễ này, người ta sử dụng rượu và các kỹ thuật thôi miên để đưa con người về trạng thái bản năng nhất. (ND) Nghi lễ Huyền bí vinh danh thần Demeter được tổ chức tại Eleusis từ ngày 15 tới ngày 23 tháng Boedromion theo lịch Athens, tương ứng với tháng Chín/tháng Mười. Theo Plutarch (Demosthenes 23.3), những sử gia đáng tin nhất đưa ra tám cái tên, mặc dù những người khác thường nhắc tới 10 người. Những tên tuổi được lưu lại này cũng không hoàn toàn thống nhất. Tất cả những sử gia mà Arrian nhắc tới đều là các nhà hùng biện, ngoại trừ các tướng quân Chares, Charidemus và Ephialtes. Arrian có lẽ đã tính tới những cống hiến của Demosthenes về lăng mộ của Pausanias, vụ ám sát Philip (Aeschines 3.160), và trao đổi thư từ của ông với tướng quân Macedonia, Attalus, người đã cùng với Parmenio mở chiến dịch tấn công Ba Tư vào đầu năm 336. Những người khác cũng rời khỏi Athens. Chares gặp Alexander tại Sigeum vào năm 334, trong khi Ephialtes và Thrasybulus (những cái tên mà người ta nghĩ rằng đã bị bỏ qua trong danh sách của Arrian) chiến đấu bên phe Ba Tư tại Halicarnassus (Diodorus 17.25.6). Vua của Macedonia từ năm 413 tới năm 399 TCN. Ông nổi tiếng là người bảo trợ cho văn học và nghệ thuật, chính dưới triều đại của ông, Euripides đã dành những năm cuối đời để viết cuốn *Bacchae*. Các nữ thần thơ ca. (ND) Một thể loại thơ được trình bày rất oai nghiêm và trang trọng. (ND) Hiện tượng này, xảy ra do sự hóa đặc hơi ẩm, thường được nhắc tới trong văn học cổ điển. Người ta nói rằng hiện tượng này xảy ra vào đúng thời điểm Alexander tới Thebes. Aristander là nhà tiên tri mà Alexander (cũng có thể là cả Philip) tin nhiệm nhất, là người được Arrian nhắc tới thường xuyên với những lời tiên đoán vô cùng chính xác. Các cư dân của Telmissus ở Caria đã được nhắc tới khá sớm, vào khoảng giữa thế kỉ thứ VI, do khả năng tiên đoán của họ (Herodotus 1.78). Antipater nhận lệnh ở lại cùng với 12.000 bộ binh và 1.500 kỵ binh. Những số liệu của Arrian cũng đã được Diodorus khẳng định (17.17) khi ông đưa một danh sách các lực lượng của Alexander sau khi vượt eo biển tới lục địa Á châu: 32.000 bộ binh và 5.100 kỵ binh. Những số liệu cao hơn cho bộ binh (43.000; 40.000) được các sử gia khác đưa ra, có thể bao gồm 10.000 binh lính, những người đã ở châu Á vào năm 335, mặc dù phần lớn lực lượng này, trong khoảng thời gian đó, đã rút lui. Người ta không tìm thấy lời giải thích thỏa đáng nào cho các số liệu đưa ra số lượng kỵ binh ít hơn. Về vấn đề này, gần đây nhất, xem P. A. Brunt, *JHS* 1963, từ tr.33, và E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), từ tr.24. Một eo biển hẹp thuộc tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ, nối liền

biển Aegean và biển Marmara. (ND) Homer, *Iliad* 2.701; Herodotus 9.116. Phía tây bắc của thành Troy, gần Mũi đất Sigeium. Diodorus (17.17.2), thuật lại rằng Alexander, trước khi đặt chân lên bờ, đã quăng cây thương của ngài xuống để khẳng định lục địa Á châu là phần thưởng của cuộc chiến. Nếu điều này là sự thật, nó chứng tỏ rằng Alexander đã quyết tâm chinh phục Đế chế Ba Tư. Tám khiên này đã được Peucestas mang theo trong cuộc tấn công vào thành lũy của thị trấn Malli. Con trai của Achilles và là người sáng lập triều đại Moloosian. Alexander khẳng định mình thuộc dòng dõi của Neoptolemus, thông qua mẹ ngài là Omlypias. Hephaestion là người bạn thân thiết nhất của Alexander từ thuở thiếu niên. Việc đội vòng hoa tại lăng mộ của Achilles và Patroclus tượng trưng cho mối quan hệ giữa hai người. Chính vì điều này, khi Hephaestion qua đời, Alexander đã vô cùng đau khổ. Hieoro và Gelo đã cai trị Syracuse và Thero Acragas (Agrigentum) vào đầu thế kỉ thứ V. Những thành tựu của họ đã được Pindar và Bacchylides vinh danh. Trong *Anabasis* của Xenophon, số phận của Clearchus được thuật lại trong Quyển hai. Chỉ huy của quân đánh thuê người Hy Lạp. (ND) Memnon không chỉ là một tướng lĩnh [condottiere] của quân đánh thuê mà còn là một trong những người thuộc giai cấp thống trị của Ba Tư, và là người đã kết hôn với em gái của Artabazus. Vào năm 335, Memnon đã ngăn chặn thành công mũi tiến quân của quân Macedonia tới Tiểu Á, và cũng trong thời gian này, ông đã tán thành cuộc chiến xâm lược châu Âu (Diod, 17.18.12). Về những hành động sau đó và cái chết của Memnon, xem Quyển hai. Có lẽ một phần động cơ thúc đẩy các xatrap từ chối kế hoạch của Memnon là do lòng ghen tị của họ đối với ông. Không có gì làm Alexander hài lòng hơn là quyết định chiến đấu của người Ba Tư. Ngài hiểu được chiến thắng sẽ có tác động như thế nào đối với các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, và hy vọng rằng các thủ lĩnh Ba Tư không có lời biện hộ nào cho điều mà ngài coi là thất bại rõ ràng của họ. Đây là ví dụ đầu tiên trong số nhiều ví dụ cho việc Alexander từ chối lời khuyên của lão tướng Parmenio, một vài ví dụ trong số này, ít nhất, có thể là do trí tưởng tượng của Callisthenes, với vai trò là sử gia chính thức của Alexander, để làm giảm nhẹ những lời chê trách Alexander vì đã xử tử Parmenio trong một vụ nổi loạn sau này. Do đó, việc này đã tước bỏ cơ hội tấn công của kỵ binh và bộ binh (một lực lượng khoảng 20.000 người). Lý do cho sai lầm ngớ ngẩn này không được nêu rõ. Vụ thảm sát này là một sai lầm, vì theo thỏa thuận với Liên minh Corinth, số tù binh Hy Lạp phải được gửi đi lao động khổ sai. Ngay từ giai đoạn đầu khi vây thành Miletus, Alexander đã nhận ra điều này và cho phép 300 lính đánh thuê, những người có ý định chống trả đến cùng, được tuyển mộ vào đội quân của ngài. Nhà tặc tượng Hy Lạp nổi tiếng. Cùng với Scopas và Praxiteles, ông được coi là một trong những nhà điêu khắc vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại. (ND) Arrian dường như đã nhầm lẫn. Theo Velleius (1.11.4), những bức tượng này đã được Metellus Macedonicus chuyển tới La Mã vào năm

148. Những số liệu về tổn thất của quân Macedonia thấp một cách đáng ngờ, vì họ thường không tính đến lính đánh thuê. Theo quan điểm của một nhóm nhỏ trong số những người Hy Lạp đã tham gia trận chiến, lời khắc (cùng với việc bỏ qua, không hề nhắc gì tới người Macedonia) chắc hẳn được coi như một sự tuyên truyền hướng tới các đồng minh Hy Lạp. Alexander đã nhấn mạnh sự vắng mặt của người Sparta. Zeleia là một thành phố Hy Lạp, nhưng có thể đoán rằng họ cũng phải chịu các khoản thuế tương đương với các cư dân khác trong vùng. Về sự phát triển trong chính sách ngoại giao hướng tới các thành phố Hy Lạp của Alexander, xem E. Badian, “Alexander the Great and the Greeks of Asia”, trong *Ancient Society and Institutions. Studies Presented to Victor Ehrenberg*, Oxford, 1966, từ tr.37. Như sắp xếp của Alexander đã cho thấy, những người này được đối xử giống như trước kia, không ưu ái hơn cũng không tệ bạc hơn. Một phần của Troad. Alexander đã đề nghị xây dựng một điện thờ mới – điện thờ cũ đã bị đốt cháy hoàn toàn vào đêm ngải ra đời – nhưng những người Ephesian đã từ chối. Lưu ý rằng đồ cống nạp không được hoàn lại. Việc thiết lập các nền dân chủ không phụ thuộc vào thiên kiến của Alexander đối với chính quyền dân sự (thực sự thì tại sao Alexander lại thích chính quyền kiểu này hơn?) mà là vì người Ba Tư đã hỗ trợ các tập đoàn chính trị đầu sỏ. Miletus cách cửa sông Maeander khoảng 16 kilômét. Alexander chắc chắn không hề tin tưởng lòng trung thành của các đồng minh Hy Lạp. Ngải đã giữ lại hai mươi tàu thuyền của Athens mà thủy thủ đoàn của chúng được coi như những con tin. Về một số ghi chép khác biệt về cuộc vây thành, đặc biệt là những giai đoạn cuối, xem Diodorus 17.23-27. Myndus nằm ở cực tây của bán đảo, nơi có thị trấn Halicarnassus. Theo Diodorus, nhân vật này đã bị giết khi chiến đấu bên phe Macedonia. Hecatomnus, người cai trị Caria, đã để lại ba người con trai: Mausolus, Hidrieus, Pixodarus và hai người con gái: Artemisia và Ada. Artemisia kết hôn với Mausolus, còn Ada kết hôn với Hidrieus, và họ thừa kế ngai vàng của Hecatomnus. Sự kháng cự duy nhất diễn ra ở Marmara, nơi cư dân đã quyết định đốt bỏ thị trấn (Diodorus 17.28). Milyas là tên cũ của Lycia, nhưng tên Lycia được sử dụng để chỉ vùng đất cao, mở rộng về phía đông bắc tới tận Pisidia. Cả hai đều bị xử tử. Hellespontine Phrygia. Alexander đã giao vùng này cho Calas. Plutarch (Alexander 17.6) nhận xét rằng nhiều sử gia đã tìm thấy trong sự kiện này cơ hội nói về cách hành xử “ấn tượng và khoa trương”, và viết về “cú đánh may mắn của định mệnh”. Sử gia này trích một lá thư mà trong đó, Alexander không nói bất cứ điều gì về sự việc kỳ lạ này, nhưng Callisthenes chắc chắn đã viết về điều này, dĩ nhiên là với sự chấp thuận của Alexander. Badian (*Ehrenberg Studies*, 65, chú thích 50) bình luận rằng 50 ta-lăng là một số tiền quá lớn mà một thành phố Hy Lạp phải cống nạp và yêu cầu này cho thấy nhu cầu về tiền bạc của Alexander trong thời gian đó. Thị trấn này là Termessus, nhưng có thể Arrian đã nhầm lẫn. Bất chấp những đóng góp lớn của Antigonus trong

việc giữ vững phòng tuyến Phrygia cho Alexander Đại đế – Curtius (4.1.35) chỉ nhắc tới ba chiến thắng của ông trước quân Ba Tư sau trận Issus – trong *Anabasis*, chỉ có duy nhất một lần sử gia này nhắc tới Antigonos “một mắt”, cha của Demetrius Người vây thành Tarn (Alexander 2.110) cho rằng sự im lặng này là do Ptolemy là kẻ thù của Antigonos trong Cuộc chiến của Những người kế vị. Họ đã được thả vào đầu năm 331, sau khi Alexander trở về từ Ai Cập.

1. David Hume (1711–1776): Nhà triết học, sử học và kinh tế học người Xcôtlen. Các tác phẩm chủ yếu của ông là *Luận thuyết về bản chất của loài người* (*A Treatise of Human Nature*), *Nghiên cứu về sự nhận thức của con người* (*An Enquiry Concerning Human Understanding*), *Luận văn về kinh tế chính trị* (*A discourse on political economy*).

2. Thành phố Philadenphia thuộc tiểu bang Pennsylvania nằm giữa vùng đất New England, căn cứ phe của Hamilton và thành phố Richmond, thủ phủ tiểu bang Virginia, căn cứ phe Cộng hoà của Madison và Jefferson.

1. Sau này, Ngân hàng Quốc gia như Hamilton đề xuất hết hạn hiệu lực sau đó 20 năm, đúng vào nhiệm kỳ đầu tiên Madison giữ chức Tổng thống Mỹ, năm 1811. Nhưng sang nhiệm kỳ thứ hai, chính Madison lại yêu cầu Quốc hội Mỹ thành lập Ngân hàng thứ 2, thực hiện đúng những chức năng như ngân hàng thứ 1 mà Madison từng bác bỏ.

2. 'Quan điểm về tính hợp hiến của Ngân hàng quốc gia': *Opinion as to the Cosntituionality of the Bank of the United States*.

3. Ngân hàng Quốc gia (*The First Bank of The United States*), thành lập năm 1791 và chấm dứt sự tồn tại năm 1811. Năm 1816, một ngân hàng Trung ương khác được thiết lập (*The Second Bank of The United States*), tồn tại đến năm 1836. Qua nhiều biến động, ngân hàng quốc gia tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, năm 1913, Đạo luật dự trữ Quốc gia được phê chuẩn thiết lập hệ thống Dự trữ Liên bang (FED) bao gồm 12 ngân hàng khu vực do một ban lãnh đạo điều hành do chính Tổng thống bổ nhiệm như ngày nay nhằm đối phó với tình hình khó khăn về kinh tế và tài chính.

1. William Howe (1729-1814): Hiệp sĩ và Đại tướng, là viên tướng Anh có binh nghiệp sáng chói. Năm 1759-1780, ông được bầu vào Nghị viện Anh, phản đối việc đàn áp các thuộc địa Mỹ, nhưng tuân lệnh Vua George III sang làm Tổng tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ, thất bại tại trận Germantown (tháng 10/1777), Howe xin từ chức.

2. Horatio Gates (1727-1806): Sinh tại Anh rồi tham gia quân đội Anh, có mặt trong nhiều trận đánh với quân Pháp và người Da Đỏ tại các thuộc địa Mỹ. Khi cuộc Cách mạng Mỹ bùng nổ, ông tham gia phe thuộc địa chống Anh, có công lao lớn trong trận Saratoga. Năm 1780, Gates được giao chỉ huy đội quân miền Nam nhưng bị thất bại ở Camden, S.C. rồi bị cách chức. Vợ và con trai duy nhất của ông đều chết trong chiến tranh.

3. John Burgoyne (1722-1792) : Có mặt trong cuộc chiến tranh 7 năm, được bầu vào Nghị viện năm 1761. Năm 1776, Burgoyne từ Canada đánh chiếm New York nhưng thất bại, bị tướng Horatio Gates bắt tại trận Saratoga năm 1777. Khi trở lại Anh, ông bị chỉ trích dữ dội nên

chuyển sang lĩnh vực văn học và xã hội, sau này trở thành một nhà viết kịch lớn. 4. George Clinton (1739-1812): Luật sư, đại biểu Quốc hội New York, đại biểu Đại hội các thuộc địa lần 2, Thống đốc tiểu bang New York (1777). Sau này, Clinton kịch liệt chống bản Hiến pháp Mỹ vì e sợ mất quyền hành. Trong những năm 1790, Clinton đứng về phe Cộng hoà-Dân chủ. Năm 1804, ông là phó Tổng thống cho Thomas Jefferson. Thất bại trong cuộc đua Tổng thống năm 1808, ông lại chấp nhận làm Phó Tổng thống cho James Madison. Ông là địch thủ trong suốt nhiều năm của Hamilton. 5. Benjamin Franklin (1706-1790) : Nhà ngoại giao, chính khách, học giả, nhà khoa học, nhà báo nổi tiếng ở cả Mỹ và châu Âu. Năm 1775, ông là lãnh tụ của Đại hội các thuộc địa khoá 1; tham gia uỷ ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của Pennsylvania. Những năm 1776-79, là một trong ba đặc sứ ký kết hiệp định liên minh với Pháp; cùng John Jay và John Adams đàm phán Hiệp ước Paris (1783) chấm dứt chiến tranh. Năm 1785, là Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao Pennsylvania; tham dự Hội nghị Lập hiến và có đóng góp to lớn. 6. Henry Clinton (1738-1795): Trung tướng, Hiệp sĩ, từng tham gia Nghị viện Anh. Trong cuộc chiến tranh, Clinton là phó Tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ cho tướng William Howe. Năm 1778, ông thay Howe làm Tổng tư lệnh quân Anh nhưng gặp nhiều thất bại nên từ chức năm 1781. 7. Tướng Charles Cornwallis (1738-1805): Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aix-la-Chapelle (1798). 8. Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát. 9. Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aix-la-Chapelle (1798). Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát. 1. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang: The Articles of Confederation, chủ yếu do John Dickinson soạn thảo, có hiệu lực từ năm 1781 đến năm 1789, khi chính quyền Washington được thành lập theo bản Hiến pháp mới cho đến ngày nay. 2. Robert Morris (1734-1806): Một trong những nhà lãnh đạo quan trọng của Cách mạng Mỹ, tham gia Đại hội các thuộc địa Khoá 1 và 2, từng ký tên vào bản Tuyên

ngôn Độc lập năm 1776. Ông làm Giám sát Tài chính cho Hợp bang (1781-84) và có nhiều đóng góp to lớn cho nền tài chính của cuộc Cách mạng; tham gia hội nghị Annapolis và Hội nghị Lập hiến; là Thượng nghị sĩ Liên bang (1789-95). Cuối đời do buôn bán thất bại nên ông bị phá sản và suýt phải vào tù.

1. Adam Smith (1723-1790): Nhà triết học và kinh tế học người Anh nổi tiếng với tác phẩm 'Sự giàu có của các quốc gia' (1776).
1. Francis Bacon (1561–1626): Hiệp sĩ, luật sư, chính khách đồng thời là nhà triết học lớn người Anh nổi tiếng với các tác phẩm 'Lợi ích của việc học' (The Advancement of Learning, 1605) và 'Những bài luận văn' (Essays) rất nổi tiếng.
2. Gaius Julius Caesar (100 BC–44 BC): Thống chế, chính khách La Mã, là Tổng tài từ 58-56 (B.C), lập nhiều chiến công lớn, chinh phục xứ Gaules, sau này bị ám sát. Ông cũng là một sử gia lớn với nhiều tác phẩm viết về chiến tranh như 'Bình luận về cuộc chiến tranh với người Gaules' và 'Cuộc nội chiến La Mã'.
3. Venable (1758-1811): Hạ nghị sĩ rồi là Thượng nghị sĩ phe Cộng hoà, Chủ tịch Ngân hàng Virginia.
4. Muhlenberg (1750-1801), đại biểu Đại hội các thuộc địa (1779-1780); Chủ tịch Hạ viện Pennsylvania (1780-1783); Chủ tịch Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Pennsylvania (1787); Chủ tịch Hạ viện Liên bang Mỹ (1789-1791; 1793-1795).
1. Gouverneur Morris (1752-1816): Đại biểu Đại hội các thuộc địa khoá 2. Ông là một trong những đại biểu trẻ nhất và xuất chúng nhất và có nhiều đóng góp lớn cho cuộc Cách mạng Mỹ. Morris có vai trò nổi bật trong Hội nghị Lập hiến, tích cực ủng hộ chủ nghĩa quốc gia, chính ông là người chấp bút viết bản Hiến pháp. Sau này, Morris là Công sứ tại Pháp và là Thượng nghị sĩ, bạn thân và đảng viên Liên bang nhiệt thành ủng hộ các chính sách của Hamilton.
2. Edmund Randolph (1753-1813): từng là tùy tùng của Washington rồi tham gia chính quyền tiểu bang Virginia, đại biểu Đại hội các thuộc địa. Dưới chính quyền Washington, Edmund Randolph giữ chức Tổng chưởng lý Liên bang, rồi thay Thomas Jefferson làm Ngoại trưởng (1794-95). Trong cuộc xung đột Jefferson-Hamilton, ông cố gắng giữ quan điểm trung lập.
3. Hamilton đề xuất rằng cả nước Mỹ sẽ chia thành một số quận bầu cử nhất định bằng nhau không phân biệt biên giới tiểu bang để bầu chọn Thượng nghị sĩ một cách cân bằng.
4. Hội nghị Lập hiến họp theo cách thức đề ra những giải pháp rồi các đại biểu bỏ phiếu thông qua hay cần sửa đổi từng điểm một, nhưng mỗi bang chỉ có một phiếu bầu chung cho các đại biểu. Vấn đề được thông qua nếu có đa số các bang bỏ phiếu thuận, chứ không phải căn cứ theo số lượng đại biểu bỏ phiếu thuận. Vì vậy, Hamilton luôn ở thế thiếu số so với Yates và Lansing, nên phiếu của ông hầu như chẳng có tác dụng gì.
5. Yates là Thẩm phán toà án tối cao New York còn Lansing là luật sư và là Thị trưởng thành phố Albany. Việc xử án khi đó được tiến hành tại một vài thời điểm nhất định, chứ không phải tổ chức liên tục trong năm.

.sup 1. Napoleon Bonaparte (1769-1821): Là một trong những nhà quân sự xuất sắc nhất thế giới, tự lên ngôi Hoàng đế Pháp năm 1804, từng có

tham vọng xây dựng một Vương quốc châu Âu. 2. William Pitt (1759-1806), Thủ tướng Anh trẻ nhất trong lịch sử, nhận chức năm 1783 khi mới 24 tuổi. 3. Charles Maurice de Talleyrand (1754-1838): Có vai trò lớn trong cuộc Cách mạng Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp dưới thời Napoleon, chính trị gia xuất sắc, đại diện cho Pháp tại Hội nghị Vienna (1814-1815).

1. Đảng Cộng hoà (Republic Party) do Thomas Jefferson sáng lập, là đảng của những nhà tiểu nông, chủ đồn điền tập trung chủ yếu ở các bang miền Trung Tây, và miền Nam nước Mỹ, giành quyền lực từ năm 1801 đến 1815. Sau nhiều biến động, ngày nay là Đảng Dân chủ Mỹ. Thường được gọi là Đảng Cộng hòa - Dân chủ để phân biệt với Đảng Cộng hoà ngày nay thành lập năm 1854 trên cơ sở đảng Liên bang trước đây. Đảng Dân chủ là đảng của cựu Tổng thống Bill Clinton.

2. Khi mới thành lập, 13 tiểu bang của nước Mỹ rất khác nhau về đặc điểm kinh tế và xã hội. Trong khi các bang miền Bắc có nền kinh tế và ngành thương mại khá phát triển thì các bang miền Nam lại mạnh về nông nghiệp với các vùng đồn điền với rất nhiều lao động nô lệ. Điều khoản hạn chế tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc buôn bán nô lệ thật sự ảnh hưởng lớn đến nền sản xuất của miền Nam đã làm họ rất lo ngại.

3. Đảng Liên bang: Federal Party. Chấm dứt sự hoạt động sau khi Hamilton qua đời. Sau này, năm 1865, những người theo tư tưởng liên bang tập hợp lại dưới một cái tên mới là Đảng Cộng hoà. Và tồn tại đến ngày nay. Đây là đảng của Tổng thống đương nhiệm George Bush (con).

1. Sau này, mãi tới năm 1812 dưới quyền Tổng thống của Madison, khi nước Mỹ đã có một sự chuẩn bị tốt hơn về quân sự sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh thì những xung đột và bức bách của quân Anh mới hoàn toàn chấm dứt.

2. Hiến pháp khi đó qui định ai có phiếu bầu nhiều nhất của các đại cử tri sẽ trở thành Tổng thống.

3. Nhưng thể chế chính trị Mỹ không thể chấp nhận được sự mâu thuẫn giữa hai người lãnh đạo cao nhất của đất nước thuộc hai đảng khác sau vì thế sau này sửa chữa điều kiện rằng Tổng thống và Phó Tổng thống phải là người cùng một đảng.

4. John Curtis Marshall (1755-1835). Ngoại trưởng Mỹ dưới thời Adams (1800-1801); Chánh án Tòa án Tối cao Mỹ cho tới khi mất. Được coi là Chánh án vĩ đại nhất trong lịch sử tư pháp Hoa Kỳ, người kế tục tư tưởng của Hamilton về một chính quyền liên bang vững mạnh.

5. Elbridge Gerry (1744-1814). Một trong những lãnh tụ của cuộc cách mạng Mỹ. Năm 1789, được bầu vào Quốc hội khoá đầu tiên, Gerry ủng hộ những chính sách của phe Liên bang; Thống đốc Massachusetts (1810); Phó Tổng thống cho James Madison (1813).

6. Charles Cotesworth Pinckney (1746-1825). Sớm tham gia cách mạng, đại biểu Hạ viện (1778 và 1782) và Thượng viện tiểu bang Nam Carolina (1779). Ông là ứng cử viên Phó Tổng thống của Đảng Liên bang (1800), ứng cử viên Tổng thống (1804 và 1808) nhưng đều thất bại.

1. Sự bế tắc trong cuộc bầu cử Tổng thống này đã dẫn tới việc Quốc hội Mỹ và năm 1804 đã thông qua điều khoản sửa đổi Hiến pháp thứ 12, qui định rằng các đại cử tri phải ghi rõ ràng tên cử Tổng thống và Phó

Tổng thống mà mình lựa chọn. 1. Timothy Pickering (1745-1829): người bang Massachusetts, từng giữ chức Ngoại trưởng dưới thời Washington, bị Adams sa thải sau khi phát hiện ra ông câu kết với Hamilton chống lại các chính sách của mình. 2. Nguyên văn câu của Troupe là 'Delenda est Carthago'. Carthage là một vương quốc cổ đại do người Phoenici thành lập hồi thế kỷ IX trước CN ở bờ biển Bắc Phi. Đây là một vương quốc thương mại giàu có với lãnh thổ rộng lớn bao gồm tất cả các miền ven biển Địa Trung Hải, địch thủ lớn nhất của đế chế La Mã. 'Delenda est Carthago' là câu nói nổi tiếng của Cato, nghị sĩ Viện Nguyên lão La Mã. Cứ mỗi lần nói chuyện hay diễn thuyết bất cứ điều gì đều kết thúc bằng lời kêu gọi 'Delenda est Carthago', có nghĩa là nhất định phải tiêu diệt Carthage. Carthage bị người La Mã phá hủy năm 146 trước CN.

1. Samuel Adams (1722 - 1803): Lãnh tụ chủ chốt của cuộc Cách mạng Mỹ. Ông học trường Harvard, tham gia nhiều hoạt động chính trị chống lại nước Anh, là người sáng lập Hội những người con Tự do (Sons of Liberty). Ông là người phác thảo hầu hết các chỉ thị của cuộc Cách mạng, là lãnh tụ chính thành lập các Ủy ban Liên lạc liên Thuộc địa, chỉ huy vụ Lô chè Boston (1773), góp phần soạn thảo Các điều khoản Hợp bang; sau này là Thống đốc Massachusetts (1794 -1797).

2. Elias Boudiot, sau này là một viên tướng xuất sắc trong cuộc chiến tranh giành Độc lập, rồi là đại biểu Quốc hội Mỹ.

3. John Adams (1735-1826): Tổng thống thứ 2 của Mỹ. Ông nổi tiếng với vụ bào chữa cho lính Anh trong vụ thảm sát ở Boston năm 1770, và viết nhiều bài báo nổi tiếng bảo vệ quyền của các thuộc địa Mỹ. John Adams tham gia Đại hội các thuộc địa lần 1; tham gia Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; là Chủ tịch Ủy ban Hậu cần và Chiến tranh. Năm 1783, ông tham gia ký Hiệp định Paris kết thúc chiến tranh.

4. William Blackstone(1723-1780): Hiệp sĩ, luật sư xuất sắc người Anh, nổi tiếng với tác phẩm 'Những lời bình luận về luật pháp nước Anh'.

5. John Lock (1632-1704): Triết gia nổi tiếng người Anh với các tác phẩm 'Bàn về lòng khoan dung' (1689), 'Bàn về trí tuệ con người' (1690), 'Luận văn về nguồn gốc, sự phát triển và chấm dứt của chính quyền'. Ông chủ trương xã hội phải có pháp luật mà vua chúa cũng phải tuân theo, nếu không người dân sẽ có quyền nổi dậy.

6. Montesquieu (1689-1755): Triết gia xuất sắc người Pháp của Thế kỷ Ánh sáng, nổi tiếng với các tác phẩm 'Những bức thư của người Ba Tư' (1721), 'Bàn về chính trị' (1723), 'Suy nghĩ về chính thể quân chủ phổ thông' 1724, 'Tinh thần pháp luật' (1748). Ông là người đề xướng chủ trương Tam quyền phân lập.

7. Patrick Henry (1736-1797): Một trong những lãnh tụ nổi tiếng nhất của cuộc Cách mạng Mỹ. Năm 1774, Henry kêu gọi các thuộc địa khác cử đại biểu thành lập Đại hội các thuộc địa lần thứ 1. Cách mạng nổ ra, Henry là Tư lệnh quân đội Virginia và góp phần soạn thảo Hiến pháp đầu tiên cho tiểu bang; Thống đốc Virginia (1776-79, 1784-1786) nhưng từ chối tham dự Hội nghị Lập hiến năm 1787, là lãnh tụ phe chống Liên bang nhiều năm sau đó.

8. Richard Henry Lee (1756-1818):

một trong những lãnh tụ hàng đầu của cuộc Cách mạng Mỹ, người đề xướng nền Độc lập cho các thuộc địa. Sau này là Thống đốc Virginia (1792-1795) và là Thượng nghị sĩ Mỹ (1799-1801). 9. Thomas Jefferson (1743-1826): Tổng thống thứ 3 của Mỹ (1801-1809). Là một học giả, kiến trúc sư, nhà khoa học lớn, ông cũng là người sáng lập Trường Đại học Tổng hợp Virginia. 10. Tướng Henry Knox (1750-1806): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, có mặt tại hầu hết các trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh. Trong thời kỳ 1785 - 1794, ông là Bộ trưởng Chiến tranh trong chính quyền Hợp bang cũng như chính quyền Liên bang của George Washington. Knox hoàn toàn tán thành quan điểm Liên bang của Hamilton. 11. Tướng Nathanael Greene (1742-1786): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, chỉ đứng sau Washington. Sau khi quân Mỹ ở miền Nam thất bại tại trận Camden, S.C. (1780), Greene được cử thay thế tướng Horatio Gates và lập nhiều chiến công lớn. 1. James Madison (1751-1836): Tổng thống thứ 4 của Mỹ. Ông là một chính trị gia và học giả rất uyên thâm. Tham gia hoạt động chính trị từ khi còn rất trẻ; ông đã đóng vai trò quan trọng tại Hội nghị Annapolis (1786) và Hội nghị Lập hiến năm 1787, được mệnh danh là “Cha đẻ của Hiến pháp Mỹ” vì những đóng góp to lớn. Là Hạ nghị sĩ Liên bang (1789-97), Madison tham gia xây dựng tuyên ngôn Nhân quyền, góp phần tổ chức các cơ quan hành pháp và tạo nên một hệ thống thuế liên bang. Là lãnh tụ phe chống đối các chính sách của Hamilton, ông và Jefferson thành lập Đảng Cộng hoà - Dân chủ (1791). Ông là ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống Jefferson. Sau này, ông là đồng chủ tịch tại Hội nghị Lập hiến của Virginia năm 1829-30, Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Virginia. 2. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang qui định rằng, bất cứ một đạo luật quan trọng nào muốn có hiệu lực phải được tất cả 13 tiểu bang thông qua, và chỉ cần 1 tiểu bang chống đối thì dự luật không thể được ban hành. 3. Tướng Anthony Wayne (1745-1796): tham gia quân đội thuộc địa và có mặt tại nhiều trận đánh lớn, đặc biệt là tại trận Yorktown. Năm 1792, Wayne là chỉ huy quân Mỹ trong cuộc chiến chống người Da Đỏ ở vùng Tây Bắc; tham gia đàm phán hiệp ước Greenville với người Da Đỏ. Sau Hiệp ước Jay, năm 1796 Wayne chỉ huy quân đội Mỹ tại vùng đất này. 4. James Monroe (1758-1834): Từng tham dự nhiều trận đánh quan trọng và có mặt tại Thung lũng Forge. Ông là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang cho tới năm 1786, là Thượng nghị sĩ Mỹ thuộc phe Cộng hoà kịch liệt chống chính sách của Hamilton. Sau này, ông là Công sứ tại Pháp; Thống đốc Virginia, Công sứ tại Anh, Ngoại trưởng Mỹ; Bộ trưởng Chiến tranh, trước khi trở thành Tổng thống thứ 5 của Mỹ (1816-1825). 5. Phố Wall: Wall Street, thuộc quận Manhattan, thành phố New York, nay là Trung tâm Tài chính của Mỹ và thế giới. 6. Phocion: (402 - 318 trước CN): Một người anh hùng Hy Lạp cổ đại. Phocion đã cứu dân chúng thành bang Athens khỏi sự sụp đổ. Ông là người rất dũng cảm và đức hạnh, được Plato rất ca ngợi. Trong tiếng Trung, từ “Doanh” đọc là

/yíng/, Tô Duyệt Duyệt nghe thành /yín/, nghĩa là “Dâm” nên gán cho anh ta cái tên này. Human Resource officer: chuyên viên nhân sự. Jianshang: phiên âm tiếng Trung, có nghĩa là gian thương. Ở đây, Tô Duyệt Duyệt muốn nói Tập đoàn JS là viết tắt của Tập đoàn gian thương. Hàn Tín: còn gọi là Hoài Âm Hầu, là một danh tướng bách chiến bách thắng, một trong “tam kiệt nhà Hán” thời Hán Sở tranh hùng. Trong tiếng Trung, Tô đọc là /su/, đọc lái ra là Sue. Gió Tây Bắc: gió khô nóng, hay còn gọi là gió Lào, là loại thời tiết tương đối nguy hiểm. Logistics: là quá trình lên kế hoạch, áp dụng và kiểm soát các luồng chuyển dịch của hàng hóa hay thông tin liên quan tới nguyên liệu vật tư (đầu vào) và sản phẩm cuối cùng (đầu ra) từ điểm xuất phát tới điểm tiêu thụ. Một trò chơi bắn bong bóng cổ điển và tuyệt vời nhất, rất được giới trẻ ưa chuộng. Đàn ông ngoại tình thường mua xe Polo cho bồ, nên xe Polo được gọi là xe nhân tình. Mì qua cầu là một món mì ở Vân Nam. Nhiều quá chẳng, không nhiều. Già Lưu: một nhân vật trong truyện Hồng lâu mộng, là người có cá tính trong sáng, tràn đầy sức sống. Mụ Sói Đỏ là nhân vật trong phim hoạt hình Cừu vui vẻ và Sói xám. Zilgo: tên một loại băng dán vết thương. Chỗ dựa vững chắc. Kim Ốc: một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng ở Trung Quốc. A Kiều là Trần A Kiều, nhân vật nữ chính có số phận hẩm hiu. Tầng không được phép hút thuốc. Ý chỉ người đàn ông độc thân kiệt xuất. Có nghĩa là: ngoài sáng giả vờ làm việc khác để che giấu việc chính trong bóng tối, chọn cách tấn công không ai nghĩ tới. Một loại mì xào Durex là một hãng sản xuất bao cao su nổi tiếng. Chứng rối loạn tâm lý sau khi bị tổn thương nặng nề. Vị thần truyền dịch bệnh. Anh chàng đẹp trai MicroBlog: trang blog cá nhân, ngắn gọn, công cụ giao tiếp hữu hiệu và đáng tin cậy trong các doanh nghiệp. (*) Cuộc họp triều đình. Vạn thặng: xưa ở Trung Quốc, thiên tử có muôn cỗ binh xa, gọi là vạn thặng. (*) Ác sáo: cũng gọi là Song Lục kỳ - Một trò chơi giống như cờ tướng. Tạm dịch: Tiếng cười ai đó khá khen thay Quyển rũ quân vương chịu đắng cay. Nước mắt bên chân đầu ngó lại Còn vui sẵn bắt hát đàn say. (*) Hót lý đại hội: tiếng Mông Cổ có nghĩa là họp triều đình. (*) Thanh từ: một thể văn được dùng ở đời Minh, xuất phát từ lối viết văn của Đạo gia. (*) Nhi nam là hai thiên chu nam và thiên nam trong Kinh thi nói về tình yêu vợ chồng. (*) Bắc Dương là chỉ các tỉnh duyên hải miền Bắc như Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông. (1) Cuộc đời mãi mãi bao la, Tâm tư theo đuổi cho già tình sâu. Thực tâm thương, hạnh ban đầu. Càng thương yêu lắm càng giàu nghĩa ân. (2) Lập chí sao cho tận thiện, Tài giới lòng chó tham lam. Lấy biết làm tâm niệm, Bớt đi lạm dụng lợi danh. * Một dân tộc ở Tân Cương Trung Quốc. 1. Văn bản được đưa ra sau Hội nghị Postdam (Đức). Nội dung chính của hội nghị là quyết định các chính sách về việc giải quyết nước Đức phát xít sau chiến tranh, yêu cầu Nhật đầu hàng và đưa ra phương châm quản lý nước Nhật thời hậu chiến - ND. 2. Quan chức phụ trách hành chính giáo dục quốc gia hoặc địa phương. Giám học có nhiệm vụ thị sát giáo dục, giám sát việc giảng

day, đặc biệt các giám học ở địa phương nắm quyền quyết định nhân sự giáo viên. Chế độ này bắt đầu từ năm 1871 dưới thời Minh Trị - ND. 3. Các công ty độc quyền thao túng nền kinh tế Nhật Bản. Các công ty này thường thuộc quyền kiểm soát của các dòng họ và có mối quan hệ chính trị, kinh tế rất mật thiết với chính phủ - ND. 4. Cơ sở giáo dục xã hội mang tính tổng hợp, xúc tiến các hoạt động giao lưu văn hóa, giáo dục, học tập của cộng đồng cư dân sống trong khu vực - ND 5. Lưu Cầu là tên gọi cũ của Okinawa được sử dụng như tên gọi chính thức từ năm 1372 đến năm 1879 - ND 6. Văn bản hướng dẫn về khóa trình giáo dục từ tiểu học tới trung học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục công bố - ND 7. Viết tắt của cụm từ Government Appropriation for Relief in Coccupied Area (Ngân sách chính phủ cứu trợ cho các khu vực bị chiếm đóng) - ND 1. Viết tắt của cụm từ The Council for Mutual Economic Assistance (Hội đồng tương trợ kinh tế) - ND 2. Hiệp ước được kí ngày 8 tháng 9 năm 1951 với sự tham gia của Nhật và 48 nước khác là thành viên của Liên Hợp Quốc - ND 3. Quốc kì và quốc ca Nhật Bản. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai một bộ phận không nhỏ người Nhật cự tuyệt quốc kì và quốc ca vì cho rằng, nó có liên quan đến chủ nghĩa phát xít - ND. 4. Chức quan phụ trách giúp việc cho tư lệnh quân đội ở những vùng quân Nhật chiếm đóng - ND 5. Hanshin là cách nói gọn cho hai địa danh Osaka và Kobe - ND 6. Shinkansen là tàu điện cao tốc hình viên đạn. “Giờ học Shinkansen” có nghĩa tương tự như “giờ học cười ngửa xem hoa” trong tiếng Việt - ND 7. Trước đó, đặc biệt là thời Ê-đô (1603-1868), trong xã hội Nhật tồn tại chế độ phân biệt địa vị xã hội theo trật tự “sĩ-nông-công-thương” - ND 8. Thời kì tỉ lệ sinh đột ngột tăng cao. Đặc biệt là những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai (khoảng từ năm 1947-1949) - ND 9. Các trung tâm học thêm, luyện thi vượt cấp - ND 1. Gia đình gồm vợ, chồng và những người con chưa kết hôn - ND 2. Paul Lengrand (1910-2003), nhà tư tưởng giáo dục Pháp - ND 1. Giáo dục hiện đại ở đây là chỉ nền giáo dục có từ thời Minh Trị trở đi - ND. 1. Ở Nhật sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, giáo dục phổ thông được chia ra làm Tiểu học (6 năm), Trung học bậc thấp (4 năm) và Trung học bậc cao (3 năm). Ở đây dễ dễ hiểu sẽ thống nhất dịch là Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông - ND. 2. Yutori trong tiếng Nhật có nghĩa là nhàn nhã, thông thả - ND. 3. Sắc chỉ thể hiện nguồn gốc đạo đức của quốc dân, triết lí cơ bản của giáo dục quốc dân được Thiên hoàng Minh Trị ban bố ngày 30 tháng 10 năm 1890 (năm Minh Trị thứ 23) - ND. 1. Các cuốn sách giáo khoa sơ cấp được dùng từ cuối thời Heian (thế kỉ 8-thế kỉ 12) tới đầu thời Minh Trị - ND. 2. Cuộc chiến tranh diễn ra giữa quân đội chính phủ Minh Trị với binh lính Mạc phủ diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1868 đến năm 1969-ND. 3. Thống nhất giữa tôn giáo và chính trị-ND. 4. Cơ quan hành chính tối cao trong chính quyền Minh Trị. Cơ quan này được thành lập năm 1868 sau hai lần cải cách trở thành chế độ tam viện: Tả viện, Hữu viện và Chính viện trong đó Chính viện đóng vai trò trung tâm-

ND. 5. Cuốn sách gồm 6 quyển do Fukuzawa Yukichi biên soạn, xuất bản năm 1869. Sách được viết dưới dạng xướng ca nói về địa lý, lịch sử thế giới - ND. 6. Cuốn sách giải thích về vật lý thường thức do Fukuzawa Yukichi biên soạn. Sách có một tập được xuất bản vào năm 1868 - ND. 7. Kana là văn trong tiếng Nhật. Tiếng Nhật có hai hệ thống chữ “Hira-gana” và “Katakana” - ND. 8. Nguyên tác của đoạn này lấy từ tập văn vần “Wilson Reader” được sử dụng trong các trường tiểu học ở miền Đông nước Mỹ do đó mà nội dung của nó cách khá xa cách sử dụng từ ngữ thông dụng hàng ngày. 9. Sứ đoàn do Iwakura đứng đầu được chính phủ Minh Trị phái sang các nước Âu Mỹ trong khoảng thời gian từ 1871-1873 tiến hành các hoạt động ngoại giao, điều tra phục vụ cho việc đàm phán sửa đổi lại các hiệp ước đã kí với các nước phương Tây trước đó-ND. 10. Cuộc chiến tranh chống chính phủ Minh Trị do Saigo Takamori (1827-1877) lãnh đạo - ND. 11. Nhà giáo dục học người Thụy sĩ (1746-1827)-ND. 12. Mori Arinori (1847-1889), chính trị gia thời Minh Trị, Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên trong Nội các của Thủ tướng Ito Hirobumi vào năm 1885 - ND. 13. Cơ quan tối cao ra đời sau khi Viện Thái chính bị đình chỉ vào năm 1877-ND. 1. Tòa nhà được thiết kế theo kiểu phương Tây bắt đầu khởi công xây dựng năm 1881 và hoàn thành vào năm 1883 ở Tokyo. Nơi đây diễn ra nhiều hoạt động văn hóa và chính trị của giới thượng lưu trong xã hội đương thời - ND 2. Người đứng đầu cơ quan tư vấn lập pháp vốn được lập ra từ tháng 3 năm 1869-ND. 3. Chỉ thể chế nhà nước - ND 4. Johann Friedrich Herbart (1776-1841) nhà triết học, giáo dục học Đức - ND. 5. Các sắc chỉ này với tư cách là mệnh lệnh của Thiên hoàng theo quy định của Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản không cần Đế quốc nghị viện thông qua – ND. 6. Được thành lập năm 1888 với mục đích bàn thảo các đề án. Hiến pháp quy định đây là cơ quan tư vấn của Thiên hoàng – ND. 7. Motoda Nagazane (1818-1891) nhà Nho học xuất thân ở Kumamoto. Thừa lệnh của Thiên hoàng, ông đã biên soạn nhiều sách, văn bản liên quan đến giáo dục thời Minh Trị - ND. 8. Hi sinh lợi ích bản thân phục vụ lợi ích nhà nước - ND. 9. Uchimura Zou (1861-1930) nhà tư tưởng Thiên chúa giáo, nhà báo, nhà truyền giáo thời Minh Trị. Ông có nhiều đóng góp trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ môi trường và hòa bình - ND. 10. Diễn ra trong khoảng thời gian 1894-1895 - ND 11. Một nhân vật lịch sử thời Nam-Bắc triều ở Nhật (thế kỉ 14) - ND 1. Mutsu Munemitsu (1844-1897). Ông có viết cuốn sách mang tựa đề “Kenken Roku” (Kiểm kiểm lục) – ND. 2. Sự thương thảo giữa ba nước Nga, Đức, Pháp xoay quanh việc phản đối Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông sau chiến tranh Nhật-Thanh - ND 3. Tên gọi khu vực phía tây Nhật Bản (Quan Tây) bao gồm Kyoto, Osaka và các tỉnh phụ cận-ND. 4. Misson-School-ND 5. Tsuda Umeko (1864-1929), nhà giáo dục thời Minh Trị, Taisho. Năm 8 tuổi, bà đến Mỹ du học và trở thành nữ du học sinh đầu tiên của Nhật Bản. Sau khi về nước bà đã có nhiều đóng góp cho giáo dục Nhật Bản - ND. 6. Yoshioka Yayoi (1871-

1959), bác sĩ, nhà giáo dục Nhật - ND.. 7. Vụ án được coi là có liên quan đến kế hoạch ám sát Thiên hoàng Minh Trị. Có rất nhiều người bị bắt và bị xử tử trong vụ án này – ND. 8. Tranh luận về tính chính thống của hai vương triều Nam và Bắc tồn tại trong khoảng thời gian từ 1336 đến 1392 – ND. 9. Hệ thống tư tưởng có hạt nhân trung tâm là tôn vương luận được hình thành ở phiên (han) Mito thời Ê-dô – ND. 1. Natsume Soseki (1867-1916), tiểu thuyết gia, nhà nghiên cứu văn học Anh – ND. 2. Nằm ở cực nam bán đảo Liêu Đông (Trung Quốc) – ND. 3. John Dewey (1859-1952) nhà triết học, nhà cải cách giáo dục, nhà tư tưởng xã hội Mỹ - ND 4. Alfred Binet, nhà tâm lý học người Pháp (1857-1911), người đã tạo ra phương pháp kiểm tra trí thông minh đầu tiên trên thế giới dựa trên thành quả nghiên cứu của T.Simon (1873-1961) – ND. 5. Phương pháp giáo dục mới do nhà giáo dục học Helen Parkhurst (1887-1973) đề xướng năm 1920 tại thành phố Dalton, bang Massachu- set, Mỹ. Phương pháp này là một trong các phương pháp học tập cá biệt, ở đó các phòng thí nghiệm cho từng môn học được thiết lập và học sinh sẽ tự chủ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phương pháp này đã có ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới – ND. 6.Trường học tự do – ND. 7. Học viện văn hóa – ND. 8. Trường Meijo – ND. 9. Trường Tezukayama – ND. 10. Trường tự do Mino – ND. 11. Trường Showa – ND. 12. Vụ bạo động đốt công viên Hibiya ở Tokyo diễn ra vào ngày 5/9/1905 xuất phát từ những bất mãn xung quanh vấn đề tiền bồi thường sau chiến tranh Nhật-Nga – ND 13. Gốc tiếng Anh là Settlement chỉ cơ sở được thiết lập cố định ở một khu vực nào đó với các dịch vụ xã hội phục vụ đời sống toàn diện của người dân như giáo dục, nhà trẻ, y tế... – ND. 14. Suihei trong tiếng Nhật có nghĩa là chân trời, nằm ngang. Ở đây nó ám chỉ sự công bằng, không có sự phân biệt – ND. 15. Cuộc bạo động do nguyên nhân chính là giá gạo quá cao. Năm 1890, 1897 phong trào nổ ra ở các địa phương và đến năm 1918 thì trở thành cuộc bạo động có quy mô toàn quốc – ND. 1. Chữ Vũ (chỉ nóc nhà) diễn đạt ý nhóm họp thế giới lại thành một nhà. Đây là câu khẩu hiệu chính phủ Nhật hay dùng để nhấn mạnh tính chính đáng của quân đội Nhật trong cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Nguồn gốc của câu khẩu hiệu này bắt nguồn từ sách Nhật Bản thư kỉ - cuốn sách gồm 30 quyển, tập hợp nhiều câu chuyện thần thoại về nước Nhật và Thiên hoàng được biên soạn vào năm 720 -ND. 2. Trong Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản có ghi chủ thể nắm quyền thống trị là nhà nước và Thiên hoàng là người đứng đầu nhà nước. Mi- nobe Tatsukichi và những người khác có chủ trương tăng cường vị trí của nội các và nghị viện đã gây ra sự đối lập với những người tôn sùng, bảo vệ Thiên hoàng. Kết quả là năm 1935 ông buộc phải từ nhiệm nghị viên Viện quý tộc và các cuốn sách do ông viết bị cấm phát hành - ND 3. Tên Đoàn Thiếu niên cộng sản của Liên Xô (Pioner = tiên phong) – ND. Edom là một khu vực lịch sử định cư của người Semite thuộc miền Nam Levant nằm ở phía nam của xứ Judea và Biển Chết, phần lớn ở Negev. Nó được đề

cập trong các hồ sơ Kinh Thánh là Vương quốc Edom thời kỳ đồ sắt tại thiên niên kỷ 1 TCN. Cựu Thế giới (The Old World): bao gồm các phần của trái đất được người châu Âu biết đến trước khi Christopher Columbus trong chuyến hải hành của mình phát hiện ra châu Mỹ vào năm 1492, bao gồm: châu Âu, châu Á và châu Phi (một cách tổng thể gọi là đại lục Phi-Á – Âu) và các đảo bao quanh. Thuật ngữ này được dùng phân biệt với thuật ngữ Tân Thế giới (The New World), gồm cả châu Mỹ. Sephardic Jews / Sephardi Jews / Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Những người này bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha vào năm 1492 và phải chạy trốn sang các nước Hồi giáo thuộc Đế quốc Ottoman, tạo ra ngôn ngữ của riêng mình chủ yếu là tiếng Tây Ban Nha pha lẫn với một số từ Hebrew. Baron von Rothschild: thuộc Gia tộc Rothschild là một gia tộc Do Thái có nguồn gốc từ Frankfurt, Đức. Họ đã tạo nên một đế chế tài chính – ngân hàng tại châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 18. Khả Hãn (Khan): một danh hiệu dành cho những người cai trị và các quan chức ở các vùng Trung Á, Afghanistan và một số quốc gia Hồi giáo khác. Dhimmi: là một thuật ngữ lịch sử đối với công dân không phải Hồi giáo sống tại một nhà nước Hồi giáo. Theo nghĩa đen có nghĩa là “người được bảo vệ.” Theo các học giả, quyền lợi của các dhimmis được bảo vệ đầy đủ trong cộng đồng của họ, nhưng trong vai trò là những công dân trong quốc gia Hồi giáo, họ phải chịu những hạn chế nhất định và phải trả thuế jizya. Great Schism: Sự chia rẽ chính thức (1054) giữa Chính thống giáo Đông Phương (Eastern Orthodox Church) và Giáo hội Công giáo Rôma (Roman Catholic Church). Mizrahic Jews / Mizrahim: nhóm người Do Thái sống trong các cộng đồng ở Trung Đông và Bắc Phi. Gen: một đơn vị di truyền được chuyển từ cha mẹ sang con cái và được dùng để xác định một số đặc tính của con cái. Khazars: là một dân tộc Turkic bán du mục đã tạo ra một đế chế giữa những năm cuối thế kỷ 7 và thế kỷ 10 (650-965). Đế chế Khazars thống trị khu vực rộng lớn kéo dài từ thảo nguyên Volga-Don đến Đông Crimea và Bắc Caucasus. DNA ty thể: mitochondrial DNA – mtDNA. DNA ty thể là cơ sở của nhân tố di truyền ngoài nhân. Châu Phi hạ-Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là khu vực của lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara. Y-chromosome: nhiễm sắc thể Y. Là một cấu trúc có tổ chức của ADN và protein nằm trong các tế bào. Haplotype: là một đại diện của DNA nằm dọc theo sợi nhiễm sắc thể. Khazar Khaganate (Hãn quốc Kazan): là tên một liên minh các dân tộc du mục thuộc các dân tộc Turk ở khu vực dãy núi Altai và cũng là tên gọi một hãn quốc hùng mạnh ở Trung Á trong giai đoạn từ thế kỷ 6 tới thế kỷ 7. Cách ly di truyền: genetic isolation. Lowlands (các vùng đất thấp): các khu vực của Scotland nằm ở phía nam và phía đông của vùng cao nguyên. Ngôn ngữ Slavic: một nhóm các ngôn ngữ liên quan khá chặt chẽ của các dân tộc Slavơ và một nhóm nhỏ của các ngôn ngữ Ấn – Âu, được dùng ở hầu hết các nước Đông Âu, phần lớn các nước vùng Balkan, các bộ

phần của Trung Âu và vùng Bắc của châu Á. Anusim là những người Do Thái, theo luật Do Thái (halakha), đã bị buộc phải từ bỏ đạo Do Thái ngược lại ý muốn của họ, thường khi buộc phải chuyển đổi sang tôn giáo khác. Thuật ngữ này xuất phát từ cụm từ Talmudic “averah b’ones (Hebrew: עבירה באונס)”, có nghĩa là “một sự vi phạm bắt buộc”. Krymchaks: là một cộng đồng sắc tộc – tôn giáo của vùng Crimea bắt nguồn từ các tín đồ nói tiếng Turkic của Rabbinic Judaism. Theo lịch sử họ sống ở gần gũi với người Crimean Karaites. Crimean Karaites: là những người thực hành Karaism là hình thức ban đầu của Do Thái giáo theo mặc khải của Thiên Chúa trong Kinh Torah. Karaite Judaism từ chối những bổ sung sau này của Tanakh (Kinh Thánh Hebrew như Khẩu Luật Rabbinic (Rabbinic Oral Law) và đặt trách nhiệm cuối cùng của việc giải thích Thánh Kinh cho từng cá nhân. Turkic: Các dân tộc Turkic là một nhóm các sắc tộc sống ở miền Bắc, Đông, Trung và Tây Á, Tây Bắc Trung Quốc và các vùng của Đông Âu. Do Thái giáo Rabbinic hay Rabbinism là dòng chính của Do Thái giáo từ thế kỷ thứ 6, sau khi Talmud Babylon được quy điển hóa. Phát triển từ Do Thái giáo Pharisaic, Do Thái giáo Rabbinic dựa trên niềm tin rằng tại núi Sinai, Moses đã nhận được từ Thiên Chúa “Torah Viết”, cùng với lời giải thích bằng miệng, được gọi là “Torah Nói” mà Moses đã truyền lại cho mọi người. Do Thái giáo Karaite hay Karaism là một phong trào của người Do Thái đặc trưng bởi sự công nhận Tanakh là thẩm quyền pháp lý tối cao duy nhất trong Halakha và thần học. Đó là khác biệt của Do Thái giáo Karaite với Do Thái giáo Rabbinic. Do Thái giáo Rabbinic coi Torah Nói, như đã hệ thống hóa trong Talmud và các văn bản tiếp theo, là những giải thích có thẩm quyền của Torah. Còn Do Thái giáo Karaite giữ thái độ rằng tất cả các giới răn mà Thiên Chúa truyền lại cho Moses đã được ghi nhận trong Torah Viết mà không cần bổ sung hoặc giải thích của Torah Nói. Kết quả là, người Do Thái Karaite không chấp nhận các truyền thống truyền miệng trong Talmud và các văn bản khác. Châu Phi Hạ Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là phần lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara. Về mặt chính trị, nó bao gồm tất cả các nước châu Phi toàn bộ hay một phần nằm ở phía nam của sa mạc Sahara (ngoại trừ Sudan). Đế chế Songhai (Songhai Empire): là quốc gia Songhai đã thống trị Tây Sahel trong thế kỷ 15 và 16. Sahel là vùng khí hậu sinh thái và địa sinh học của quá trình chuyển đổi ở châu Phi giữa sa mạc Sahara ở phía bắc và Sudanian Savanna ở phía nam. Do Thái giáo quy phạm (normative Judaism): theo truyền thống, việc thực hành Do Thái giáo được dành cho việc nghiên cứu Kinh Torah và chấp hành các luật lệ và điều răn. Trong Do Thái giáo quy phạm, Torah và luật Do Thái là không thay đổi, nhưng cách diễn giải của luật là cởi mở hơn. Nó được coi là một mitzvah (giới luật) để nghiên cứu và hiểu luật. The Syrian Malabar Nasrani là một nhóm ethno-religious từ Kerala, Ấn Độ. Nó ám chỉ những người đã trở thành Kitô hữu ở bờ biển Malabar trong những ngày

đầu của Kitô giáo, bao gồm cả người bản địa và người Do Thái Diaspora ở Kerala. Tên gọi Nasrani được cho là xuất phát từ tên Nazarét được sử dụng bởi các Kitô hữu Do Thái cổ xưa ở vùng Cận Đông đã tin vào thiên tính của Chúa Jesus, nhưng vẫn bám víu vào rất nhiều các nghi lễ Mosaic. Nhiễm sắc thể Y Aaron (Y-chromosomal Aaron): là tên được đặt cho giả thuyết tổ tiên chung gần đây nhất của nhiều người trong tầng lớp tư tế Do Thái (Jewish priestly caste) theo phụ hệ được gọi là Kohanim (số ít là “Kohen”, “Cohen”, hoặc Kohane). Theo Kinh Torah, tổ tiên này được xác định là Aaron, anh em trai của Moses. Do đó, tổ tiên chung gần đây nhất theo giả thuyết được đặt tên là “nhiễm sắc thể Y Aaron”, tương tự với “nhiễm sắc thể Y Adam”. Amerindian: là bất kỳ thành viên của các dân tộc sống ở Bắc hay Nam Mỹ trước khi người châu Âu đến. Sabra (Hebrew: צבר) là một từ lóng không chính thức dùng để chỉ người Do Thái Israel sinh ra tại Israel. Sephardic Haredim là những người Do Thái gốc Sephardi và Mizrahi theo Do Thái giáo Heradi. Moses Mendelssohn (1729-1786) là một triết gia Do Thái Đức, là người đã khởi nguồn Haskalah. Yishuv là tên gọi cộng đồng người Do Thái ở Vùng đất Israel giữa những năm 1880 và 1948, khi Israel tuyên bố trở thành một nhà nước độc lập. Cộng đồng Do Thái Yishuv đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền móng cho một Nhà nước Israel đã được trù liệu. Trong khi truyền thống và lịch sử Do Thái là lớp nền móng đầu tiên trong việc định hình Nhà nước Israel hiện đại, Yishuv là lớp thứ hai. Con đường này được cho là bắt đầu từ nơi Chúa Jesus bị xét xử tới nơi Người bị đóng đinh và chôn cất tại đồi Golgotha. Halutz trong tiếng Hebrew có nghĩa là tiên phong. Hindu đề cập đến bất cứ ai tự coi mình như văn hóa, sắc tộc hoặc tôn giáo gắn liền với các khía cạnh của Ấn Độ giáo (Hindusm). Intifada: phong trào nổi dậy của người Palestine chống lại Israel. Um Kulthoum: một ca sỹ, nhạc sỹ và nữ diễn viên điện ảnh Ai Cập nổi tiếng quốc tế trong những năm 1920-1970. Trong ý nghĩa chính của nó, mitzvah trong tiếng Hebrew đề cập đến giới luật và những điều răn của Chúa. Nó được sử dụng trong Do Thái giáo Rabbinic để nói đến 613 điều răn trong Torah ở núi Sinai và cộng thêm bảy điều răn khác đặt ra sau đó, tổng số là 620. Aggadah đề cập đến văn bản chú giải không mang tính pháp lý trong văn học cổ điển của giáo đoàn Do Thái giáo, đặc biệt được ghi lại trong Talmud và Midrash. Midrash là một phương pháp giải thích những câu chuyện Kinh Thánh vượt ra ngoài những chất lọc đơn giản của giáo lý tôn giáo, pháp lý, hoặc đạo đức. Những giải thích này được các Rabbi điền vào những “khoảng trống” được tìm thấy trong Kinh Torah. Beatnik là một khuôn mẫu truyền thông thịnh hành trong suốt những năm 1950 đến giữa những năm 1960, trưng bày những khía cạnh nông cạn của phong trào văn hóa Beat trong những năm 1950. Định cư Pale (The Pale of Settlement): là thuật ngữ được đặt cho một khu vực của Đế quốc Nga, trong đó người Do Thái được phép thường trú, còn vượt qua đó thì bị cấm. Nickelodeon: rạp chiếu phim nhỏ, vé

năm xu, thịnh hành ở Mỹ trong những năm 1905-1915. Miriam là chị gái của Moses và Aaron, và là con gái duy nhất của Amram và Jochebed. Bà là một tiên tri và xuất hiện đầu tiên trong Sách Xuất Hành trong Kinh Thánh Hebrew. Deborah là một tiên tri của Thiên Chúa của Israel, Thẩm phán thứ tư của Israel thời tiền quân chủ, cũng là một chiến binh và là vợ của Lapidoth theo Sách Thẩm Phán. Là nữ thẩm phán duy nhất được đề cập trong Kinh Thánh, Deborah dẫn đầu cuộc phản công thành công chống lại các lực lượng của Jabin – Vua Canaan – và chỉ huy quân đội của ông là Sisera. Câu chuyện được kể lại trong chương 4 Sách Thẩm Phán. Amidah cũng gọi là Shmoneh Esreh (18“ שמנה עשרה, lời cầu nguyện”), là kinh cầu nguyện chính của nghi lễ Do Thái giáo. Người Do Thái giáo cầu nguyện Amidah tại mỗi trong ba lễ cầu nguyện trong một ngày điển hình: buổi sáng, buổi chiều, và buổi tối. Bức tường Âm thanh chính là tốc độ của âm thanh truyền trong không khí, khoảng 336m/s. Khi tốc độ của một vật di chuyển trong không khí từ thấp hơn, tăng dần đến mức đạt và vượt tốc độ này thì người ta nói rằng nó đã vượt qua “bức tường âm thanh”. Indie rock là một thể loại nhạc alternative (Alternative rock) có nguồn gốc từ Vương quốc Anh trong những năm 1980. Haggadah là một văn bản Do Thái quy định thứ tự của bữa ăn tối trong ngày lễ Vượt Qua. Shtetls là những thị trấn nhỏ với dân số Do Thái lớn tồn tại ở Trung và Đông Âu trước Holocaust. Arcade: hành lang có mái che với các cửa hàng và quầy ở hai bên. Mesopotamia: vùng Lưỡng Hà nằm giữa hai con sông Euphrates và Tigris, ngày nay bao gồm lãnh thổ Iraq, Kuwait, Đông Bắc Syria, và phần nhỏ của Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ và Tây Nam Iran. Đây được coi là “cái nôi của văn minh” nhân loại. Đế quốc La Mã (Roman Empire) (thế kỷ 1 TCN – thế kỷ 5, 6 CN): là một đế quốc lớn nhất trong lịch sử thế giới bao gồm lãnh thổ các quốc gia bao quanh Địa Trung Hải ngày nay của châu Âu, châu Phi và châu Á. Ba thành phố lớn của nó là Rome (thuộc Ý), Alexandria (thuộc Ai Cập) và Antioch (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ). Năm 285, Hoàng đế Diocletianus phân chia Đế chế thành Đế quốc Tây La Mã (Western Roman Empire) và Đế quốc Đông La Mã (Eastern Roman Empire). Đế quốc Tây La Mã kéo dài đến năm 476; còn Đế quốc Đông La Mã (còn có tên gọi khác là Đế quốc Byzantine) kéo dài đến năm 1453. Aliyah là sự nhập cư của người Do Thái từ các cộng đồng Diaspora về lại Vùng đất Israel. Palestine: trong thế kỷ thứ nhất, Đế chế La Mã đánh bại dân tộc Judea 1.000-năm-tuổi, phá hủy Đền Thờ Jerusalem và đẩy ải hàng trăm nghìn người Do Thái. Để xóa tất cả ký ức về xứ Judea, Rome đổi tên Judea thành ‘Palestine’ theo tên kẻ thù của người Do Thái trong Kinh Thánh – Philistines – là dân tộc đã từng định cư dọc theo bờ biển xứ Canaan. Về sau, người phương Tây gọi Đất Thánh Do Thái-Kitô giáo là Palestine. Dân tộc Ảrập đã không chấp nhận rộng rãi tên ‘Palestine’ cho đến thế kỷ 20. Plato (424/423 TCN – 348/347 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Aristotle (384 TCN – 322 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Học trò của

Plato. Jehovah: trong Kinh Thánh Torah, Jehovah là tên riêng của Thượng Đế, như đã mặc khải cho Moses trên núi Sinai. (xem Câu chuyện Do Thái: lịch sử thăng trầm của một dân tộc) Noah: theo Sách Sáng Thế, ông Noah đóng con tàu lớn mà ngày nay gọi là tàu Noah để tự cứu ông và gia đình, bảo tồn thế giới động vật, thực vật khỏi bị diệt vong bởi trận trừng phạt đại hồng thủy của Thiên Chúa. Mari Letters: là một bộ sưu tập các thư từ hoàng gia từ Mari, một thành phố cổ trên sông Euphrates. Amarna Letters: thư từ ngoại giao, trên bảng đất sét, chủ yếu giữa chính quyền Ai Cập và đại diện của họ ở Canaan và Amurru trong khoảng thời gian những năm 1300 TCN. Semitic: nhóm các ngôn ngữ có liên quan với nhau được nói bởi 470 triệu người tại Tây Á, Bắc Phi và Sừng châu Phi. Chúng là một nhánh của họ ngôn ngữ Phi – Á. Ngôn ngữ Semitic được nói nhiều nhất hiện nay là tiếng Ả-rập, Amharic, Hebrew, Tigrinia và Aramaic. Babylon: một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại, nằm ở Al Hillah, tỉnh Babil, Iraq, khoảng 85km về phía nam thủ đô Baghdad (Iraq). Pharaoh: tước hiệu của vua Ai Cập cổ đại. Mặc khải: một từ thần học hay được dùng trong Kitô giáo, có nghĩa là vén mở ra bức màn bí mật để cho thấy một điều gì đó. Ba Tư (Persia): một quốc gia cổ ở phía tây nam châu Á, nay là Iran. Jericho: thành cổ nằm gần Bờ Tây của sông Jordan. Về mặt địa lý, Transjordan gồm các khu vực phía đông của sông Jordan, bao phủ phần lớn Jordan ngày nay. Xức dầu (anointing) diễn tả hành động xoa dầu trên cơ thể, hay đổ dầu lên đầu nhằm một mục đích nào đó. Sự xức dầu bao gồm nhiều mục đích và ý nghĩa khác nhau. Trong thời Cựu ước, xức dầu được xem là một nghi thức quan trọng nhằm xác chứng rằng: người được xức dầu được Đức Chúa Trời chỉ định để thi hành một sứ mệnh đặc biệt. Samaritans là một nhóm sắc tộc-tôn giáo của Levant, hậu duệ của cư dân Semitic cổ của khu vực. Đế quốc Byzantine (Byzantine Empire) (330-1453): còn gọi là Đế quốc Đông La Mã, đóng đô ở Constantinople (nay là Istanbul, thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ). Gnosticism: Thuyết Ngộ Đạo (từ tiếng Hy Lạp cổ đại: gnostikos γνωστικός, “học”, từ Gnosis γνώσις, kiến thức) mô tả một tập hợp các tôn giáo cổ xưa xa lánh thế giới vật chất – mà họ xem như được tạo bởi các đấng tạo hóa – và chấp nhận thế giới tâm linh. Thời Trung cổ: giai đoạn giữa sự sụp đổ của Đế quốc La Mã và sự trỗi dậy của các quốc gia châu Âu hiện đại, tức là từ thế kỷ 5 kéo dài đến thế kỷ 15. Levant là một thuật ngữ lịch sử địa lý đề cập phỏng chừng đến một khu vực rộng lớn ở Tây Nam Á bao bọc bởi dãy núi Taurus của Anatolia ở miền Bắc, Biển Địa Trung Hải ở phía tây, và sa mạc miền Bắc Ả-rập và Mesopotamia ở phía đông. Một số các quốc gia hoặc các bộ phận của các quốc gia nằm trong khu vực Levant là Cyprus, Ai Cập, Iraq, Israel, Jordan, Lebanon, Palestine, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ. Đôi khi bán đảo Sinai cũng được bao gồm, mặc dù phần nhiều được coi là một vùng trung gian, ngoại biên tạo thành một cầu nối giữa Levant và Bắc Ai Cập. Aramaic: thuộc cận họ Semitic, nằm trong họ ngôn ngữ Phi – Á (Afro-asiatic). Tiếng Aramaic là một phần trong

nhóm ngôn ngữ Tây-Bắc Semitic, trong nhóm này còn có các ngôn ngữ Canaanite như tiếng Hebrew và tiếng Phoenicia. Aramaic là ngôn ngữ chính của xứ Syria. Bộ Luật Do Thái: (Hebrew: הלכה, Sephardic: (halaxa); phiên âm như halacha hoặcalachah) hoặc halocho (Ashkenazic: (haloxo)) là tập hợp các luật tôn giáo của người Do Thái có nguồn gốc từ Torah Viết và Torah Nói. Bao gồm 613 điều răn, luật Talmudic và Rabbinic, các phong tục và truyền thống biên dịch trong Shulchan Aruch (thường được gọi là “Code of Jewish Law” – “Bộ Luật Do Thái”). Bán đảo Iberia nằm ở cực tây nam châu Âu, được bao quanh bởi Địa Trung Hải về hướng đông và nam, và bởi Đại Tây Dương về hướng tây và bắc. Dãy núi Pyrenees làm thành biên giới đông bắc của bán đảo. Gibraltar, điểm cực nam của bán đảo, được ngăn cách với châu Phi bởi eo biển cùng tên. Đây là bán đảo lớn nhất châu Âu với diện tích 582.860km². Bán đảo Iberia gồm có các quốc gia và vùng lãnh thổ: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Andorra và Gibraltar. Sephardi Jews hay Sephardic jews hay Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Ashkenazi Jews hay Ashkenazic Jews hay Ashkenazim: nhóm người Do Thái gốc Đức sống trong các cộng đồng ở Trung và Đông Âu mà hiện nay là miền Bắc nước Pháp, Đức và Thụy Sĩ. Bán đảo Balkan là một khu vực địa lý của khu vực Đông Nam châu Âu. bao gồm toàn bộ hoặc một phần của Albania, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Hy Lạp, Kosovo, Cộng hòa Macedonia, Montenegro, Serbia, Slovenia, và phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ. Novorossiya là một thuật ngữ lịch sử của Đế chế Nga biểu thị một khu vực phía bắc của Biển Đen (nay là một phần của Ukraina). Đế quốc Ottoman: còn gọi là Turkish Empire – Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ theo lịch sử. Mizrahi là những người Do Thái đến từ Trung Đông và Bắc Phi. Zionist: Người theo Chủ nghĩa Phục quốc Do thái (1) Gaius Jūlius Caesar (phát âm như “Gai-us Giu-li-us Xê- da”; trong tiếng Latin như “Khai-xơ”; 12 tháng 7 hoặc 13 tháng 7 năm 100 TCN 15 tháng 3 năm 44 TCN) là một lãnh tụ quân sự và chính trị của La Mã và là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử thế giới. Ông đóng một vai trò then chốt trong sự chuyển đổi Cộng hòa La Mã thành Đế chế La Mã. 1. Pháp nộ: cái giận của pháp. 2. Hồi thử ngạn: trở lại bờ này. 1. Hạc nội không có lương thực mà đất trời rộng rãi. 1. Ba cõi không an, như ở trong nhà lửa. 2. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe (khó vì đi ngược dòng đời) 1. Phật một thước, Ma một trượng. 1. Dịch từ câu thơ:
 “Nhất bát thiên gia phạm
 Cô thân vạn lý du
 Kỳ vi sinh tử sự
 Giáo hóa độ xuân thu.” (1) Lệ học ở làng Câu Hoan xưa, Bùi Thị Tân - Cửa Việt số 15 (Bộ cũ) tr. 86. (*) Chữ dùng của Hồ Chí Minh cho bọn tham ô, lãng phí, quan liêu. * Trọng Thi: chữ dùng của Lê Thần Trần Trọng Kim (*): GS- KTS Hoàng Đạo Kính - Phó Chủ tịch Thường trực Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia, Ủy viên Hội đồng lý luận và phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương. 1\ Xem bài viết của

Hồ Chủ tịch năm 1952, sách Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, trang 131. (1) Creatio dei (tiếng La tinh): tạo vật của Thượng đế. (2) Trong nguyên bản 'Galuleh' cho hợp vần điệu và bài ba-lát thêm hài hước. Người dịch giữ nguyên. (1) Thời Trung cổ việc mổ xẻ xác người bị Giáo hội nghiêm cấm. (2) Ý nói ít cổ đạo. (3) Tương tự như ta có câu: được đăng chân, lân đăng đầu! (1) Phần lớn nước Ý bấy giờ bị Tây Ban Nha chiếm. Khi dân chúng vùng Nam Ý nổi loạn, Giáo hoàng lại đứng về phe Tây Ban Nha. (2) Âm chỉ cuộc chiến tranh ba mươi năm (dưới danh nghĩa tôn giáo) diễn ra ở Đức vào đầu thế kỷ 17 - dựa trên bối cảnh này Brecht đã sáng tác vở kịch 'Bà mẹ dũng cảm và những người con'. (3) Phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thời Trung cổ, đưa tới việc thành lập các giáo hội Tin Lành. (4) Giáo hoàng bí mật liên kết với vua Thụy Điển Gustav Adolf II (theo đạo Tin Lành) vì quyền lực Giáo hội bị dòng họ Habsburg (Áo) thuộc phe Thiên Chúa đe dọa. (5) Phái Luther: đạo Tin Lành (bấy giờ bị gọi là 'phản Chúa') theo đường lối cải cách của Martin Luther (1483-1546). (6) Âm chỉ Galilei. (7) Lời Kinh Thánh (xem màn 6). (8) Zither: một loại đàn với khoảng 30 dây, gốc từ Trung Á (9) Wien (Vienne): thủ đô nước Áo. (10) Ý tác giả: những dụng cụ để tra khảo ở Tòa án Tôn giáo. (1) Discorsi (tiếng Ý): mạn đàm. (2) Nước Cộng hòa Venedig. (3) Hieme et aestate... (tiếng Latin): 'trong mùa đông và mùa hạ, gần và xa, bao lâu ta còn sống và cả sau đó nữa.' (4) Elle: đơn vị chiều dài cổ, khoảng từ 60 đến 80 cm. (1) Kinh Thánh (Tân ước). (2) Tác phẩm 'De imitatione Christi' (Nổi bước Chúa Cứu thế) của Thomas von Kempen (1379-1471). (3) Ý nói Kinh Thánh. (4) Những nước theo đạo Tin lành ở Châu Âu. (5) Mailand (Milano): thành phố công nghiệp lớn thứ hai ở Ý hiện nay. (6) Đại công tước Florenz. (7) Được vùng Lưỡng Hà (Tigris và Euphrat) thờ là nữ thần phồn thực. (8) Âm chỉ chế độ Hitler đang lộng hành ở Đức - khi Brecht sáng tác vở 'Cuộc đời Galilei' này. (1) Toscana: một vùng ở Trung Ý, nay gồm chín tỉnh, thủ phủ là Florenz (Florence). (2) Quan nội quân: tạm dịch từ Hofmarschall (maréchal du palais), viên quan quản lý sinh hoạt trong hoàng cung. (3) Thường thì rất ít người tóc đỏ, nên họ bị coi là phù thủy! (4) Đường ngoai luân (Epizykloide): đường do một điểm nằm trên một vòng tròn vạch ra khi vòng tròn này lăn trên một vòng tròn khác cố định. (5) Tiếng La tinh: Vũ trụ của Aristoteles thần thánh. (1) Một dòng từ thiện do bà thánh Angela Merici (1474-1540) thành lập. (1) Tiếng La tinh: nhẹ dạ, cả tin tới mức thành khờ khạo, mê muội. (2) Venus: vừa là sao Kim, vừa là tên của nữ thần ái tình - thần 'Vệ nữ' (thần thoại La Mã). (3) Brecht chơi chữ: 'Schwindel' vừa có nghĩa chóng mặt, vừa có nghĩa sự lừa gạt. Do đó, câu 'Tôi bị chứng chóng mặt' có thể thay bằng: 'Tôi đau khổ vì bị lừa gạt.' (4) Như chú thích trên. Câu này nghĩa là 'Trong Collegium Romanum thì đừng hòng mà lừa gạt được.' (5) Tycho Brahe (1546-1691): nhà thiên văn và toán học Đan Mạch. Năm 1572, ông phát hiện ra một ngôi sao mới, trước khi có kính viễn vọng. (6) Tiếng La tinh:

Hãy đấu tranh chống lại ngay từ lúc sự việc còn mạnh nha. (7) Kinh Thánh, Cựu ước, Josua 10:12. (8) Kinh Thánh: Đức Chúa Cha gửi con là Chúa Giêsu xuống thế gian, chịu đóng đinh để cứu loài người tội lỗi. (1) Có hai nàng Thais: một là vũ nữ, gái điếm ở Athènes (Hy Lạp), thế kỷ 4 tr.TL, người tình của đại đế Alexandre; nàng kia là một cô gái giang hồ Ai Cập, hời cải, được một ẩn sĩ cải đạo, sau được phong thánh. Không rõ ở đây Brecht nói về nàng Thais nào. (2) Salomo (965-926 tr.TL): vua Do Thái, tương truyền rằng rất sáng suốt. (3) Những câu Hồng y Barberini 'nghĩ thâm' được in nghiêng đậm cho rõ ý. (4) 'Das Heilige Offizium': cơ quan tối cao phụ trách các vấn đề thuộc về 'Đức tin' - vấn đề hàng đầu của Giáo hội. (5) Biến tượng (Phase): những trạng thái khác nhau của mặt trăng hay một hành tinh không tự chiếu sáng, dạng xuất hiện của nó tùy theo được mặt trời chiếu sáng như thế nào. (6) Nguyên văn: đừng nên vì muốn đỏ chầu nước tắm mà hắt luôn cả đứa bé đi. (1) Âm chỉ các Giáo hoàng. (2) Kinh Thánh (Sáng thế ký): Chúa Trời tạo ra con người mang hình ảnh của Người. (3) Ở đây Brecht cũng cho Galilei gọi khi thì 'ông', khi thì 'cậu'. (4) Priap: thần phồn thực. (5) Horace (65-8 tr.TL): nhà thơ La Mã cổ đại. (6) Esquilin: tên một trong bảy ngọn đồi ở Rom. (7) Kinh Thánh (Cựu ước): Bị quỷ dữ xúi giục, Adam và Eve - tổ tiên loài người - đã ăn trái táo cấm trong vườn Địa đàng để được thông hiểu mọi sự 'như Đức Chúa Trời', nên hai người bị Chúa đuổi khỏi vườn Địa đàng, từ đó con cháu đời đời bị trừng phạt. (1) Người dịch lược bỏ phần đầu rất dài của Hans Mayer viết về kịch nghệ của Brecht và về các vở 'kịch điên' khác của ông. (2) Ngoài nghĩa sử thi, anh hùng ca, 'episch' còn có nghĩa 'tường thuật, kể'. Brecht là người đề xướng kỹ thuật cho xen kẽ những màn đọc thơ hoặc hát ca khúc giữa những đối thoại hoặc màn diễn trên sân khấu, nhằm mục đích giúp khán giả hiểu một cách có ý thức ý nghĩa sâu xa của cốt truyện, tâm lý nhân vật, hậu ý tác giả, thay vì để họ - như thói thường - bị lôi cuốn theo tình tiết, buồn thương, giận ghét theo nhân vật trên sân khấu. (3) Robert Oppenheimer (1904-1967): nhà vật lý nguyên tử Mỹ, một trong những cha đẻ của hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản cuối Thế chiến II. Về sau ông chống lại việc chế bom H vì lý do đạo đức, nên không được tham gia những chương trình quan trọng nữa. Từ 1947 đến 1966, ông chỉ còn là giám đốc một viện nghiên cứu tại Princeton. (Thậm chí, năm 1954 - thời 'săn' Cộng sản của McCarthy - Oppenheimer còn phải ra điều trần trước một ủy ban điều tra về khuynh hướng chính trị của ông). (4) Friederich Dürrenmatt (1921-1990): nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng Thụy Sĩ. Trong vở Die Physiker - các Nhà vật lý, ông đã cho những nhà khoa học này chạy trốn vào nhà thương điên để khỏi phải cộng tác. (5) Vở 'Flüchtlingsgespräche' (1940) cũng của Brecht. (6) Thời Hitler cầm quyền (1933-1945), nước Đức có tên là Đế chế thứ ba. (7) Theo cách phân loại và định nghĩa thông thường trong văn học phương Tây, vở kịch được gọi là hài kịch (Komoedie) khi kết thúc tốt đẹp - 'có hậu', còn bi kịch (Tragoedi) luôn kết thúc với

nhân vật chính bị thất bại, thua cuộc. (8) Ý nói: hiện tượng các nhà khoa học dùng cảm tính chân lý, đánh đổ học thuyết cũ. (9) Có lẽ Hans Mayer muốn nói tới thời kỳ phôi thai của 'xã hội dân quyền' chẳng, vì lúc đó còn là thời Trung cổ? (1) 'Luận về chuyển động tròn của các thiên thể'. (2) Salviati là người diễn đạt quan điểm của Galilei; Sagredo là người ham tìm hiểu (giống một người bạn của Galilei); còn Simplicio (nghĩa là ngây thơ) bênh vực quan điểm cũ của Aristoteles. Galilei đã phải mang vạ, vì bị vu cáo rằng nhân vật Simplicio này tượng trưng Giáo hoàng đương thời. (3) Những 'giáo phái khác' ở đây có lẽ là những giáo hội Cơ Đốc 'ly khai', không chấp nhận quyền cai quản của Vatican, như Giáo hội Chính Thống, Giáo hội Tin Lành. (4) Johannes Kepler (1571-1630): nhà thiên văn Đức; ông cho rằng mặt trời đã phát ra lực gây nên sự chuyển động của các hành tinh. (1) Otto Hahn (1879-1968) là nhà hóa học Đức - không phải nhà vật lý như trong lời giới thiệu của Nxb Suhrkamp. Năm 1944, ông được trao giải Nobel Hóa học. (Mọi chú thích đều của người dịch). (1) Nikolaus Kopernikus (1473-1543): giáo sĩ Ba Lan, lập ra thuyết thái dương hệ với mặt trời là trung tâm (thuyết nhật tâm). Thuyết này chỉ được công bố sau khi ông qua đời. (2) Nghĩa bóng là tránh ngôi nhà này. (3) Claudius Ptolemaeus (100-160): nhà nghiên cứu Hy Lạp, lập ra thuyết về vũ trụ với quả đất là trung tâm (thuyết địa tâm). (4) Tám lớp như sau (từ tâm ra): 1. mặt trăng 2. sao Thủy (Merkur) 3. sao Kim (Venus) 4. mặt trời 5. sao Hỏa (Mars) 6. sao Mộc (Jupiter) 7. sao Thổ (Saturn) 8. tầng của các định tinh. (5) Thế kỷ 14, bệnh dịch hạch hoành hành khủng khiếp ở châu Âu khiến hàng triệu người chết, nên thời bấy giờ người ta luôn nơm nớp lo sợ. (6) Brecht có ý để Andrea nói sai, vì ông chơi chữ: kippen nghĩa là hất đổ (học thuyết cũ)! (7) Skudo là đồng tiền vàng. (8) Nước Cộng hòa: từ thế kỷ 7 Venedig (Venise) đã xưng là Cộng hoà San Marco, do một Hội đồng (Signoria) - gồm đại diện các gia đình quý tộc - cai trị, đứng đầu là một Đại thống lãnh (Doge) được bầu mãi đời. (9) Cremonini: một thời là bạn của Galilei. (10) Inquisition, một thứ 'tòa án' cực đoan của Giáo hội Thiên Chúa giáo thời Trung cổ, nhằm tiêu diệt mọi 'tà giáo' và ảnh hưởng của chúng trên mọi lãnh vực - kể cả trong khoa học, như vụ án Giordano Bruno và Galileo Galilei. Bản án khủng khiếp nhất là 'thiêu'. (11) Giordano Bruno (1548-1600): triết gia Ý, tu xuất dòng Dominique, dựa trên thuyết của Kopernikus đặt nghi vấn về sự hiện hữu của Chúa trong không gian và thời gian trong vũ trụ. Năm 1592 Venedig giao ông cho Rom, năm 1600 ông bị Tòa án Tôn giáo kết án thiêu. (12) Nghĩa bóng là gây dư luận xôn xao. (13) Prag: thủ đô Tiệp. (14) Trước khi người Âu học được kỹ thuật làm giấy của Trung Quốc, họ phải viết lên da cừu hay dê - nhưng nhờ đó mà nhiều văn thư cổ vẫn giữ được đến ngày nay. (15) Com pa tỷ lệ (Proportionalzirkel): một thứ thước tính thời bấy giờ, gồm hai 'thước' có chia độ để tính toán; chúng được bắt ốc ở một đầu, xoay được như cái com pa. (16) Mượn ý câu 'Người không nên cột mõm con bò đang đập lúa' (Cựu Ước, Moses quyển 5 - 25,4).

(17) Gracia Dei (tiếng La tinh): Chúa lòng lành vô cùng. (1) Klafter (đọc là clap-tơ): đơn vị cổ cho gỗ, bằng khoảng 3 mét khối gỗ. (2) Âm chỉ Giordano Bruno. (3) Âm chỉ Giordano Bruno. (4) Nơi có ngọn tháp nghiêng nổi tiếng, tương truyền Galilei đã thí nghiệm 'luật rơi tự do' của ông tại tháp này. (5) Dòng họ nổi tiếng ở Ý, giàu có nhờ làm ngân hàng, do tiền nhiều, thế lực mạnh, nhiều người trong dòng họ này được làm Giáo hoàng. Đã hỗ trợ nghệ thuật và khoa học suốt nhiều thế kỷ, với những tên tuổi như Michelangelo, Leonardo da Vinci, Galileo Galilei... (6) Thế kỷ 17 nước Ý vẫn còn chia làm nhiều vùng nhỏ. Mỗi đại công quốc tuy không gọi là nước, song các đại công tước vẫn có triều đình riêng. (1) Vết đen thỉnh thoảng xuất hiện trên bề mặt mặt trời, gây rối loạn và nhiễu về điện. (2) Tên một quyển sách của nhà thần học kiêm thiên văn học Johann Fabrizius (1587-1615).

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Table of Contents](#)

- [1.](#)
- [2.](#)
- [3.](#)
- [4.](#)
- [5.](#)
- [6.](#)
- [7.](#)
- [8.](#)